

Tác Giả và Tác Phẩm

Tâm Thanh

Tiểu sử

Tên thật Ngô Thanh Tâm.
Sinh ngày 25.8.1942 tại Hà Nội. Mất ngày 9.4.2013 tại Norway.

Tác phẩm

Tập truyện Thiên nga giữa cõi người
Gỗ thức trên rừng – Lệnh triệu ban rồi



Mục Lục

Trích tiên – 2

Độc Tâm Thanh từ một góc riêng – Nguyễn Mộng Giác - 14

Thiện cù - 16

Thiên Nga không còn giữa cõi người – Phạm Tín An Ninh - 29

Cổ thành - 35

Phụ đính I:

Trái mùa – Chó và người giữa Hà Nội
Đám mây bên kia hồ Mjosa - Túp lều của chị tôi
Chân dung một cô gái Việt Nam – Chiêu hồi ngôn từ
Nén hương nhớ mẹ - Gỗ thức trên rừng
Câu chuyện hay nhất thế giới – Bàn tay

Phụ đính II:

Mai sau kiếp khác (*)
Thiên nga giữa cõi người
Thiên Hương về trời
Bạn văn bên trời – Nguyễn Xuân Thiệp

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Trích tiên

Căn cứ không quân Banak trong một ngày hè uể oải. Dưới nắng chói chang, đường bay trải dài loang loáng như có ai khéo tạt một vũng nước vuông vức ra tận vịnh Porsangen. Ba dãy trại sơn trắng, ghép thành hình chữ U nằm buồn như chợ chiều. Cái hăng-ga khổng lồ đóng cửa im ỉm. Tôi ngồi 'gác kiếng' trên đài quan sát, mừng tượng cảnh những chiếc máy bay F-16, F-5 tấp nập lên xuống hồi Nato còn đóng ở đây. Bây giờ chỉ còn đàn hải âu lười biếng lượn trên bầu trời trong. Giá tôi có thể thả cho đời trôi như thế. Tiếng chuông điện thoại reo. Tôi hấp tấp bắt máy:

- Đài quan sát, phi trường Banak, tôi nghe đây ạ.

- Thân đây hả? Nghe đây: Có một người Việt Nam, đang ở phòng cảnh sát Tana, không biết một chữ Na-uy. Họ cần người dịch. Cậu có muốn giúp họ không?

Tôi nói như trẻ con xí đồ chơi:

- Dạ, muốn chứ, thiếu tá.

- 'Muốn chứ' -ông thiếu tá có tật nhái lời, lúc mới nhập trại tôi cứ tưởng ông kỳ thị, rồi tiếp- Nửa giờ nữa có người lên gác thế, anh xuống văn phòng gặp tôi. Có trực thăng tới đón.

Bỏ điện thoại xuống, tôi mới bắt đầu tự hỏi: tại sao lại có người Việt nào lạc loài lên miền địa đầu giới tuyến này? Tưởng chỉ có mình tôi điên. Chắc là một du khách người Việt đi coi mặt trời đêm, quên đường về? Hay là một người từ Nga nhảy rào xin tị nạn chính trị? Ôi! Nếu là một vụ tị nạn thì thật hấp dẫn. Tôi nhìn cây kim đồng hồ treo dưới chân dung quốc vương Harald và hoàng hậu Sonja nhích đi chậm chạp.

Tôi thay đồ dân sự xong lên trình diện. Ông thiếu tá thấy vẻ hăng hái khác thường của tôi, tò mò hỏi:

- Tại sao anh -tay tổ làm biếng- lại sáng mắt lên nhận việc này?

- Lâu quá tôi không được gặp người đồng hương.

Vâng, tôi đang phục vụ ở một nơi hẻo lánh cỡ như Lạng Sơn của Việt Nam, nhưng trong vòng 1000 cây số hình như chỉ có một người Việt. Và lý do tôi vận động đi quân dịch, mặc dầu đã quá tuổi ba bắt buộc, là vì sau khi ra trường, tôi xin việc mấy chục chỗ không được, đâm buồn chán, trống rỗng, muốn đi thật xa một phen. Hơi quá xa.

Từ bãi trực thăng đi vào phố chỉ chừng 2 km. Tana là một xã nhỏ cực bắc của Na-uy, giáp giới Phần-lan, và là một trong những con đường chính từ Nga sang. Từ vài năm nay, mùa hè ở đây tràn ngập du khách, nhiều nhất là người Nga và Phần-lan. Người địa phương, phần đông là thổ dân Same, nghe nói cũng giọng giống Mông-cổ, nhưng so với dân Viking, không gần gũi với tôi gì hơn. Xe chở tôi chạy qua một khu chợ trời náo nhiệt. Sau ngày Liên bang Xô-viết sụp đổ, người Nga tuần cả núi quân nhu, quân cụ ra bán.

Nào là 'mũ nơm gà' Hồng quân Liên xô, huân chương, áo giáp, ống dòm, la bàn, nào là quần áo nhà binh, tượng Lê-nin, Xít-ta-lin, bao cao-su... được bày la liệt trên lề đường, như một cuộc chiến vừa tàn. Ở vài góc đường, những cô gái Nga -rất dễ phân biệt với gái Na-uy nhờ nét mặt thanh tú, thân người thon nhỏ- ăn mặc phong phanh, mòi mọc. Có lẽ đây là mấy cô mà bọn con

tra trong trại thường to nhỏ, xuyết xoa mỗi lần đi phép về, và ông thiếu tá cũng đã cảnh cáo, nhưng vẫn không yên tâm, bắt cả trại thử máu thường xuyên. Ty cảnh sát nằm sau nhà thờ. Người đón tôi là một ông trung sĩ cảnh sát, nhưng người điều tra lại là một cô sĩ quan xinh đẹp, tóc ngắn, da dẻ đỏ như đồng, chắc suốt mùa hè này chỉ tắm nắng. Cô tự giới thiệu là Marianne. Vào phòng thẩm vấn, tôi vừa ngạc nhiên vừa mừng, không hiểu tại sao, khi thấy 'đối tượng' thông dịch là một cô gái. Cô đang ngồi quay lưng về phía cửa ra vào, khi cô đứng lên, quay lại, tôi hoa cả mắt vì vẻ đẹp khác thường. Bị hớp hồn, tôi mở lời bằng một câu u mê:

- Cô người Việt?

Nàng cũng thần thờ:

- Anh người Việt?

Trong lúc chờ Marianne tìm thêm ghế, tôi nhìn trộm đôi môi hồng vừa thốt ra những âm hưởng Hà Nội ấm và sang, và nghĩ cái câu 'Anh người Việt?' có thể dùng để chào nhau, thay cho câu 'Bác xơi cơm chưa?' của miền bắc Việt Nam. Khi người nữ sĩ quan cảnh sát bắt đầu gài mẫu biên bản lấy cung vào máy đánh chữ, tôi hiểu đây không phải chỉ là vụ có mất bóp hay du khách lạc đường, và trong tâm trạng của một người chín tháng nay chưa thấy mặt người Việt Nam, tôi nghĩ bụng cô gái xinh đẹp này... oan, dẫu chưa biết sự cố liên quan tới việc gì. Người sĩ quan bắt đầu:

- Cô tên gì?

- Natasja Jakusjok.

Tôi không nghe kịp tên họ, phải chìa tờ giấy, xin cô gái viết. Trong lúc Marianne so mảnh giấy cô gái viết với tờ thông hành, tôi so nét mặt thuần túy Việt Nam với cái tên Nga Natasja, lòng đầy nghi hoặc. Marianne tiếp:

- Cô sang Na-uy làm gì?

- Du lịch.

- Từ bao giờ?

- Chiều thứ sáu.

- Bằng phương tiện gì?

- Xe buýt.

- Khởi hành từ đâu?

- Murmansk.

- Ai mời cô sang Na-uy?

- Tôi tự sang.

- Không có ai từ Nga tự sang Na-uy được. Phải có người từ Na-uy mời, lãnh sự quán của chúng

tôi ở Murmansk mới cấp phép nhập cảnh.

- Tôi mà được mời?

Marianne tỏ vẻ nửa ngạc nhiên, nửa thất vọng. Tôi tự nhiên đâm thông minh hơn thường lệ một chút, dịch chữ 'mời' thành 'bảo lãnh', và nhắc lại câu hỏi. Quả nhiên người đồng hương hiểu ý, trả lời:

- Tôi không biết tên người bảo lãnh.

- Cái tên đó cô phải biết để viết đơn xin chiếu khán.

- Tôi không viết đơn.

Marianne như sắp chụp được con mồi:

- Đó. Tôi muốn hỏi người nào viết đơn giùm và tổ chức chuyến đi cho cô?

- Tôi không biết. Tới phiên thì tôi mua vé xe. Người bán vé chỉ cho tôi đi xe nào, tôi lên xe đó.

Người nữ cảnh sát thất vọng, xoay mặt lại cái máy chữ từ nãy đến giờ nằm thất nghiệp, lùa tay vào mái tóc nâu. Tôi quay sang Natasja. Tia mắt tôi chạm phải bàn tay cô trắng nuột nà đặt trên đùi, tôi quay đi chỗ khác. Nhưng rồi trong lúc dịch tôi không thể tránh nhìn vào một trong hai người. Tôi nảy ra một so sánh: lúc mới gặp cô cảnh sát, tôi thấy cô đẹp như một nữ tài tử đóng trong các phim James Bond; lúc này ngồi cạnh cô gái Việt, cô trông như một nữ tì. Nhưng người 'nữ tì' đã quay phắt lại, nghiêm nghị, dẫn từng tiếng:

- Chúng tôi bắt được quả tang cô bảm dâm. Tôi hụt hẫng, bàn tay co giật, loại co giật mà tôi thường gặp khi rơi từ cơn chập chờn vào giấc ngủ sâu, hoặc như khi đi đường băng trơn với em gái, mà nó bị trượt. Tôi sượng sùng, dịch 'bảm dâm' thành 'tiếp khách'. Nhưng hai tiếng này cũng đủ như một tảng đá tròng vào cổ, cô gái Việt cúi đầu xuống. Đầu tôi cúi theo. Một tiếng nhỏ, khàn đục bật ra từ khoe môi lợt lạt:

- Phải...

Cô thú nhận với người cảnh sát Na-uy, nhưng theo thói quen, cô quay sang người thông dịch tội nghiệp. Mắt cô mở lớn, trong vắt, van lơn. Lòng ngực tôi đòi lấy hơi để trút một tiếng thở dài, nhưng tôi cố nín, và càng khó chịu hơn. Và khoảng cách giữa tôi và người con gái đồng hương trở nên bằng phẳng như một mạn thuyền với một cánh bèo trên biển sóng, lúc xa, khi gần. Tôi không làm nghề thông dịch, nhưng hồi còn đi học, thỉnh thoảng tôi có đi dịch để kiếm tiền tiêu vặt. Trước khi được nhận làm, tôi phải học mấy giờ về luân lý chức nghiệp. Hình như tôi nhớ được đôi điều, và bây giờ tôi nhủ lòng mình 'Đây không phải việc của tôi. Cuối cùng cô gái 'Natasja tiếp:

- Nhưng... luật pháp Na-uy không cấm việc này... có phải không?

Phản ứng bất ngờ xuôi của Natasja khiến tôi ngạc nhiên. Marianne nghe vậy, lại trở nên hăm hở:

- Đúng. Luật pháp Na-uy không cấm việc mãi dâm, nhưng cấm hoạt động ma cô. Chúng tôi cần biết ai làm ma cô cho cô?

- Không ai làm ma cô cho tôi cả.

- Thôi. Xin hỏi câu khác: Cô vừa nói luật pháp Na-uy không cấm mãi dâm, mà cấm ma cô. Ai nói cho cô biết điều này vậy?

- Bạn bè.

Quanh đi quẩn lại, rõ ràng là cô cảnh sát chỉ muốn tóm cổ mấy thằng ma cô. Nhưng có gái giang hồ nào giám chỉ điểm ma cô của mình? Hồi nãy khi đi qua khu chị em ta, tôi cũng thấy những bộ dạng khả nghi, chẳng phải người địa phương, cũng chẳng phải du khách hay người thập phương tới buôn bán. Cảnh sát cũng dư biết như thế, có lúc gặp tên ma cô nhâng nháo quá, họ ngửa mặt, đã bắt thử, nhưng chẳng có chứng cứ, phải thả ra cho nó nhâng nháo thêm. Cơ hội duy nhất cho biện lý cuộc là lời khai của các cô gái giang hồ. Nhưng các cô ấy, nhất là cô gái lạc loài ngồi trước mặt tôi đây, làm sao dám nói?

Tôi ngược lên nhìn Natasja, gặp đúng lúc cô cũng ngược lên nhìn tôi - trong đôi mắt sâu ấy, cô đang chơi với. Marianne dòm lăm lăm vào tờ biên bản gài trên máy chữ như để moi ra câu hỏi mới. Cuối cùng cô ta chuyển đề tài:

- Cô có quốc tịch Nga, nhưng sanh tại Việt Nam?

- Vâng

- Cô lấy chồng Nga?

- Vâng.

Marianne ráng tỏ ra kiên nhẫn:

- Cô Natasja ạ, chúng tôi không bao giờ làm gì hại cô. Chúng tôi chỉ muốn biết tên và có bằng chứng truy tố bọn ma cô. Vậy cô cứ nói cho tôi biết ai đã đưa cô tới đây? Natasja ngo ngác:

- Đưa tới đâu cơ?

Marianne nói muốn nghỉ giải lao mười phút, trong khi đó tôi phải ra văn phòng làm thủ tục tính thù lao. Marianne gặp tôi ở phòng khách lúc tôi định lấy tách cà phê cho tôi và có lẽ một tách cho cô gái. Cô hỏi chuyện lính tráng của tôi, về người tị nạn Việt Nam ở Na-uy Câu chuyện lan man sang việc, vào năm 93, cô tham gia chiến dịch vĩ đại chuẩn bị cho trường hợp một triệu người Nga tràn vào Na-uy tị nạn chính trị hoặc nạn đói. Một nhà báo nổi tiếng dĩ dõm gọi chiến dịch đó là 'cuộc chuẩn bị đón tiếp các công dân của Thiên Đường đỡ vỡ'. Việc đó may không xảy ra, nhưng lại xảy ra một cuộc xâm thực dưới hình thức khác. Cô hỏi tôi có biết về các tị nạn biên giới? Tôi nói có đọc loạt phóng sự của nhật báo Aftenposten và Verdens gang về việc người Nga sang đây buôn bán ma túy, rượu mạnh, quần nhu quần dụng, và mãi dâm. Tôi hỏi:

- Nghe nói có thể mua bất cứ thứ gì?

- Đúng. Từ sau khi Liên-xô sụp đổ, người ta có thể mua mọi thứ, thứ dữ như bom nguyên tử, súng máy, xe tăng, tàu ngầm... Thứ hiền như đồ chơi. Đồ chơi rẻ tiền có huân chương Anh hùng Liên-xô, huân chương Lê-nin, Anh hùng dân tộc, Anh hùng lao động. Và đồ chơi đắt tiền là các cô này.

- Bao nhiêu mà đắt?

- Từ 200 tới 500 kroner một đêm.

Tôi nghĩ tới Natasja Theo cái giá mà văn chương Trung Hoa và Việt Nam đề ra, cô ta phải đáng 'ngàn vàng' là ít. Tại sao xuống tới mức này?

- Giá đó tương đương với 2 tới 5 giờ làm việc của một người thợ Na-uy. Có gì mà gọi là đắt?

- Chỉ một cuối tuần các cô gái buôn hương kiếm được số tiền bằng lương một năm của một người thợ trung bình ở Nga.

- Vậy sao quý vị không để cho người ta kiếm ăn?

- Chúng tôi không muốn làm khó dễ các cô gái. Chỉ muốn trừ khử bọn ma cô.

- Nghĩa là nếu các cô ấy làm ăn độc lập thì được phép?

- Được.

- Cô thử hỏi cô gái tại sao không làm ăn độc lập?

- Cần gì hỏi. Tôi biết họ không thể nào làm ăn độc lập được. Người dân Nga tránh vở dựa gập vở dựa. Họ vừa thoát ách độc tài cộng sản, đã rơi vào nanh vuốt Mafia. Báo cáo của hội đồng an ninh kinh tế (NSR) cho biết 4/5 xí nghiệp Nga phải trả tiền bảo vệ cho Mafia. Ta không cần hỏi đồng hương của anh câu đó. Marianne nhìn đồng hồ, ý muốn chấm dứt giờ giải lao, nhưng lại đứng thêm một lát hỏi về người Việt ở Nga. Tôi không biết gì ngoài những bài phóng sự về tình cảnh những người được chính quyền Việt Nam gửi đi nước ngoài lao động trả nợ chiến tranh, và công thức trả lương: một phần phát cho công nhân, một phần Nhà Nước Việt Nam 'lấy thảo'. Sau đó khi bức màn sắt sụp đổ, nhiều người ở lại phải xoay xở chật vật để sinh sống, kể cả việc phi pháp và mãi dâm. Và tới phiên người khác lấy thảo.

Tôi mang cà-phê vào cho Natasja, nhưng cô để nguội tanh không uống. Marianne tiếp tục lại cuộc thẩm vấn. Nhưng câu chuyện về sau biến thành một cuộc mạn đàm nhiều hơn. Sau cuộc thẩm vấn, Marianne tự độ ng nói với tôi:

- Chắc anh muốn nói chuyện riêng với người đồng hương? Cứ ngồi đây mà nói. Anh không phải thông dịch viên chính thức, chúng tôi nhờ vả anh trong trường hợp đặc biệt, nên đền công đặc biệt. Nhân tiện, tôi nhờ anh nói cho cô ấy biết theo luật pháp Na-uy cô ấy không làm điều gì bậy cả. Cô ấy đẹp và hiền quá.

Tôi ngồi lại, không hiểu vì động lực nào - vì tò mò hay tội nghiệp, vì đây là một người con gái đẹp hay một đồng hương? Marianne đã khép cửa văn phòng lại. Bỗng nhiên tôi hoang mang, không biết tại sao ngày hôm nay, giờ này mình ngồi đây với một cô gái lạ. Tôi nghĩ có thể Natasja cũng có cảm giác đó, khi cô loay hoay sửa lại ghế ngồi, rồi lại trở về thế cũ. Gò má cô từ từ ửng hồng. Cô mở lời rụt rè:

- Anh là người tị nạn ra đi từ miền Nam?

- Dạ.

- Nghe cách ăn nói đủ biết.

- Còn cô? Chắc từ Hà Nội?

- Vâng.

- Nghe giọng nói đủ biết.

Lần đầu tiên chúng tôi cùng cười nhẹ. Cô tiếp:

- Ở đây đông người Việt không?

- Chỉ có mình tôi đi quân dịch lên đây. Cách đây 500 cây số có một ông bác sĩ lên phục vụ để lấy thâm niên. Ngoài ra nhóm người Việt gần nhất ở cách đây chừng 1000 cây số. Khi nêu những khoảng cách xa xăm, bỗng tôi cảm thấy cô gần lại một chút. Cô nói, do dự:

- Tôi... e..m tên Quỳnh Hương.

- Tên đẹp quá. Tôi tên Thân.

- Anh có trách em không?

- Tại sao lại trách?

- Em làm xấu hổ chung.

Tôi cảm thấy mình vụng về, không tìm được lời, chỉ biết nói:

- Cô cảnh sát nhắc tôi nói lại: Cô không làm điều gì bậy cả, theo luật pháp Na-uy. Cô ấy còn khen chưa thấy ai đẹp và hiền như cô.

'Chưa thấy ai là ba chữ quá giang, nhưng thực tình không quá tải. Quỳnh Hương cảm động, nét mặt bớt căng thẳng. Nhưng giữa chúng tôi có cái gì thiếu tự nhiên, câu chuyện không hào hứng như tôi tưởng tượng lúc ngồi trên trực thăng đáp xuống Tana, và nhất là giây phút đầu tiên thấy mặt cô gái.

Vì lịch sự tôi vẫn cho cô địa chỉ và số điện thoại, dặn cần gì có thể liên lạc. Tôi ra ngoài móc hết tiền bạc trong túi -hình như dăm trăm- bỏ vào một phong bì, viết mấy chữ an ủi nhờ Marianne đưa cho cô gái.

Quỳnh Hương thất thểu theo một người nữ cảnh sát khác ra khỏi bót. Tôi đứng nhìn cô đi về phía nhà thờ, lủi thủi. Tôi tưởng tượng ra cô gái làng chơi Magdalena trong Thánh kinh trên đường đi tìm Chúa Giêsu để thú tội.

Nhưng cô có tội tình gì? Câu hỏi thành hình từ khi tôi ngồi lên trực thăng, và nó cứ lớn dần từng ngày khi tôi trở về trại. Tôi càng mong đợi càng bật tin Quỳnh Hương. Tôi định ninh thể nào cô về cu ~ng viết thư ngay cho tôi để cảm ơn nghĩa cử, để tôi có thể nói những lời tốt đẹp, kể cả lời hứa giúp đỡ. Tôi còn tưởng tượng ra câu chuyện về một chàng thanh niên hào hoa, đóng ở 'tiền đồn heo hút', tình cờ gặp một cô gái giang hồ và cảm hóa được nàng đi tu thành ma sơ thánh thiện. Không ngờ một tuần, hai tuần, rồi một tháng trôi qua, không có tin cô. Rõ ràng cô đã nhét địa chỉ tôi ch o vào bóp. Ngoài ra, trên phong bì tiền tôi cũng quen tay ghi tên và địa chỉ một lần

nữa.

Chờ đợi, băn khoăn, cuối cùng là hối hận. Tôi đã quá lạnh lùng, đã thay đổi thái độ quá nhanh sau khi biết cô là gái giang hồ. Tất cả chỉ xảy ra trong lòng tôi, nhưng tránh sao cô chẳng linh cảm d được. Nét mặt thông minh ấy. Vì trích thượng ngẫm, tôi không nghĩ tới việc xin địa chỉ cô.

Năm tuần sau, tôi nhận được lá thư đóng dấu bưu chính Murmansk. Tôi mừng như được thư người tình, leo lên tháp canh đọc cho... thắm. Nhưng đọc thư xong tôi vô cùng thất vọng. Nét chữ xấu xí què mùa, lời lẽ tình nghĩa kịch cỡm, nghe rợn tóc gáy. 'Chủ đề' của thư đương nhiên là xin gởi tiền ('bằng tiền Norway) về địa chỉ v.v. Tôi nổi giận, xé lá thư vạt vào sọt rác. Không thể ngờ được bộ mặt xinh đẹp như thế lại mang tâm hồn bần tiện như vậy. Dù cố thử biện hộ cho cô gái bằng lý luận 'cái khó bó cái khôn', tôi vẫn chán ghét cô gái, ê chề tình đời, tôi chán ghét cái vùng đất mất hết tình người.

Đau nhất là con người lãng mạn của tôi bị 'quế nặng quá. Hết phiên gác, việc đầu tiên là tôi về phòng để hủy cái dấu vết cuối cùng về cô gái bất xứng - miếng giấy viết hai chữ Natasja Jakusjok. Đó là miếng giấy mà cô gái viết tên trong bốt cảnh sát, đi Tana về tôi gắn trước bàn viết để kỷ niệm một buổi gặp gỡ... hay hay. Nhưng khi gỡ miếng giấy, cầm trên tay, to ì bồng giật mình - nét chữ này thanh tao, nhuyễn mềm, khác xa một trời một vực với nét chữ thô lậu, tục tằn trong thư tôi vừa xé. Tôi tức tốc chạy lên đài quan sát, lục lại lá thư. Chẳng cần so lạ i tuồng chữ, tôi cũng biết thư này không phải do Quỳnh Hương viết. Tôi 'sang' hết mấy lời xỉ vả hồi nãy cho bọn bất lương, và nôn nả bắt tay vào việc tìm tung tích Quỳnh Hương.

Sau buổi thông dịch, tôi thỉnh thoảng có điện thoại cho cô cảnh sát Marianne, vừa để tán gẫu chơi, vừa thăm dò xem 'ngựa có về đường cũ không'. Bây giờ muốn biết địa chỉ thật của Quỳnh Hương tôi chỉ việc hỏi Marianne. Nhưng tôi không được phép làm như vậy. Tôi thử làm điệp viên si tình một phen. Một mặt tôi ra ngân hàng gởi 300 kroner cho bọn làm tiền, tất nhiên dưới tên Natasja Jakusjok. Na-uy đang mở rộng việc làm ăn với Nga, để biến đổi bán đảo láng giềng Kola thành một vùng bốt nghèo đói và ô nhiễm, nên có rất nhiều hãng xưởng và ngân hàng Na-uy mọc lên hai bên đại lộ Lê-nin.

Tôi chọn gởi tiền qua ngân hàng Kirkenes, vì nó nằm đối diện với một khách sạn. Gởi tiền đi hôm trước, hôm sau tôi đáp xe đò đi Murmansk và thuê khách sạn đó, phòng có cửa sổ quay ra mặt đường. May mắn quá mong đợi, ngày rình chực thứ ba tôi đã thấy bóng Quỳnh Hương ra ngân hàng. Tôi không cần ngụy trang nhiều, chỉ cần cái quần soọc, cái mũ lưỡi trai, và cái máy Nikon là ra dáng một anh triệu phú Nhật Bản rồi. Phải thêm cái kính mát to để che mặt. Vào ngân hàng tôi đứng xa xa, thấy Quỳnh Hương đang xếp hàng quay lưng lại, tôi cẩn thận không lộ diện, nhờ có tên cô hồn nào đi kèm nàg không. Khi nà ng lãnh tiền xong quay ra, tôi đau nhói tim thấy mặt nàg tiều tụy, và có vết bầm xanh.

Một tên đàn ông mặt mũi bất lương ở đâu sán lại kè nàg, chưa ra khỏi cửa, nó đã giằng lấy tiền, chửi thề 'Đ.M. có mấy đồng ranh mà nằm nhọc xác ông'. Quỳnh Hương cúi đầu, không trả lời. Tôi lén theo dõi hai người, nhưng tới ngã tư thì họ lên một chiếc xe hơi do người thứ ba lái chạy mất tăm, tôi đón taxi không kịp.

Tôi thất vọng trở về Na-uy, viết thư làm bộ nói nhớ thương Natasja và mong gặp nàg, bóng gió cho biết sang sẽ dễ dàng mang tiền về hơn.

Nàng sang thật. Vết bầm trên mặt đã biến mất, nhưng vẫn còn tiều tụy. Tôi đưa nàg thẳng vào một khách sạn đàng hoàng cho nàg nghỉ ngơi. Chúng tôi ăn ngay trong khách sạn. Nàng ngạc nhiên vô cùng khi tôi nói tôi biết hết trò giả mạo thư và làm tiền của bọn vô lại. Nhưng tôi thối

mắc:

- Tại sao chúng biết cô có liên hệ với tôi? - Em vừa từ biên giới về, chúng nó lục lọi khám xét ngay, và tất nhiên thấy phong bì tiền của Anh cho, địa chỉ nằm đó. Chúng bắt em viết thư vò tiền, em không làm, chúng đánh đập, bắt trở lại đứng đường. Em xin làm mọi việc trâu ngựa để hầu hạ cả bọn miễn đừng bắt em làm việc đó. Chúng chấp thuận nhưng vẫn giả mạo thư tổng tiền Anh. Em xấu hổ quá.

Tôi hỏi một câu mà định hỏi mấy lần nhưng chưa có dịp:

- Cô sang Nga theo diện nào?

- Nghiên cứu sinh. Nghiên cứu sinh sử học.

Tôi kinh ngạc:

- Nhà Nước Việt Nam gọi đi?

- Vâng.

Tôi nhớ lại việc thông dịch, hỏi:

- Sao cô không nói tiếng Nga, để kiếm người thông dịch ngay tại đây?

- Em muốn giấu tông tích. Chẳng may...

Tôi hơi phật ý về hai chữ 'chẳng may', nhưng không tỏ ra, hỏi tiếp:

- Cô... xong tiến sĩ chưa?

- Thưa, rồi ạ.

- Vậy cô chỉ việc trở về phục vụ đất nước.

- Trễ rồi.

- Sao vậy?

Quỳnh Hương hít hơi thật sậpu, như để đè nén cái gì, cuối cùng nói nhẫn nại:

- Truyện dài lắm. Em chỉ vấn tắt thế này:

Khi em đang chuẩn bị về nước, thì bố em bay sang nói bất cứ giá nào đừng về.

- Tại sao vậy? Ở Việt Nam bây giờ thay đổi khá lắm, và bắt đầu đãi ngộ những người có trình độ.

- Lợi dụng thì có, đãi ngộ không.

Chúng tôi ra ban-công. Nắng đêm quyện vào gió bắc cực lừa vào mặt mát rượi. Tóc Quỳnh Hương thơm. Tôi hỏi:

- Ngoài ra bố cô nêu lý do gì để khuyên cô đừng về nước?

Nàng nhìn con hải âu đậu một mình trên cột đèn, đáp:

- Là lý luận gia lâu năm của Đảng, khi thấy bức tường Bá-linh rạn nứt và thiên đàng Liên-xô sắp bốc lửa, Bố em dự kiến Đảng cộng sản Việt Nam sẽ biến từ một tổ chức cách mạng thành một guồng máy tư bản.

- Vậy càng tốt chứ sao?

- Anh không hiểu đâu, cũng như em hồi đó không hiểu. Vì thế Bố phải đích thân bay sang. Gặp Bố em vừa mừng vừa ngạc nhiên hết sức, nhưng run sợ khi ông nói nước Việt Nam sẽ không còn là nơi du ng thân của con người nữa.

- Sao vậy?

- Bố hỏi em 'Chị xem - cái thiên đàng kiểu mẫu mà sắp sụp đổ nay mai, thì cái thiên đàng mô phỏng sẽ ra sao?' Em không trả lời, ông nói 'Các ông ấy là những kiến trúc sư chuyên vẽ thiên đàng. Kiểu này đồ vẽ kiểu khác. Mà mỗi lần đồ, mỗi lần đổi kiểu là hàng vạn người chết vì cột kèo dè.'... Bố em về, tự vận chết, để họ không còn gây sức ép với em được, trước khi bị cột kèo dè. Nghe đến đây, tôi lạnh toát xương sống, khô cổ họng. Cột đèn đằng trước, con hải âu đã bay đi, còn cái tay đèn đưa ra, như chờ một sợi dây thòng lọng. Mãi lâu sau tôi mới thốt lên được câu gằn như vô nghĩa:

- Khủng khiếp quá!

Quỳnh Hương mím môi để khỏi bật ra tiếng khóc, nhưng giọng ướn lệt:

- Người ở ngoài không hiểu nỗi sự khủng khiếp tới mức nào đâu. Người trong cuộc, đa số khi hiểu thì trễ quá rồi.

Vai tôi chờ một mái đầu tựa vào. Nhưng tôi phải làm như tỉnh táo, hỏi:

- Với cô, có quá trễ chưa?

- Em không biết. Nhưng để em kể em đã sa xuống chỗ nào. Lúc đầu em may mắn trên con đường tị nạn. Ông giáo sư đỡ đầu cho em li dị vợ để cưới em. Anh đừng trách em. Vì ông ta li dị xong mới cho em biết đã có vợ và mới li dị. Ở Nga, li dị là chuyện cơm bữa, cũng như chuyện trai gái chung chạ. 30% các cặp vợ chồng li dị. Việc làm tình hồ lớn trở thành phổ thông là vì tình trạng ăn chung ở chạ, nhà cửa chật chội. Chồng em là một tên ghiền rượu, đánh đập em mãi, em vẫn chịu đựng được. Nhưng hai ba lần em bị anh họ chồng, em chồng, rồi cả bố chồng cưỡng hiếp, thì anh bảo sao em chịu được? Em phải ra đi, và sa vào tay Mafia.

Tôi lại ớn lạnh. Không phải vì gió đêm. Mà vì nhớ chúng tôi đang ở gần biên giới. Tôi diu Quỳnh Hương vào trong. Đóng cửa sổ lại. Chúng tôi im lặng uống một thứ rượu kem gì đó khá ngon. Tôi quyết định ngày mai ra lãnh sự quán bí mật làm giấy bảo lãnh hẳn cho Quỳnh Hương sang Na-uy. Điều làm tôi do dự là cái giấy hôn thú. Trước khi về phòng riêng, tôi đắp mền cho Quỳnh Hương như một đứa em gái và nói:

- Ngủ ngon. Đừng mộng mị gì cả, dù thiên đường.

Quỳnh Hương sang chơi Na-uy lần kế tiếp vào ngày lễ Sankthans, ngày dài nhất, đúng hơn, không có đêm. Nàng từ xe buýt Murmansk bước xuống, ăn mặc đơn giản, càng xinh đẹp hơn. Nàng tha thướt đi giữa những huân chương và mũ áo Hồng quân bên vệ đường, tàn tích của một thiên đường vừa đổ vỡ, diễm lệ như một nàng tiên, tôi đặt tên cho nàng là 'Trích Tiên'.

Khi tôi nói ra, nàng cười tươi, chấp nhận. Từ đó cuối tuần nào nàng cũng qua. Thường tôi đưa nàng về căn chòi thuê của xã ở sườn núi trông ra biển, rất thơ mộng. Từ mùa thu không còn mặt trời giữa đêm nữa, nhưng rừng thu biến thành những tảng màu đỏ, vàng tuyệt diệu. Vài cánh buồm trắng nhẹ trôi trên mặt nước xanh lộng bóng núi. Ban đêm trời trong, trăng sao vàng vạc chiếu xuống vịnh bao la Chúng tôi ngồi bên nhau ngoài hiên nói chuyện tới khi sương ngập thềm. Tôi gọi căn chòi này là 'Động Tiên', muốn vĩnh viễn ở lại không về trần gian. Nàng 'trích tiên' thỉnh thoảng lại khóc làm tôi lo lắng. Nhưng nàng nói:

- Xin lỗi Anh, em khóc chỉ vì quá hạnh phúc.

Tôi uống những giọt hạnh phúc này từ mắt nàng, và nói:

- Đây là nước mắt hạnh phúc. Nhưng nước mắt đau khổ của Em, anh cũng xin uống.

Chúng tôi chỉ ước có phép màu cho thời gian và không gian ngừng ở đây. Lạ lùng là những lúc tôi gần gũi Quỳnh Hương trên chòi nghỉ mát, tôi chỉ say sưa nhìn ngắm, lắng nghe, ngửi hương nàng, không chạm xỡ. Tôi sống sự hiện diện nàng. Sự sống nồng nàn, ngây ngất mà thanh khiết. Tạo hóa đã khắc cho nàng một chân dung kỳ diệu - từng nét thì đối chọi mà toàn thể thì hài hòa. Các nhà giải phẫu thẩm mỹ không bao giờ làm được như vậy. Chỉ có Nhà Điều khắc tối cao, thừa thương yêu và tình quái mới nắn nên khuôn mặt và thân thể Quỳnh Hương - để tặng riêng tôi, cho riêng mỹ cảm mà Ngài tạo cho tôi. Và Ngài gửi tặng phẩm tới cho tôi qua con đường sâu thẳm quá. Con đường các phép lạ thường đi.

Khốn nạn thân tôi (tiếng Bắc của Quỳnh Hương), nỗi đam mê lành thánh kia, tôi chỉ giữ được khi có sự hiện diện của nàng. Khi nàng qua lãnh thổ Nga, tôi trở về trại Banak, thì xác thịt tôi giã vụn (t, réo gọi. Tôi quần quai trong giường lính độc thân, thêm khát thân hình nuột nà cô gái giang hồ Natasja. Xác thịt tôi trách móc tôi đã đại dột bỏ qua cơ hội nọ, cơ hội kia trên Động Tiên. Cho tới khi tôi ngủ thiếp đi. Có vài lần trong mơ... Nhưng thường trong mơ tôi thấy nàng Trích Tiên mặc áo dài trắng tinh khiết trỗi lên từ giòng nước trong xanh vẫy gọi tôi. Phải chờ tới buổi sáng, khi mặt trời mọc, rọi sáng vào những góc tăm tối trong tâm hồn, tôi mới thực tỉnh táo, và hạnh diện cuối tuần trước đã giữ mình đứng ngoài cái giòng đục lèn lèn bệnh những xác bố chồng, xác anh, xác em chồn g nàng, và những thiên đường mà nàng đang vùng vẫy thoát ra. Đúng hơn, chúng đẩy nàng ra như một vật lạ trong cơ thể.

Chỉ có một lần tôi táo bạo, lần đi thăm Nordkapp. Nordkapp hay 'Mũi Bắc' nằm trên vĩ độ cao nhất nước, có lẽ là kỳ quan Na-uy thu hút nhiều du khách nhất. Mỗi năm, hàng vạn người từ khắp thế giới, nhất là Nhật, Đức, Mỹ mua vé máy bay lên đây, chỉ để coi mặt trời đêm. Lúc tôi đưa Quỳnh Hương đi thăm Mũi Bắc, trời đã sang đông, không còn du khách nào nữa, cũng không còn mặt trời đêm. Tôi nắm tay Quỳnh Hương đứng trên ghềnh đá vách dựng đứng. Nước biển vẫn thăm thẳm. Gió lạnh buốt. Nhưng chúng tôi càng thích thú. Bỗng nhiên, mây trên trời biến thành màu xanh như lân tinh, và quay tít như đèn kéo quân, hào quang lấp lánh rực rỡ, những luồng điện nổ tí tách trong mây như hàng ngàn tràng pháo chuột ngày Tết. Quỳnh Hương kinh sợ nhưng lại reo vui vì có tôi bên cạnh. Tôi giải thích:

- Đó là nordlys (bắc quang). Hiện tượng huy hoàng này không phải lúc nào cũng xảy ra. Hôm nay nó xảy ra đúng lúc Em tới đây. Đó là dấu hiệu Trời cũng muốn chào đón Em đó.

Quỳnh Hương tựa lưng vào ngực tôi. Giọng nàng mật ngọt:

- Còn Anh, Anh cho em dấu hiệu gì?

Cầm lòng chẳng đợi, tôi xoay người nàng lại, và hôn vào đôi môi nồng nàn. Đó là lần đầu tôi hôn một người con gái. Trên mỏm đá lịch sử Nordkapp, dưới ánh bắc quang.

Chỉ còn một tháng nữa là Tết ta. Thu An gọi điện thoại nhắc thế nào tôi cũng phải xin về phép cho kịp ngày cúng Giao Thừa. Thay vì nói trong điện thoại, sợ không đủ mạch lạc và không đối đáp được con em lí lắt, tôi viết cho nó một thư dài 6 trang trình bày ý định mời Quỳnh Hương về Oslo ăn Tết. Tất nhiên trong thư tôi dấu một số chi tiết về thảm cảnh của Quỳnh Hương, nhưng tên 'Trích Tiên' thì không thể không khoe. May quá con bé chấp thuận liền, còn hào hứng chuẩn bị đón 'chị dâu'.

Tôi nói tuyệt đối nó không được... lạc quan. Gia đình chúng tôi đã nhận bao nhiêu tai họa bất ngờ, đúng trong những lúc tưởng là hạnh phúc nhất. Tết Mậu Thân Ông Nội đang công tác ngoài Huế bị cộng sản Bắc Việt bắt đi chôn sống, đúng lúc ông được điện tín về mà coi mặt và đặt tên cho cháu đích tôn là tôi; Bà Nội đi bốc xác Ông, về phát điên rồi mất.

Năm 75 con Thu An vừa sanh ra, để trong cái biệt thự thơ mộng Ba Má mới mua ở Chí Hòa mấy năm sau 'có một tiểu thư ra vào, thì cộng sản tràn vào 'giải phóng'; Ba đi tù, Má bị sa thải. Ba trốn học tập về, đúng lúc Má đặt được chỗ vượt biên chính thức, tưởng vĩnh viễn thoát khỏi cái thế giới điều ngoa, hận thù, gian manh, thì tàu do tỉnh ủy Đồng Nai đóng bị vỡ, Ba Má chết đuối. Từ đó, cứ thấy bóng dáng hạnh phúc là tôi giật mình. Lần này, với Quỳnh Hương, tôi lại lần xả vào, không phải như con thiêu thân nhào vào lửa nhan sắc, mà như muối gặp biển mặn. Nàng là hiện thân của tôi -phần nước mắt, và cả gia đình, dân tộc tôi, phần ước mơ và bất hạnh. Tôi đón nhận hết. Một lần, trong Trích Tiên.

Tôi thu xếp cho Quỳnh Hương sang đúng dịp tôi và Thu An nghỉ phép mùa đông. Và để tránh mọi dị nghị, tôi trình bày nội vụ với ông thiếu tá, và nhờ ông trình ông đại tá luôn. Ông dễ thương tặng Quỳnh Hương cái vé máy bay Thu An bày đặt mang hoa ra phi trường Fornebu đón khách. Vừa giáp mặt Quỳnh Hương, nó đã reo ầm lên:

- Eo ơi! Chị Quỳnh Hương đẹp dễ sợ.

Quỳnh Hương bật cười vì những từ ngữ kỳ cục của con bé, cảm động nhận hoa. Tôi giới thiệu với khách:

Đây là đứa em gái thua tôi tới sáu tuổi, nhưng từ ngày chúng tôi mồ côi, nó nhảy tót lên ngôi chị hai, 'kèm kẹp' tôi từ miếng cơm tới manh áo.

Thu An công cốc:

- Từ nay em không thêm kèm kẹp nữa, em sắp bàn giao 'chủ quyền Trường Sá cho người khác.

Quỳnh Hương chỉ biết đỏ mặt. Tôi huých Thu An một cái làm nó chạy giạt sang bên kia, núp bóng Quỳnh Hương.

- Ê ê! Từ nay có chị Quỳnh Hương che chở, anh Hai không được ăn hiếp em nữa.

Thu An vừa lái xe vừa giới thiệu thành phố cho khách. Chị em nói chuyện lú lo. Tôi ngồi băng sau, nhắm mắt nghe giọng Hà Nội và giọng Sài Gòn quán quít. Quỳnh Hương như thơ trẻ lại. Tôi ngả người tận hưởng hạnh phúc của một gia đình, lần đầu tiên sau 15 năm cô độc, lạc lõng nơi xứ người.

Đêm giao thừa, cúng vái, ăn cơm xong, Quỳnh Hương dọn trà mứt, Thu An bưng ra một cái bánh bông bơ, thập 30 ngọn nến. Quỳnh Hương trầm trồ:

- Người Việt tại Na-uy có tục lệ riêng để đón xuân? Đẹp quá!

Thu An trả lời:

- Không phải đâu, chị. Năm nào chúng em cũng ăn Tết, đồng thời mừng ngày sinh anh Hai. Nhưng năm nay đặc biệt hơn, vì năm nay anh Hai 'tam thập nhi lập'.

Quỳnh Hương hiểu ngay:

- Thế tức là Anh sinh năm 1968?

Tôi nói:

- Đúng, năm Mậu Thân.

Thu An hốt:

- Vì thế Ba Má mới đặt tên ảnh là Thân. Ba Má nói 'Thân' đây có hai nghĩa là 'yêu mến', 'thân thiện' chứ không phải 'con khỉ'. Nhưng em thấy ảnh 'mậu thân' với em lắm. Từ nay ảnh 'mậu thân' là ảnh chết.

Quỳnh Hương cười ngất nghẹo. Chưa bao giờ nàng cười nhiều như vậy. Tôi nói:

- Năm đó con khỉ con này chưa sinh ra, sao bây giờ khoọc khọc dữ vậy?

- Chính anh Hai nghe lóm Ba Má kể rồi khoe với em hết chứ bộ. Cũng như Anh, năm Mậu Thân đâu có biết gì về chuyện Ông Bà Nội, bây giờ cũng kể vanh vách.

- Chuyện gì vậy?

Quỳnh Hương hỏi. Tôi chần chờ. Thu An lần lượt kể về những thảm cảnh gia đình. Thảm cảnh nào nó không trực tiếp trải qua, nó kể lể rành mạch như chuyện cổ tích; đến thảm cảnh Ba bị công an vào nhà còng tay Ba lần thứ hai, cảnh đấm tầu thì nó kể lộn xộn như cơn ác mộng. Cuối cùng tôi kết luận một câu mà trong những dịp thiêng liêng thường nói với em gái, như bồn phận nhắc lại một gia qui đơn giản, Quỳnh Hương là người đứng đầu tiên nghe:

- Ba Má chỉ dạy chúng tôi một điều: lòng trắc ẩn.

Một làn khói hương từ trên bàn thờ bay là đà xuống đầu Quỳnh Hương. Nàng lên tiếng: - Hai Bác thật là nhân hậu, từ những khủng khiếp của năm Mậu Thân và bao năm sau đó, chỉ rút ra chữ 'Thân' đặt tên cho con trai và hai chữ 'Trắc ẩn' khắc trong lòng hai con.

Không muốn hai người con gái thấy ngấn nước trong mắt tôi, tôi bèn đứng lên thắp thêm nhang

trên bàn thờ ông bà. Nghĩ tới 'Trích Tiên' và mấy chục triệu người đáng thương xót ở ngàn dặm xa, tôi khẩn thắm:

'Lạy Trời Phật! Hai chữ trắc ẩn Ba Má khắc trong lòng chúng con, cũng là lẽ sống bàng bạc trong lòng Trời Đất. Xin Trời Đất nhỏ xuống lòng mọi người ở bên kia một giọt trắc ẩn. Riêng tình yêu của con dành cho Quỳnh Hương, đã khởi đầu do lòng trắc ẩn, nhưng bây giờ kết thúc là tình yêu. Xin Trời Phật, Ba Má chứng kiến và chúc phúc cho chúng con'.

Im lặng một lúc, Thu An hỏi:

- Anh Hai vừa ăn mảnh, lên xin Ba Má thêm cái gì, phải không?

Tôi nửa đùa nửa thật:

- Anh không xin xỏ gì cả, chỉ hỏi ý kiến thôi. Ba tháng nữa anh Hai hết thời hạn quân dịch, và có quyền bảo lãnh một người ngoại quốc sang Na-uy. Anh hỏi Ba Má muốn con đâu là một người trần hay tiên.

Quỳnh Hương mắc cỡ gục mặt xuống, trong khi Thu An nhảy lại ôm vai nàng, reo:

- Em thay mặt Ba Má trả lời: Tiên. Trích Tiên!

Nhưng còn Quỳnh Hương, nàng có ưng thuận vào trong cái mà tôi cho là 'thiên đường' của chúng tôi không? Một con người suốt đời bị số phận đẩy đưa và người khác định đoạt, lần này quyết đị nh phải thuộc quyền nàng. Vì thế lúc bạn đọc tới giọng này, tôi vẫn đang ở trong giây phút thiên thu chờ đợi nàng trả lời.

Độc Tâm Thanh - từ một góc riêng Nguyễn Mộng Giác

Nhà văn Tâm Thanh (Ngô Thanh Tâm) hiện sống ở Oslo, Na Uy, cùng với vợ là nhà thơ Khánh Hà và các con. Trước khi đi định cư ở nước ngoài, ông là giáo sư dạy triết ở Việt Nam. Ông đi vào con đường văn nghiệp kể từ khi sang sinh sống ở Na Uy. Tác phẩm của Tâm Thanh gồm: Thiên Nga Giữa Cõi Người và Gỗ Thức Trên Rừng. Để hiểu nghệ thuật và tư tưởng của Tâm Thanh, mời các bạn đọc bài viết sau đây của nhà văn quá cố Nguyễn Mộng Giác.

Hỏi anh chị Trần Dạ Từ-Nhã Ca vừa từ Thụy Điển qua Mỹ định cư, tôi có hỏi thăm về đời sống của anh chị ở bên đó. Lời kể của anh chị có thể làm cho mọi người “mơ được làm công dân Thụy Điển”. Một đất nước thanh bình. Một dân tộc khả ái, hiếu khách, văn minh. Một hệ thống an sinh xã hội tuyệt hảo... Bao nhiêu chuyện ấy, tôi đã nghe qua. Nói chung, đời sống của người tị nạn Việt Nam ở các nước Bắc Âu như Na Uy, Phần Lan, Thụy Điển, Hoà Lan là “ước mơ đã thành hiện thực”, như cách nói của người Mỹ. Nhưng đã được sống như thế, sao anh chị vẫn định đem cả gia đình sang Mỹ? Nhà thơ Trần Dạ Từ kể chuyện cả hội đồng thị xã bàn cãi nhau hàng tháng trời chuyện nên cho chim ở công viên ăn thức ăn gì, hoa trồng ở công viên nên chọn loại gì... nghe mà sốt cả ruột! Vì sốt cả ruột trong cái thanh bình “bất thường” ấy, anh chị muốn qua Mỹ để được sống trở lại cái dòn dập, cái bất trắc, cái hối hả, cái khóc cái cười của dân tộc mình, qua sinh hoạt của cộng đồng người Việt tại Quận Cam tiểu bang California.

Trong cái quyền được đi tìm hạnh phúc, mỗi người có cái quyền định nghĩa thế nào là hạnh phúc. Có những định nghĩa trái khoáy, như trong các lạc thú hạnh phúc, có cái thú đau thương.

Một số bạn văn định cư ở các nước vùng Bắc Âu không chọn con đường phiêu lưu như anh chị Trần Dạ Từ-Nhã Ca. Chị Nguyễn Thị Vinh, anh Nguyễn Hữu Nhật, anh Dương Kiên, anh Cao Xuân Tứ, chị Khánh Hà, anh Tâm Thanh... Cộng đồng người Việt ở các nước đó hầu hết đều nhỏ, gặp đồng hương còn mừng rỡ như gặp cố nhân chứ chưa lạnh nhạt đề phòng như cách cư xử nhau ở các cộng đồng lớn ở Pháp, Đức, Úc, Canada, Mỹ. Tôi đoán những lúc có một phong trào chính trị nào đó quét qua, những cộng đồng nhỏ ấy cũng có xáo trộn. Nhưng như cơn bão trong tách trà, có bất đồng gì cuối tuần cũng phải gặp nhau ở nhà người này người nọ, nếu tuyệt giao với những người nghĩ khác mình thì còn chỗ nào để giải trí cuối tuần? Cái vốn bạn bè không có nhiều như ở những xứ có đông người Việt, nên sự khôn ngoan cho người ta biết phải dè sẻn. Bão lớn cũng thành gió heo may. Sống trong một xã hội ổn định, chuyện cộng đồng thì vô sự, những bạn văn của tôi ở vùng Bắc Âu lấy nguồn hứng ở đâu mà viết? Tôi thường tự hỏi như thế mỗi khi nhận liên tiếp nhiều truyện ngắn, bài thơ giá trị gửi từ Bắc Âu.

Câu hỏi ấy đeo đẳng tôi suốt thời gian tôi đọc tập truyện ngắn Thiên Nga Giữa Cõi Người của nhà văn Tâm Thanh.

Không phải ngẫu nhiên mà Tâm Thanh chọn tên truyện ngắn này làm tên chung cho toàn tập truyện. Truyện đơn giản thôi: Một đôi thiên nga giống đẹp nhất vùng sông hồ Telemark một hôm đột nhiên trở nên hung dữ với một cậu bé bơi lội trong hồ. Biến cố đó đặt dân trong vùng trước một lựa chọn khó khăn: hoặc xem vụ loài chim diễm lệ tấn công cậu bé như một vụ việc không đáng kể, hoặc phải bắn chết “thủ phạm” là con chim trống để bảo vệ an toàn cho những người đến chơi hồ. Nhiều cuộc tranh luận nổ ra trên báo chí, trong tòa hành chánh thị xã. Một “phiên tòa” được thiết lập. Những người bên vực đôi thiên nga ngờ rằng vụ tấn công đứa bé phải có nguyên nhân nào đó, chẳng hạn đôi chim tức giận vì bị kẻ lạ quấy phá ổ trứng. Lập luận này bị bác bỏ, vì những người am tường đời sống loài thiên nga cho biết rằng thiên nga ít khi làm tổ để trứng ở gần chỗ đông người, và cậu bé nạn nhân không hề quấy phá ổ trứng của đôi chim hung dữ. Kết quả là bản án tử hình dành cho con chim trống, mặc dù người ta biết rằng một khi con trống qua đời, con mái không thể chịu đựng sự cô độc cũng sẽ chết theo sau đó. Sau khi bản án được thi hành, người viết truyện tìm thấy một ổ trứng thiên nga ngay gần hồ, bên cạnh là xác con thiên nga mái. Đôi thiên nga tức giận vì ổ trứng bị loài rái cá quấy phá, và khi thấy cậu bé bơi theo kiểu ngụp lặn giống loài rái cá, tưởng đã tìm ra kẻ thù. Sự làm lẫn bi thảm!

Có thể nói “bi kịch diễn ra ngay trong những hoàn cảnh lý tưởng” như câu chuyện vừa kể là chủ đề của hầu hết truyện ngắn của Tâm Thanh. Bối cảnh truyện của anh đều đẹp. Nhân vật truyện đều hiền. Mạch truyện xuôi dòng êm ả. Ngôn ngữ truyện trong sáng, nhiều khi thi vị như ngôn ngữ thơ. Thiên nhiên hùng vĩ và diễm lệ của vùng Bắc Âu, cùng với tình người cao đẹp của các dân tộc địa phương đối với người tị nạn Việt Nam, như đã hiển hiện trên từng trang truyện của Tâm Thanh. Nếu dừng lại đây, tác giả cũng đã hoàn tất một phận sự cần thiết: cảm ơn Trời Đất bao dung, cảm ơn Con Người bao dung.

Nhưng Tâm Thanh không chủ tâm viết những bài tụng ca, thay mặt cho các đồng hương tị nạn. Những hoàn cảnh lý tưởng của truyện, thật ra, chỉ là màn khói giả trang. Hoặc là những cái cớ. Chủ ý của anh là truy tầm những bi kịch muôn thuở ngay trong những hoàn cảnh bất ngờ nhất, nơi người ta tưởng không bao giờ có bi kịch. Người đọc bước vào truyện như lạc vào một cõi mơ, và ra khỏi truyện thì ngỡ ngàng bàng hoàng vì bản khoán không hiểu nổi những vấn nạn muôn thuở của nhân sinh. Có thể xem truyện ngắn của Tâm Thanh như những bài thơ triết lý. Dấu vết bi kịch ẩn hiện thấp thoáng đằng sau thiên nhiên thơ mộng hay nếp sống yên ả thanh

bình, để đến những dòng cuối, toàn thể bị kịch hiện ra bất ngờ giống như cấu trúc những truyện ngắn của O. Henry hay Anton Tchekov (như trong Phần thông, Hai chiếc bóng, Nam quốc sơn hà, Hai mẹ con, Con bỏ mắt).

Đọc truyện của Tâm Thanh, người đọc nhận được món quà đầu tiên là cảm thấy yêu đời, yêu người hơn. Món quà ấy đáng quý đối với kiếp sống tha hương của những người phải xa nơi chôn nhau cắt rốn, bắt đầu tái dựng một cuộc sống mới ở nơi xa lạ. Nhưng Tâm Thanh còn gửi đến tất cả chúng ta một món quà quý hơn sự lạc quan. Anh giúp chúng ta hiểu đời hơn, báo trước cho chúng ta những bất trắc, những ngộ nhận, những mất mát không thể tránh khỏi trong đời sống, nghĩa là giúp chúng ta biết vui mà không mù quáng, cũng như biết buồn mà không bi lụy. Tâm Thanh viết văn như một cách tiếp nối nghề nghiệp anh đã từng làm ở quê nhà trước ngày tan đàn rã gánh: nghề một giáo sư triết học. Chỉ khác là lần này anh “triết lý” bằng “thi ca”.

Nguyễn Mộng Giác

(Bài Tựa tập truyện ngắn Thiên Nga Giữa Cõi Người của Tâm Thanh, Văn Học xuất bản năm 1999)

Thiện Cùi

Tôi và Thiện học khác phân khoa, nhưng cùng ở cư xá sinh viên Sognsvann, hai dãy nhà chỉ cách một bãi cỏ xanh, thường bắt cùng chuyến xe điện tới Blindern. Lúc đầu chúng tôi hay ngồi gần nhau, có thể chỉ là tình cờ, có thể vì trong tiềm thức tôi tò mò muốn dò la hán người nước nào. Một hôm hán để mắt đầu không biết, mà để đầu gối va vào cây cột sắt trên xe, đau điếng, kêu "Ái!" thay vì "Au!"*, tôi biết hán là người Việt. Nhưng đương nhiên tôi không làm quen trước; ngược lại tôi còn thấy sau khi sự tò mò đã được thỏa mãn, tôi không còn lý do gì để "tình cờ" ngồi gần hán trong một chuyến tàu có tới bốn toa thềm thang. Đến buổi họp mặt sinh viên Việt Nam đầu tiên trong niên học, hình như vào dịp Trung Thu, chúng tôi mới "nhận đồng bào" Thiện nói biết tôi là người Việt do cái lần tôi nhường chỗ cho một cụ già. Tôi nói cứ tưởng Thiện là người Chà-và lai cho đến khi nghe tiếng kêu "Ái!" Suốt buổi họp mặt chúng tôi ngồi bên nhau và tôi thấy nói chuyện với Thiện không nhàm chán lắm. Thiện nói lối trác nghiệm về tiếng kêu đau của tôi gợi ý cho hán sau này sẽ đi chuyên ngành sản khoa, và trong sản khoa sẽ chuyên nghiên cứu về tiếng khóc đầu tiên của con người - người da đen, da vàng, da trắng khi lọt lòng mẹ khóc thế nào, và đứa trẻ Na-uy với đứa trẻ Việt Nam sẽ khóc tiếng gì. Hay từ nguyên thủy tiếng khóc không màu.

Hết năm thứ ba Thiện về Việt Nam để làm bài khảo luận do ông thầy ruột giao: quan sát hoàn cảnh sống, thuốc men, việc chữa trị bệnh phong cùi tại một làng người Thượng. Trên quê hương của nhà bác học Armauer Hansen này chẳng còn bao nhiêu người nghiên cứu về bệnh cùi, vì thế ông giáo sư muốn Thiện nối nghiệp ông.

Hôm nay ngày đầu một năm học mới, tôi và Thiện lại ngồi đối diện nhau trên xe điện. Thiện còn cháy nắng nhiệt đới, và mặt mày hốc hác, càng làm nổi bật hàng mi cong như con gái, và đôi mắt đăm chiêu thấy... ghét. Chúng tôi ngầm đồng ý không nói chuyện với nhau. Tôi nghĩ nói tiếng Việt thì kỳ, mà nói tiếng Na-uy càng... kỳ hơn, vì hành khách bên cạnh sẽ bắt được nội dung câu chuyện và biết chúng tôi là người Việt Nam. Là người Việt Nam, chẳng việc gì phải xấu hổ, nhưng chẳng cần bạ đâu cũng la to lên căn cước của mình, nhất là sau những vụ đâm chém gần đây mà có người Việt nhúng tay, mỗi sáng mở radio nghe tin tức tai nạn đêm qua tôi cứ lo ngay ngáy nó phát ra hai chữ Việt Nam.

Tới trạm xuống, chúng tôi đi chậm lại, nhường bước cho đám hành khách - hầu hết là sinh viên - hối hả tuôn ra cửa, lên trường. Thiện lôi trong ba-lô ra một cây sáo tre dài chừng hơn gang tay đưa cho tôi:

"Quà Việt Nam cho bà."

Tôi nói cảm ơn rồi kê môi thổi mấy tiếng tút tút. Lòng tôi vui vui, trong nắng thu trời trong. Thiện kể công:

"Chỉ mình bà có quà đấy"

Tôi cảm động, nhưng làm tỉnh:

"Dữ hôn!"

Khi chúng tôi đi trên cây cầu sắt bắc qua đường rầy, tôi hỏi:

"Về Việt Nam chắc vui lắm?"

Tôi hỏi như thế vì đa số người đi Việt Nam về đều mở đầu câu truyện "Vui để sơ.." Thiện lơ đãng:

"Có gì mà vui ... Nhưng mà nhiều truyện để kể lắm."

Tôi nghiêng đầu tỏ vẻ lắng nghe:

"Kể nghe!"

Thiện lấy hơi như sắp đổ ra một bầu tâm sự, nhưng lại chép miệng:

"Bắt đầu từ đâu bây giờ?"

Tôi gợi ý:

"Nghe nói đồ ăn ngon và rẻ như bèo, phải không?"

Thiện nhìn tôi, vẻ lạ lẫm:

"Thì tương đối rẻ."

"Nghe nói tôm hùm bự, hai người ăn mới xuể, chỉ có 100 kr, phải không?"

"Tôi không biết."

"Ông có ăn thịt chó không?"

Thiện không hưởng ứng câu hỏi đùa của tôi, hững hờ:

"Không."

Tôi nhận ra thái độ lạnh nhạt ngang xương của Thiện, nhưng muốn tránh nghiệm lần chót, hỏi thêm một câu đùa khác:

"Người ta về Việt Nam cưới được cả vợ đẹp. Ông có đặt cọc được cô nào chưa?"

"Rồi!"

Rõ ràng là anh chàng này vừa giờ chứng. Sau hai tháng hè xa cách, trong đó có một tháng thật xa, không có liên lạc gì ngoài một tấm bưu ảnh cô gái Thượng của Thiện, lúc này tôi chờ đợi một cuộc gặp lại vốn vã hơn, chứ không phải những câu nhát gừng. Tôi im lặng, bực bội, nhưng vẫn chờ đợi Thiện nói một câu gì dài hơn, thân thiện hơn, ví dụ cải chính chuyện lấy vợ.. Tôi biết anh nói chơi, nhưng biết bao nhiêu chuyện lạ lùng xảy ra ở Việt Nam với người khác, cũng có thể xảy ra với Thiện được vậy. Ví dụ có người bị thầy thuốc tây chê, về Việt Nam chữa bệnh bằng bùa ngải, lại hết bệnh, nhưng không hết hẳn. Một người quen của má tôi than phải gởi tiền về nuôi bùa, mỗi năm vài lần, chậm trễ là bị bùa vật ói máu. Biết đâu Thiện chẳng bị cô nào chuốc bùa... yêu. Mà bùa trên rừng thiêng nước độc của người Thượng lại càng đáng gờm hơn. Vừa thương, vừa sợ, vừa giận, tôi đi bên Thiện mà không yên. Tôi cà cà ngón tay vào đầu cây sáo tìm cảm giác đau cho đỡ bứt rứt trong lòng. Bước chân Thiện cũng có vẻ nặng nề. Chắc hẳn cũng đang khó chịu như tôi. Nhưng hẳn đâu có quyền khó chịu chứ? Tôi đang niềm nở hỏi thăm, tự nhiên hẳn giờ chứng... á khẩu

"Ê! Về Việt Nam, lây bệnh á khẩu rồi ha??"

"Tôi chỉ định làm hòa trong danh dự, thế mà hẳn sừng cò như con nhím:"

"Tôi lây nhiều thứ bệnh lắm. Cây sáo tôi cho bà cũng lây cùi rồi đó!"

Tôi biết Thiện hù để chọc tức tôi, nhưng sẵn đang bực mình, tôi liệng cây sáo vào bụi cây bên đường, nói:

"Ghê!"

Rồi ù té chạy

*

Nghĩ tới vụ bùa ngải, tôi cảm thấy tội nghiệp Thiện và hối hận về cử chỉ nóng nảy của mình, hôm sau trở lại bụi rậm tìm cây sáo, nhưng không thấy. Tuy vậy ý nghĩ Thiện bị "bùa yêu" làm cho tôi không thể làm hòa trước được. Cả tuần rồi tôi tránh gặp Thiện. Tôi đón xe chuyển trước hoặc chuyển sau và ít ra bãi cỏ nằm giữa hai dãy nhà. Cuối tuần tôi về với ba má, nhưng lòng vẫn vương trên cư xá Sognsvann. Chiều chủ nhật trở lên đại học xá, tôi mang theo cây sáo bạc, mà ba má cho nhân dịp tôi 18 tuổi, định sẽ ghi tên học sáo lại, và sẽ thổi thật hay cho đời biết tay. Đêm đó tôi nằm mơ thấy Thiện bị đóng đinh. Vì tội chờ lậu một cô gái ra khỏi Việt Nam, bị bắt quả tang. Trong mơ tôi biết là Thiện bị gài bẫy. Khi tôi nấp trong bụi coi Thiện bị đóng đinh, có một ông già mà trong mơ tôi thấy giống cái ông già điên hay đi chữ chỉ trong sân trường đại học, rỉ tai tôi nói bằng tiếng Na-uy "Thằng đó vì mê cô gái Thượng, nên bị đóng đinh." Nghe ông nói tôi nhìn kỹ thì thấy cô gái Thượng chính là cô gái trong tấm bưu ảnh Thiện gởi cho tôi. Sáng thức dậy tôi áy náy vì trong mơ đã không cứu Thiện. Tôi đáp chuyến xe thường lệ thì gặp Thiện đang ngơ ngác như chờ ại Thấy tôi, cái mặt đen như lai Chà-và sáng rỡ. Chúng tôi ngồi bên nhau ở toa cuối cùng. Xe lăn bánh êm, trườn tới lúc nào tôi không hay. Thiện hỏi:

"Bà về Kristiansand có vui không?"

Câu hỏi cố giấu vẻ ân cần của Thiện làm tôi dịu lòng, nhưng nhớ lại câu hỏi tương tự của tôi tuần trước, mà đã bị phá ngang, tôi cố làm ra vẻ đanh đá:

"Có gì mà vui... Nhưng nhiều chuyện kể lắm."

Thiện hào hứng:

"Kể nghe!"

"Ông bị bỏ bùa"

Thiện giật nảy người trên ghế:

"Ý! Sao có chuyện lạ vậy?"

"Tôi mơ ông bị một cô Thượng bỏ bùa... yêu"

Thiện tưởng tôi bịa chuyện nói bóng gió, đôi mi dài chớp chớp - càng giống con gái hơn. Nhưng chỉ thoáng cái, người con trai liến láu trở lại ngay, Thiện hù lại tôi:

"Có lẽ tôi bị bùa thật. Từ ngày đi Việt Nam về, tôi bị ám ảnh hoài!"

Tôi sợ câu chuyện chuyển hướng lệch lạc như bữa trước, nên không ngắt lời, để Thiện tiếp tục giòng tư tưởng và nỗi ám ảnh gì đó, có thể là chuyện buồn trong giòng họ, bà con còn ở trong nước. Quả nhiên Thiện nói tiếp:

"Tôi đang bị ám ảnh vì những hình ảnh đau khổ bên nhà. Vì thế bữa trước, khi gặp bà tôi định bộc lộ một chút, thì bà hỏi 'có vui không,' tôi bị sốc. Nhưng nghĩ lại hỏi một người mới đi xa về 'vui không,' là câu bình thường. Tôi xin lỗi bà."

"Xí, bày đặt."

Thế rồi, mặc dầu trên xe người lên đông thêm, Thiện vẫn rù rì kể, bằng tiếng Việt, về buồn Thượng và những người bạn cùi, mà anh bảo tôi phải gọi lịch sự là bệnh nhân phong. Khi chúng tôi chia tay ở chỗ tôi vặt cây sáo tre hôm trước, Thiện nói:

"Chiều nay sang tôi coi hình."

Từ ngày cho tôi "lên tỉnh" học, má tôi dặn đi dặn lại "con gái không được để cho thằng con trai nào vô phòng." Tôi ngoan ngoãn giữ đúng giới răn đó, lại còn tự giác áp dụng luôn về ngược lại "con gái không được vô phòng con trai!" Nhưng sau hai năm thấy tôi khô rang không ai ngó ngang tới, bà lại sợ tôi thành "tiết hạnh khả phong," không nhắc lại giới răn "nam đáo nữ phòng" nữa. Tuy nhiên chưa bao giờ tôi "phạm giới luật." Nhưng với Thiện, có biệt lệ: hấn nhu mì như con gái, nhất là đôi mi cong. Tôi không áy náy khi sang phòng Thiện. Tôi đứng lóng ngóng giữa phòng. Thiện chỉ cho tôi chiếc ghế bành độc nhất màu lục đậm, trên có để cái mền len. Tôi nói thầm "khiếp, không biết dẹp cái mền đi," và thay vì ngồi xuống, tôi lại gần bàn học của Thiện. Tôi chỉ vào tấm hình một cô gái người Thượng đang dệt vải:

"Đây có phải cùng cô gái hái chè trong tấm thiệp ông gửi cho tôi từ Việt Nam không?"

"Không phải! Hai cô khác nhau 'Cố hái chè tôi gửi cho bà là do hãng du lịch chụp, trình bày về đẹp"

hoang dã của người Thương.ng. 'Cố dệt vải này do tôi chụp, ghi lại hình ảnh cái khung cửi mà cha mẹ tôi cho là thơ mô.ng.'

"Tôi chả thấy có gì thơ mô.ng. Nhưng lạ la.."

"Hai tấm hình đó, chẳng tấm nào phản ánh đời sống hẩm hiu của người Thượng mà tôi thấy"

Tôi nhớ lý do sang đây:

"Ông rủ sang coi hình. Hình đâu, cho tôi coi"

Thiện lấy ra một cuốn album. Chắc anh xếp theo một thứ tự nào đó, mở đầu là hình anh ngồi vênh vào trên cái xe Honda, bên cạnh là cái bản đồ Việt Nam cắt từ một tờ quảng cáo du li.ch. Anh nói:

"Đây là cái xe Honda tôi đi mỗi ngày từ Đác Lác tới buôn Thương.ng. Đường đất đỏ gập ghềnh. Chạy xe từ làng Kinh sang buôn Thượng, tôi có cảm giác như vượt qua từ thế giới này sang hẳn thế giới khác. (Thiện lật từng trang hình) Bà coi nhé: Làng Kinh thì trù phú, có nhà xây gạch, vườn kiếng, vườn cà-phê, ụ tiêu kiểu hiện đại trông như cái tổ tò vò vĩ đại Tới chân núi, sang buôn Thượng, con đường hẹp hẳn lại, cây cối khô cằn vì thiếu nước, toàn nhà sàn. Con heo, con gà ở buôn Thượng cũng ốm o hơn ở làng Kinh. Con người cũng vậy"

Lật tới hình anh chụp chung với một ông già gầy đét, Thiện kể:

"Ông này là ông ngoại của cô gái dệt vải kia, biết tiếng Pháp, và nói sõi tiếng Việt, tôi đặt tên là thánh Gandhi ông giúp tôi nhiều lắm, kể nhiều truyện. Ông kể bộ lạc Jarai của ông sống từ nhiều đời trong rừng sâu Thời thực dân Pháp, họ bị lừa ra gần đường cái quan, vì Pháp nghi họ ủng hộ Việt Minh. Thời ông Diệm, họ được đẩy ra một chỗ khác, vào áp chiến lược để cách ly khỏi Việt cô.ng. Tới khi 'giải phóng thống nhất đất nước' họ lại bị người từ ngoại ô Hà Nội, Hải Dương tràn xuống lập nghiệp và đẩy trở về rừng. Ông thấy tôi có cái mụn lẹo trên mí mắt, chà chiếc dĩa lên chiếu, áp vào Thế mà sáng hôm sau mụn lẹo biến mất. Tôi hỏi sao ông không dùng mẹo này chữa cho người cùi, ông bảo cùi là do Trời làm, phải chịu vậy, không chữa được."

Tới tấm hình một anh Thượng cao lêu nghêu như cây sào, vai đeo gùi, mặt như máu, Thiện kể:

"Anh Don Quichote này là bồ của cô dệt vải Tôi thường thấy anh ta lẻo đẻo theo sau mấy con bò để hốt phân, trôn trọng bỏ vào cái gùi đeo sau lưng. Tôi còn nhớ mãi những buổi sáng sương còn vương vấn trên con đường đất đỏ. Mỗi lần qua khỏi làng Kinh, quẹo vô buôn, tôi thấy cuộc diễn hành thảm lạng: 'Don Quichoté đi sau cùng, tới một con bê, ba con bò, rồi dẫn đầu là thằng bé người Kinh giắt bò. Khi tôi vượt qua đoàn diễn hành, tới gần nhà ông Gandhi thì thấy cô gái buông khung cửi đứng dậy, ngóng đợi Một hôm tôi không thấy anh ta đâu, nhìn vào mấy con bò, thấy đít con nào cũng lũng lảng cái giở. Chủ bò cũng muốn giữ phần cho mình. Tôi hỏi dò ông Gandhi về chuyện cháu gái ông với cậu này thì ông kể là lúc đầu anh ta làm ăn cũng không đến nổi tề.. Giỏi săn bắn và múa cạ Nhưng anh săn bằng ná, mà người Kinh săn bằng súng đạn ria, súng AK, và cả lựu đạn. Dần dần không còn con mồi nào cho anh nữa Anh có nuôi được một con heo... 'mọi' Tài sản duy nhất này cũng biến mất do cái tính nghệ sĩ thích múa cạ Bà có coi phim tài liệu của Pháp chiếu trên TV2 về người Thượng Việt Nam không?"

"Phim gì?"

"Phim săn voi, trong đó có thấy lễ tế trâu"

"Thấy"

"Những cảnh như đoàn vũ nữ, ban nhạc với trống, chiêng, khèn, có thể chỉ là giàn cảnh. Nếu có thực, cũng không bao giờ xảy ra tại buôn Thượng mà tôi đi thăm. Họ không có lấy được một cái chiêng. Lễ tế trâu, Ban thông tin văn hóa huyện phải mang máy cát-xét và máy phóng thanh về giúp vui. Khi nghe phát thanh một điệu nhạc dân tộc Jarai, anh Don Quichote mê quá, gạ gãm người cán bộ thông tin, xin đổi bất cứ cái gì để lấy điệu nhạc của dân tộc mình. Một tên thanh niên người Kinh láu cá nào đó biết được nỗi đam mê của chàng Thượng, bèn đưa một cái băng cát-xét tới đổi họ. Anh Thượng mang băng cát-xét về lắng hoài không nghe gì hết, mà chẳng biết khiếu nại với ai, khóc hu hu chán rồi lại cười hề hề. Mất con heo, anh xoay qua 'nghề' nhặt phân bò."

Thiện chỉ lên tấm vải treo trên tường, nói tiếp:

"Đó là tấm vải do cô gái dệt."

Rồi Thiện chỉ vào một tấm hình hai đứa bé trần truồng ngồi bóc cái gì trong hai cái gáo dừa:

"Hai đứa nhỏ này là em cô dệt vải, tức cũng là cháu ông 'Gandhi'. Cha mẹ chúng bị cùi hết, không cho chụp hình. Đồ bà hai đứa đang ăn gì?"

"Các em ăn cái gì đen đen, không phải đậu phộng cháy chứ?"

"Kiến đấy. Chúng bóc kiến ăn, như mình ăn pop-corn."

Tới đây Thiện ngồi lặng thinh, mặc cho tôi lật từng tấm hình những người Thượng ngồi buồn thảm trước thềm nhà chòi, những đứa trẻ bụng ỏng như những đứa trẻ Phi Châu trong cơn đói. Những người cụt tay chân, người sứt môi, lẹm mũi, mù mắt. Có người thiếu một bộ phận, có người thiếu hầu hết. Tôi bối rối, vừa ghê sợ muốn lật cho qua nhanh, vừa như bị níu áo phải quay lại nhìn. Khi tới tấm hình chụp lớn một ống chân, Thiện lấy ngón tay út chỉ vào một vật trắng như hạt gạo ló ra từ một vết thương sâu hoắm, nói:

"Con giò!"

Tôi rùng mình, trả xấp hình lại cho Thiện, muốn khóc:

"Sao có những người khổ như vậy!"

Những tấm hình tôi coi bằng mắt hình như đã in vào tim Thiện, và ảnh hưởng tới cả đời sống hằng ngày của anh. Sáng thứ bảy sau, vì ba má tôi bận đi dự đám cưới ngay tại Oslo, nên chiều mới chở tôi về được. Buổi sáng, tôi sang Thiện, rủ:

"Mình đi ăn hủ tiếu, nhé?"

Thành phố Oslo có ba bốn tiệm ăn Việt Nam, lúc đầu lèo tèo, bây giờ đã kéo được sự chú ý của khách sành ăn bản xứ. Thiện hỏi:

"Bây giờ giá bao nhiêu một tô hủ tiếu"

Câu hỏi của Thiện làm tôi ngạc nhiên, nhưng tôi vẫn nói tỉnh:

"Ông bần tiện khỏi lo, tôi bao mà."

Thiện không giận:

"Bà bao tôi cũng phải hỏi chứ."

"Từ xưa tới nay hủ tiếu vẫn 50 kroner, không tăng giá, chỉ bớt vật liệu, hai tôm còn một, không có lười và tim heo như trước, nhưng xá xíu và hẹ vẫn giữ tiêu chuẩn cũ."

Thiện có vẻ chỉ quan tâm con số 50 kroner, không quan tâm tới hành tởi, lằm bằm tính rợ, rồi nói:

"50 kroner thành 80.000 đồng Việt Nam, mua được 20 ký gạo, nuôi một gia đình một tuần lễ..."

Tôi biết nhiều người đi Việt Nam về mấy ngày đầu không dám tiêu pha gì cả, vì thói quen làm tính nhân hối suất. Phải chờ vài tuần lễ sau, mới "lại hồn." Tuy vậy, không được đi ăn hủ tiếu một sáng thứ bảy đẹp trời, tôi vẫn cảm thấy mất hứng. Có lẽ Thiện thấy sự thất vọng của tôi, nhỏ nhẹ:

"Để tôi làm cái gì ở nhà đãi bà."

"Ông biết làm cái gì nào"

"Bánh mì trét margarin với đường, nướng lên, ăn ngon hết xảy"

Chúng tôi ra bếp. Tôi làm theo công thức ông hà tiện, ăn thấy cũng ngon miê.ng.

Một hôm trong căng-tin Frederike, nơi gặp gỡ của mấy đứa sinh viên Việt Nam tụi tôi, Thiện lượm khoanh bánh mì Đoan Ròm ăn dở, đút mồm nhai tỉnh bơ. Mấy người ngồi chung, trai có, gái có, kẻ thì đạo mạo như cụ non, kẻ láu táu như con nít vườn trẻ, nhưng ai cũng quen với những tác phong rất diên của nhau, không ai thắc mắc hành vi của Thiện là trò đùa hay thật. Chỉ có tôi xót xa trong lòng.

Đôi mắt to với hàng mi dài của Thiện nhìn đâu cũng thấy Việt Nam. Lên xe công cộng, anh không ngại bị lộ căn cước nữa. Anh nói chuyện một cách tự nhiên, không bô bô, nhưng không rụt rè. Hôm xe điện đình công, tôi đã tính nghỉ học, Thiện sang rủ tôi đi bộ tới trường, anh nói:

"Ở Việt Nam người ta đi bộ mỗi ngày vài chục cây số, để kiếm một mụn măng."

Tới một cái bãi nhỏ, thấy những con chim sẻ tíu tít lượm hạt kê từ một cái giỏ treo trên một cành cây thấp, Thiện nói:

"Ở đây, con chim nhỏ cũng có người nuôi. Và bà thấy không, cái giỏ người ta cũng treo khuất để chim lớn không giành đồ ăn của chim nhỏ. Còn ở Việt Nam, trẻ con..."

Thiện chỉ bận tâm tới Việt Nam, tới Gia Lại. Anh bị các bạn đặt tên là Thiện Gia Lai, hay đơn giản hơn, Thiện Cùi Nặng, biệt hiệu "Nặng Nổ," con người chuyên mặc quần áo nhãn hiệu và chăm bón từng sợi ria mép, có lần mất kiên nhẫn vì Thiện cứ kể truyện cứt bò với lại máu mủ cùi, trong lúc chúng tôi ngồi uống cà-phê, xua tay nói:

"Đi chỗ khác nói chuyện dơ dáy"

Thiện ước:

"Tôi đâu có nói với anh. Tôi nói với... Phương Thi mà."

Có điều lạ là càng nhiều người tẩy chay Thiện, tôi càng thấy muốn gần anh. Tôi thích được một mình nghe Thiện kể về Gia Lai Trước khi về gia đình nghỉ lễ Giáng sinh, tôi rủ Thiện đi trượt tuyết, ngay trong rừng bên cạnh cư xá. Trong bộ đồ trượt tuyết bó chèn, những nét khắc khổ của người thanh niên bị ám ảnh về quê hương biến mất, chỉ còn vẻ uyển chuyển, và.. sexy Thế mà lúc ngồi nghỉ chân uống ca-cao, anh vẫn mơ về miền đất nóng hổi! Anh chỉ tay ra giải tuyết óng ánh dưới mặt trời, nói:

"Giá mà đưa tuyết này về Gia Lai làm đá nhận cho trẻ con ăn giữa trời nóng bỏng, thì chúng nó sướng biết bao!"

Tôi bốc một nắm tuyết, liệng ra xa:

"Trời đã phân phối thiên nhiên đa dạng và đồng đều Như ở đây ông muốn có nước biển ấm áp và cát mịn của Việt Nam, đâu có được."

Thiện buồn:

"Ngay ở Việt Nam, không phải mọi người được tắm nước biển ấm áp. Người Thượng thèm khát từng hạt muối!"

Sau đó Thiện như chiều ý tôi, tạm bỏ những cảnh ẩm đậm, quay ra tả phong cảnh rừng núi nhiệt đới, những đồi chè, cây cà-phê và giòng suối mát. Giữa rừng tuyết phủ và mặt hồ Sogn đóng băng, nghe Thiện kể về rừng nhiệt đới, tôi có một cảm giác ấm áp, gần gũi một nơi tôi chưa bao giờ đặt chân tới Tôi sanh tại Na-uy và Cha Mẹ tôi là người tị nạn chính trị.. Các Ngài nhất định không về Việt Nam du li.ch. Tôi hiểu lý do của Cha Mẹ, nên không đòi về. Nhưng tôi bắt đầu nghe trong lòng mình những tiếng sáo xa xăm.

Tôi nhờ ông thầy dạy sáo phổ lại bài "Mẹ trăm con", dân ca Jarai, do Phạm Duy sưu tầm. Suốt kỳ nghỉ lễ Giáng Sinh với cha mẹ tôi tập bài đó. Chiều áp lễ, Thiện điện thoại nói mấy câu chúc. Má hỏi:

"Đứa nào vậy?"

"Dạ, Thiện học chung trường."

"Con cái nhà ai vậy?"

Ba đang vừa vỗ vỗ trên trán vừa lục trong tủ kho xem có món quà gì có thể đáp lễ một người năm nay tự dưng tặng quà không. Tưởng ba không nghe thấy gì, một lúc ông nói:

"Thằng Thiện học y khoa, con ông Hòa phải không?"

"Dạ, sao Ba biết vậy?"

"Ba nó ở trong ban Trị sự hội Phật giáo"

Má nói với ba:

"Sao anh chị Hòa có thằng con tên Thiện mà em không biết cả?"

Người Việt ở Na-uy chỉ có chừng 14, 15 ngàn, qui tụ về thủ đô và phụ cận, và năm, sáu tỉnh lớn. Quanh quần rồi cũng có thể quen nhau. Những gia đình có con cái tới tuổi cập kê thường hay ngắm nghé nhau. Bên ngoài các ông bà chê quan niệm "môn đăng hộ đối" đã lỗi thời, nhưng bên trong vẫn nhăm những "hộ" ngang ngang, cho nó thoải mái con mắt, khỏi phải nghển cổ lên, cũng không phải cúi đầu xuống. Nhưng mức nào là "ngang," giữa cuộc biến dâu này, thật khó phân định lắm. Ví dụ cái bà bán cá kia có con gái đậu kỹ sư nhất định không chịu làm xui với ông cựu giám đốc thủy lâm nọ có con trai làm thợ sửa khóa. Tuổi trẻ chúng tôi lấy làm lạ nhưng vẫn thích nghe những chuyện như thế của người lớn. Nhiều đứa cần biết để làm... nghịch lại Y khoa được coi là có giá nhất dưới mắt các bậc cha mẹ, là cái triều thiên trong các đám cưới, đám tiệc. Nhưng đối với tôi, y khoa của Thiện chỉ là sự tình cờ, một tình cờ lúc đầu hơi bất lợi cho Thiện, sau nhờ vụ Gia Lai mới trở thành có lợi. Tôi bắt đầu cảm thấy một y sĩ mà có lòng thì thật là vạn hạnh cho đời!

Trở lại cư xá, tôi sang Thiện liền, mang theo con búp bê và mấy món quà vặt tôi được trong dịp lễ, để Thiện gửi về cho mấy đứa trẻ Việt Nam của anh. Nhưng Thiện chưa lên. Tôi tò mò lục trong hộp thư của Thiện xem có cái thiệp tôi bỏ bưu điện trước khi đi nghỉ không. Có. Tức là Thiện đã về gia đình rồi thiệp mới tới, và tới không kịp lễ Giáng sinh. Tôi đọc lại thiệp, và tần ngần sửa lại một chữ.

Sáng thứ hai, khi đón xe điện đi học tôi cũng không thấy Thiện. Chiều về Thiện kêu điện thoại cho biết anh lên trễ, nên đi thẳng vào lớp. Học xong, các bạn rủ ở lại bàn việc ra báo sinh viên Việt Nam và tổ chức Tết.

Sáng thứ tư chúng tôi cùng trống hai giờ đầu, Thiện rủ tôi đi chơi với anh.

"Đi đâu?"

"Sang Nha khoa"

Tôi nghĩ tới Loan, người đẹp bẻ răng, có vẻ thích Thiện lắm, bèn duỗi ra:

"Sang thăm Loan ha?? Ông đi một mình đi!"

"Không phải thăm Loan, mặc dầu có liên hệ tới Loan."

"Gì mà bí mật vậy?"

'Chả là thế này: Bên đó họ cần làm một thí nghiệm xem những người không súc miệng buổi sáng thì mòn miệng, răng cỏ ra sao. Mỗi tuần 'kiêng' đánh răng buổi sáng một lần, ba lần kiêng được 300 kroner. Họ không kiếm được người tình nguyện, nên Loan giới thiệu tôi!"

Tôi cảm thấy bực bội:

"Ông đem thân làm vật hy sinh cho người ta thí nghiệm để lấy 300. Thảm quá!"

"Không phải tôi làm vật thí nghiệm cho người khác, mà tôi thí nghiệm cho chính tôi. Tôi chỉ cần không đánh răng buổi sáng ba lần, mà kiếm được số tiền tương đương với thu nhập một năm của một người Thượng khỏe mạnh. Làm việc này để cảm thấy sự khác biệt chua chát thế nào!"

Tôi dụ lại:

"Vậy chắc ông sẽ dùng số tiền này để gửi về Việt Nam?"

Thiện tươi tỉnh:

"Đúng vậy. Tôi sẽ bù thêm một ít và gửi cho cô gái dệt vải!"

"Tại sao lại gửi riêng cho cô??"

"Vì tôi mới nhận được thư cô y tá cho biết sở dĩ cô Thượng hoãn đám cưới vì chưa dệt xong áo cưới. Tấm vải cổ dệt để may áo cưới, tôi đã vô tình mua mất rồi, để treo chơi trên tường."

Tôi có cảm tưởng mấy người bên đó đã thành bà con của Thiện. Anh nhờ người họ chuyển quà cho người kia, rồi người kia báo tin tức về người họ.. Trước cửa trường Nha, tôi hỏi Thiện:

"Ông vào đó rồi răng cô có bị đục đẽo gì không?"

"Không. Tôi chỉ thờ vào cái bình cho người ta coi hồi hám ra sao"

Tôi thấy chung quanh không ai, nói:

"Ông thờ tôi nghe có hồi không!"

"Thiện thổi phù ra, một luồng hơi nước phà vào mặt tôi, không có mùi gì cả. Tôi nói:

"Không hồi lắm."

Ngày Tết Nguyên đán cho sinh viên Đại học và các trường Cao đẳng Oslo được tổ chức tại hội trường phân khoa Sinh Hóa Người tới đông ngoài dự liệu của ban tổ chức. Sau bài diễn văn khá hay nhờ... ngắn gọn, tới các tiết mục văn nghệ, ẩm thực. Tới mục bán vé số, Thiện ghé tai tôi:

"Minh tính sai rồi. Đề mục vé số trước, tụi nó mua hết tiền, tới mục lạc quyền thì chỉ còn toàn tiền 10 urre**"

Tôi cũng lo, nhưng an ủi:

"Không sao. Ăn thua Thiện khéo kêu gọi!"

Tiếng MC Nhơn đã vang vang:

"Vé số có giới hạn. Xin các bạn nhanh tay, kéo hết các... số trúng. Tiếp theo chương trình, và trong khi chờ đợi các chị đi bán những vé số cuối cùng, tôi xin giới thiệu... Thiện Cùi có đôi lời tâm sự.. Xin cho Thiện Cùi một tràng pháo tay!"

Tiếng vỗ tay lẹt đẹt. Thiện lên sân khấu một cách rất điệu (như hôm anh mặc đồ chên đi trượt tuyết), rút từ túi áo ra một tờ giấy viết sẵn đọc:

"Thưa các bạn,

Tôi có nghe cha mẹ tôi kể về nguồn gốc người Việt chúng ta Đó là một bọc 100 trứng, nở ra 100 con, 50 con lên rừng, 50 con xuống biển. Trong số con cái của những người ra biển, có nhóm đi thật xa ra khơi, được gọi là thuyền nhân. Nhiều thuyền nhân sống sót sang bên kia bờ Thái Bình dương, sang Đại Tây dương. Riêng các bạn và tôi lên tận Bắc Hải, được vui vẻ ngồi đây, ca hát, học hành, ăn những hạt gạo thơm nhất từ Thái Lan, những con tôm mập mập nhất từ Việt Nam, những trái soài ngon ngọt nhất từ Pakistan.

Tôi là con của nhóm thuyền nhân, vừa về Việt Nam để nhìn lại đời sống của con cháu nhóm 50 người lên rừng... và thấy họ...."

Thiện áp úng, gấp tờ giấy viết sẵn nhét lại vào túi áo, nói một cách tuyệt vọng:

"Tôi... tôi dở quá, không biết nói, không diễn tả được. ở nước ta có khoảng 200.000 người cùi, mỗi người là một bể khổ. Làm sao Thiện nói hết được? Các bạn thấy người cùi bao giờ chưa"

Các bạn có mặt, phần lớn sinh trưởng tại Na-uy, lúc đầu Thiện tự trả lời:

"Tôi đã thấy Tôi chỉ gặp và nói chuyện với 49 người Nhưng tôi không chắc 49 cái xác đó ráp lại thành được mấy con người lành lặn, vì có người cụt chân, có người cụt tay, có người mất môi, có người mất hẳn sống mũi, có người mù mắt, có người ruồng một lá phổi..."

Thiện ngưng. Hội trường im lặng, chờ đợi Anh háng giặng nói tiếp:

"Tôi... tôi có thấy xác chết trong nhà cơ thể bệnh viện, có sờ mó vào cơ thể người tạ Nhưng tôi không sợ lắm, vì tôi biết đó là những xác chết. Điều làm tôi run sợ khi nhìn những người cùi còn sống, là tôi thấy những linh hồn nguyên vẹn trong những thể xác nhày nhụa Và rõ ràng là họ muốn sống, ham sống lắm. Bên cạnh nỗi sợ hãi, là sự đau đớn vì tôi biết trong các thể xác tàn tạ đó có mang nhiều 'ghen' chung với tôi..."

Không khí nặng nề trong hội trường. Bổng Năng nỗ đứng lên:

"Ghê quá, mà có 'ghen' cùi chác!"

Đôi lông mày Thiện nhíu lại, nhưng khóe miệng cười hiền:

"Không hề có 'ghen' nào mang bệnh cùi Nhưng anh Năng có lý ở điểm: trong tôi có máu Việt Nam, mà nhiều người Việt Nam khác đã bị cùi, thì cũng có thể thể tới phiên tôi!"

Năng Nỗ khệnh khạng:

"Mày cùi thì tất cả đây nghỉ chơi!"

Cái nhíu mày của Thiện bỗng làm tôi nhớ lần đầu quen nhau, cũng trong hội trường này, Thiện nói đùa sẽ nghiền cứu về tiếng khóc đầu tiên của các giống người Thiện lắc đầu:

"Tôi... Thiện không tin..."

Thiện xòe hai bàn tay trước ngực, như van xin, nói tiếp:

"Thiện không tin các bạn sẽ bỏ Thiện. Mà cho dầu các bạn lánh xa Thiện vì sợ lây, các bạn cũng để lại một chiếc gậy cho Thiện chống, một nắm cơm cho Thiện ăn, một bình nước, để Thiện tiếp

tục lên đường... tránh."

Anh Đức hội trưởng lên đứng bên cạnh Thiện, cầm micro:

"Các bạn ơi, tôi nghĩ Thiện nói như vậy đã đủ rồi Chúng ta nên đáp lại lời kêu gọi của Thiện, chúng ta hãy cho những đồng bào bất hạnh kia một chiếc gậy chống, một nắm cơm, một bình nước. Tôi đề nghị chúng ta mở cuộc lạc quyền chớp nhoáng. Xin các bạn bắt đầu mở bóp.... Tiền quyền được sẽ giao cho Hội Hansen tại Na-uy đưa về buôn Thượng tại Gia Lai"

Tôi thấy anh Đức không hổ danh đàn anh của chúng tôi Thiện được tiếp sức, hoan hỷ bắt tay anh Đức:

"Cám ơn anh Đức nói thay em."

Cả hội trường lặng đi một lúc rất lâu, cho tới khi Vinh khua trống đánh rầm, ban nhạc chơi một bài gì đó. Và nhóm Thắng, Oanh, Nini, Duyên, Thục Khanh bắt đầu đi quyền tiền giúp người cùi Việt Nam. Tôi ghé tai MC Nhơn:

"Sau khi lạc quyền xong, anh cho tôi trình diễn một màn cám ơn các nhà hảo tâm được không?"

Tôi đã bí mật mang theo cây sáo bạc, không cho Thiện biết trước. Nhơn nói:

"Còn gì bằng nữa Sao hỏi giờ Phương Thi giấu tài hoài?"

Quyền tiền xong, anh Đức lên tuyên bố:

"Kết quả cuộc lạc quyền bắt ngờ hôm nay cho làng phong Gia Lai là 3371 kroner. Xin cho một tràng pháo tay"

Tràng pháo tay chưa chấm dứt, anh Đức khoát tay:

"Chưa hết! Chúng tôi còn nhận được tám sách 500 kr của bạn Năng."

Tiếng ồ ngạc nhiên pha tiếng vỗ tay thật lâu trong hội trường. Liên, biệt hiệu Thím Liên, đứng lên thi thố số trường:

"Ê! sách có tiền bảo chứng không đó, Năng Nô???"

Năng Nô ngồi im uống bia, không... phản pháo, trong khi anh Đức rút ra một tờ giấy viết tay đọc, có vẻ như dịch từ tiếng Na-uy:

"Tôi ký tên dưới đây xin góp 500 kr cho đồng bào cùi tại Gia Lai Ký tên Vương Duy Năng."

Thím Liên cong cớn:

"Tờ giấy lộn đó còn tệ hơn tám sách không tiền bảo chứng nữa"

Thục Khanh nhảy lên cướp micro, nói:

"Xin các bạn nghe tôi nói: Khi tôi đi thu tiền, tới anh Năng, anh chỉ có 20 kroner muốn giữ lại để lỡ đập bánh trắng có tiền đền, mà lại muốn ủng hộ nhiều, nên anh hứa khi lãnh học bổng sẽ cho

500. Anh tự viết giấy cam đoan, không thôi ra khỏi hội trường quên mất. Chứ tôi không đòi, vì tôi đây biết anh Năng hứa là làm."

Tiếng vỗ tay xen tiếng cười vui vẻ. Thục Khanh xuống, lại có Long "ngáo" giằng micro:

"Thế thằng Năng Nổ đã 'hứa hẹn' gì với Thục Khanh?"

Cả đám lại cười hô hố. Thục Khanh tỉnh bơ lại ngồi gần Năng Nổ. Cặp môi tuyệt đẹp của nó trề ra, khiến nhiều anh con trai điên cái đầu, đâm ghen với Năng Nổ. Thiện lên sân khấu cảm ơn:

"Cám ơn! Cám ơn! Tôi yêu tất cả các bạn."

Có tiếng hô:

"Thiện Cùi mà làm như Michel Jackson không bằng - 'I love you all!'"

Phút hồi hộp đã tới, MC Nhơn giới thiệu:

"Để thay cho lời cảm ơn của những người bệnh phong gởi tới các bạn hảo tâm, Phương Thi sẽ đọc tấu sáo bài 'Mẹ trăm con,' dân ca Jarai, do Phạm Duy soạn lại"

Tiếng huýt sáo inh ỏi làm tôi vừa mắc cỡ vừa vui sướng. Trong tiếng hô hoán, tôi nghe loáng thoáng tên nào tinh nghịch xen vào "đặc biệt tặng Thiện cùi!" Tôi tự trấn tĩnh bằng cách tưởng tượng đang đứng trên một ngọn đồi ở cao nguyên Đác Lác, giữa hàng ngàn đồng bào Thượng nhìn tôi hiền từ và chờ đợi Thiện đứng bên cạnh, đặt tay trên vai tôi! Và tôi bắt đầu điệu nhạc, mà tôi nhớ lời là "Anh em ta cùng mẹ cha, nhớ chuyện cũ trong tích xưa..." Những bước chân người giắt díu nhau đi lên núi, xuống đồng. Và gió lùa trên ngàn. Khi khúc nhạc ngắn ngủi chấm dứt, tiếng vỗ tay và tiếng khích lệ vang lên:

"Hay quá!"

"Bis! Bis!"

Tôi cúi đầu, nói chậm rãi:

"Cám ơn các bạn. Nhưng rất tiếc, nhạc Việt, tôi chỉ thuộc một bài sáo đó. Tôi cũng rất tiếc và ân hận đã đánh mất một cây sáo tre, do chính người cùi làm. (Tôi quay sang Thiện), nếu còn cây sáo đó, tôi đã thổi hay hơn."

Ai ngờ, Thiện tiến lên, rút từ túi trong áo vét ra một cây sáo. Đúng là cây sáo tre ngắn đó. Tôi cầm cây sáo trong tay, nói:

"A! May quá, Thiện đã tìm lại được cây sáo tre Các bạn cho phép tôi thổi lại nhé?"

"Tới luôn đi! Bà nội làm điệu hoài!"

Tôi kê ống tre còn ẩm hơi người lên môi và bắt đầu lại bài Mẹ Trăm Con.

Nhạc dứt, Năng Nổ nói huych toẹt:

"Tôi nghe cũng rứa thôi! Có hay hơn gì đâu Rề hơn thì có."

Tôi nói:

"Vâng, tiếng sáo rè vì bữa trước tôi đánh rớt nó từ trên lầu tự xuống."

Tôi về chỗ ngồi bên cạnh Thiện, nói nhỏ:

"Tôi chưa xin lỗi... ông về vụ tôi vứt cây sáo đi"

Thiện nói, giọng ngọt hơn bình thường:

"Tôi thấy bà lên đi tìm cây sáo ngoài bụi cây"

Tôi vui sướng, chữa thẹn:

"Ê! Cái ông này theo dõi tôi bất hợp pháp!"

Rồi mân mê cây sáo, tôi tiếp:

"Năng Nổ nhận xét đúng. Hồi nãy tôi thổi hơi ngang ngang, lơ lơ làm sao ấy,... ông a.."

Thiện ghé tai tôi:

"Lơ lơ như thế mà lại ngọt. Như giọng bà khi nói tiếng Việt."

Trống ngực tôi đập mạnh, không biết do sự xúc động vì vừa thổi sáo, hay do hơi ấm của Thiện phả vào tóc mai. Thiện nói tiếp:

"Vừa rồi vì xúc động quá, tôi nói những điều dao to búa lớn như... người lớn. Bà thấy có kỳ không?"

Tôi nhìn sâu vào mắt Thiện đang mở to, hỏi:

"Những điều ông nói đó, ở đâu rả"

Thiện đặt tay trên ngực:

"Từ trong này"

"Điều gì từ trong lòng nói ra, chẳng bao giờ kỳ."

Miệng tôi nói vậy, nhưng trong lòng tôi bây giờ có biết bao nhiêu điều, mà nói ra kỳ lắm.

Thiên Nga không còn giữa cõi người

Phạm Tín An Ninh

(Đề tưởng nhớ Tâm Thanh, nhân giỗ 49 ngày của anh)

G giữa tháng 7-2014, anh Nguyễn Đắc Điều, người bạn thân thiết của anh Tâm, từ San Diego, California sang Na Uy thăm anh. Có anh chị Phạm Kế Viêm -Trần Diệu Tâm tháp tùng từ Paris.

Vợ chồng tôi nhận lãnh việc đưa đón khách đường xa, vì với chúng tôi, anh Điều cũng khá thân tình, xem chúng tôi như em út. Sau khi làm thủ tục nhận phòng trong khách sạn xong, tất cả chúng tôi đến thăm anh chị Tâm. Tình trạng ung thư của anh đã sang thời kỳ cuối. Mất sức qua các lần hóa trị và không ăn uống được, anh đã gầy đi nhiều, trông khá tiêu tụy, mệt mỏi. Chí tình và cố gắng lắm anh mới tiếp chúng tôi, dù anh chỉ ngồi nhìn chúng tôi ăn, và nở những nụ cười. Đã khá lâu, từ ngày bệnh tình của anh trở nên trầm trọng, bạn bè rất hiếm khi được gặp hay nói chuyện với anh qua điện thoại. Ai cũng biết anh cần phải nghỉ ngơi, và tâm lý người ốm đau thường không muốn người khác, bạn bè phải nhìn mình với đôi mắt âu lo thương hại. Đặc biệt, anh Tâm lại là một người cần trọng, dễ xúc cảm và luôn sống chí tình với mọi người.

Tôi sống ở Na Uy, nhưng từ khi về hưu vợ chồng thường trốn lạnh, sang Mỹ ở với mấy cô con gái sáu tháng mùa đông. Những tháng hè về lại Na Uy. Lúc anh Tâm còn khỏe, và ngay cả khi anh bị ung thư đã được giải phẫu, nhưng sức khỏe chưa đến nỗi tệ lắm, đám bạn chúng tôi thường rủ anh ra quán cà phê Morten, nằm bên hóc núi trên con đường vắng đi về hướng Nittedal, để chuyện trò, tán gẫu. Những lần sau này, anh không còn tự lái xe được, chúng tôi ghé nhà đón anh đi, có khi anh nhờ cháu Như Thủy, cô con gái cưng của anh đưa anh đến. Ngoài tôi, có các anh Dương Kiên, Cung Vĩnh Viễn, Phí Ngọc Hải, Nguyễn Văn Lập, thi thoảng có anh Nguyễn Đình Lưu từ Tønsberg lên. Bọn chúng tôi thường chọn một cái bàn ngoài nắng, ngồi ôn chuyện cũ. Anh Dương Kiên kể thời anh viết văn, làm tờ Văn Học, điểm danh những khuôn mặt văn nghệ một thời. Anh cũng kể vài kỷ niệm vui lúc anh là Phó Ủy Viên Chánh Phủ của Tòa Án Quân Sự Mặt Trận Vùng 2. Anh Viễn thì nói về bạn bè Nguyễn Trãi, Chu Văn An, những tháng ngày sau 75 bắt đắc dĩ làm thầy giáo “lưu dung”, và lắc đầu xua tay khi bọn tôi khen những bài thơ anh viết. Anh Lập và tôi thì kể chuyện lính, chuyện đánh đấm và chuyện tù đầy. Đôi lúc anh Lập kể cả chuyện tu hành, con đường nào đã dẫn anh đến kinh kệ. Anh Lập nguyên là thiếu tá phi công trực thăng, sau 75 là bạn chí thân cùng tù với tôi, qua nhiều trại, ngoài Bắc. Vượt biển chung một chuyến và cùng đến định cư ở Na Uy. Anh cũng là bạn đồng nghiệp Bưu Điện cùng sở với chị Tâm. Ăn chay trường, tu tại gia gần mười năm nay. Anh Phí Ngọc Hải, đồng môn QGHC với anh chị Tâm. Hai anh đã thân quen khá lâu, từ khi mới đến định cư ở Na Uy và hợp sức thành lập Hội Thân Hữu Người Việt Tự Do. Những lần sau này, anh Tâm không uống được cà phê như trước nữa, anh chỉ uống nước lạnh hay một tách trà nhạt. Sau đó, sức khỏe anh yếu dần qua những lần hóa trị, và nhất là không ăn uống được, anh cáo lỗi, không đến nữa. Vắng anh, chúng tôi cũng thưa dần những buổi họp mặt. Không có anh, chúng tôi thấy trống vắng quá, khoảng trời trên vách núi không còn trong xanh, những ngọn gió mùa hè Bắc Âu lạnh lẽo hơn, và những tách cà phê trở nên nhạt thêch, không còn hương vị nồng nàn.



Viễn-Tâm
Ninh- Kiên-Hải



Viễn-Hải-Lập-Ninh-Tâm

Chúng tôi gọi nhau để hỏi tin tức về anh. Thành thạo gọi tới nhà, được nghe chị Tâm nói vài điều về tình trạng sức khỏe và việc chữa trị. Dù chị Tâm cố gắng vui vẻ, bình thần, nhưng chúng tôi hiểu được điều gì sẽ đến. Chúng tôi chỉ còn biết cầu nguyện và ước mong có một phép nhiệm màu nơi Đấng Tối Cao mà anh đã một đời thờ phượng và phó thác số mệnh của mình.

Nếu căn bệnh ung thư là một bất hạnh, thì bù lại anh Tâm đã có một điểm phúc rất lớn. Đó là người bạn đời Khánh Hà, cũng vừa là bạn đồng môn QGHC và vừa là người bạn văn tâm đắc nhất của anh. Anh viết văn còn chị làm thơ. Tôi cũng rất mê thơ của chị, nhiều bài, nhiều đoạn rất dễ thương, từ khá lâu tôi đã thuộc nằm lòng:

...

*Thức dậy cùng em thuở ấu thơ
tiếng con tu hú gọi vang bờ
dòng sông tuổi nhỏ trôi đi mất
còn bãi sông buồn đứng ngẩn ngơ.
(Tháng Chạp Quê Nhà)*

....

*Đêm nghe tiếng sóng trong lòng
thấy ta thức dậy trên dòng sông xưa
trường giang lớp lớp sóng đưa*

một con đò chở nắng mưa sớm chiều
(Đêm Nghe Tiếng Sóng)

“*Thơ Khánh Hà dễ hiểu, nhưng không tầm thường, sẽ đi vào lòng mọi người đọc, trí thức cũng như bình dân, một phẩm tính ít nhà thơ nào tạo được*” (nhận xét của nhà văn Nguyễn Văn Thà). Anh Tâm, phu quân của chị, “*đọc thơ người nhà*” cũng đã viết: “*Thơ đối với Hà là hơi thở. Nhưng nàng lại ngại ngùng chia sẻ; nàng thích chia sẻ đồ ăn, của cải, nhưng tâm sự và thơ thì dè dặt. Đối với bạn bè, và cả với tôi, nàng chỉ coi thơ (và chính sự hiện diện của nàng) như một nụ cười vu vơ gửi tới bạn hiền.*” Chị luôn đồng hành cùng anh trên mọi nẻo đường đời, luôn được tất cả mọi người quý mến, nể nang. Chồng Bắc vợ Nam, nhưng có lẽ đây là đôi tình nhân hạnh phúc nhất, cặp vợ chồng tâm đầu ý hợp nhất mà tôi biết được. Anh Điều, anh chị Phạm Kế Viêm và vợ chồng tôi đến thăm anh chị hai lần. Chúng tôi rất ái ngại khi chị Tâm phải vừa sẵn sóc cho anh vừa làm cơm đãi khách, nhưng chị Tâm, ngoài bản tính chân tình, hiếu khách, cũng muốn cho chồng vui, nhất là được gặp lại anh Điều. Dù vóc dáng tiều tụy nhưng lúc nào anh cũng cố nở nụ cười, vui vẻ. Anh xin lỗi vì không thể nói chuyện nhiều được. Anh chị kéo chúng tôi ra vườn sau, chụp vài tấm ảnh. Những năm sau này anh nghiên cứu về nghệ thuật nhiếp ảnh như là một hobby trong tuổi già, bên cạnh chuyện viết lách Anh cho chúng tôi xem những tấm hình cũ và cả những tấm hình anh vừa mới chụp, có đủ mặt mọi người. Nhìn trong ảnh, thấy anh cười mà lòng tôi xúc động, thoáng hình dung ngày tháng tới đây, trong chúng tôi sẽ thiếu mất một người.



Tâm-Điều-Viêm-Ninh
Khánh Hà- Diêu Tâm-Gia Thức

Được có hai buổi gặp gỡ ở nhà anh chị lần này là một may mắn đặc biệt. Nhờ cái tình anh dành cho anh Nguyễn Đắc Điều, người bạn quý, có thể nói là thâm tình nhất mà anh xem như người anh trong gia đình. Bởi anh Điều vừa là bạn cùng khóa 6 QGHC với người anh quá cố của anh, anh Ngô Đức Lưu, và sau này lại là người đồng sự của anh tại Viện Tu Nghiệp Quốc Gia, cùng đi du khảo ở Mỹ, Đài Loan. Hơn nữa, chị Tâm cũng tốt nghiệp Cao Học từ Học Viện QGHC, đồng môn của phu quân và của cả anh Điều. Dù ở xa, nhưng lúc nào anh Điều cũng hết lòng lo lắng, khích lệ bạn mình. Khi anh Tâm viết xong những truyện trong *Thiên Hương Về Trời*, anh Điều thúc hối layout để anh mang đi in cùng với thi tập *Cuối Đường* của chị Tâm, giới thiệu trong cuộc triển lãm các tác phẩm của cựu sinh viên QGHC ở Nam Cali và gửi biểu bạn bè. Khi bệnh tình trở nên trầm trọng, biết trước số phận của mình, anh Tâm viết “*Lệnh Triệu Ban Rời*” gói ghém những tâm tình như thay cho lời từ biệt. Anh Điều luôn khuyến khích và cuối cùng đã lo việc in ấn và chuyển đến những bạn bè của anh Tâm ở khắp các nơi. Bản tính anh chị Tâm không bao giờ muốn làm phiền bạn bè, đã tìm đủ cách khéo léo hoàn trả cho anh Điều mọi phí tổn, mà anh Điều không có cách nào từ chối được. Tôi may mắn được quen biết anh Tâm trong hơn 30 năm, sau này lại quen biết anh Điều trong

trường hợp khá bất ngờ để rồi trở nên thân thiết. Cả hai anh đều là những người đáng kính, luôn sống với nhau bằng trọn tấm lòng. Tôi hiểu được vì sao mà anh Tâm và anh Điều thân quý nhau như thế.

Lần cùng với anh Điều và anh chị Phạm Kế Viêm đến thăm, cũng là lần cuối cùng tôi gặp anh Tâm. Tháng 9.2014, vợ chồng tôi sang Mỹ. Trước ngày đi, nhóm bạn chúng tôi lại hẹn gặp nhau ở quán cà phê Morten bên hóc núi. Đó là lần họp mặt buồn nhất. Bọn tôi bảo nhau, có lẽ sau này chúng mình không còn gặp lại anh Tâm. Tôi chỉ còn có một ước mong duy nhất là ngày anh Tâm ra đi, tôi có mặt ở Na Uy để được tiễn anh lần cuối và nói với anh vài lời mà không thể nói lúc anh còn sống. Tính của anh không thích nghe những lời khen, những lời cảm ơn hay ngưỡng mộ mình.

Nhưng rồi điều ước mong nhỏ nhoi duy nhất đó cũng không thành. Sáng sớm ngày 9 tháng 4.2015, khi đang ở nhà cô con gái út trên đồi Hacienda Heights, mừng cháu vừa sinh đứa con thứ nhì, mới thức dậy thấy trong lòng như nôn nóng một điều gì, tôi vội vàng mở máy check mail, thấy bạn Đinh Ngọc Cần (nhà văn Đoàn Mai Tâm) từ Oslo báo tin buồn: *“Anh em mình đã thực sự mất một người anh đáng kính. Anh Ngô Thanh Tâm vừa mới ra đi lúc 6giờ chiều hôm nay, ngày 9.4. Chúng mình hãy cùng cầu nguyện cho anh.”* (Giờ Na Uy đi trước Cali 9 tiếng). Tôi lặng người. Đầu óc tự dưng không còn cảm giác và trong lòng dường như chỉ còn là khoảng trống bao la.

Tôi gặp anh Tâm lần đầu trong một buổi hội Tết, sau gần hai tháng gia đình tôi đến định cư ở Na Uy. Tôi ở khác thành phố nhưng cùng một thị xã với anh. Gọi là hội Tết nhưng thực ra chỉ quy tụ khoảng 80-90 đồng hương, tổ chức một ngày Tết chung để hoài niệm những cái tết ở quê nhà. Tôi mới đến, nên bị mấy cụ già “bắt cóc” làm trưởng ban tổ chức. Có lẽ mấy cụ nghĩ là những người mới từ trại tỵ nạn sang còn chút năng nổ, chưa bị ngấm cái lạnh Bắc Âu. Hội Tết cũng được sự tham dự đông đảo của những người Na Uy trong chính quyền và Sở Tỵ Nạn. Ngay sau khi kết thúc, được cho là thành công, anh Tâm tìm đến bắt tay tôi với nụ cười thân thiện. Tôi biết anh từ đó, nhưng chưa thân tình lắm.

Thời gian này tôi hoạt động rất tích cực trong Mặt Trận Hoàng Cơ Minh, mà tôi và nhiều bạn bè đã tham gia từ khi còn ở trại tỵ nạn Bataan, Phi Luật Tân. Lúc này Mặt Trận còn được nhiều người ủng hộ, và ngay tại Na Uy một vị linh mục Việt Nam đứng ra thành lập và làm Chủ Tịch Ủy Ban Yểm Trợ Kháng Chiến.

Một lần, tôi đứng ra tổ chức buổi nói chuyện cho giáo sư Tonaka từ Nhật sang, mà tôi được ông cựu Đại tá Phạm Văn Liễu, Tổng Vụ trưởng Hải Ngoại của Mặt Trận, giới thiệu là bạn thân của Phó Đề Đốc Hoàng Cơ Minh, đã từng vào chiến khu quốc nội(?), và là người đang vận động quốc tế ủng hộ Tướng Minh và Mặt Trận. Trước đó, trong vài lần tâm tình, tôi biết là anh Tâm không những không tin, không ủng hộ mà còn phản đối Mặt Trận, nhưng tôi vẫn mời anh đến nghe. Tôi bảo là tôi rất tôn trọng những suy nghĩ và quyết định của anh, nhưng vì đây là lần đầu tiên có một giáo sư ngoại quốc nói chuyện về Mặt Trận, nên tôi muốn anh đến nghe để tìm hiểu thêm và giúp tôi tìm một hướng đi đúng sau này. Anh nể tình tôi, nhận lời.

Buổi nói chuyện được tổ chức tại trung tâm thành phố Oslo, đông đảo bà con đồng hương tham dự. Khi giáo sư Tonaka kết thúc phần nói chuyện, đến phần trả lời các câu hỏi, thấy anh Tâm đưa tay hai lần, nhưng khi tôi mời thì anh im lặng, lắc đầu. Mặc dù trong vai trò điều hợp, tôi luôn lên tiếng mong muốn được nghe những ý kiến, phản biện về những tiêu cực của Mặt Trận để được cùng thảo luận, hầu tìm ra đáp số cho bài toán của niềm tin. Vài hôm sau anh ghé thăm, tôi nhắc lại việc anh đưa tay đến hai lần nhưng sao không hỏi. Anh cười, bảo là không muốn làm cho tôi buồn và thất vọng! (Và sau đó tôi đã thất vọng thật.)

Từ hôm đó anh thân tình với tôi hơn. Tôi nối gót anh vào ngành Bưu Điện, anh làm việc ở cấp quản trị cao hơn. Nhưng khi tôi học xong và đi làm được hai năm thì anh bỏ Bưu Điện sang làm ở Đài Truyền Hình NRK. Lúc này Hội Thân Hữu Người Việt Tự Do tại Na Uy do anh Phí Ngọc Hải, một người bạn thân của anh làm hội trưởng từ lúc các anh sáng lập, vì hoàn cảnh không thể tiếp tục, hội cũng đã không sinh hoạt một thời gian. Anh Tâm đã vận động tôi, và nhờ nhiều người uy tín khác, trong đó có một vị linh mục, khuyến khích tôi ra nhận lãnh trách nhiệm để

gây dựng lại. Ngày bầu cử, sợ tôi “trốn”, anh đích thân lái xe đến nhà thật sớm để chờ tôi đi. Tôi làm hội trưởng, anh luôn ở bên cạnh như một người bạn đồng hành. Tôi mời, anh từ chối, không muốn nhận chức danh Cố Vấn hay Giám Sát, nhưng cam kết là luôn ở bên cạnh tôi. Và anh đã giữ lời hứa. Chúng tôi đã đổi danh xưng thành Hội Người Việt Tỵ Nạn Tại Na Uy, quy tụ thêm nhiều đồng hương, tạo được những thành công và sức mạnh. Hai anh em gắn bó với nhau trong sinh hoạt cộng đồng từ dạo ấy. Trong công việc, không phải là chúng tôi không có những bất đồng, nhưng tôi luôn tôn trọng, kính mến và biết ơn anh.

Giữa năm 1997, anh gửi cho tôi đọc một số truyện ngắn anh viết, đề tên tác giả Tâm Thanh. Truyện nào cũng rất hay, nhưng tôi mê nhất là truyện *Trích Tiên*. Tôi không ngạc nhiên về tài viết văn của anh, bởi tôi biết trước khi vào Cao Học QGHC anh đã tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Triết ở Đà Lạt và từng làm giáo sư môn Triết. Đúng như nhà văn quá cố Nguyễn Mộng Giác đã từng nhận định: “*Người đọc bước vào truyện (Tâm Thanh) như lạc vào cõi mơ, và ra khỏi truyện thì ngỡ ngàng bàng hoàng vì bản khoán không hiểu nổi những vấn nạn của nhân sinh. Có thể xem truyện ngắn của Tâm Thanh như những bài thơ triết lý.*” Và sau này, người bạn văn của anh ở Na Uy, nhà văn Nguyễn Văn Thà, cũng đã có cái nhìn rất sắc bén về các tác phẩm của anh: “*Tâm Thanh đã viết được nhiều truyện ngắn hay. Anh đã nâng truyện ngắn Việt Nam lên một bậc. Truyện ngắn anh có kỹ thuật cao, hóm hỉnh và đầy minh trí như thơ Nguyễn Khuyến, nhưng cũng lãng mạn một cách thâm trầm, ý vị.*”

Từ khi mê tài viết của anh, tôi thường ghé lại anh hơn. Anh luôn bảo tôi kể cho anh nghe chuyện tình thời học trò và chuyện lính. Không ngờ những câu chuyện kể không đâu vào đâu ấy để chỉ vài hôm sau tôi bất ngờ đến ngõ ngàng khi đọc truyện Cổ Thành, kèm thêm một bài thơ cùng tựa của chị Khánh Hà, anh chị viết gửi tặng tôi và “vàng trắng thơ ấu”(chữ của anh). Anh viết hay quá, đẹp quá, làm tôi cứ tưởng là chuyện của một chàng mục tử đa tình nào đó chứ không phải chuyện của mình. Tôi liền tưởng đến thằng bé chăn cừu trong truyện Les Étoiles của nhà văn Alphonse Daudet tôi đã đọc đi đọc lại nhiều lần lúc còn đi học. Tôi có cái diễm phúc được anh cho đọc nhiều truyện của anh trước khi in thành sách. Tác phẩm đầu tay *Thiên Nga Giữa Cõi Người* do Văn Học ấn hành mùa hè 1999 đã làm nên tên tuổi Tâm Thanh. Trong nền văn học hải ngoại có thêm một nhà văn đúng nghĩa, được độc giả ái mộ. Sau đó *Gỗ Thức Trên Rừng*, *Thiên Hương Về Trời* lần lượt ra đời. Tất cả đều là những tác phẩm giá trị, được bạn bè và độc giả khắp nơi đón nhận nồng nhiệt.

Ban đầu, anh bảo tôi kể chuyện cuộc đời cho anh nghe, để rồi anh âm thầm viết thành những truyện đẹp. Sau đó thì anh khuyến khích tôi viết, bảo tôi có sẵn cái vốn quý -những kỷ niệm đặc biệt thời ấu thơ, những thăng trầm trong cả một đời lính- vốn đã là những câu chuyện hay và cảm động. Anh muốn có người đồng hành cho vui. Vâng lời anh, tôi viết vội *Nợ Đời Một Nửa*, *Một Nửa Nợ Ông Em*. Đây không phải là một truyện ngắn mà chỉ là một đoản văn, không đâu vào đâu. Tôi gửi đến anh với lời nửa đùa nửa thật: “*Vâng lời ông thầy, gửi đến bài luận văn này nhờ ông thầy Triết xem qua và chấm điểm. Đủ điểm trung bình thì cố gắng viết, còn điểm dưới trung bình thì đành xin bẻ bút*”. Ngay tối hôm ấy tôi nhận hồi âm: “*Trả lại bài viết, vì ông thầy (bà) không còn điểm để cho.*”

Không ngờ lời nói đùa đó của anh lại là sự khởi đầu nghiệp viết lách của tôi. Anh rất xứng đáng là thầy tôi, nhưng không bao giờ chịu nhận. Đôi lúc tôi còn giận anh cái tính quá khiêm nhường. Khi được anh và nhiều vị thầy cùng bạn bè khuyến khích tôi ấn hành tập truyện đầu tiên “*Ở Cuối Hai Con Đường*”, một vài nhà văn tên tuổi thương tình, ngỏ ý viết tựa cho tập truyện. Tôi rất cảm kích tấm lòng của các bậc đàn anh, muốn nâng đỡ khích lệ một người tập tễnh cầm bút, nhưng tôi xin phép từ chối. Tôi muốn được anh Tâm Thanh làm điều ấy. Bởi ngoài việc tạo một cơ duyên, anh còn là người dẫn dắt tôi vào nghiệp viết. Bài tựa của anh, không những làm tăng thêm giá trị của tập truyện, mà với tôi, còn là một kỷ niệm đẹp đáng nhớ, nhất là sau khi anh không còn hiện hữu trên cõi đời này.

Thiên Nga Giữa Cõi Người, tên truyện ngắn mà anh dùng làm tựa cho tập truyện đầu tay. Tập truyện đã làm nên tên tuổi Tâm Thanh. Trong câu chuyện, anh kể về một đôi thiên nga đẹp nhất

ở vùng sông hồ Telemark- Na Uy. Giống thiên nga vốn rất hiền lành và chung thủy, nhưng vì sống gần con người nên con thiên nga trống đã bị giết (oan), vì nó tấn công một chú bé đang bơi lội dưới hồ mà tưởng nhầm là con rái cá đã quấy phá ổ trứng của chúng. Cuối cùng, tác giả -người chứng kiến cái chết của con thiên nga và tìm ra lý do chết oan của nó- đã bộc bạch tâm sự của mình:

“Tôi có thể “tu luyện” để hưởng được hơi ấm của một giọt nắng trong vườn tuổi thơ ngay lúc cùng người đi trong cơn bão tuyết. Nhưng lạ quá, tôi chưa bao giờ tránh được cơn gió bắc vô hình giữa những con người. Tôi biết hoàn toàn là lỗi tôi, buồn lòng lắm, nhưng không làm gì được”

Giờ thì tác giả không còn ưu tư, tự nhận lỗi về mình hay phải buồn lòng nữa, bởi Thiên nga Tâm Thanh đã ra đi, vĩnh viễn không còn giữa cõi người.

*Viết tại đồi Hacienda Heights
12.4.15*

Cổ thành

(tặng Phạm Tín An Ninh)



Tôi ngạc nhiên vô cùng khi nhận được một phong thư lạ, giấy Việt Nam, tem và nhật ấn Ba-lan. Thư không đề ngày tháng, không ký tên. Nhưng khi tôi bắt đầu đọc thì từng chữ, từng giòng sáng ngời kỷ niệm. Và tôi bàng hoàng chất ngất khi đọc tới giòng cuối cùng “Tái bút: J’habite la Citadelle” (em đang ở Cổ Thành).

Thuở đó, Nha Trang. Từ mùa hè, tôi thấy tâm hồn và thân thể tôi có nhiều thay đổi... bạo. Tôi bắt đầu thấy rạo rức băng khuâng và thích nhìn trộm các nữ sinh cùng lớp. Ngày tựu trường (tôi học trường Văn Hóa) thấy một số học chung đệ ngũ như Bạch Yến, Ánh Mai, Bích Tùng v.v. đã vào cùng lớp, tôi thấy ‘yên bụng’. Nhưng tôi vẫn cảm thấy thiếu một người, mà không rõ rệt là ai, tất nhiên không phải mấy thằng khọt Bồn, Cường, Ngạn, Trương. Cho tới khi thầy giám thị đưa một đứa con gái tóc bom-bê vào, thì tôi biết đứa con gái tôi cảm thấy thiếu thiếu cả tuần nay chính là con này- Phương Thi. Tôi cũng thấy mới qua ba tháng hè mà nó đã thay đổi nhiều, có cái gì khác ... con trai. Đáng đi sao đâm ra yếu điệu thế kia? Áo của nó giặt thuốc gì mà sạch thế? Và làn da kia, ba tháng hè nắng nôi mà cứ trắng như trứng gà bóc! Và ôi, đôi mắt khi nó thoáng nhìn tôi... tôi thấy lòng bay bổng lên! Những dấu hiệu đó, hồi học lớp đệ ngũ, tôi đâu có thấy. Ngay cái hôm chia tay đi nghỉ hè, nó bao tôi ăn chè trước cổng trường và tôi quẹt mồm hện “năm tới mình sẽ học chung?” nó nói “ai biết được sang năm?” nó vẫn chỉ là một “thằng” bạn xinh xắn, dịu dàng, cùng tôi ganh đua học giỏi.

Thầy giám thị hội ý với thầy Ph., rồi bảo tôi ngồi xích vô (tôi ngồi đầu bàn đầu) và nói với Phương Thi:

– Ngồi tạm chỗ này.

Phương Thi rón rén ngồi xuống. Tôi nghe mát rượi bên cạnh, mà lòng thì nóng ran. Cái thời tiết bên nắng bên mưa kỳ lạ này làm tôi rùng mình, và tôi nghe một mùi hương ngọt ngào, nhưng nồng nàn át cả mùi phấn bảng, mùi gỗ ẩm từ bàn ghế, và mùi khét nắng của bọn con trai. Đó không phải là mùi nước hoa của các cô giáo. Đó là mùi thơm tự nhiên của lúa non, mùi nước dứa. Tôi “chịu trận” với mùi hương đó, và vài tiếng cười khọt khẹt của mấy thằng cốt đột đằng sau cho tới hết giờ học, không một chữ vào đầu. Chuông ra chơi reo, tôi mới dám quay sang mỉm cười với Phương Thi. Phương Thi mỉm cười lại. Nụ cười tươi sáng, dịu dàng, nhưng khi soi vào đáy đôi mắt ân cần đó, tôi đoán ngay là nụ cười của tôi chắc rất méo mó, khó coi.

Phương Thi nói khẽ:

– Ph...ú...!

Giọng của nó cũng khác, trong hơn, mềm hơn, nhiều gió hơn trong âm ‘ph’. Và chính cái giọng này vừa gọi tên tôi đấy! Từ đó tôi không bao giờ gọi Phương Thi là ‘nó’ hay ‘con’ nữa, dù giữa mấy đứa con trai ngổ ngáo hay... trong đầu. Trong đầu tôi, Phương Thi trở thành ‘nàng’, ‘nàng Thơ’, gọi tắt là Thi. Cũng chả có gì là lạ, ngay từ đệ ngũ hai chúng tôi đã thi nhau viết văn, sưu tập thơ.

Hôm sau thầy Nhơn, giáo sư hướng dẫn, xếp chỗ lại và ‘trả’ Thi về bên con gái, cũng đầu bàn đầu như tôi. Qua tết Trung thu, sau giờ hình học, giờ chơi vào, tôi thấy trên bảng có hàng chữ ‘THI đối xứng PHÚ’. Lúc đó tôi không dám nhìn Thi, không biết phản ứng của Thi ra sao. Phần tôi, tôi chỉ cảm thấy khoái chí. Hôm khác có đứa kém... hình học phẳng hơn, còn viết thẳng ‘Phú & Thi’ mà cố ý vẽ dấu ‘&’ thành hình trái tim. Tôi đoán là thằng Bồn, nhưng lờ đi.

Ngồi đầu bàn có cái lợi là khi Thi lên trả bài, đứng trên bục quay xuống, tôi được tự do ngắm hai bàn tay với những ngón nhỏ trắng trong có móng sơn phớt hồng cắt ngắn, đan vào nhau, buông trước bụng, tuồng như Thi đang hứng chùm ánh sáng từ cửa sổ chiếu vào. Khi xếp hàng vào lớp, trai một bên, gái một bên, tôi luôn luôn đi song song Thi. Một sáng gió biển thổi vào, áo dài của Thi quện sang, tôi cứ ngửa mặt lên mà cảm ơn Trời.

– Phú không lo sóng hàng, cứ ngửa mặt nhìn cái gì trên trời vậy, Phú?

Nghe Phương Thi nhắc, tôi cúi xuống, gằm mặt đi như kẻ có tội. Tôi giẫm tụt xăng đan của thằng đi trước. Tới giữa lớp Thi nói nhỏ trước khi “chia tay”, con trai sang bên tả, con gái sang bên hữu:

– Phú hôm nay lạ.

Tuần sau, giờ Pháp văn, cô Linh bắt thực tập đàm thoại. Cô ra câu hỏi:

– Nhà bạn ở đâu? và hỏi ai dịch được.

Có bạn giơ tay trả lời:

– OÙ est votre maison?

Cô cười, phê:

– Dịch như thế không sai văn phạm, nhưng trong tiếng Việt khi người ta hỏi ‘nhà bạn ở đâu?’ người ta không có ý hỏi cái nhà của anh nằm ở đâu, mà người ta muốn hỏi... Cô chưa nói hết câu, tôi láu táu giơ tay:

– ... ‘bạn ở đâu?’, ‘où habitez-vous?’

Cô khen:

– Très bien!

Rồi cô tóm ngay tôi và bảo Phương Thi đứng lên, để tập đối thoại. Có nhiều tiếng cười khúc khích đằng sau. Tự nhiên tôi thấy Thi đỏ mặt. Thi vốn e thẹn, hay đỏ mặt, nhưng hai tai đỏ mọng như một cánh hoa hồng và hai má hồng lên như đánh phấn, thì đây là lần đầu tiên. Lúc đó tôi mới để ý trên mặt của Thi có một chỗ không đỏ mà trắng ra, đó là cái sẹo nhỏ ở trên mi mắt trái. Và lúc đó tôi mới biết cái gì làm cho nụ cười của Thi hóm hỉnh, thông minh khác thường. Cô Linh bày ra một hoàn cảnh cho cuộc nói chuyện là hai người mới quen nhau, chào

hỏi sơ và hỏi chỗ ở, xa gần, để mẫu đối thoại có những câu mới học. Chúng tôi nói bằng tiếng Pháp, đại khái:

- Chào Phương Thi.
- Chào Phú.
- Nhà bạn ở đâu?
- Tôi ở trên Cổ Thành.
- Cổ Thành ở đâu?
- Ở cách Nha Trang 10 km về phía bắc.



Không hiểu tại sao mẫu đối thoại đó in mãi trong đầu tôi như bóng một lâu đài, một “cổ thành” mà hồi đó tôi nhắc cho Thi dịch là “la Citadelle”. Thầy sử dạy thành Diên Khánh do chúa Nguyễn Phúc Ánh xây từ thế kỷ 17, và lần lượt các ông Nguyễn Văn Thành và Võ Tánh trấn thủ. Riêng đối với tôi, nó có một lịch sử khác, đầy những cổ tích mà bao giờ vai chính cũng là một nàng công chúa, và bao giờ nàng công chúa cũng là ... Phương Thi. Phương Thi với cái sọc ở trên mi mắt trái. Hình ảnh Cổ Thành càng hợp với nhận xét ngây ngô của tôi lúc đó rằng con đường vàng những hoa muồng kia phải là nơi ở của người quý phái, không công chức cao cấp cũng sĩ quan hoặc nhà giàu, hoặc ít nhất trong nhà phải có một người con gái đẹp! Nhà Phương Thi vừa có bố làm trưởng ga Tháp Chàm, vừa có một người con gái xinh đẹp. Hai đứa chúng tôi học ngang nhau, nhất là môn Việt văn. Tôi còn đặc biệt giỏi Pháp văn và toán, nên được dịp giúp Thi. Mỗi lần tôi cho Thi mượn sách vở, Thi trả lại đều ép một bông hoa. Thỉnh thoảng chúng tôi sang nhà nhau làm bài. Tôi thấy lòng lâng lâng kỳ diệu những buổi tối từ ngòi nhà có hàng rào râm bụi ra về, đi trên con đường thơm nức dạ lan, và trên trời sao sáng vàng vạc. Xa xa tiếng sóng biển rì rào. Có lần chúng tôi đi dạo ngoài bãi biển, qua những lùm cây dương được cắt xén thành vòm rợp bóng mát, tôi ao ước được ngồi trong đó để cùng Phương Thi học bài, học mọi thứ trên trời dưới đất. Nhưng chưa bao giờ tôi dám nói ra với Thi ước mơ đó.

Cuối năm nhà trường tổ chức trại hè ngoài đảo. Ai có lều thì mang đi, còn thiếu thì bên Trung tâm Huấn luyện Hải quân cho mượn. Tàu hải quân chở chúng tôi ra một hải đảo ngoài khơi Cầu Đá, đẹp tuyệt vời. Ban ngày tắm biển, đá banh trên bãi cát, ăn cua, sò dưới bóng dừa; tối xuống đốt lửa trại, vui chơi, ca hát. Những lúc thấy Phương Thi trên bãi cát trắng, trong bộ đồ tắm màu nước biển xậm, tôi cứ lo một cơn sóng lớn cuốn Thi đi. Nhưng giờ tập họp điểm danh trước khi đi ngủ, tôi thấy Thi đứng ngay hàng đầu song song với tôi, có thể chạm tay nhau được, tôi yên tâm. Trước khi về lều, chúng tôi đứng lại hỏi băng quơ vài câu, mà tôi thấy lòng rạo rạt hạnh phúc. Tôi nâng bàn tay Thi, đặt vào con ốc mượn hồn bắt được hồi chiều. Đi được mười bước, tôi nghe Thi thét lên:

- Eo ơi!
- Tôi quay lại thấy Thi đang phui tay lia lịa, tôi hỏi
- Cái gì thế, Thi?
- Nó cắn.
- Tôi hiểu ra, cười:

– À, con cua trong vỏ ốc muốn chui ra. Nó nhỏ và nhát lấm, Thi đừng sợ. Nhưng Thi có đau không?

– Không sao.

Thi trả lời, rồi háp tấp quay đi theo kịp bọn con gái cùng lớp. Có tiếng cười khúc khích.

Tôi trở về khu trại con trai, nằm trong lều nghe gió vi vu bên ngoài mát rượi và tiếng sóng biển vỗ về, nhưng tôi không ngủ được, cứ nghĩ không biết hồi chiều Thi ra sao. Thi con nhà giàu, không biết tranh giành, rồi ai lấy phần cơm cho Thi? Khuya vắng, tôi nghe thằng Bồn nằm bên cạnh trở mình hoài, biết nó cũng không ngủ được, tôi khêu, nói khẽ:

– Mình ra ngoài chơi?

Nó nhồm dậy liền. Ánh trăng tràn ngập trên biển, trên bãi cát trắng tinh. Chúng tôi đuổi theo những con còng giương mắt lấp lánh chạy lao xao. Chúng tôi chạy dưới mé nước cho lân tinh vỡ dưới chân thành muôn vàn châu ngọc. Giá có bao nhiêu châu ngọc thật, tôi cũng tặng hết cho Phương Thi. Chúng tôi nằm trên cát nhìn trời, đếm sao. Khi thấy một ngôi sao sa, tôi ước “Ước gì tôi trở thành An Tiêm và cùng với Thi bị đày trên đảo này!”. Giờ này chắc Thi đã ngủ.

Đứa nào nằm cạnh Thi trong lều? Một bông hoa, khi thấm nước biển sẽ thơm mùi gì? Lúa non hay muối mặn? Tôi ngồi dậy, nhìn về khu lều con gái.

Bống mây từ chân trời kéo lên, che khuất trăng. Chúng tôi đang định về lều ngủ thì nghe tiếng đàn hát xa xa. Tôi và thằng Bồn lần mò đi về phía cái lều phát ra tiếng du dương giữa đêm khuya. Tôi dòm vào, thấy khoảng chục đứa, cả trai lẫn gái đang nghêu ngao hát quanh ngọn nến leo lét, ánh sáng chỉ đủ soi hình thù người, không đủ thấy mặt nhau. Tôi và Bồn len lén chui vào, ngồi ké vòng ngoài. Tôi ngồi xuống cát, đằng sau một đứa tóc ngắn để bảo đảm là con trai. Thằng này không hát, chỉ ngồi nhip nhip cái đầu, nên tôi cũng không có hứng cất giọng vẹt được mới bẽ của tôi làm chi. Một đứa ôm cây đàn từng tưng cho mấy đứa hát đơn ca, song ca, hợp ca. Hát chán, chúng bỏ chuyện ma ra kể. Đúng lúc một thằng kể chuyện ma biển thì trời đổ mưa. Tôi chẳng quan tâm tới ma quỷ gì, chỉ nghĩ vẫn vợ một điều: ngồi dưới lều vải trong đêm mưa là một trong những cái thú lớn trên đời. Nhưng nếu trong lều thiếu một người thì sự thiếu thốn đó cũng rất lớn. Tôi thấy thiếu thốn vô cùng... Bống cửa lều mở tung, hai đứa con trai ướt như chuột chui vô trú mưa. Gió lùa làm tắt phụt ngọn nến. Cả lều chìm trong màn đêm dầm hơi nước.

Một đứa rú lên:

– Ma! Ma biển!

Thế là cả đám hô ‘ma biển’ inh ỏi. Tiếng kêu, một phần là do khiếp sợ thực, một phần là để dọa nhau, phần lớn là tự nhát mình để tăng cảm giác được che chở giữa đám đông. Bống một tiếng sấm nổ âm trên trời. Tôi ôm chầm lấy thằng ngồi trước. Và tôi phát hiện cái thân thể trong vòng tay tôi sao mà nó mềm mại và thơm tho thế? Không xương xẩu và khét lẹt như mấy đứa con trai khác. Một cảm giác êm dịu, ngây ngất, làm cánh tay tôi tê dại, không thể buông ra được. Không biết thời gian trôi qua bao lâu, cho tới khi một đứa trong bọn bật diêm quẹt lên, thắp đèn, ánh sáng tỏa khắp lều, và một đứa ngồi gần tri hô lên:

– Con Thi! Thằng Phú!

Tôi bị bắt quả tang đang ôm Phương Thi trong vòng tay. Lúc đó tôi mới tỉnh hồn và buông tay. Và tôi cũng để ý lúc đó Phương Thi mới khẽ cựa mình để thoát ra. Tôi và Thi cùng mắc cỡ, chạy ù ra, đứa nào về lều đứa đó.

Đêm tôi nằm mơ nắm tay Phương Thi chạy trên bãi cát trắng, thỉnh thoảng sóng biển ập vào, tôi lại giang tay ôm Phương Thi. Tôi bị thằng Bồn thúc cùi chỏ đánh thức và xô ra mấy lần. May quá, thức dậy, nó không nhớ gì. Tôi làm mặt thản nhiên chơi đùa với Thi nhiều hơn hôm trước. Hình như chúng nó vui quá, quên chuyện ‘ma biển’ đêm qua, không nghĩ tới việc trêu chọc chúng tôi. Chúng tôi đùa sóng chán, rồi lên xây lâu đài cát. Hai ngày trại đó là hai ngày thần tiên nhất trong chuỗi ngày thần tiên thời niên thiếu của tôi. Nhưng cũng là những ngày vô tư cuối cùng. Chúng tôi bịn rịn chia tay nhau đi nghỉ hè. Thi đưa lưu bút cho tôi viết sau cùng, với một

bông phượng vĩ đỏ thắm ép trong, tôi thấy mắt Thi long lanh ướt. Tôi viết cho Thi một bài thơ...
ngây, trong đó tôi còn nhớ đã dám nhét vào hai câu bạo tàn canh:

*Thi đâu biết những đêm mờ ảo tưởng
Mà yêu thương là cồn cát đìu hiu*

Thật là một mùa hè dài đằng đẵng và... đìu hiu! Và nhớ ời là nhớ! Giá cứ đừng xảy ra vụ “ma biển”, tôi đã đạp xe lên nhà thăm Phương Thi, bây giờ tôi ngại ngùng như ai cũng biết lòng mình, mà đang kỳ hè, không có bài vở, lấy cớ gì để thăm? Ba bốn lần tôi nhủ lòng mình “đâu có gì, bạn học mà”, và đạp xe lên Thành, nhưng mới đến ngã ba Phú Vinh, là trống ngực đã đập loạn xạ, tôi đành quành ra bãi biển. Tôi ngồi trên gốc cây dừa già nhìn ra sóng nước mênh mông. Tôi nhái một câu thơ cô Pháp văn dạy và thầm nói “Sóng vỗ mãi một nhịp, chỉ nghe gọi Phương Thi”. Ôi! Tôi nhớ cái đêm mưa trên hải đảo!

Tôi nảy ra một ý tưởng: nếu Phương Thi có chút nhớ tôi như tôi nhớ Thi, chắc sẽ có lúc ra bãi biển nhìn sóng vỗ và cát trắng lung linh trong nắng. Vì thế tôi sẽ chờ đợi ngoài bãi biển hoài hoài. Bố tôi cũng dễ (tôi mồ côi mẹ lúc năm tuổi), trong năm bắt học, nhưng hè cho chơi thả dạn. Chú tôi lại mới thường tôi một cặp kính mát không quán, học sinh sắp lên đệ tam đeo rất oai. Tôi cứ đeo kính mát mà ngồi thờ trên gốc dừa... cô liêu, nhiều tuần lễ. Cảm giác không hện mà chờ là một cảm giác lạ lùng. Nó giống như đứa bé phụng phịu đuổi theo cầu vồng. Người ấy như ở đâu đó, thật gần, như nghe được hơi thở, mà cũng thật xa, như cố ý làm ngơ. Tôi càng quyết chí chờ hoài, cho tới khi Phương Thi phải động lòng mà xuất hiện. Chỉ cần được gặp Phương Thi một lần, tình cờ, trên bãi biển, là tôi thỏa lòng rồi. Nhưng chờ hoài chờ mãi mà người không tới. Tôi đánh bạo lên Thành tìm, thì hỡi ơi! Gia đình Phương Thi đã dọn đi rồi. Đi đâu không ai biết. Tại sao, cũng không. Tôi thần thờ leo lên xe lửa vào Tháp Chàm nơi bố Thi làm trưởng ga. Đã có ông trưởng ga khác rồi.

Tôi không nhớ bao lâu thì hết buồn về mối tình đầu ấy. Chỉ biết tôi cô đơn sang Võ Tánh học tiếp, đậu tú tài xong, vào lính. Dù. Có lúc tôi đóng ở Phan Thiết. Một hôm có phái đoàn học sinh đi ủy lạo chiến sĩ tới đơn vị tôi. Trong buổi họp mặt, tôi “chấm” một cô nữ sinh lớp đệ nhất nổi bật lên vì đôi mắt to đẹp tuyệt trần và mái tóc cột đuôi ngựa, tiếng hát mềm như tơ. Tiếng hát đó lại toát ra từ một đôi môi hồng, mỗi lần hát tới chữ ‘yêu’ thì chum lại thành hình một trái tim. Xong phần văn nghệ, tôi lên sân khấu, thay mặt anh em cảm ơn các giáo sư và học sinh, và xin tặng phái đoàn một cái mũ đỏ. Tôi xin phái đoàn cử người lên nhận mũ. Tôi không thể nào ngờ có sự tình cờ lạ lùng là phái đoàn nhà trường bàn nhau thế nào mà cử người đẹp tóc đuôi ngựa lên. Tôi đã... phải lòng ngay khi đội chiếc mũ lên cho nàng và nàng đưa tay chào kiểu nhà binh. Trong phần tiếp xúc sau đó, nàng viết tên Thục trong lòng mũ của tôi. Sau điều tra ra thì được biết Thục là con gái ông giáo sư đồng nghiệp với ba tôi. Khi tôi nghĩ phép về thăm ông già, làm bộ tình cờ nhắc tới giáo sư Tuân, thì ông già tinh ý cười àm lên và nói “Đúng là duyên số!”. Thì ra Thục chính là cô gái mà bố tôi định chọn cho tôi, mà cứ mỗi lần ông thu xếp cho tôi đi ‘coi’ thì tôi kiếm cớ thoái thác, có lần lái xe gần tới nhà người đẹp tôi còn ‘đào ngũ’. “Lần này là tự mày dẫn xác tới đây nhá”, bố tôi đùa. Tôi và Thục yêu nhau tha thiết và hai năm sau đám cưới. Được ba đưa con (cháu đầu có một cái sẹo trên mí mắt phải, xinh đẹp vô ngần) thì cộng sản vào, tôi đi tù 7 năm. Ở tù ra, tới bến xe Nha Trang, tôi thấy cảnh cũ mà lòng hoang mang như đang đứng nơi đâu chứ không phải quê hương mình. Lòng khô cạn mà nước mắt cứ tuôn ra, không thấy đường đi. Lúc đó có một chiếc xích-lô trở tới, tiếng người hỏi:

– Về đâu đây, ông học tập?

Tôi lau màng nước mắt, nhìn ông xích-lô và cả hai cùng sững sờ nhận ra nhau, cùng chỉ vào mặt nhau:

– Thăng Phú!

– Thăng Bồn!

‘Bồn rằng vàng’ chê tôi già đi khoảng 20 năm. Tôi nói nó nghe rằng ra cho tôi coi.

– Cái răng vàng đâu rồi?

- Bán rồi. Vàng 18 của người ta đấy!
- Mà già 100 năm.

Bỏ bỏ tôi lên xích-lô chờ đi ăn phở. Đó là tô phở ngon nhất trong đời tôi. Bỏ biết tôi nóng lòng gặp vợ con, mà chắc nó cũng phải đi đạp xe tiếp, gỡ lại tiền hai tô phở và hai ly cà phê, nên không hỏi han nhiều, giục tôi lên xe, chờ ra bến xe đi Ninh Hòa, gửi vào túi tôi hết mớ tiền còn lại. Nó ngất ngểu bỏ đi, tôi đứng lại, nước mắt lại tuôn ra. Lần này là nước mắt cảm động – Nha Trang có tàn tạ, vẫn là đất của con người. Chắc Ninh Hòa, nơi vợ con tôi đang ở và không ngờ tôi về hôm nay, cũng còn.

Tôi đi thẳng vào căn nhà trống hoang xuống bếp, thấy một người đàn bà ngồi chèn bèo bó rau muống, tôi gọi:

– Thục!

Nàng giật mình quay lại, nhưng không đứng lên nổi, một tay chống đất, một tay run run chỉ vào tôi như ma:

– Anh!?!.. Anh?! Anh về... từ đâu?

Tôi đau lòng mà phải bật cười:

– Tất nhiên không phải từ cõi chết. Anh còn sống đây, Thục!

Thục lúc đó mới khóc òa, đứng lên, nhảy ôm lấy tôi. Tôi lão đảo muốn té (lúc đó tôi cân còn có 36 kg). Thục giúp tôi gượng lại xong, cúi xuống, đỏ mặt, đưa tay che một miếng rách trên đầu gối, nói:

– Chờ em lát!

Trong lúc nàng khập khiễng đi vào phòng ngủ thay quần, tôi thấy eo nàng vẫn còn thon, nhưng quần có một miếng rách khác ở hông. Tôi thám thía câu thơ Chinh Phụ Ngâm “Vắng chàng điểm phấn trang hồng với ai”. Mảnh hở trắng tinh khiết trên hông và dáng đi lúng túng ngượng ngùng đó, ôi sao đẹp thế! Nàng thay đồ xong, cấp nón đi tìm các con tôi lúc đó đang bán rau muống ngoài chợ.

Hạnh phúc trùng phùng với vợ con chưa đầy, tôi đã phải nghe chi tiết về cái chết của bố tôi.

Thục kể: sau khi tôi đi trình diện trên một tháng mà không về như thông cáo, bố tôi cứ rủ bố vợ uống rượu đế và bàn về văn thơ... Tây. Các ông say, ngâm thơ bằng tiếng Pháp oang oang. Cả hai ông bị bắt về tội hội họp bí mật, bàn chuyện bí mật, bằng tiếng bí mật. Bố vợ tôi không chịu được tra tấn, tự nhận có tham gia Đại Việt, đi ‘cải tạo’, lúc tôi được tha, ông vẫn còn ở Việt Bắc. Bố tôi bướng, không chịu nhận tội, bị bỏ thuốc độc chết.

Ba mươi năm sau Phương Thi tới bằng một lá thư không đề ngày tháng, không ghi nơi chốn, không ký tên, không cho địa chỉ. Cơ hồ một cánh bướm bay về từ thiên thai. Tôi biết chắc đó là Phương Thi nhờ câu “J’habite la Citadelle” trong phần tái bút.

Cứ vài tuần tôi lại được thêm một lá thư. Dù bì thư đóng dấu Prag, Vienna, Moskva hay Budapest ... trong thư nơi viết luôn luôn là “Cổ Thành”. Mỗi lần nhận được thư, tôi đều đưa cho Thục coi. Chúng tôi bàn với nhau và không hiểu dụng ý của Phương Thi là gì, và bây giờ nàng là ai? Tại sao nàng biết địa chỉ tôi, biết tôi có vợ con, biết tôi làm gì? Nàng viết thư mà không chờ hồi âm, tại sao? Nàng là người thua chạy như tôi, hay là một bánh xe trong guồng máy mới? Các nơi nàng qua là những thành phố Đông Âu; điều này làm tôi nghi nàng là một cán bộ cao cấp của chính quyền Việt Nam cộng sản, trên đường công tác, ví dụ công tác kiều vận? Nhưng nội dung thư không có tí màu sắc chính trị nào, kể cả những chữ ‘khắc phục’, ‘tranh thủ’ hay ‘chủ yếu’ nàng cũng miễn cho tôi. Ngược với những người say men chinh phục, lấy tên một phù sinh hãnh thời khoác lên một thành phố trăm năm, Phương Thi gọi tất cả những nơi nàng đi qua bằng tên quen ‘Cổ Thành’. Và nàng kể những truyện mong manh, chóng qua, không có gì là ‘đời đời’, ‘bất diệt’. Nàng kể nhiều điều tôi đã biết, và cả những điều tôi chưa biết, ví dụ “thành phố này cũng có những con chim sẻ tíu tíu tuy bài nhau dưới bóng thùy dương”. Nhiều

khi nàng hỏi một câu bâng quơ “sinh vật nhỏ bé trên bãi cát đó, gọi là ốc mượn hồn hay tôm mượn nhà?”

Tôi không biết. Tôi không biết tôi là con ốc mượn hồn hay con tôm mượn nhà. Tôi không biết điều đó từ lâu rồi, ngay từ khi tôi đi trình diện tù và bị tước quyền công dân trên quê hương, chứ không phải từ khi tôi sống lưu vong.

Tôi làm việc tại Bưu điện trung ương, có cái thú là thỉnh thoảng lên lầu 20 nhìn ra vịnh Oslo. Xa xa tòa cổ thành Akershus màu nâu tuyệt đẹp, xây từ thời hậu Viking, khoảng thế kỷ 14. Nếu đứng từ bến tàu sẽ thấy bóng của nó soi xuống đáy nước trong. Một đồng nghiệp người Na-uy, biết tâm sự hoài hương của tôi, khi anh sang làm việc cho sở Văn Hóa, vẫn tiếp tục liên lạc, và có tin tức hay sinh hoạt gì liên quan tới Việt Nam đều cho tôi biết. Một hôm tôi nhận được thư của Sở Văn hóa Thị xã gửi về sở mời đi coi rỗi nước từ Việt Nam. Trong tập chương trình đính kèm, tôi chú ý tới tấm hình một phụ nữ đứng tuổi với lời chú “Biên đạo Hoài Trang”. Tôi chú ý vì trong dáng dãi các cô có cái gì quen thuộc. Tôi nhìn lâu lắm, cho tới khi thấy trong nụ cười hóm hỉnh hiện ra cái sẹo, rất nhỏ, rất mờ ở trên mi mắt trái. Tôi nhận ra Phương Thi với nụ cười ngày xưa. Buổi tối lên giường, tôi đưa tập chương trình cho Thục coi:

– Em biết ai đây không?

Nàng dòm hình và lời chú, hỏi lại:

– Hoài Trang là ai vậy, anh?

Tôi nói:

– Phương Thi đó!

Thục chồm lên người tôi, giằng lấy tấm hình:

– Nàng đây hả? Ngắm nghĩa chán, Thục hỏi: Anh nhận ra được nàng, giỏi thật. Thế là hình bóng nàng đã in sâu trong tâm khảm anh rồi! Còn đẹp lắm chứ.

– Đẹp hay không, không biết, nhưng lúc đầu anh không thể hình dung được người đàn bà này chính là cô bé Phương Thi xưa. Chỉ vì chấp nối những lá thư bí mật từ mấy tháng nay, và tờ quảng cáo chương trình mùa rỗi Hà Nội... mà anh ghép được hai khuôn mặt của quá khứ với hiện tại thôi.

Tôi đã không nói thật với vợ chi tiết quyết định làm tôi nhận ra Phương Thi – cái sẹo duyên.

Nàng thở dài:

– Chẳng phải một mình ‘nàng’ già đi. Bây giờ gặp ‘chàng’ trong rạp hát, chưa chắc ‘nàng’ nhận ra. Thục tắt đèn, nói tiếp: Anh dặn hai vé, cho em đi coi ké với.

Thú thực, tôi rất muốn đi. Nửa vì tò mò, nửa vì nỗi xao xuyên khó tả, nhưng tôi làm như vô tình:

– Nếu em thích thì mình đi.

Tôi mỉm cười trong bóng tối với ý nghĩ đêm nay mình có thể mơ về thời học trò, nhưng hy vọng không gọi tên Phương Thi âm ỉ lên. Nhưng đêm toàn là ác mộng. Tôi mơ thấy một bà già khoảng 70 tuổi mặt mày sứt máu, dứ dứ bàn tay nói : “Con vợ nó quỳ lạy tui xin tha mạng, nhưng thằng ngụy không lạy, tui bég bóa nó”. Ngón tay trở của bà cứng cỏi, xương xẩu, giựt giựt điệu bộ bóp cò súng. “Bég! Bég!”. Tôi thấy mũi súng chĩa vào chính tôi và người đang van xin tha mạng là Thục, và bà già là... Phương Thi! Tôi vùng vẫy ra khỏi giấc mơ.

– Anh mơ gì mà khóc ú ớ vậy? Thục lay tôi và sờ trán, sờ ngực tôi. Chết! Sao tim anh đập dữ tợn thế này?

– Anh bị ác mộng.

– Anh thấy gì?

Tôi kể cho Thục nghe cơn mộng dữ. Thục nghe xong cười nhẹ, tiếng ngái ngủ:

– Tưởng gì. Hôm qua anh coi phóng sự truyền hình về Việt Nam trên NRK, có cái bà “mẹ cách mạng” khoe việc bà giết một người lính Việt Nam Cộng Hòa. Bà thuật lại câu chuyện xảy ra 30 năm trước với ánh mắt và giọng nói nhiệt tình. Anh tưởng tượng ra Phương Thi là có tội với nàng lắm.

– Mơ mà... Thôi, em ngủ đi.

Nói thế, nhưng tôi cảm thấy có tội với Phương Thi thật. Đồng thời tôi thắc mắc tại sao người đàn bà nằm bên tôi bình tĩnh và có vẻ sáng suốt như vậy, ngay lúc vừa thức giấc nửa đêm, và ngay sau những việc tôi cho là rất “éo le” về Phương Thi.

– Em không ghen à?

Câu hỏi buột ra khỏi cửa miệng tôi mới thấy nó u mê tới mức nào. Đó là tại đêm tối. Đêm mùa đông tại Bắc Âu! Tôi chờ lời cay đắng của vợ, nhưng nàng chỉ trở mình quay mặt đi, nói:

– Để cho em ngủ. Anh cũng ngủ đi.

Tôi muốn ngủ mà đầu óc cứ nghĩ. Càng sâu về đêm, người ta càng nghĩ nhiều và nghĩ... quẩn. Tôi muốn đề những ý nghĩ vẩn vơ xuống, chúng càng cợn lên qua những tiếng thở dài, những trở mình.

Còn Thục một lúc đã thở đều. Sợ lại trăn trở làm phiền vợ, tôi nhẹ nhàng ra phòng khách tìm đọc kỹ lại các lá thư của Thi. Tôi chỉ thấy sống dậy một Nha Trang với Diên Khánh, Hòn Khôi, Cầu Bồng, Tháp Bà, đường Duy Tân, trường Võ Tánh, Văn Hóa... của thuở xưa, cùng tiếng sóng thiên thu. Trong lá thư sau cùng, nàng không cho biết sẽ lưu diễn Oslo (có bao giờ nàng nói nàng làm gì đâu, và tại sao bỏ đi không giã từ đâu), chỉ nhắc buổi đi “coi xi-nê hải tặc Viking tại rạp Tân Quang”. Nàng định nói “ai ngờ có ngày hai đứa học trò của Nha Trang cùng đứng trên giang sơn Viking” chứ gì? Xếp lại chồng thư, cuối cùng, và một lần nữa, tôi hiểu người nghệ sĩ sắp tới Oslo này, đối với tôi là cô bé Phương Thi, chứ không phải bà Hoài Trang. Gần bốn tháng nay, qua bao nhiêu thủ đô, bao nhiêu cổ thành tráng lệ, hùng vĩ trên thế giới, từ Moskva, tới Stockholm, nàng chỉ ghi hai chữ “Cổ Thành” – cái cổ thành Diên Khánh khiêm nhường của Thi-Phú niên thiếu. Lòng tôi rưng rưng khi biết rằng trên cõi đời này có lẽ chỉ có một người chia sẻ với Thi hình bóng một cổ thành thần tiên kia. Người đó là tôi. Nhưng nàng không muốn tôi viết thư lại. Nàng chỉ muốn kể về quá khứ với một chứng nhân trầm lặng. Sự trầm lặng nuôi nắng, vỗ về. Tôi trở vào giường, ngủ thiếp đi trong tiếng sóng rạt rào và tiếng thùy dương vi vu. Và một nỗi tiếc nuối. Tôi mất ngủ, nhưng trí óc về sáng tỉnh táo ra. Sáng dậy tôi pha sữa cà-phê cho Thục, và nói liền:

– Phương Thi chỉ muốn tìm lại Cổ Thành.

Thục thích sữa cà-phê do tôi pha, món duy nhất trên đời tôi được “hầu” vợ. Nàng bưng hai bàn tay để uống cả khối thơm, rồi nói:

– Khiếp! Thế ra cả đêm anh cứ nghĩ tới Phương Thi?

Tôi thành thật nói “Phải”, rồi đi lấy tập chương trình, ngồi đối diện vợ trong cái bàn con trong bếp. Một con quạ bay vụt qua cửa sổ đóng khung một khoảng trời mờ đục, tuyết đang rơi, có lẽ suốt đêm, đã trắng xóa con sông Nitelva. Ngoài vườn, ba cây dương liễu tôi trồng cho ba đứa con gái phủ tuyết trắng. Hai cây tùng cho hai đứa con trai ngoài cổng cũng vậy. Tôi kể lại cho Thục nghe lý do tại sao tôi kết luận Phương Thi chỉ đi tìm Cổ Thành, chứ không phải đi tìm Phú. Nàng hỏi:

– Thế sao Phương Thi không về Nha Trang mà tìm Cổ Thành?

Tôi đáp:

– Cổ Thành của anh và Phương Thi không còn trên đời này nữa. Chỉ còn chút vết tích trong lòng hai đứa trẻ.

Vì thế, để giữ mãi Cổ Thành còn đó cho tôi và Phương Thi, và một chút gì thiêng liêng cho hai đứa trẻ, tôi quyết định không đi coi rỗi nước. Nhưng tôi không nói với Thục quyết định này, nàng cứ đinh ninh tôi đã trả lời nhận hai chỗ và chờ ngày đi. Thời gian lưu diễn của đoàn văn công đã qua, hai hôm sau tôi nhận được một tấm thiệp chụp Cổ thành Akershusfestning, nằm soi bóng trên vịnh Oslo. U trầm. Tôi bù ngùi đọc mặt sau: con dấu bưu điện: ‘phi trường Gardemoen, ngày: 20.01.19... ‘

Ngoài ra không có chữ viết nào. Những phân vuông giấy trắng trên tấm thiệp trải ra như mặt sông phủ tuyết mênh mông ngoài kia.

Phụ đính:

Trái mùa

Lần nào gặp tôi, bác Tỷ cũng khoe:

- Bà sắp sang rồi!

Bác “dọa” như thế từ khi chúng tôi chia tay nhau khỏi trại tiếp cư, bác “ra riêng”, tôi đi trường nội trú. Chính tôi giúp bác điền đơn xin đoàn tụ gia đình. Thấy chỉ có tên bác gái, tôi tò mò:

- Bác không bảo lãnh cho con à?

- Tôi chưa có con. Bà còn trẻ măng. Đẹp hết sảy

ơ? Việt Nam, bác làm công trên tàu đánh cá, thằng cháu kêu bằng chú ruột của chủ ghe cướp ghe đi vượt biên, đúng hôm bác có mặt trên ghe. Ra khơi, họ hỏi muốn về thì thả xuống ghe con cho về, muốn đi thì đi, bác nhìn cái ghe đuôi tôm vờ trên biển, gật đầu. Đi. Sáu tháng sau, bác ký giấy bảo lãnh vợ, nhưng không hiểu vì duyên cớ gì, mãi không thấy bác gái sang. Thỉnh thoảng, tôi tỏ vẻ áy náy:

- Vợ con thiên hạ đoàn tụ rần rần, mà bác gái không sang. Kỳ thật. Bác không chịu “chồng cây” cho bên đó, chứ gì?

- Chồng nhiều ấy chứ, sao không. Bác trả lời, rồi tiếp, như muốn gạt chuyện đi: Yên chí đi, cậu. Thế nào tôi cũng mời cậu một bữa nhậu say quắc cần câu. Bà ấy làm đồ nhậu hết sảy

Chả bao giờ tôi được ăn các món nhậu hết sảy đó của bác gái. Duy mỗi lần có dịp về Oslo, mà cạn mục du hí, tôi ghé bác, lai rai vài chai. Bác ở trong một căn chung cư trên lầu sáu. Phòng khách không bừa bãi như nhà mấy tên độc thân trẻ, nhưng sự gọn gàng có vẻ lạnh lẽo, vụng về. Nếu căn đúng giờ thì luôn luôn tôi gặp bác ở nhà, ít khi bác đi vắng. Bởi vì bác rất ít giao thiệp, đi đây đi đó. Bác chỉ ra ngoài vào chiều thứ tư, hôm cửa hiệu Việt Nam có hàng về, và sáng thứ bảy khi ngoài bến tàu có bán tôm cá tươi. Bác dùng cá hồi thay cho cá chép làm món gói cá khá ngon. “Bà ấy chỉ đấy” .

Tôi ra trường, lấy vợ. Trong đám cưới, tôi tới chào bác, bác khoe:

- Tôi cũng sắp lấy vợ rồi.

Cả bàn cười ầm lên, cho là bác đùa có duyên. Phần tôi, tôi cho là bác thất vọng vì đợi chờ, tạm kiếm một bà “xử lý thường vụ”. Bác mới trên 50 (nếu tôi nhớ không lầm, bác tới Na-uy năm 45 tuổi, bác gái kém bác một giáp).

Từ khi vợ con đùm đê (vợ tôi sanh đôi), tôi càng bận bịu hơn, ít liên lạc với bác. Tôi dành thời giờ chạy theo biển chuyển thật nhanh bên ngoài. Không thì không kịp. Cứ coi đám trẻ nít trong trại tiếp cư, ngày nào còn ngồi xe nô cha mẹ đẩy tới trường tị nạn, nay đã tốt nghiệp đại học, nhiều đứa tay bông tay bế, mà giật mình. Người tị nạn Việt Nam, qua giai đoạn an cư, bắt đầu lạc nghiệp, đổ xô ra mua đất, mua nhà, có người ba bốn căn nhà cho thuê, có người sang hai ba cửa tiệm, có người mất cả trăm ngàn Mỹ kim trong một cuộc đầu tư ở Việt Nam mà chỉ nhe răng

cười. Xe Mercedes, xe BMW trở thành “tiêu chuẩn”. Còn bác Tỷ, vẫn ở căn chung cư cũ trên lầu sáu trông xuống thung lũng rừng thông. Vẫn đi xe buýt, xe điện. Vẫn... độc thân. Và đứng ngoài lề xã hội.

Thực ra, thì hồi đầu bác đi làm hãng bia (“Bác ruột tôi ngày xưa làm hãng La de Con Cọp BGI ở Chợ Lớn”, bác khoe riêng với tôi). Được trên hai năm, người ta thay cái máy dây chuyền mà không dự trù bác cao có thước năm lăm, lại không đủ tiếng tăm để làm việc khác, cho bác nghỉ. Bác nghỉ vài năm thì hết hứng thú lao động, bệnh nọ sinh tật kia, phải về hưu tàn tật. Cứ thế, bác xa lìa dần xã hội Na-uy Còn xã hội nhỏ bé Việt Nam, bác cũng không có chỗ đứng. Bác xa lạ với các cuộc bàn luận về hiệu xe, giá nhà, bằng cấp, kể cả truyện thông thường nhất là con cái, bác cũng chẳng có mà bàn. Bác không hay biết gì về cái thư nặc danh mới nhất trong cộng đồng. Bác thờ ơ với việc thành lập chính phủ lưu vong.

Riêng tôi, mặc dầu bận bịu, chỗ nào động dao động thót đều có mặt. Nhờ thế tôi có dịp nghiệm ra rằng nói chuyện với bác, tuy không trở nên uyên bác, không gây cần từng hồi, nhưng thanh thản. Xong câu chuyện, ra về, không thấy tâm hồn mình bị tiêu hao, mặc dầu truyện của bác chỉ có mỗi điệp khúc:

- Tôi sắp cưới vợ..

- Bà nào vậy, bác?

- Bà Greta.

Tôi không biết Greta là bà nào, nhưng nhớ rõ không phải cái bà lần trước bác dọa “lấy”, bèn kêu đại tên cái cô đẹp nhất trong sở mà khối anh mơ lấy, hỏi thử:

- Lần trước bác tính cưới cô... bà Marit chưa mà?

Bác cười xì xì như cái lốp xe xì hơi, mặt hiện một cách ngây dại:

- Mẹ đó mập quá, mà hay ăn vụng.

- Thế hai người có “xăm bu” rồi hay sao mà bác biết bà hay ăn vụng?

- Đã hẳn. Nằm trong chăn mới biết chăn có rận chứ.

- Cái chăn này, bác thấy thế nào?

- Ngon lành. Nhưng gặp bà mới này ngon hơn, tôi cho mụ kia de.

- Bác đã nếm mùi, biết “ngon”, cưới là phải.

Tôi chọc. Bác lại cười hí hí, tiếng cười nhỏ loắt choắt như thân hình bác. Tôi tiếp:

- Thế ra lần này chắc cháu được ăn cưới thật rồi, nhất định bác chấm bà Greta rồi đấy

- Đâu có! Nina.

Nếu đếm ngoa ra một chút, có thể nói bác Tỷ dọa lấy cả vài tá... tên khác nhau. Tiếng Na-uy bác rất cập quạng, nhưng bác sưu tầm được rất nhiều tên Na-uy Các “cô dâu” tưởng tượng phần

nhieu là những cô giáo trường bị nạn, những bà xã hội, các cô y tá v.v. Tóm lại, bà, cô nào hơi tận tụy, tử tế một chút là bác... phải lòng liền. Không kể đẹp xấu, “cái nét đánh chết cái đẹp”, bác nói. Bác nhạy cảm đến độ “quen” cả một xứ ngôn viên truyền hình, chỉ vì có lần cô ta nói sai một câu gì đó, quay ra cười một cách “có duyên chi lạ” trong lúc đĩnh chính. Câu nói kia, sai hay đúng chỗ nào, bác không biết. Bác chỉ “thấy gần gũi”. Thế mà cũng có lần bác hiểu cô xứ ngôn viên xinh đẹp. Một hôm gặp tôi trong tiệm thực phẩm Việt Nam, bác mừng rỡ và cảm động nói:

- Sắp có đình công. Thật á! Con Else nó nói.

- Else nào kia?

- Nhỏ nói trên ti-vi.

- Bác tính cưới cô đó không?

- Bậy nè. Đáng tuổi con cháu.

Đại khái, đó là mức độ hội nhập của bác Tỷ vào xã hội mới.

Quanh đi quẩn lại, mười chín năm đã trôi qua từ ngày bác và tôi ra khỏi trại tiếp cư, và bảy năm tôi xuống định cư tại vùng cực nam. Thời gian này tôi rất ít liên lạc với bác. Gần như không. Rồi tôi vui mừng nhận được việc mới, có dịp dọn nhà về thủ đô. Hôm đó, ngồi trên xe điện qua “Phố Lớn” của Oslo, tôi đang nghĩ tới bác Tỷ -không biết bây giờ ra sao, còn ở chỗ cũ không, bác gái sang chưa- thì tôi thấy một ông già Việt Nam, tựa tựa bác Tỷ, với những dấu hiệu quen thuộc (mũ “phớt”, áo dạ ngắn chấm đầu gối) đi trên lề đường. Nhưng dáng đi khác bác Tỷ, và rất kỳ dị - như con cò. ìng già gờ chân thật cao và buông xuống thật thẳng, tuồng như trên đường có một lớp bùn dầy. Tôi nghĩ hay là những con đường mùa đông phủ tuyết làm cho ông quen đi như vậy? Hay ông say, và phải đi cho ra vẻ vững chắc? Tôi tò mò, chờ xe điện vượt qua, quay lại nhìn thì thấy đúng là bác Tỷ. Tới trạm kế, tôi nhảy xuống, đi ngược lại. Tôi đứng đối diện, mà bác không nhận ra. Bác tránh, và đi tiếp, lò dò, hều hều. Tôi kéo tay bác. Bác giật mình, gần như hoảng sợ về sự đụng chạm.

- Bác Tỷ, nhớ cháu không?

Tôi nói và toét miệng cười, cố ý cười cho giống bảy năm về trước (thực tình tôi đâu có biết bảy năm trước mình cười ra sao). Tôi chìa mặt cho bác nhìn, chờ đợi. Hơi thở bác nồng nặc mùi men rượu. Lúc đó khoảng 10 giờ sáng. Chắc bác vừa “súc miệng” bằng bia, như vài người Việt tôi quen biết thường làm mỗi sáng. Bác nheo đôi mắt hum húp:

- Cậu... cậu Tuấn đây, phỏng?

Tôi mừng rỡ. Cho mình. Và cho bác:

- Dạ, cháu Tuấn đây. Lâu quá mới gặp bác. Bác khỏe không?

- Khỏe, khỏe, khỏe. Bác gạt đầu lia, như sợ không xác nhận ngay, cái khỏe nó biến đi mất. Còn cậu, vợ con gì chưa?

- Dạ vợ rồi, ba con. Đám cưới cháu, bác có đi mà.

- Vậy hả?

Tôi định nói giống như xưa “Còn bác, vợ con gì chưa” nhưng khi bác lột mũ ra gỡ đầu, thấy tóc thưa thưa, bạc phơ và nhèm nhẹp, tôi nói:

- Vụ đoàn tụ tới đâu rồi, bác?

Bác gỡ tai như một chú học trò bị truy bài:

- Vợ bỏ rồi.

Rồi bác òa khóc rưng rức giữa đường phố tấp nập. Tôi cầm tay bác, đề nghị:

- Mình vào quán Cà-phê Sài Gòn nói chuyện, bác nhé?

- Không, trong đó đông người Việt lắm.

- Vậy mình vào quán cà-phê Na-uy đằng kia?

- Không, toàn “Noọc” thôi.

- Vậy để cháu vào tiệm mua bầy cái gì, về nhà bác cháu nhậu?

- Không được, về nhà vắng lắm, buồn chết.

Tôi nhìn bác lấy khăn chấm nước mắt, và nghĩ cần một chỗ yên tĩnh để nói chuyện với bác. Nếu cần, để bác khóc. Tự nhiên tôi nghĩ tới cái nghĩa trang gần trại tiếp cư ngày xưa. Tôi thích vào nghĩa trang ngồi mỗi khi có điều nghiêm trọng cần suy nghĩ, hoặc khi hoàn toàn trống rỗng... không có gì để nghĩ. Nhớ hôm đó, một buổi chiều thứ bảy, tôi đang thờ thần trong nghĩa trang, ngắm những bức tượng sầu muộn, đọc những tên lạ, cộng trừ những ngày tháng sanh tử, bỗng tôi giật mình rờn rợn nghe ai gọi tên. Quay ra, thấy cái mặt choắt của bác Tỷ ló qua một lỗ hồng hàng rào cây Bác đứng ở trạm xe buýt, tình cờ dòm qua hàng rào cây thấy tôi “Cậu Tuấn làm gì trong đó? Không định tự tử chứ?” “Dạ không đâu, vào đây thì không cần tự tử nữa. Bác rảnh không, vào chơi” “Thôi để khi khác, tôi đi lên phố có việc”.

Tôi nghĩ trừ nhà mình, nghĩa trang là nơi người ta có thể khóc tự do. Tôi đưa đề nghị cuối cùng:

- Bác còn nhớ cái nghĩa trang năm xưa cháu rủ bác vào chơi, mà bác hẹn khi khác không? Cũng gần đây Minh lại đó ngồi nói chuyện, được không, bác?

- Cũng được.

Qua cách bác trả lời, tôi biết không phải bác thích vào nghĩa trang, nhưng sau khi bác bỏ nhiều đề nghị của tôi, bác cũng phải chấp nhận một. Trên đường tới nghĩa trang, tôi để ý dáng đi như con cò lội ruộng sâu là thói quen của bác, chứ không phải do ảnh hưởng hơi men.

Bác Tỷ trở lại bình tĩnh khi chúng tôi ngồi xuống một ghế đá đầy nắng thu ẻo ượt, và mỗi thuốc hút. Trong bầu không khí lạnh lạnh, và hơi thuốc thấm vào phổi nồng nàn, tôi nghe giọng bác cứng cứng, ròi rạc, điểm những tiếng hít nước miếng trong hàm răng thưa thưa. Lần đầu tiên tôi nghe câu truyện thực về vợ bác. Năm đó, bác ra đi không được bao lâu thì ở nhà vợ theo người

khác. Giấy tờ bảo lãnh bà vất đi. Tiền bác gửi về để chạy chọt, bà tiêu vào việc khác, như mua xe Honda cho người đàn ông mới. Bác đọc đình, không có một người họ hàng nào đứng ra ngăn cản việc làm của vợ bác.

- Thế ai cho bác biết những việc đó? Tôi hỏi. Bác đáp:

- Lúc đầu tôi không biết đâu. Sau chính nó biên thư kể.

- Nghĩa là?

- Tôi gửi tiền về hoài mà nó không lo được, tôi biên thư bảo để tôi dùng tiền nhờ người lo, nó cuống lên biên thư bảo đừng. Tôi bảo cứ. Nhì nhằng cả năm trời, cuối cùng nó phải thú thật nó không đi được vì trót có chồng khác rồi.

- Rồi bác cúp viện trợ?

- Cúp đếch được. Không đành. Ngày xưa nó theo mình. Tự mình bỏ đi, nó theo người khác. Phải gửi tiền cho nó sống chứ.

Tôi nghĩ tới đồng lương hưu tàn phế của bác và tuổi của bác. Tôi liếc nhìn ngói mộ bên cạnh mà năm sanh lớn hơn năm sanh của bác.

Thấy người ngồi lâu, những con chim sẻ bắt đầu mon men tới kiếm ăn. Bác moi trong túi áo những mẩu bánh vụn từ đời nào, thả xuống đất. Những con sẻ đáp xuống, nhưng không dám lại gần. Chỉ có một con bạo dạn, sấn lại mổ. Đó là một con chim non, nhảy xiêu vẹo, bộ lông tả tơi thỉnh thoảng chồm lên như người mặc áo tơ đi ngược gió. Gió trong nghĩa trang rất nhẹ..

- Mùa này mà còn chim non. Bác bỏ dở câu truyện, chăm chú quan sát con chim nhỏ khờ khạo, nói thế.

Không hiểu tại sao nghe câu nói tôi xúc động.

- Một con chim nở trái mùa. Tôi hạ giọng nói theo, và tự nhiên giang chân ra, để cho cái chân ngắn của bác đồng đưa chạm vào chân mình. Tôi tiếp: Bác ạ, cháu lấy làm lạ về trường hợp người đàn bà nãi Tử xưa tới nay, người ta tìm mọi cách, kể cả bỏ chồng, bỏ vợ, bỏ đảng, để ra nước ngoài; tại sao bà có dịp bằng vàng, lại từ chối? Cũng đáng phục chứ, bác?

Bác im lặng một lúc lâu. Châm thuốc mới, trả lời trong hơi khói, gật gù:

- Phục thì chẳng có gì phải phục. Muốn thì làm thôi. Mỗi người có sở nguyện riêng.

Gần hai chục năm trời quen biết, tôi chưa bao giờ nghe bác triết lý vật. Bây giờ nghe bác nói thế, tôi ngạc nhiên vô cùng. Đồng thời tôi tự hỏi ông già tình cờ bị bắt cóc đi vượt biên, xa quê, mất vợ.... có phải do sở nguyện không? Có phải cuộc sống cô đơn hai mươi năm nay là do bác tự chọn không?

Tôi quay sang nhìn bác. Miệng bác phụng phịu như đứa trẻ định nói một điều khó khăn, mãi mới ra lời:

- Tôi cũng mừng cho bà ấy có chỗ nương tựa.

Tôi càng ngạc nhiên hơn. Chỗ nương tựa nào -bác hay người đàn ông kia? Lần đầu tiên tôi thấy tâm hồn và suy nghĩ của ông già này cũng... phức tạp, chứ không phải chơi. Tôi hỏi:

- Bác, bác mừng cho bác gái, tại sao hồi nãy nhắc tới việc bác gái có chồng khác, bác khóc?

- Tôi có khóc sao? Hì hì. Tự gặp lại cậu, có người nói chuyện, mừng quá chảy nước mắt thôi.

ìi ! Bác cũng cần người nói chuyện sao ? Tôi cứ tưởng cái mảnh đời đơn giản như con sứa, trong rỗng đó, chẳng còn gì đáng nói .

Chó và người giữa Hà Nội

Hai đứa con gái ngồi chồm hổm trên vỉa hè quan sát đám ma giữa khu phố cổ Hà Nội. Chúng nó đếm số xích lô chở hoa để đo lường đám ma to cỡ nào.

Đếm tới 58 thì một con hét to (lúc đó dàn kèn tây đã gần):

“Ê! Chí Mên! Ê ê! Mày làm gì thế?” Để kéo chú ý, con bé đứng lên, vẫy tay rồi rít một thằng bé trong đoàn xích lô chở hoa, một đứa con trai mười bốn mười lăm nhún nhảy trên bàn đạp, đôi mông lép vẹo qua vẹo lại. Thằng bé vênh vào trả lời:

“Mày mù à!” Nó chỉ vào vòng cườm đặt trên xe.

Biết đám ma to rồi, hai đứa con gái ngưng đếm vòng hoa, một đứa ra nhặt hai đồng tiền mã.

Con bé giơ đồng tiền trước mặt một chú người lớn đứng gần, hỏi tiền gì. Chú trả lời đô-la Mỹ, và tử tế thêm:

“Chúng mày là cái giống gì mà ăn giành với quỷ ma?”

Ai khác nghe nói thế chắc ón xương sống, nhưng hai con bé chẳng sợ, mỗi đứa nhét một đồng tiền giả vào túi. Chúng chờ phường kèn tây đi qua, đứng dậy, phỉu đít. Lúc đó mới thấy một con cao một con thấp. Con thấp trông mặt già dặn hơn, chừng mười lăm; con cao (hơn nửa tấc là cùng) non hơn, chừng mười ba. Cả hai da bủng beo, quần áo, đầu tóc lồi thoi léch thếch.

Không có nét gì chứng tỏ chúng là hai chị em, trừ cái gầy ốm như nhau, và cử chỉ ăn khớp.

Chúng len lỏi vào một ngõ hẻm ở phố Hàng Ngang tới căn nhà hai tầng chiều ngang lọt lòng 1,8 mét, chiều sâu 9 mét. Bốn hộ gồm cả thầy 23 người lớn bé ở trong bốn buồng, trên hai dưới hai. Hộ ông Cát may mắn chỉ có hai người, nhưng bù lại buồng nhỏ hơn và nằm sát cầu xí chung. Bà Cát đang bắc ghế đầu ngồi canh quần áo phơi. Một quần đùi đen đàn ông, một áo cánh xanh đàn bà và cái khăn mặt đỏ, chiếm vừa vặn khoảng nắng trước cửa nhà. Bà canh để nắng di chuyển tới đâu, xích quần áo tới đó; và canh để khỏi bị cảm nhảm, hoặc có người chiếm vạt nắng hình thoi. Chung cư đã có chia phiên đi cầu, phiên tắm, nhưng chưa chia phiên phơi quần áo. Chị phó tiến sĩ ở tầng trên đã đề xuất ‘Kế hoạch vận dụng năng lượng mặt trời tại hẻm số 17C phố Hàng Ngang’, nhưng chưa được bốn hộ nhất trí. Điểm bất đồng chính là có hộ 2 người, hộ 7 người, không thể chia đều được.

“Chúng mày đây à?” bà Cát hỏi. “Khó không?”

Con chị – tạm gọi vậy – chia đồng tiền mã ra khoe. Bà dòm vào giật mình, tưởng đô-la thật.

Nhưng chợt hiểu ngay là bây giờ Hà Nội đã bắt đầu in giấy trăm đô-la làm tiền mã. Bà nói:

“Ông đợi chúng mày từ sáng giờ đây!”

Hai đứa chưa biết trên gác phân chia ra làm sao, nhưng ở dưới đất này, hai hộ phân cách bằng vách cạc-tông đàng hoàng và có cửa đẩy. Hộ ông bà Cát nằm phía trong, kê được một cái bàn hai ghế đầu, một cái chạn và một cái giường sắt. Cái bàn vừa làm bếp, vừa làm bàn ăn, vừa là bàn uống trà, hút thuốc lào. Ông đang ngồi chân co chân duỗi trên cái ghế đầu duy nhất. Mặt ông vàng như miếng thịt trâu ướp nghệ. Phớt lờ sự xuất hiện của hai đứa nhỏ trước mặt, ông

từ từ vo một bi thuốc đứt vào lỗ điếu. Ông vừa vin cái xe điếu cong ngậm vào mồm thì con bé hết kiên nhẫn, nó chìa đồng tiền mã ra. Ông ta cầm tờ giấy, ngắm nghía lăm bằm: “Dưới đây người ta làm sớm hơn trên này.” Ông gấp tám đồng đô theo chiều dài, châm vào ngọn đèn trên bàn. “Chúng mày mang tiền này về đây, tối người ta đòi, chết tao. Vì vậy tao phải gửi lại cho người ta.”

Đốt tiền mã xong, ông mở chạn lấy hai bát cơm đưa cho hai đứa. Chờ chúng ăn xong, ông hỏi: “Khẩn xem!”

Hai đứa đồng thanh đọc bài khẩn trước khi đào mả:

*“Thấp cây nhang này
Lễ bày đưa tống
Giải phóng hồn ai
Trút đi áo gấm cân đai
Cõi âm áo giấy tề giai đại đồng...”*

Bài này chính ông bịa ra, để bọn lính đào mả của ông an tâm mà tác nghiệp, chứ ông không tin ma quỷ có thể hại một người bị bắt buộc phải làm một điều gì. Ông nói Ông Trời bắt ông đào mả thì ông phải đào, ma quỷ hay vong linh người chết không cản được. Phương chi ông đang làm một việc hợp luân thường đạo lý nhất – đó là giải phóng, giải phóng giai cấp, xây dựng thế giới bình đẳng. Ông không có cơ hội (đúng ra là nghiệp số) đất năm châu tới đại đồng, nên đành hy sinh nhận lãnh sứ mạng giải phóng cõi âm, san bằng giai cấp dưới đây. Đối với trẻ con ông gọi bài trên là bài khẩn, nhưng trong bụng, ông gọi là đề cương.

Hai đứa trẻ đọc xong ‘đề cương’ không sai, không vấp. Ông gật đầu hai cái, rồi lôi từ gầm giường ra hai gói đồ nghề, giao cho chúng. Cử chỉ trịnh trọng như giao kiếm diệt thù.

Nghĩa địa cuối năm không trăng không sao, đen như mực. Tiếng giun dế cũng đen, nhọn hoắt. Hai đứa con gái lần mò chừng nửa tiếng đồng hồ mới tìm thấy cái mả mới lấp đất. Chúng quỳ trước mả khẩn vái như ông Cát dạy. Sau đó bắt tay vào việc liền, một cách rất thành thạo. Con chị dùng mai xắn một nhát ở đầu mả.

“Cứng bỏ mẹ! Làm gì mà nện chặt thế này!” nó càu nhàu.

“Để em cuốc cho,” con em nói và cầm cuốc bở. Nó khỏe hơn con chị. Trong khi nó cuốc, con chị gom đất vào một đồng. Cả hai đứa mới đào được một cái lỗ bằng cái mâm sâu chừng gang tay đã thở phì phì.

“Mệt bỏ mẹ!” con em nói.

“Cơ mà đỡ rét,” con chị an ủi.

“Sắp Tết, phải không, chị?” con em lảng mạn ngang.

“Ừ, thành ra nó mới rét tợn.”

“Giàu như thế mà không để ăn Tết xong hăng chết?”

“Ông ấy không ngòm thì mình lấy gio mà ăn Tết à!”

Cuối cùng hai đứa cũng đào được một cái hố đứng ngập đầu.

“Được chưa, chị?” con em hỏi, thở phì phò.

“Nhà giàu ăn nhiều to xác, chắc ra chưa lọt đầu. Mày nghĩ, để tao đào thêm tị nữa.”

“Chị nghĩ để lát nữa có sức mà chui, bây giờ để em.”

Con em hí hục đào, con chị chuyển đất.

“Được chưa?”

“Chị xuống mà xem.”

“Chạm vào xăng chưa?”

“Nghe còm cộp rồi.”

Con em bò lên, con chị đội đèn ló, nhảy xuống. Bỗng hai đứa rùng mình vì tiếng cú rúc rất gần.

Chúng đào mả ăn trộm cả chục lần, không sợ gì, chỉ sợ tiếng cú kêu.

“Nghĩ tị đã. Tao bunn runn cả tay chân rồi,” con chị nói và tắt đèn, leo lên.

Chúng ngồi sát vào nhau .

“Chắc chị đói chứ gì!”

Con chị không trả lời, lại leo xuống hố, bật đèn ló. Nó nhắm chùng và lấy cái cốc nhà binh bắt đầu moi đất theo chiều ngang. Chỉ mười nhát là tới quan tài. Con em nghe tiếng cộp của gỗ, bèn chuyền búa và đục xuống.

Đúng lúc đó có tiếng người nói xa xa và ánh đèn pin. Hai đứa chạy tới một ngôi mộ xây gần đó nắp. Chúng nghe hai giọng đàn ông:

“Đ.m. nhà hàng Sơn Lâm cho ăn cái giống gì mà cả lũ đau bụng?”

“Chắc là cái món thịt rừng làm bằng mèo chết, chứ gì?”

“Nó bảo đảm thịt nhím trăm phần trăm đấy!”

“Đéo làm gì còn nhím ở đất này. Rắn rết cũng vào nồi niêu hết rồi. Nếu còn rắn mà rắn tha cho mày ngồi ỉa như thế này à? Nó không ngoạm đứt con buôi, tao chớ kể. Hồi xưa trong nghĩa địa này rắn như rươi. Không ai dám ra đái chớ đừng nói ỉa.”

Hai người im lặng (chắc để thao tác cái việc mà ông cha gọi là ‘việc cần’).

Giọng người không rành về thịt rừng tiếp:

“Khi chiều, mụ nào ngồi cạnh mày đấy?”

“Bắt mắt rồi à? Tao làm mai cho. Trường tuyển Lạng Sơn đấy.”

“VẬY thì đâm thêm vào. Có làm mai cho tao mấy em của mụ thì tao chịu.”

“Hàng xuất khẩu mà mày đòi bóc tem, người ta theo giải mày. Mấy thằng Chệt già ky cái đấy nhất.”

“Ai chả biết. Nâng cấp khó gì.”

“Nâng cấp cho lỗ vốn sặc máu à? Này tao bảo: chúng mày có tiêu chuẩn riêng, đừng rớ vào hàng đã đóng dấu, vỡ lở ra chúng ông bẻ nồi cơm mà chúng mày cũng chết theo, lại đi biên giấy phạt ngoài đường. Nghe chưa?”

Anh xuất khẩu hỏi to:

“Mày sợ ma không?”

“Có lúc sợ lúc không. Có lần tao ôm xác chết mà lại không sợ. Có lần đi công tác chung với một thằng mà lại sợ.”

“Sợ cái gì? Sợ mày ăn bần bị nó tố?”

“Đ.m. cái mồm thối! Hồi nhỏ nghe chuyện ma tao ghê nhất chuyện ma biến thành người bạn đồng hành.”

Hai người tự nhiên im bật. Tiếng côn trùng vẫn đen và sặc.

Trong nhà mồ, con chị ghé tai con em thì thào:

“Hai ông đang sợ nhau đó!”

Con em phì cười, con chị phải bịt mồm nó lại.

Chờ cho hai người đàn ông xong việc cần và đi xa, hai đứa bò ra tiếp tục tác nghiệp.

Bây giờ phải theo trình tự như sau : đục đầu quan tài, chỗ để đục nhất, rồi luồn một cái giày thừng vào cổ xác chết, kéo đầu xác ra ngoài. Phân công ngầm là con em lột quần áo, đồ tùy thân, cạy miệng xem có răng vàng không; con chị đội mũ lính ngự, chui vào quan tài thu nhặt khăn tắm liệm, gắm vóc, nắm cái gối, và ngà ngọc nếu có. Công việc khó khăn nhất là Chuối xác trở lại quan tài. Gặp trời mưa, đùn một cái thầy người trần truồng xuống hố không vát vả gì; nhét trở lại vào quan tài rỗng cũng không đến nỗi, nhất là gặp người già ốm, nhỏ thó. Căng là gặp người phì nộn. Có lần hai đứa bé phải trần thân vật lộn cơ hồ suốt đêm, gần sáng mà không nhét cái xác vào quan tài được, chúng đành để xác nằm ngay dưới hố mà lấp đất lại. Chiến lợi phẩm – được gọi là ‘lòn lợn’ – giao nộp cho ông bà Cát ở một điểm hẹn, thường là trên một con thuyền. Bà Cát sẽ cho hai đứa ăn no và một ít tiền bồi dưỡng, nhiều ít tùy lợn béo gầy.

Nhưng lần này, đào vát vả, mà cái xác bé tí. Con chị sờ thấy cái đầu đội mũ bé bằng quả cam.

“Con lợn này là lợn con, mày ơi!” con chị nói.

“Lạ thể! Trưa nay rõ ràng đám ma người lớn đấy mà,” con em nói.

“Để tao lôi cổ nó lên xem hăng hay.”

Con chị buộc giây vào cổ xác chết xong, leo lên mặt đất. Hai đứa kéo cái xác lên, nhẹ hẫng. Khi chúng mở vải liệm ra thì ra:

“Con chó!” cả hai đứa cùng kinh ngạc thét lên, quên là đang phải tuyệt đối yên lặng.

Tiếng cú kêu và đập cánh trên cành cây gần bên. Trên một năm trời đi đào mồ, gặp đủ sự kinh tởm nhưng chưa bao giờ chúng kinh hãi như bây giờ. Bởi vì không hẹn mà hai đứa cùng tưởng tượng là người chết với đám ma linh đình hồi sáng đã biến thành xác chó để dọa chúng. Chúng co giò chạy.

Được mười bước, con chị kéo con em lại:

“Đã không lột được gì, lại mất đồ nghề, ông Cát giết mình.”

Hai đứa do dự một lát, thấy mọi sự yên tĩnh, không thấy âm binh, ma quỷ hiển lộ, bèn nắm tay nhau, quay lại. Chúng lượm cuốc, xẻng, đèn ló, rồi thư thả ra khỏi nghĩa địa. Chúng nghĩ rằng ma cũng như chó, càng chạy nó càng đuổi tợn.

Chúng không dám lại hẻm Phố Hàng Ngang nghe chửi, mà về ‘nhà’ – một hầm cầu dưới đường xe hỏa – ôm nhau ngủ.

Những tiếng cãi cọ và chửi thề của bạn hàng chợ và cơn đói đánh thức hai đứa dậy. Khi vào phóng uế trong một xó kín, chúng thấy cái thùng rác, nạy ra coi có gì ăn được không, thì tình cờ thấy trong sân bếp người ta đang làm thịt chó. Chúng biết đây là đằng sau của quán thịt rừng Sơn Lâm. Hôm qua hai ông khách đau bụng đã ăn ở đây. Khách hôm nay cũng sẽ trả tiền thịt rừng để ăn thịt chó. Hai sợi dây thừng vắt trên cành mít, nơi người ta dùng để cắt tiết. Con em nhận ra một trong hai sợi dây chính là sợi dây tác nghiệp của chúng. Nhưng người nói ra lại là con chị:

“Người ta đang làm con chó ngoài nghĩa địa đấy!”

“Chị đừng nói, em nghe hãi quá!”

“Hừ! Mà hãi sự thật à?”

“Vâng... À không... Em không hãi nữa. Em chỉ hoa đầu óc, không biết đâu là chó chết, đâu là chó thịt, đâu là người.”

“Mày... Tét mày đâm lẫn thân!”

Có giọng đàn bà the thé từ trong sân bếp quát ra:

“Đéo mẹ nhãi ranh nào sáng sớm đã tới lục thùng rác còn léo nhéo gì ngoài đó. Cút ngay!”

Hai chị em cùng cười khành khách như trên chợ. Nhưng chúng vẫn chạy thật xa, vừa chạy vừa cười vô tư.

“Thôi không cười nữa, đau bụng quá.”

“Đau tự đói chứ không tự cười.”

Chúng trở lại quán cà-phê hôm qua có đám ma đi qua, ngồi ngoài vỉa hè xem có ai ăn thừa thì xin. Nhưng khu này dường như không bao giờ có Việt kiều và du khách lai vãng, nên chờ mãi chẳng có ma nào để lại một mẩu bánh, cọng bún. Chúng nghe lóm được một mẩu đối thoại của hai khách ăn hàng.

“Mày biết đêm qua có sự cố không?”

“Thành phố này đêm nào chẳng có sự cố. Thức dậy mình có nghe hay không thôi.”

“Sự cố này đặc biệt – sự cố đào mả trong nghĩa địa.”

“Chuyện xưa rồi.”

“Lần này khác, vì kẻ trộm đào nhầm mả chó.”

“Có mả chó nữa sao?”

“Mày không nhớ là thằng giám đốc Vidaico làm đám ma cho con chó của vợ nhỏ à? Con chó giống gì không biết mà khôn đáo để, biết bấm chuông báo khách. Mày biết ai thiết kế cái nút chuông cho con chó không? Thằng Tân Rõ nhà mình đấy. Thằng Tân Rõ kẻ đấy. Chó bấm

chuông là thường rồi; ông chó này biết phân biệt người sang người hèn, và báo hiệu trúng phóc, giúp chủ nhà ứng xử. Chẳng may ông chó bị ung thư...”

“Địt mẹ chó cũng biết ung thư!”

“Nín cho tao kể. Ông chó nằm trong dưỡng đường chó một tháng, tốn 250 triệu, bằng lương của 10 công nhân viên nhà nước trong một năm đấy. Nhưng ông chó cũng ngòm. Mẹ vợ khóc như cha chết mẹ chết, thằng Vidaico phải làm đám ma linh đình để ai ủi vợ.”

“Nhưng tại sao kẻ trộm lại đào mả chó?”

“Hôm qua mày không ra đây coi, có cái đám ma to lắm, rải tiền mã bằng đô-la, có vòng hoa phúng điệu của đầy đủ cơ quan Đảng và Nhà Nước. Chôn cùng nghĩa địa nhà giàu. Thằng trộm nhắm mả nọ xọ mả kia. Người thành chó, chó thành người.”

Hai đứa trẻ không dám tới gặp ông bà Cát, cũng không dám về hầm cầu. Chúng ra nghĩa địa, nằm ngủ trong ngôi mộ to như như cái lãng. Ai cũng biết cái lãng này là nơi yên nghỉ cuối cùng của một vị trong Trung ương Đảng. Bốn góc là mộ của bốn đại gia. Trên trăm ngôi mộ khác nhỏ hơn, nhưng không kém phần hoành tráng. Nhỏ hơn một tí, thấp hơn một tí, không phải vì gia đình không đủ sức xây cao hơn, rộng hơn, mà vì mồ mả cũng phải có đẳng cấp.

Trước khi ngủ, con em hỏi:

“Hôm nay Tết chưa, chị?”

“Tết phải nghe pháo chứ.”

Hai đứa im lặng, không muốn khơi nỗi buồn chung. Không biết chính xác ngày tháng, nhưng thấy bánh mứt bày ngoài phố, chúng biết Tết sắp đến. Thấy đêm tối bao quanh đen như mực, chúng biết Tết rất gần. Không chừng ngày mai. Không chừng hôm nay – chỉ vì nghĩa địa xa, không nghe tiếng pháo thôi.

Hai đứa từ quê lên, khác làng, nhưng cùng một hoàn cảnh – không có tiền đóng tiền học thêm, nên cứ phải lưu ban mãi. Lưu ban vẫn phải đóng phí trường học như thường, nên chúng đành bỏ học, trốn nhà lên Hà Nội. Con chị bị loại khỏi cuộc thi tuyển đầu Trung Quốc, vì vú lép. Con em rình húp nước phở ở hiệu phở gần chùa Quan Thánh, không đủ no. Sau gặp bà Cát ở trong chùa ra.

Đêm nay con chị nhớ nhà, nhớ cha mẹ. Con em không có cha mẹ để mà nhớ, nhưng thèm một mái ấm.

“Mày ngủ chưa?” con chị nói.

“Chưa. Chị ngủ chưa?”

“Con điên! Ngủ sao nói! Tao không muốn đào mả nữa.”

“Em cũng thế. Nhưng lấy gì ăn?”

“Tao về quê.”

“Chị về quê bỏ em?” nó khóc òa lên.

“Nín đi! Tao sẽ đưa mày về nữa. Minh trồng lúa, trồng ngô ăn.”

“Thật nhá, chị?” nó nín khóc ngay, ôm lấy con chị.

Hai đứa trẻ ôm nhau, thút thít vài cái, đã chìm vào giấc ngủ yên lành.

Đám mây bên kia hồ Mjosa

Tôi không dám nhìn lâu vào đôi mắt của Gunnar, nó khảm khoản quá. Tôi phải nhìn sang bên kia hồ Mjøsa, nơi có dãy núi phủ mây trắng, dường như quanh năm. Mỗi lần có điều khó nghĩ tôi thường nhìn sang bên đó, dù đó là thắc mắc của đứa bé bảy tuổi không biết viết thư cho Ông Già No-en phải gián tem bao nhiêu, có bớt giá cho con nít không hay câu hỏi của một đứa con gái dậy thì nên mua cái áo hở ngực tới đâu.

Vấn đề hôm nay không phải là con tem, cái áo, mà tình yêu, hạnh phúc – Gunnar hỏi cưới, tôi phải trả lời ra sao. Gunnar đang tình cờ ngồi đúng cái ghế da mà ba tôi ngồi hôm đó, và tôi thì lại tình cờ ngồi đúng cái ghế da chị Lên ngồi, cái hôm kỳ cục đó. Chính ba tôi hôm đó, tại đây, đã gieo trong tôi nỗi nghi ngờ về tình yêu. Trong bao nhiêu năm nỗi nghi ngờ ấy ám ảnh trong người tôi, miên kỳ như mùi ngai ngái trên da bò.

Thế này:

*

Lên là chị em con dì với tôi, con lớn của dì Hoa. Chị có thân hình như một nữ lực sĩ bơi lội. Mỗi lần theo ba má tới thăm gia đình tôi, việc đầu tiên là chị tung tôi lên trời ba lần. “Nữa đi!” tôi cười khanh khách nói. Và chị tung ba lần nữa. Sau đó chị lên phòng khách ngồi nói chuyện với ba trong khi mẹ và dì Hoa vào thẳng bếp chuyện trò và nấu phở. Những người khác, như chồng dì Hoa và mấy anh chị lớn, ngồi trong phòng TV nói chuyện, uống bia, uống nước ngọt, trước cái tivi mở để không.

Tôi nhảy vào lòng chị Lên, hóng chuyện, mặc dù không hiểu lắm ba và chị Lên nói gì. Thì thường là chuyện học hành và tập aerobic của chị Lên, chuyện báo đăng chó sói ăn thịt cừu, chuyện một tên cướp ngớ ngẩn, đánh cắp bưu điện để người ta tóm cổ tại chỗ. Có lần hai người tranh luận con bò có răng hay không, ba nói bò không răng, chị Lên nói có răng... Tôi thầm đồng ý với chị Lên rằng con bò có răng mới gặm cỏ được, nhưng tôi im lặng, nghe sau lưng thân hình nẩy nở và rắn chắc của chị, khác hẳn thân hình nhỏ và mềm của mẹ.

Trong số những người bà con bên mẹ tôi, ba tôi không thích nói chuyện với ai cả; ba chê họ nói tiếng Na-uy dở quá, mà lại hay nói to, điếc cả tai; ba chỉ thích nói chuyện với chị Lên.

Tôi để ý lúc nói chuyện với chị, ba tươi tỉnh khác thường. Chị Lên hay vuốt tóc khiến tôi buồn ngủ, tai lơ mơ nghe tiếng nói đều đều của hai người xen kẽ với tiếng cười vang trong lồng ngực to của chị Lên.

Có lần tôi nghe loáng thoáng ba đề nghị để ba tập lái xe cho chị Lên, và chị rất hào hứng, hai người hẹn ngày giờ nơi chốn. Lần khác ba khen chị Lên đẹp. Chị nói chị chẳng có cái gì đẹp. Ba nói bữa nào đi hồ tắm với ba, ba sẽ chỉ cho coi chị đẹp chỗ nào. Chị cười khanh khách nói “Có vợ rồi mà còn nói nhảm.” “Mặc kệ, giết vợ để lấy Lên tôi cũng sẵn sàng,” ba trả lời. Tôi nói hôm đó là cái hôm kỳ cục là vì thế.

Sau đó, chị Lên có đi hồ tắm với ba và có đi học lái xe với ba hay không, tôi không rõ. Chỉ biết có lần vợ chồng dì Hoa tới nhà tôi nói chuyện gì, với vẻ rất trầm trọng. Không có chị Lên. Mẹ và dì Hoa to tiếng với nhau rồi cùng khóc. Tôi chỉ hiểu một chút tiếng Việt, và chỉ nghe người lớn nhiều lần nhắc con Lên thế nọ con Lên thế kia.

Còn chữ “ông ấy” tôi hiểu là ba.

Từ đó chị Lên đi biệt tích. Gia đình dì Hoa không tới nhà tôi nữa. Tôi nhớ chị lắm, ngày tôi chịu phép Thêm Sức chị không tới dự, tôi hỏi chị đâu thì người lớn trả lời chị đang ở bên Mỹ. Nhiều năm về sau, khi bắt đầu có bạn trai, tôi mới tình cờ biết rằng chị Lên đi Mỹ thật, nhưng chỉ chừng nửa năm lại quay về, cặp với một người Thổ.

Chị sang Thổ-nhĩ-kỳ ở một năm, được một đứa con trai. Chị bị gia đình chồng ngược đãi, phải nhờ tòa đại sứ Na-uy can thiệp giải cứu về lại Na-uy. Cũng nhờ tòa đại sứ can thiệp chị mới mang được cả đứa con về.

Tôi gặp lại chị trên xe điện ở Oslo, cùng với một đứa con trai tóc quăn tít và ngổ ngáo (lúc mới gặp nó lè lưỡi nhát tôi, đến khi quen, nó giựt đứt sợi dây ngọc trai của tôi, may mà ngọc trai giả). Chị kể về mười năm luân lạc, không bi thảm lắm so với những điều tôi đã nghe qua dì Hoa

hoặc người ngoài kể. Nhưng rất sôi nổi.

Gặp cuộc đời sôi nổi như thế, chắc chắn tôi không chịu đựng nổi.

Thấy tôi chăm chú nhìn vào cái bụng dềnh dàng, chị cho biết bây giờ chị đang ở với một ông người Bosnia cư trú bất hợp pháp; cái bầu là của ông này.

Chị không nhắc gì tới ba.

Tôi không hỏi ngoài thằng bé tóc quăn đang ngồi bên cạnh và đứa con trong bụng, chị còn đứa con nào nữa không.

Về nhà tôi không nói với ba má việc tình cờ gặp chị Lân ở Oslo. Ba mẹ vẫn sống chung, ăn uống chung, đi xe chung... Tôi không muốn nếp sống ấy đổi khác đi, trở ngại việc học hành của tôi. Nhưng ba càng làm ra không có việc gì xảy ra, tôi càng thấy lợn cợn trong lòng. Trong trái tim tôi. Cử chỉ lời nói của ba đối với chị Lân khiến tôi nghi ngờ tình yêu.

*

“Cecilia! Em có nghe anh nói không?” Gunnar kéo tôi về thực tại.

Tôi rời ánh mắt khỏi dãy núi bên kia hồ, quay lại nhìn Gunnar. Anh vẫn nhìn tôi chờ đợi.

“Dạ, em nghe,” tôi trả lời.

“Sao em không đáp?”

Phải, lẽ ra tôi phải vui mừng đáp “Dạ” ngay khi Gunnar ngỏ lời hỏi có bằng lòng cưới anh không. Chúng tôi quen nhau từ cuộc cắm trại chuẩn bị lễ Thêm Sức, rồi thân thiết trong nhiều năm; trong bụng tôi vẫn mong chờ giờ phút anh ngỏ lời. Nhưng tại sao khi anh ngỏ lời, lòng tôi không thể vui mừng như mong đợi?

“Gunnar! Em bối rối lắm,” tôi đáp. “Anh tha lỗi cho em, em không trả lời bây giờ được.”

“Tại sao? Có điều gì trở ngại?”

“Dạ không, hoàn toàn không.”

“Em có yêu anh không, Cecilia?”

“Anh biết là em yêu anh.”

“Vậy tại sao em không trả lời ngay mà lại bắt anh chờ đợi?”

“Em cần thời gian suy nghĩ.” Tôi vờ được một lý lẽ xem ra vững chắc. “Chúng ta phải xét xem hai đứa đã sẵn sàng kết hôn chưa.”

“Chỉ cần em hứa một lời, rồi bao giờ đám cưới cũng được,” Gunnar nói xong, ngả người ra sau. Mái tóc nâu vàng tươi của anh chạm vào chùm hoa hồng vân trắng, loài hoa mà mẹ lấy giống từ Pháp về và đặt tên là hoa ti-gôn. Bạn bè Việt Nam của mẹ có vẻ thích cây hoa này lắm; còn ba thì cười vì mấy bà Việt Nam chỉ khéo thần thoại hóa một loài hoa vô danh.

Gunnar nghiêng người về phía trước, cầm ly cà-phê.

“Cà-phê nguội rồi,” tôi nói. “Để em rót mới cho anh!”

Anh không từ chối. Tôi vào bếp đổ cà-phê cũ và rót mới cho anh. Anh uống một hớp nhỏ, hình như nóng quá, đặt tách xuống nói, giọng trở lại bình thường:

“Mình đi dong thuyền buồm nghe em?”

Tôi nhìn ra ra hồ nói thần thờ

“Hôm nay sao nhiều buồm vậy?” Rồi tôi lẩm bẫm “Tình yêu không thể coi thường được.” Anh ngo ngác, vì không nghe hoặc nếu nghe thì không hiểu hai câu nói không ăn nhằm gì với nhau và không trả lời vào câu hỏi của anh như thế. Hồi này tôi hay như vậy, anh cũng biết.

*

Bề ngoài tôi chỉ có vài nét giống mẹ – vành môi chúm và ngón chân cái to khác thường. Còn màu tóc nâu, màu mắt xanh, nước da trắng tôi giống ba. Tuy nhiên mẹ tôi thường hãnh diện nói với bạn bè, “Nó Việt Nam lắm!”

Còn tôi lại lo sợ giống mẹ, sợ chung số phận đàn bà với mẹ.

Tôi ghét sự cúi đầu chịu đựng của mẹ. Đáng ghét nhất là tôi cảm thấy đúng như mẹ nói – tôi có tâm hồn Việt Nam (Việt Nam là cái gì thì tôi chưa xác định được).

Dì Hoa kể mẹ tôi là cô gái đẹp nhất trong số những người tị nạn Việt Nam đầu tiên tới Na-uy. Mẹ đẹp và dễ thương tới nỗi có một ông thuyền trưởng ngày nào cũng mang quần áo, thực phẩm tới trại tạm cư để được nhìn mẹ, nói vài câu tiếng Pháp với mẹ. Hôm nào mẹ đi học tiếng Na-uy về trễ, ông cứ ngồi trong phòng khách, bồn chồn chờ đợi.

Có lần cô giáo đưa cả lớp đi coi nhà bảo tàng rồi đi picnic, ông chờ lâu quá, buồn tay, đem cái giỏ mây của mẹ đan giờ ra nghịch.

Bây giờ mẹ và dì Hoa cứ còn tiếc nuối cái thời người Na-uy quý người tị-nạn Việt Nam như vàng, con nít ra đường họ cho tiền, người lớn lên xe công cộng đôi khi họ cho đi miễn phí, các hội từ thiện thay phiên nhau tới ủy lạo. Ông thuyền trưởng buồn tay đan hết mấy cái giỏ mây mà hội Hồng Thập Tự bày ra cho các bà các cô trong trại làm để có thêm chút tiền túi; bắt đầu bằng cái giỏ của mẹ, rồi sang mấy cái của các bà khác.

Các bà về thấy thế, cười ré lên, các cô hát bài “Anh là thủy thủ”. Ông không hiểu tiếng Việt nhưng biết bị chế diễu, mắc cỡ, nói với nhân viên trực trại “Xin lỗi, tôi quên!” Các bà các cô chưa tha, hỏi “Quên cái gì?”, rồi lại cười ré lên. Nhưng không bao giờ ông quên mẹ.

Sau khi mẹ lấy ba, ông vẫn chưa lấy vợ. Vài người quen Việt Nam tò mò hỏi, ông trả lời thẳng “Tôi chỉ yêu Hương thôi.” Hương là tên mẹ tôi. “Vậy chứ sao hồi đó ông không nói sớm?” một người cặc có hỏi ngay trong đám cưới mẹ. Ông trả lời “Tôi tưởng tình yêu không cần nói bằng lời.” Lại có người hỏi “Hồi đó sao ông biết cái giỏ nào là của Hương?” Ông trả lời “Biết chứ, nó thơm và đẹp.”

Vậy mà hai người không lấy được nhau – chỉ vì một người ít lời một người giữ ý.

*

Ba tôi thì dư lời.

Ba tôi gặp mẹ lần đầu khi mẹ đi lãnh tiền ở ngân hàng mà quên đem căn cước. Mẹ đứng năn nỉ với cô nhân viên ngân hàng “Bây giờ tôi về lấy giấy căn cước trở lại thì ngân hàng đóng cửa mất tiêu rồi. Xin cô tin tôi một lần đi. Tôi là người lương thiện mà!” Sự kiên nhẫn của cô ngân hàng chỉ làm cho cuộc nói chuyện kéo dài thêm, chứ không cho phép cô vượt qua thể lệ. Bỗng một người đàn ông từ văn phòng đi ra, thấy mẹ, dừng lại nghe cuộc đối thoại. “Ông ơi!” mẹ kêu cứu. “Có việc gì vậy, thưa cô?” ông hỏi. Mẹ nói “Ông! Ông làm ơn bảo đảm cho tôi là người lương thiện được không?” Ông mặc đồ lớn đó nghe mẹ nói, bật cười, đưa bút ký tắt vào ô “Căn cước” trên tờ ngân phiếu. Mẹ lãnh tiền xong, nhìn vào trong, thấy ông mặc đồ lớn còn đứng ở cửa văn phòng nhìn ra, gật đầu mỉm cười. Mấy tháng sau, tình cờ, trong một buổi tiệc hội Lion khoản đãi người tị nạn Việt Nam, ông giám đốc ngân hàng gặp lại “cô gái lương thiện” lộng lẫy trong chiếc áo dài. “Trên đời tôi chưa thấy ai đẹp như cô. Tôi muốn cưới cô,” ba nói sau nửa giờ nói chuyện.

*

Sau khi chị Lên bỏ nhà ra đi một thời gian ngắn (lúc đó tôi bắt đầu học lớp năm tiểu học), ba tôi quen bà Bodil mà ba bảo tôi phải kêu bằng tata.

Không có một thỏa thuận nào, dù thầm kín, nhưng tôi vẫn coi những buổi đi chơi nhà tata là việc hoàn toàn riêng tư giữa ba với tata, không liên quan gì tới mẹ, không cần kể với mẹ. Nhà tata lại hấp dẫn hơn, sẵn đồ chơi, nhiều phim hoạt họa, và có con chinchilla. Khi tata mua thêm con nữa thì hai con làm chuyện trống mái tự nhiên trước mặt mọi người.

Một lần, vuốt ve bông bé con chinchilla mềm mại lù đù mãi cũng chán, tôi định xin ra ngoài đạp xe với lũ trẻ trong xóm. Mở cửa phòng ngủ, tôi thấy ba nằm chung giường với tata. Tata một

tay kéo mền che ngực, tay vẩy tôi lại, mi một cái, rồi xua ra ngoài. “Người lớn không khác gì mấy con chinchilla,” tôi nghĩ trong khi thả xe phăng phăng xuống giốc.

Khi tôi thành con gái lớn, ba ít rủ tôi chơi nhà tata, nhưng tôi biết hai người vẫn đi lại mật thiết. Tôi cũng bắt đầu cảm nhận ra rằng mối liên hệ giữa ba và tata là một việc thầm lén, nhưng không có cam đảm mách mẹ, sợ mẹ rầy sao không nói sớm. Tôi bỏ qua câu chuyện một bên luôn.

Ông nội tôi rất giàu, có để lại cho ba một hòn đảo riêng, trên có hai cái nhà nghỉ mát, có bến tàu riêng. Ba nói sẽ chia đôi, cho tôi một nửa, một nửa cho hai người anh cùng cha khác mẹ của tôi. Mùa hè năm đó, ba hỏi mẹ có ra đảo chơi không, mẹ bận đi ăn thối nôi con một gia đình Việt Nam. “Vậy anh đi với con Cecilia,” ba nói, và sửa soạn lên đường ngay. Ba hối hả quẹo xe lên đón tata cùng đi.

Tôi thấy tata làm tóc mới và diện quần áo đẹp, trông trẻ trung như một cô gái. Đi hơi vội, nên mặc dầu mẹ có chuẩn bị đồ ăn cho cha con, nhưng lại quên nhét theo cái áo thun của mẹ. Tôi có cái tật phải kê mũi vào cái áo cánh có hơi mẹ mới ngủ được, dù đã mười lăm mười sáu tuổi đầu.

Tối hôm đó, không có cái áo cánh, tôi nằm trần trọc hoai, nghe con thuyền va kènh kèch vào cầu tàu. Mặt trời không chịu lặn, mấy con hải âu cũng không chịu đi ngủ, cứ kêu réo ngoài ghènh.

Cuối cùng tôi nghĩ ra một điều: tôi đổi sang cái phòng ngủ bữa trước mẹ nằm, có thể còn hơi mẹ. Phòng này sát vách phòng ba và tata. Qua vách gỗ, tôi nghe rõ hai người trửng dờn bên kia và trong những lời trửng dờn có câu nói của ba “Giết vợ để lấy em, anh cũng sẵn sàng!” Tôi khóc nghẹn ngào.

*

Gunnar cột giây buồm, lại ngồi bên tôi, nói:
“Nếu không lấy được em, anh thà chết dưới hồ này!”

Hai người đàn ông quan trọng nhất trong đời tôi, người thì đòi giết vợ để đi phiêu lưu, người thì đòi chết nếu không được gắn bó. Bè nào chẳng nữa, tình yêu của họ là giông bão, hủy diệt. Lòng tôi không yên ổn.

Một lần nữa tôi trì hoãn:

“Vậy mình sang bên kia hồ đi, Gunnar nhé!”

Tôi nhích sang bên, nhường tay lái cho anh. Dãy núi bên kia thấp nhô trên đám mây như con tàu khổng lồ trôi trên sóng bạc.

Thuyền buồm băng qua hồ và trở về bình an; như thường lệ. Sự bình an này trước nay tôi không để ý. Thấy tôi về, mẹ ôm chầm lấy mà khóc:

“Con đi đâu vậy? Ba bị bệnh vô nhà thương rồi!”

“Ba bị gì vậy, mẹ?” tôi hoảng hốt.

“Mẹ không biết. Ba mẹ đi phố về, ba kêu mệt đi nằm. Mẹ làm bếp xong vào phòng coi ba thì nghe ba ú ớ, rồi im luôn, mẹ hỏi, lay không trả lời. Mẹ kêu xe cứu thương...”

Chúng tôi vào nhà thương, thấy ba đã tỉnh, nhưng sút hẳn người đi, như bệnh từ nhiều tháng nay. Mẹ khóc, vuốt vuốt những chấm đỏ trên mu bàn tay ba, nói:

“Bác sĩ nói sao, ông?”

“Ung thư máu.”

“Ông ơi! Ông đừng chết nghe!”

Nhìn ánh mắt mẹ khi dứt xúp cho ba, nhìn nụ cười của mẹ khi cắt móng chân cho ba và đưa bàn chân ông lên mũi hửi, tôi thương mẹ quá, và hối hận xưa nay coi bà Bodil là tata.

Bà Bodil cũng biết tin dữ. Bà ngang nhiên vào thăm ba như một người thân. Mẹ hỏi ba:

“Ai vậy, ông?”

“Người quen.”

“Quen ra sao? Sao chưa bao giờ tôi gặp mặt?”

Mặt ba sượng trân, trông rất kỳ cục, tránh nhìn mẹ, quay sang tôi, như cầu cứu. Tôi không hiểu sự cầu cứu đó có nghĩa gì – tôi nói ra sự thật giúp ba hay giấu biệt.

Cuối cùng, chán ngán sự giả dối, tôi kể hết sự thật cho mẹ nghe khi chỉ có hai mẹ con ở nhà. Mẹ nghe một cách bình tĩnh khiến tôi phát sợ.

Tôi giấu không nhắc câu nói “Giết vợ để lấy em anh cũng sẵn sàng”. Bởi vì tôi biết nếu tôi nói ra mẹ có thể chết được, không cần ai giết.

Hôm sau chúng tôi lại chạm mặt bà Bodil trong nhà thương. Mẹ nhịn nhục không nói gì. Ngược lại bà Bodil còn khiêu khích:

“Ờ đây dư một người đàn bà!”

Mẹ không mau mồm miệng như người ta, không biết trả lời sao cả. Lúc đó bà Bodil ngồi trên ghế kê sát giường bệnh, mẹ đứng cuối giường, tay xách giỏ đồ ăn. Tôi nắm tay mẹ để xác định tôi đứng về phe nào.

“Người dư là bà!” tôi gằn từng chữ.

Mẹ xiết chặt tay tôi hơn nữa. Bodil không ngờ phản ứng của con bé mà lâu nay bà tưởng đặt lòng trung thành nơi ‘tata’ hơn người mẹ da vàng.

“A! Thì ra rau nào sâu nấy!” Bodil nói giọng khinh khỉnh, tay nắm tay bệnh nhân, tay vuốt mái tóc hoa râm của ông.

Tôi cho rằng chỉ mẹ tôi mới có quyền vuốt tóc ba. Tôi định tiến tới kéo tay Bodil ra, nhưng mẹ biết ý, trì tay tôi lại, nói:

“Để cho ba con yên!”

Rồi mẹ kéo tay tôi ra ngoài hành lang, ngồi chờ. Chờ cho tối mịt bà Bodil vẫn không ra, mẹ xách giỏ cơm đi về.

Sáng hôm sau, xảy ra một điều không bao giờ mẹ chờ đợi – ba yêu cầu mẹ ký giấy xin ly dị. Mẹ và tôi theo Công giáo, ba theo Quốc giáo Tin lành. Hơn nữa mẹ tôi là người đàn bà Việt Nam xưa cũ. Tôi biết rằng mẹ dễ dàng chấp nhận cái chết nhưng không bao giờ chấp nhận và tưởng tượng có ngày mình phải ly dị. “Chồng bỏ mình cứ bám lấy, bỏ được sao?” Mẹ lý luận như thế đó.

Mặc dù thống kê nói cứ một trăm cặp lấy nhau thì có gần năm chục cặp thôi nhau, mẹ thường nói rằng năm mươi phần trăm đó rơi bét đi nơi khác, không bao giờ rơi vào giữa mẹ với ba.

“Ly dị à?” mẹ ngẩn ngơ. “Sao ông không chờ khỏe đã?”

“Bà thông cảm cho tôi,” ba thiếu não.

Mẹ cầm cây bút có huy hiệu quen thuộc ngân hàng của ba.

“Mà tôi đã làm gì nên tội?” mẹ khóc.

Tôi cực kỳ bối rối. Vừa thương mẹ vừa thương ba. Nhưng hình như tôi lo sợ ba chết quá đến nỗi quên nỗi đau đớn của mẹ, quên tức cho sự khờ dại nhu nhược của mẹ. Và dường như chính mẹ cũng quên nỗi đau đớn của mình, hoặc không lường được tầm quan trọng của ngòi bút sắp sa xuống. Như một cái máy, mẹ nức nở đặt bút xuống tờ giấy:

“Xưa ông đã ký bảo đảm cho tôi là người lương thiện!”

“Kìa ba! Kìa má!” tôi rên rỉ, trong tuyệt vọng.

Ba làm như không nghe, không thấy. Ba quay mặt vào tường. Dường như ba cũng đau lòng, nhưng không đau lòng đủ để đổi ý, cản má lại. Tôi tưởng tượng nếu bây giờ má đau lòng mà

chết, ba cũng lừng lững mà đi con đường của mình. Có phần nào thật trong câu nói ghê gớm của ba. Cửa đàn ông!

Má ký xong, oà khóc chạy ra ngoài, tôi theo dìu má ra xe.

“Mẹ để con lái xe cho,” tôi nói.

Trên đường về, tôi cứ bị ám ảnh vì câu nói của ba “Giết vợ để lấy em anh cũng sẵn sàng”. Người như ba, nhu nhược ngay trong tình yêu, chắc không dám giết ai; nhưng ông giết niềm tin của tôi vào tình yêu.

Suốt thời gian ly thân, mẹ như sống trong mơ, cứ tưởng ba sẽ đổi ý. Lâu lâu mẹ lấy quần áo sạch của ba đem giặt, ủi, xếp ngay ngắn. Mẹ làm chả giò bỏ tủ đá chờ ba về bất ngờ. Đêm mẹ không khóa cửa, ngày đi làm để chìa khóa nhà trong thùng thư. Mỗi tối mẹ bắt tôi quỳ trước bàn thờ cầu nguyện, xin Chúa can thiệp soi lòng soi dạ cho ba hồi tâm. Nhưng ba không quay lại. Ba nhất định ly dị.

Ly dị xong, ba làm lễ cưới với Bodil liền. Trên giường bệnh. Lễ cưới xong, Bodil không tới nhà thương nữa.

Một tuần sau, ba chết trong tay mẹ.

Bà quả phụ Bodil chỉ xuất hiện để nghe luật sư công bố chúc thư. Theo di chúc, hòn đảo của gia đình chia hai, một nửa phía nam với nhà nghỉ mát trên đó thuộc hai người anh cùng cha khác mẹ với tôi, nửa phía bắc cũng có nhà nghỉ mát và bến tàu thuộc về người vợ chính thức hiện tại, Bodil. Biệt thự mà ba mua để ở với Bodil trong những tháng cuối đời thuộc về bà, đương nhiên, vì đứng tên bà. Mẹ con tôi được tiếp tục ở và làm chủ ngôi nhà bờ hồ.

Ba mất được ba tháng thì bà Bodil đi lấy chồng khác, nghe đâu hôn lễ cũng cử hành trên giường bệnh. Người hàng ngày ra thấp nền trước mộ ba, là má. Tôi giận ba, không thấp nền. Má giảng giải “Ồ Trên Đó cái lòng người ta không như dưới dương thế này nữa đâu con ơi.”

*

Mẹ định để tang người chồng phụ bạc ba năm. Trong thời gian để tang, mẹ không son phấn, và dè dặt tối đa trong việc giao thiệp với đàn ông.

Mỗi lần ông thuyền trưởng tới, mẹ bắt tôi ngồi cạnh. Lần đầu tiên thấy mặt người đã đeo đuổi mẹ mình trước khi mình ra đời, tôi có cảm giác rất lạ. Như là tôi nằm trong bụng mẹ mà dòm ra thế giới. Lạ lùng hơn nữa là tôi thấy gần gũi ông ngay, như một người cha.

Tôi bùng cà-phê ra, ông nhìn một cách thân ái, nói cảm ơn. Cái nhìn của ông dành cho tôi khác hẳn cái nhìn trước đây ba dành cho chị Lén, mặc dù tình cờ ông ngồi đúng cái ghế da ba ngồi. Còn mẹ ngồi trên cái ghế chị Lén ngồi hôm đó. Tôi định bỏ vào bếp thì bị mẹ kéo lại ngồi kề bên. Miễn cưỡng tôi phải chứng kiến cho một lời tỏ tình:

“Tôi sắp về hưu,” ông ngập ngừng. “Ước nguyện duy nhất của tôi là được nắm tay bà đi vòng quanh thế giới những năm còn lại.”

Tôi nhìn hai bàn tay ông đan nhau để trong lòng, và mừng tượng hai mươi lăm năm trước chúng đan ‘cái giỏ thơm’ để chờ đợi. Tượng chờ vài tiếng mẹ đi học về đã đủ, lại chờ một phần tư thế kỷ. Bây giờ ông vẫn đan tay chờ đợi.

Mẹ lặng đi hồi lâu, mặt đỏ hồng không son phấn. Tay mẹ vò chéo áo. Mẹ cố lấy giọng bình thần:

“Ông đi đây đi đó cả đời chưa thỏa sao?”

“Đi một mình có tới đâu đâu...”

Thấy câu chuyện tới hồi đậm đà, tôi gỡ tay mẹ, khoác áo ra khỏi nhà. Tôi xuống bờ hồ ngồi trên tảng đá quen thuộc nhìn sang bên kia. Đám mây thiên thu như xây bằng cẩm thạch. Tôi biết mình sẽ phải nói gì với Gunnar.

Túp lều của chị tôi

Mẹ tôi nói sanh ra tôi là mẹ, nhưng nuôi tôi là chị Tuyết. Anh Hưng, con người lý sự nhất nhà, giải thích:

- Dễ hiểu mà: thằng Đạt sanh ra lúc chị Tuyết ở vào tuổi mê chơi búp bê

Có thể. Khi mẹ mang ba người con lớn -anh Thịnh, chị Tuyết và anh Hưng- sang đoàn tụ với bố, chị Tuyết lên chín. Mẹ kể:

- Con búp bê làm bằng nhựa tái chế, đôi mắt xanh trợn trừng trông thấy khiếp, mà nó cứ đòi bồng lên máy bay

Gia đình đoàn tụ chưa đầy năm thì tôi ra đời và trở thành con búp bê cho chị. Hình ảnh đầu tiên còn lại trong ký ức non nớt của tôi là chị Tuyết, chứ không phải mẹ. Tôi khóc chị dỗ, đòi chị bón cơm, đi cầu chị chùi. Những hình ảnh về sau rõ nét hơn là tôi đi vườn trẻ, chị thay đồ, đưa đón, về nhà tắm rửa, đọc truyện cho tôi ngủ. Chị thường hát những bài lạ, khác hẳn những bài tôi học trong trường, chị gọi là “ru em”. Chị nói:

- Tiếng Na-uy gọi là “vuggesang”, tiếng Việt gọi là “ru em”.

Trong lòng thương hại mẹ, tôi đã cảm thấy sự xa cách - “cưng không được quấy mẹ, mẹ yếu lắm”, nhưng khi nói tới vuggesang tôi nghĩ tới tương quan mẹ con, tôi bèn hỏi:

- Tại sao không gọi là “ru con”, Tít?

Chị cười dịu dàng:

- Gọi là “ru con” cũng được. Nhưng ở Việt Nam, thường mẹ bận đi làm đồng, chị phải bồng em đi chơi, ru em ngủ...

Hai tiếng “ru em” trở thành hai tiếng êm dịu nhất trong tiếng Việt đối với tôi, cũng như sau này tôi nghe một bà tài tử Mỹ (không nhớ rõ Tina Turner hay Oprah Winfrey) nói “lullaby” là tiếng có âm điệu du dương nhất trong tiếng Anh. Những bài hát chị ngâm nga đi vào giấc ngủ và giấc mơ của tôi Lớn lên, tôi vẫn mang những giấc mơ đó. Không biết tôi bỏ phòng bố mẹ từ khi nào (chị Tuyết nói từ khi mẹ sanh thằng Út) và ngủ trong phòng chị cho tới khi phải dọn sang ngủ chung với anh Hưng. Tôi không quên được cái ngày đó. Đó là một ngày cuối mùa hè, trước khi tôi lên lớp sáu, tôi nhớ rõ vì tôi khóc nhiều. Chị phải hứa mỗi tối sẽ sang đắp mền cho tôi ngủ. Nhưng sau này tôi thường tự động sang phòng chị, nghe kể một truyện cổ tích Việt Nam. Nghe xong truyện, tôi nhắm mắt làm bộ ngủ để chị bồng về giường. Tắm mền phủ lên là tôi ngủ thật.

Chị Tuyết bắt tôi đi học hè tiếng Việt do Trung tâm Mục vụ tổ chức. Hôm đầu đi phước cho thử trình độ để xếp lớp, tôi thấy mấy đứa cùng tuổi, đứa nào cũng vẽ vẽ đánh vần tiếng Việt sơ sơ. Tới phiên bị hỏi, tôi đứng ngay cán cuốc ra, không biết lấy một chữ. Có đứa con gái ở khu tôi, nói toáng lên, tôi nghe chua như giấm:

- Thừa cô, bố trò Đạt là thầy dạy tiếng Việt của con!

Cả lớp cùng “ồ” lên ngạc nhiên. Hôm sau tôi không chịu đi học, chị Tuyết hỏi gặng mãi tôi mới kể lại câu chuyện mắc cỡ hôm qua. Tôi chỉ kể riêng với chị, vì việc học tiếng Việt là do sáng kiến

của chị, một mình chị thu xếp và lấy tiền túi đóng học phí, mua thẻ xệ Bố mẹ muốn chúng tôi dồn hết sức vào việc học tiếng Na-uy, tiếng Việt không cần thiết. Nhưng đối với chị Tuyết, tôi phải nói và viết giỏi tiếng Việt. Chị kéo tôi ra vườn, bồng ngồi trên xích đu, dỗ:

- Tít sẽ xóa nạn mù chữ cho cưng.

- Xóa nạn mù chữ là cái gì, Tít?

- Lớn rồi mà không biết đọc, biết viết tiếng Việt, bị coi như mù, mù chữ. Ngày xưa, ở quê mình người ta mở lớp ban đêm dạy cho họ biết đánh vần, gọi là “xóa nạn mù chữ”. Tít sẽ dạy cưng đánh vần ở nhà, hết mù chữ mới đi học.

- Học ở nhà thì em học. Em không đi lớp hè đâu

Chị ừ hử, đỡ tôi nằm xuống, kê đầu lên đùi chị. Gió lùa rung rinh những bóng cây trong vườn ngập nắng làm tôi buồn ngủ, vắng vắng bên tai tiếng chị ngọt ngào:

“Ba cô đi chăn bò vàng

Để bò ăn lúa ba nàng hái hoa

Hái được cành bồng cành la

Cành nào tươi tốt cho ta một cành.”

Bài ca dao đó chị hát nhiều lần, tôi đã thuộc rồi, chị dùng những chữ “ba, la, ta, bò, cho, cô v.v.” làm bài học vần đầu tiên. Qua chừng 10 bài ca dao ngắn ngắn là tôi nhận ra hết các vần căn bản của tiếng Việt. Khi trở lại trường, dì phước định cho tôi học lớp ABC, nhưng chị Tuyết xin dì thử lại tôi Dì đưa cho tôi cuốn tập đọc, tôi méo miệng, chu mỏ một hồi rồi cũng đọc được nửa bài Dì ngạc nhiên lắm, bảo:

- Thế mà bữa trước không thèm mở miệng. Cu này coi tương lì mà biết mắc cỡ!

Chị Tuyết thường đi thư viện Deichmanske ở Oslo, có kệ sách tiếng Việt, bê về cả lô sách để đọc, và bao giờ cũng có một cuốn riêng cho tôi. Buổi tối chị đọc truyện cổ tích cho tôi nghe. Trong gia đình, ít người nói chuyện với chị Tuyết. “Không hợp”. Chỉ có tôi hay thủ thỉ với chị. Thỉnh thoảng anh Hưng “phân tích”:

- Người Na-uy có tục lệ đọc truyện cho con trước khi ngủ. Một tục lệ rất hay

- Theo em, Việt Nam mình có tục này không? Chị Tuyết hỏi lại anh Hưng.

- Làm gì có? Anh Hưng nói Suốt ngày cha mẹ làm lụng quần quật, tối về mệt ai nấy ngủ khò, con nít thì học bài, làm gì có cái vụ cha mẹ đọc truyện cho con, chờ con ngủ, hun “ngủ ngon”, rồi đắp mền?

- Em nói sai rồi ở Việt Nam, cha mẹ không cầm sách đọc truyện, nhưng kể truyện cổ tích gần như mọi nơi, mọi lúc, già gạo, tát nước, làm đồng, đi đò dọc, đi bộ đường xa, ngồi chợ bán hàng, ngồi hóng mát dưới trăng, ngồi nghỉ chân dưới gốc đa v.v. lúc nào người lớn cũng có thể kể truyện cho con nít nghe

Tôi tự hỏi: chị bỏ Việt Nam lúc lên chín tuổi, tại sao chị biết nhiều như vậy? Tôi có cảm tưởng chị là một cây bonsai. Sau này lớn lên tôi hiểu tại sao lúc đó tôi có sự so sánh ngộ nghĩnh đó - trong cái dáng nhỏ nhỏ của chị đã tích tụ cả thời gian trăm năm, và một cõi rừng núi xa xăm. Anh Hưng nghiêng đầu như cố nhớ:

- Sao hồi nhỏ em không được nghe

- Hồi ở Việt Nam, bố vượt biên, mẹ chạy gạo, đời sống bất ổn, bao nhiêu điều lo lắng, không ngồi kể chuyện cho chị em mình được... Nhưng chị nhớ cũng được nghe bà ngoại kể chuyện dưới trăng ngoài thềm nhiều lần, và lần thích nhất là đêm canh nồi bánh chưng. Lúc đó em không bắt đom đóm thì cũng ngủ khò, không được nghe các truyện Tấm Cám, Thạch Sanh, Ân Khê trả vàng v.v.

Có lẽ không phải chị Tuyết chỉ mê chơi búp-bê, mà chị thích cả chơi chòi. Chị chăm chút ngôi nhà của gia đình chúng tôi ở Bekkestua như một cái chòi, chị tự may những cái màn cửa sổ, lau chùi, quét dọn, lâu lâu chị kê lại bàn ghế, mùa hè chị cắt hoa ngoài vườn vào trưng trong phòng khách và phòng ngủ từng người, và chị làm bếp, nấu những món ăn Việt Nam mà chính mẹ không biết nấu, hoặc nấu không ngon bằng. Mẹ đau yếu quanh năm, sanh tôi và thằng Út xong càng yếu hơn. Năm người con trai (ấy là tôi coi bố cũng là... con trai) ai cũng có “quí tướng” cả, “dài lưng tốn vải ăn no lại nằm”, mẹ nói với một vẻ hãnh diện nhiều hơn trách móc. Mẹ hãnh diện nhất về anh Thịnh, học hành chăm chỉ, để bốn năm tu thân tích đức rồi cũng vô được y khoa, đang làm việc trong bệnh viện. Đương nhiên “bác sĩ của mẹ” không có quyền mó vào những việc dành cho đàn bà con gái. Anh Hưng giỏi máy móc, bận đi sửa xe, bắt điện, nâng cấp máy điện toán cho khắp thiên hạ, nhưng cái ống nước tưới vườn trong nhà bị bể, lại do chị Tuyết sửa. Chị phải sửa vì cuối mùa thu, sau khi một mình quét dọn lá khô trong vườn và dọn dẹp bàn ghế vào kho, chị quên không xả nước, mùa đông ống bị bể. Những việc đó không anh nào làm, tôi không biết làm, muốn làm chị cũng không cho “cứng” làm. Thằng Út bận đi đá banh; nó đã trở thành cầu thủ chính thức cho đội tuyển quận. Còn bố, ngoài việc làm phụ giáo (có lương) cho các trường đồng học sinh Việt Nam, bận làm báo cho hội gì đó. Chị Tuyết bao biện mọi việc trong nhà như một bà nội trợ.

Chị cũng phải tới trường Na-uy như mọi người (chị học nữ điều dưỡng), tôi không biết thì giờ ở đâu mà chị học tất cả những điều ngộ nghĩnh kia. Dường như từ trong máu chị đã sẵn có những câu ca dao, những công thức bánh, những cử chỉ, điệu bộ, những câu, những chữ làm mềm mại lời nói của chị. Riêng điều sau cùng này tôi ít thấy ở những người cùng tuổi với chị và với tôi. Tôi sanh ra và lớn lên tại Na-uy, không biết gì về Việt Nam. Không biết gì về người con gái Việt Nam, ngoài hình ảnh người chị... ru em, hoặc đối với riêng tôi, chỉ phảng phất mà vương vấn lạ lùng là: hình ảnh chị rón rén cúi đầu khi miễn cưỡng phải đi qua mặt bố mẹ đang nói chuyện với khách. Hoặc hình ảnh chị chải tóc thật kỹ buổi sáng trước khi ra khỏi phòng. Tóc chị óng mượt như nhung. Có lúc tôi thấy chị như một đóa hoa xuân trong chiếc áo dài. Có lúc tôi thấy chị như một bà già khi chị ngồi giặt các bao ni-lông, hong khô, để dùng lại, hoặc đi chợ trời mua quần áo cũ sửa lại mặc.

Ngược lại có nhiều việc nhỏ mọn chị lại cẩn trọng, không chấp vá, không tùy tiện. Ví dụ như đối với chị, các món ăn phải thuần túy, đúng kiểu, đúng cách, không được “phăng” Ậu Hồi còn nhỏ tôi thích việc so dưa cho cả nhà, chị dạy so dưa thật đều và thật thẳng. Dưa cong chị vất đi hết. Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Tít hà tiện, sao vất dưa đi

- Không phí phạm không có nghĩa là không tiêu dùng. Phải dùng đũa cho đúng. So đũa đều bố mẹ sống lâu trăm tuổi So đũa thẳng ăn ngay nói thật.

Chị nấu nhiều thứ chè thật ngon, chè khoai môn sầu riêng, chè xôi nước, chè bột lọc, chè khoai lang, chè bí rợ, chè đậu đen, chè đậu xanh. Cả nhà đam ghiền. Buổi tối ăn cơm xong, cả nhà ngồi chơi, coi TV, uống cà-phê, trong khi chị Tuyết lục đục rửa chén bát. Chị vừa ở trong bếp ra, anh Hưng nói trống:

- Bây giờ có chén chè ăn thì tuyệt hả

Anh Thịnh và thằng Út cùng phụ họa:

- Em cũng thèm chè.

Mẹ mắt nhìn chị Tuyết ái ngại, miệng rầy các anh:

- Bay làm như hô thần chú thèm là chè hiện ra cho mà ăn!

Người “hô” chè đầu tiên là anh Thịnh, nên cái nhìn ái ngại của mẹ, đối với chị Tuyết có nghĩa là một lời nhắc khéo “thôi con chịu khó một chút”. Những người khác chỉ chờ “ăn có”. Còn tôi cũng muốn ăn chè, nhưng không muốn chị Tuyết mất công, nhìn chị ra dấu “dừng”. Thế mà chị hiểu thế nào không biết, đứng lên đi nấu chè.

Tài nấu ăn và tính chăm việc của chị cũng có hại Cả nhà ăn không ngồi rồi cứ béo lăn rạ Một hôm đầu mùa hè mà đã nắng ầm ran da, chúng tôi chẳng ai bảo ai, mình trần quần đùi nằm lủ khủ phơi nắng trên bãi cỏ ngoài vườn. Chị Tuyết đi làm rồi đi chợ về, vai đeo xách, hai tay kẹp nệm hai bịch ny-lông to bự, thở mệt nhọc, chị nhìn một cách quái dị vào chúng tôi, nói:

- Y như một bầy heo cạo!

Tôi ngỏm dậy coi, thấy mấy người con trai béo nần béo nữ, bụng phệ, trắng hếu, y như bầy heo đã cạo lông sạch sẽ. Nhưng con heo phệ nhất, hếu nhất lại là... bố. Tôi không nhịn được cười, trở tay vào bố:

- Con heo này mập nhất!

Cả mấy “con heo” kia cùng cười hô hố. Lúc đó chị Tuyết mới nhận ra bố, hoảng hồn, tròn xoe mắt, há hốc mồm, chạy vào nhà.

Chị Tuyết chăm lo cho mọi người và nhà cửa từng ly từng tí, nhưng chính chị thường bị quên lãng. Một buổi chiều mùa đông cả nhà ngồi trong phòng khách bàn về việc sửa nhà. Nhà hiện có bốn phòng ngủ, bố mẹ chiếm phòng lớn ở nhà dưới bên cạnh phòng khách, trên lầu có ba phòng, anh Thịnh và thằng Út ngủ chung một phòng, tôi và anh Hưng chung một phòng, chị Tuyết một mình một phòng. Thằng Út với anh Thịnh cứ hục hặc hoài về chuyện mở nhạc và tắt đèn. Bố mẹ muốn cho mỗi người con một phòng riêng và thêm một phòng kiếng để bố trồng lan và bonsai

Mẹ thấy hết củi sười, nói:

- Đưa nào ra lấy củi đi

“Bà heo” nằm ngòì nghiêng ngả, im thìn thít như bị dí điện a-ba-toạ Chị Tuyết im lặng đứng dậy ra sân lấy củi Tôi theo ra tiếp chị. Tôi banh bao gạo ra cho chị nhét củi vào Mặc dầu chị Tuyết đã ra trường, và tôi đã học xong trung học, tôi vẫn gọi chị bằng “Tít” (tiếng nói ngọng của tôi hồi nhỏ):

- Tít ơi! Bộ người con gái Việt Nam phải làm hết mọi việc sao

- Việc trong nhà, gần như hết việc trong nhà.

- Thế là bắt công.

- Không bắt công đâu Khi nào cứng có gia đình riêng cứng sẽ thấy Người đàn ông lo việc bên ngoài Người đàn bà lo mọi việc trong nhà.

- Nhưng Tít vừa lo việc trong nhà vừa phải đi làm.

Chị không trả lời Trăng chiếu trên tuyết trắng đẹp quá. Tôi thấy chị Tuyết cũng đẹp. Tôi bưng bao củi lên, hỏi đột ngột:

- Bên Việt Nam không có tuyết, sao bố mẹ đặt tên Tít là Tuyết?

Chị cười:

- Tít không biết. Cứng hỏi bố mẹ ấy

- Nhưng Tít thích tên đó không?

- Thích lắm.

Trong lúc xếp củi vào học bên cạnh lò sưởi, tôi hỏi bố mẹ:

- Bố mẹ! Tại sao bố mẹ đặt tên chị ba là Tuyết?

Bố đặt tờ báo chiều xuống, gỡ kính một cách chậm chạp để có thời giờ suy nghĩ, nói gọn:

- Tuyết đẹp.

- ở Việt Nam đâu có tuyết mà thấy đẹp, bố?

- Không có tuyết, nhưng người ta mơ về đẹp của nó. Hay đặt cho con gái

Tôi nhẩm liệt kê thấy trong số vài trăm người Việt ở vùng chúng tôi ở đã có sáu người tên Tuyết, trong khi khắp Âu châu đây tuyết chỉ có một người tên tuyết - Bạch Tuyết của bảy chú lùn. May mà chị Tuyết của tôi chỉ có năm “chú lùn”. Nhưng chú nào cũng tên là “Đại Lãn” cả.

Mẹ im lặng trong lúc bàn về tên Tuyết, bây giờ lại quay về chuyện cất nhà:

- Cái hầm mình tự làm lúc nào cũng được. Cái phần phải có họa đồ và giấy phép xây cất là phần xây thêm một căn có đủ phòng ngủ, phòng khách và bếp, cầu tiêu cho thằng Thịnh.

Anh Thịnh nhận:

- Chi vậy má? Con ở trong phòng bây giờ được rồi

Bố nói:

- Ý mẹ mày là muốn mày cưới vợ về ở chung đây cho bà bé cháu nội

Mẹ gật đầu, nói tiếp:

- Sau này từ từ sẽ xây thêm ba căn nhà riêng cho ba đứa con trai, tụi bay lấy vợ rồi ở quanh quần cho vui Mẹ quay sang anh Thịnh: Con là trưởng nam, ở nhà chính với bố mẹ.

Tôi thấy mẹ “xây” thiếu một căn nhà, vừa định lên tiếng thì chị Tuyết đứng lên vào bếp. Tôi im. Một lúc sau, chị từ trong bếp bưng chè ra:

- Mời cả nhà ăn chè.

Chị Tuyết bưng hai chén chè cho bố mẹ. Bốn người con trai xúm vào, mỗi người tự lấy một chén. Chị Tuyết lấy chén sau cùng, lại ngồi dưới sàn bên cạnh tôi Mọi người mãi ăn chè, tạm ngưng câu chuyện xây nhà.

Tôi hay sang phòng chị Tuyết chơi Một hôm tôi thấy cuốn nhật ký chị bỏ ngổ trên bàn. Từ khi tôi biết đọc tiếng Việt, chị vẫn để cho tôi đọc nhật ký của chị một cách tự nhiên. Lần cuối cùng khi tôi đọc mà chị đỏ mặt, giăng lại giấu đi, là khi chị mới đi làm trong bệnh viện được khoảng một năm. Chị viết về một người trong bệnh viện, mà chị chỉ gọi là “người ấy”, tôi hiểu là một người Việt, hình như một bác sĩ, quen anh Thịnh, và chị có cảm tình. Tự nhiên tôi thấy sợ người ấy Đúng hơn, tôi sợ mất mát một cái gì. Rất mơ hồ. Một đe dọa xa xôi Tôi tò mò muốn biết người ấy là ai Vì thế, tôi cảm thấy tôi vẫn còn cái “quyền” đọc nhật ký của chị như xưa Nhưng tôi thấy chị không viết thêm gì về người ấy nữa Tôi đọc được một đoạn khác chị vừa viết:

Ngày ...

Ngôi nhà và miếng đất nhỏ bé này là thế giới của tôi Khu vườn này, tôi đã xới từng luống đất, gieo từng luống hoa, tỉa từng cành lá. Nếu mỗi người anh em có một căn nhà riêng trong đó, thì tôi chỉ ước mong có một túp lều Để tôi được ở bên cạnh mái nhà đã đem lại cho tôi cảm giác an toàn, và để tôi chăm sóc cho bố mẹ và mấy người con trai vô tích sự.

Chân dung một cô gái Việt Nam

Căn phòng nằm trên bờ con sông con Askerelva chảy qua trung tâm thủ đô Oslo. Qua cửa kính ra ban-công, Diễm nhìn những cây phong lá úa vàng soi bóng trên nước, tưởng tượng nếu đây là một căn phòng trong ký túc xá sinh viên, với người yêu bên cạnh, thì thơ mộng biết bao. Nhưng bây giờ trước mặt nàng là ông cảnh sát di trú và bên phải là một người con gái, cỡ tuổi Diễm. Cô xin tạm trú. Trước khi lên đây, một bà cảnh sát đã khám xét người và hành lý của cô. Bà muốn tìm biết cô gái thật sự là ai, tên tuổi thật là gì, nhà cửa thật ở đâu. Trong ba bốn

năm gần đây, nảy ra một hiện tượng mới là mỗi năm có vài chục người Việt Nam tới xin tằm trú tại Na-uy, không một người nào là... người thật. Báo chí Na-uy gọi họ là ingen person, tương đương với nobody, Diễm và các đồng nghiệp thông dịch viên dịch đùa từng chữ là ‘vô nhân’. Trong cái túi xách nhỏ, có hình hai bàn chân, bà cảnh sát chỉ moi ra được một cái quần tây, một áo thun, một xú-chiêng, hai xì líp, một típ kem đánh răng, một bàn chải. Chân dung thật của cô gái không nằm trong cái túi xách.

Bây giờ Diễm dịch cho ông cảnh sát thẩm vấn.

“Cô tên gì?” ông cảnh sát hỏi, sau khi bật máy PC.

“Nguyễn Thị Vân.”

“Ngày sanh?”

“25.12.1988.”

“Như vậy là cô sanh vào lễ Giáng Sinh và năm nay cô 16 tuổi?” ông cảnh sát chiếu ánh mắt nghi ngờ trên cô gái ngồi trước mặt. Diễm đoán người đồng hương này nếu không già bằng Chúa Cứu Thế thì ít nhất phải hai mươi lăm tuổi. Nàng biết theo luật lệ hiện hành, trẻ vị thành niên được nhiều đoàn thể can thiệp và bảo vệ, và nếu được chấp thuận tị nạn thì có thể kéo thêm cha mẹ, em út. Nhưng Diễm đoán lầm về vụ kéo thêm cha mẹ:

“Tên cha?” ông cảnh sát hỏi tiếp.

“Nói chung... Tôi không có cha.”

“Tên mẹ?”

“Tôi không có mẹ.”

“Ít nhất cũng có một người sanh ra cô chứ?”

“Tôi mồ côi từ nhỏ, không biết gì cả...”

“Cô có giấy tờ gì không, như sổ thông hành, căn cước chẳng hạn?”

“Không.”

“Không có giấy thông hành, làm thế nào cô có thể đi ra khỏi Việt Nam, và qua bao nhiêu biên giới tới đây được?”

“Không biết. Người ta đưa tôi đi.”

“Người ta là ai?”

“Nói chung nà người giắt đi đấy.”

“Có khi nào họ đưa qua trạm kiểm soát biên giới không?”

“Tôi không biết đâu là biên giới.”

“Cô rời khỏi Việt Nam bao giờ?”

“Không nhớ.”

“Cô nói phỏng chừng cũng được,” ông vẫy vẫy những ngón tay như con chim bay “một năm, một tháng, hay một tuần?”

“Khoảng một tháng.”

“Cô nhớ đã đi qua một thành phố nào đặc biệt, ví dụ Paris, Berlin, Bắc Kinh?”

“Không nhớ. Không biết.”

Suốt hai tiếng đồng hồ với hàng trăm câu hỏi, người cảnh sát chỉ nhận được một câu trả lời rất ư thoải mái “không biết.” Chạm phải những lời nói dối quá xác xược, ông đỏ gay mặt như người bị xúc phạm nặng, nhưng lấy lại bình tĩnh, gõ vào máy vài dữ kiện vu vơ. Thấy hồ sơ sơ sài quá, ông ta cố gắng nhắc lại lần thứ ba một câu hỏi:

“Cô nói lại tôi nghe, cô từ Việt Nam tới Na-uy bằng phương tiện gì?”

Cô gái chắc đã được học tập kỹ, dư biết rằng ông cảnh sát muốn truy ra hãng máy bay chuyên chở để qui trách nhiệm, nên quay sang thông dịch viên nói:

“Chị lói với ló nà em đi bộ từ Cao Bằng sang Trung Quốc đấy, dzồi từ Trung Quốc đi bộ sang Nga, từ Nga sang đây bằng xe thùng đấy... Đã lói mí ló dzồi mà cứ hỏi mãi thế!”

Diễm dịch lại câu nói, bỏ câu ‘chị lói với ló’ đi - vì nàng biết nó ngẩn ngủi thế mà không tài nào dịch hết ý được. Ông cảnh sát ghi vào hồ sơ lời khai, chẳng cần biết đoạn đường từ Cao Bằng sang Nga dài bao nhiêu dặm, đi bộ mấy năm. Rồi ngẩng đầu lên hỏi theo đúng thủ tục:

“Cô muốn gì tại Na-uy?”

“Xin tị nạn.”

“Lý do tị nạn?”

“Nói chung nà ở Việt Nam đói quá.”

“Tại sao lại chọn Na-uy làm nơi tị nạn?”

“Nói chung nà nghe người ta bảo ở La-uy sướng thì trả tiền cho đường giầy đưa đi.”

“Cô phải trả bao nhiêu tiền?”

“Lăm ngàn đô.”

“Số tiền này từ đâu cô có, nếu cô đói?”

“Có cái ông gần nhà thấy tôi khổ thương hại cho tiền đi.”

“Ông ấy tên gì?”

“Không biết.”

“Địa chỉ?”

“Bên cạnh nhà tôi.”

“Hồi này cô nói vô gia cư, từ nhỏ sống ở ngoài đường?”

“Thì ở gần nhau ngoài đường.”

Diễm nghĩ bụng nếu có một nơi mà người vô gia cư có nhiều tiền như thế và hảo tâm như thế nhất định nàng sẽ tới đó xin tị nạn. Nhưng ông ta khoanh tay, ngả lưng ra đằng sau như muốn thư giãn, rồi bấm nút ‘print’ vào máy PC. Bên ngoài ban-công một con bò câu đáp xuống, thấy bóng nhiều người, lại bay đi.

Ông cảnh sát đưa cô gái xuống phòng căn cước dưới tầng trệt để chụp hình, lăn tay, làm thẻ căn cước tạm. Diễm cũng là dân tị nạn - mệnh danh là ‘thế hệ thứ hai.’ Thấy cảnh này, Diễm nhớ lại những câu chuyện gian truân, bi hài mà ‘thế hệ thứ nhất,’ cha mẹ nàng, kể về chuyến vượt biên hai mươi sáu năm về trước, lúc nàng chưa sanh ra. Nhiều người hỏi tại sao phải liều mạng như vậy? Cha mẹ có một câu trả lời khá đặc biệt, tương đối khiêm nhường hơn phần đông - khát khao tìm một mảnh đất có thể lương thiện mà sống. Ông bà đã tìm được một mảnh đất như thế và sanh ra Diễm trên mảnh đất như thế. Diễm thừa hưởng tám lương thiện như suối nhận nước mạch từ đỉnh núi cao tinh tuyền. Diễm không biết nói dối - gần như. Nói ‘gần như’ là để trừ những lần như mẹ hỏi có bồ chưa nói chưa, bố hỏi mua cái cà-vạt cho bố bao nhiêu nói nửa giá, bạn trai hỏi em giận cái gì, nói không có gì cả...

Ông cảnh sát cầm từng ngón tay của cô gái lăn trên tấm kính đục, khi hình dấu tay hiện rõ nét và đầy đủ trên màn ảnh máy vi tính, với tín hiệu ‘Ready’, ông nhấn bàn đạp. Diễm nhìn những ngóntay thon khá đẹp của cô gái, tự hỏi tại sao cô có thể nói dối một cách tự nhiên như thế. Và Diễm cảm thấy một nỗi chán nản xen lẫn hổ thẹn về người cùng màu da.

Một chiều đầu mùa đông. Trận tuyết đầu tiên trong thành phố khiến đường xá hỗn loạn vì tai nạn xe cộ. Diễm rút trong cặp đi làm ra tờ báo cũ đọc lại, cho qua thời gian trôi rất nhanh mà xe buýt chạy rất chậm, và bụng bắt đầu đói đói. Tin có nghi vấn ông Arafat chết vì bị đầu

độc; tin tuyệt lộ ở Miền Tây khiến 60 chiếc xe bị kẹt giữa đường; tin cảnh sát bắt được chín người trong một băng ăn cắp toàn người Việt Nam, hoành hành từ nhiều năm trên toàn quốc. Số thiệt hại cho các cửa tiệm lên đến nhiều chục triệu. Các mặt hàng được băng đảng này ưa chuộng là dao cạo Gillette, mỹ phẩm L'Oréal, nhất là thuốc quệt lông mày và tô mắt, có cả dầu cá. Chưa bắt được người đầu sỏ của tổ chức, nhưng trong số những người bị bắt có một người đàn bà tầm trú can dự vào 19 vụ có tang chứng, người này đã có bốn tiền án ăn cắp. Chuông điện thoại reo. Cảnh sát di trú cần Diễm đi thông dịch gấp. Cảnh sát hện mang xe đón đường xe buýt để rước Diễm đi ngay. Diễm moi gói bánh mì ăn dở ra ăn; nếu không bị kẹt xe, giờ này nàng đang ăn cơm với cha mẹ ở nhà, mẹ nói hôm nay sẽ làm món canh bí rợ.

Cô cảnh sát di trú mặc thường phục chiều nay sẽ gặp một người đàn bà trong tù để thông báo lệnh trục xuất. Khi người tù xuất hiện trước cửa phòng tiếp khách, Diễm thấy mặt quen quen. Người thiếu phụ nặng nề ngồi xuống ghế bành, một tay đặt lên bụng lớn. Diễm để ý đến sự kiện nhỏ là trong căn phòng bây giờ có ba người đàn bà. Cô cảnh sát tự giới thiệu xong, mỉm cười hỏi cô tù, Diễm dịch lại:

“Cô khỏe không?”

“Khỏe.”

“Bao giờ sanh?”

“Hai tháng nữa.”

Cô háng giặng:

“Hôm nay tôi đến đây để nói về một việc khác, không liên quan gì tới việc trộm cắp,” cô cảnh sát nói trong khi mở một cái kẹp hồ sơ bằng nhựa trong, lấy ra một tờ giấy. “Tôi đến để báo cho cô biết về lệnh trục xuất.”

Người thiếu phụ mang bầu mặt không biến sắc, bàn tay vẫn để trên bụng, cánh tay kia vẫn để xuôi theo đùi trên ghế da. Cô cảnh sát đưa cho Diễm tờ quyết định của bộ Nội Vụ, bảo dịch miệng cho đương sự.

Diễm dịch xong, đưa tờ giấy cho người con gái tên Vân ký tên. Bây giờ nàng đã nhớ ra đây là cô gái xin tầm trú vào đầu mùa thu. Nàng nhớ ra bàn tay đang đặt trên bụng kia đúng là bàn tay đẹp đặt trên tấm kính mờ để lấy dấu. Bàn tay táy máy trong bốn tháng nay làm điều đứng các siêu thị và cửa hàng khắp nước. Lại cùng một cảm giác gờm nhóm lên vào lòng Diễm.

Cô cảnh sát cất tờ quyết định vào kẹp. Lấy một tờ giấy khác, cầm bút như sẵn sàng ghi chép.

“Xin cô nghe đây,” cô cảnh sát mở đề cho một cuộc thẩm vấn cuối cùng. “Cô không đủ lý do xin tị nạn, cộng thêm việc phạm pháp, cô không có con đường nào khác ngoài đường trở về nơi cô đã ra đi.”

“Thế thì trả tôi về Đức.”

“Tại sao lại Đức? Cô đi từ Việt Nam mà!”

“Tôi từ bên Đức sang...”

“Trong hai lần thẩm vấn trước đây cô nói từ Việt Nam, đi bộ sang Trung Quốc rồi sang Nga.

Bây giờ lại nói từ Đức sang. Lờn nào là thật?”

“Cái thai lày của một thằng Đức.”

“Nhiều lần chúng tôi đã hỏi cha của thai nhi là ai, cô đều nói là không biết.”

“Không biết... thật đấy. Nói chung nà đêm không thấy mặt.”

“Dù cô không biết gì hết, không biết mặt người ngủ chung, không biết mình là ai, không biết cha mẹ là ai, không biết từ đâu tới, chúng tôi vẫn có cách tìm ra cô là ai. Và chúng tôi sẽ liên lạc với tòa đại sứ Việt Nam cấp giấy cho cô về Việt Nam.”

“Lời thật cũng chết, lời dối cũng chết...” người tù nói nhanh, rồi lại vợ nói “Chị đừng dịch cho ló nghe nhá!”

“Cô ấy nói gì?” thấy Diễm không dịch câu nói của người đối thoại, cô cảnh sát hỏi.

“Cô ấy dối ý, không muốn tôi dịch câu vừa nói.”

Cô cảnh sát nhỏ giọng nói với người đàn bà mang thai:

“Xin cô cộng tác với chúng tôi để tiến hành cho sớm việc hồi hương, tránh cho em bé khỏi sanh ra trong tù.”

“Tôi cũng không muốn sanh con trong tù...”

“Vậy tên thật cô là gì? Địa chỉ?...”

Người tạm gọi là ‘Vân’ không trả lời. Diễm bỗng thấy nét mặt của Vân mềm ra, như có một lớp sáp vừa tan để lộ cảm giác - khuôn mặt của một con người. Bất cứ tên tuổi cô là gì, đây là một người mẹ. Người mẹ đặt cả hai tay lên bụng, cúi xuống lẩm bẫm:

“Con tôi sinh trong tù à?”

Rồi im lặng. Diễm cảm thấy xót xa trong lòng. Cảm giác gờm nhóm từ bốn tháng nay biến thành một cảm giác ân hận. Diễm nghĩ đến thân phận chính mình - sờ dĩ mình sống nhờ nhờ được, buổi sáng đứng bán nhà thuốc tây, buổi chiều đi nhảy aerobic, lâu lâu đi thông dịch lấy ngoại tài mua son phấn không cần ăn cắp... là vì cha mẹ mình đã chọn được con đường đúng ý nguyện: tới một nơi có thể lương thiện mà sống được. Không, không phải cha mẹ chọn. Đó là Trời ban. Ba chục năm nay, bây giờ ‘Kho Trời’ đã khóa. Nếu cha mẹ nằng chậm chân, không chừng giờ này Diễm cũng là một người mở miệng bằng câu không biết, và không từ làm bất cứ việc gì để sinh tồn.

Lợi dụng lúc cô cảnh sát nói chuyện với bà gác tù, Diễm phá chút qui củ thông dịch, đưa tay bắt bàn tay mềm và ấm của Vân, chúc may mắn và ai ủi vài câu. Vân tỏ ra cảm động. Cuối cùng, nghĩ tới mai mốt Vân lên máy bay về Việt Nam, Diễm ái ngại hỏi:

“Liệu người lương thiện có sống được ở Việt Nam không?”

“Nương thiện nà cái gì?”

Chiêu hồi ngôn từ

Người tỵ nạn ra đi không mang theo hành lý nào ngoài chút di sản tinh thần, trong đó có ngôn ngữ. Trong gia đình, ta vẫn nói tiếng Việt, suy nghĩ như người Việt, và vì lý do nọ lý do kia, vẫn tiếp xúc với tiếng Việt nơi quê cũ. Người yêu tiếng Việt và để ý một chút các hiện tượng ngôn ngữ, sẽ đau lòng thấy tiếng Việt nơi đất Việt xuống dốc thê thảm. Hình bên cho thấy 10 người làm văn hóa tại Việt Nam tươi cười giữa màu đỏ chói cách mạng dưới khẩu hiệu “bánh trưng.” Một lỗi chính tả như thế trước hàng trăm (hay ngàn?) con mắt mà không ai thấy, tố cáo sự ngu dốt, nhưng ngu dốt không phải là một tội lỗi. Coi thường di sản tinh thần dân tộc mới là tội lỗi. Ráng vận động cho Vịnh Hạ Long được liệt vào hàng kỳ quan thế giới, trong khi bỏ bê tiếng mẹ đẻ, là phê trương cái cảnh mà hủy lấp cái gốc của văn minh - tiếng nói. Họ cử cán bộ ra ngoại quốc mở lớp Việt ngữ cho con em “Việt kiều,” trong khi cán bộ nói tiếng Việt sai, ngọng, chứng tỏ họ không định bảo tồn tiếng Việt, mà chỉ để đầu độc con nít.



Mục đích của bài này là trình bày sự bê bối của tiếng Việt tại Việt Nam bây giờ; sau đó, đặt vấn đề nên xử như thế nào, trong đó tôi chủ trương “chiêu hồi” - không vất bỏ những chữ ta quen đóng dấu là “từ Việt cộng,” mà trả chúng về vị trí ngôn ngữ nguyên thủy của chúng, và sử dụng chúng một cách đúng đắn.

Nhưng trước hết những chữ nào đã bị đóng dấu lầm?

1. Những từ ngữ bị đóng dấu lầm

Tôi chọn bảng “Đối chiếu từ ngữ VC và từ ngữ VNCH” (trong bài Nỗi buồn tiếng Việt sau 1975, Diễn đàn Điện tử Việt Nam) của tác giả Trần Văn Giang, làm khởi điểm bàn luận, vì nó phong phú nhất, tác giả là người nghiên cứu và viết nhiều về văn hóa, chính ông đã kêu gọi góp ý cho bảng đối chiếu công phu của ông.

Đôi khi tôi bắt chước ông, dùng chữ “VC” và “VNCH.” Nhưng tôi thích ý niệm “miền ngôn ngữ” hơn - để chỉ một bên là tiếng Việt, bên kia là đặc ngữ XHCN. Tôi cũng xin cáo lỗi trong phần chú thích ngoại ngữ tôi dùng tiếng Na-uy là tiếng quê hương mới của tôi, nhưng để độc giả ở xứ khác cũng thông cảm, tôi thêm tiếng Anh là tiếng tôi biết lồm bồm.

Trong hơn 200 cặp từ ngữ của ông TVG, tôi trích 25 cặp gồm 10 cặp đầu tiên, sau đó nhạt tình cờ.

Từ ngữ VC

ấn tượng
bác sỹ, ca sỹ
bang
bảo quản
bài nói
bèo
bóng đá
bổ sung thêm,
bồi dưỡng (hồi lộ?)
bức xúc
bất ngờ
cách ly
cảnh báo
chất xám
chế độ

Từ ngữ VNCH

đáng ghi nhớ, đáng nhớ
bác sĩ, ca sĩ
tiểu bang
che chở, giữ gìn
diễn văn
rẻ tiền
túc cầu
bổ túc
nghỉ ngơi, săn sóc, chăm nom, ăn uống đầy đủ
dồn nén, bức tức
ngạc nhiên
cô lập
báo động, lưu ý
trí tuệ, thông minh
quy chế

động thái	động lực
động não	vận dụng trí óc, suy luận, suy nghĩ
hoành tráng	nguy nga, tráng lệ, đồ sộ
huyện	quận
lý giải	giải thích (explain)
nâng cấp	nâng hoặc đưa giá trị lên
nhà khách	khách sạn
nhất quán	luôn luôn, trước sau như một
thị phần	thị trường
xác tín	chính xác

Nhận xét:

“Ấn tượng”: tiếng của hai miền. Từ hồi còn nhỏ, tại Sài Gòn, tôi đã đọc, nghe “trường phái ấn tượng, ấn tượng còn đậm trong trí cô Tư, bản nhạc gầy ấn tượng quê hương.” Cái khác là ngày nay trong nước dùng “ấn tượng” vừa như danh từ vừa như động từ. Ngày xưa ta nói “Bản nhạc gầy ấn tượng,” ngày nay người trong nước nói “Bản nhạc ấn tượng,” chỉ bớt đi chữ “gầy”! “Đáng ghi nhớ, đáng nhớ” không phải là tiếng Việt tương đương cho “ấn tượng.”

“Bác sỹ”: viết y dài là sai, nhưng - cũng như trường hợp “bánh trưng” - không phải nhà cầm quyền chủ trương như vậy. Cứ giở sách báo hai miền ra đọc, ta sẽ thấy cả hai miền đều nhiều người viết đúng, ít người viết sai.

“Bang”: Ta quen nghe “tiểu bang” khi nói về state của Mỹ, nên thấy không thuận tai khi nghe người Hà Nội gọi tắt là “bang.” Nhưng “bang” (đứng một mình) đã được dùng ngay từ thời Trạng Trình - “Sấm động Nam bang/Vũ quá Bắc hải.”

“Bảo quản”: Việt Nam Tự điển Lê Văn Đức, “bảo-quản đt (Pháp): Bảo thủ và quản xuất, giữ số bộ, đăng ký, điền thổ, cải chính và cấp phát bản sao.”

“Bài nói”: Tôi gặp “bài nói chuyện, bài tham luận, bài phát biểu” ở cả hai miền, mà chưa gặp “bài nói” đứng một mình bao giờ (nhưng tôi tin rằng tác giả TVG có gặp nên mới chép vào bảng đối chiếu). Ngược lại, chữ “diễn văn” tôi thấy nhan nhản trên báo chí Việt cộng, VNCH và hải ngoại. Như vậy “diễn văn” là chữ Việt thông dụng ở mọi miền.

“Bèo” là nói tắt thành ngữ dân gian “rẻ như bèo,” tiếng lóng, chưa thấy trong văn bản chính thức của CS. Và tất nhiên “rẻ” được dùng rộng rãi ở cả hai miền ngôn ngữ.

“Bóng đá”: Đào Đăng Vỹ, trong Pháp Việt Từ điển, dịch football là: môn bóng tròn, túc cầu, đá bóng, đá banh. Vậy nói “bóng đá” không sai, nhưng ngày nay trong nước dùng thay cho “túc cầu.”

“Bổ sung” ta cũng dùng rất thường trong Nam - “bổ sung quân số,” “lần tái bản này đã được bổ sung.” Vậy “bổ sung” và “bổ túc” được dùng ở cả hai miền ngôn ngữ.

“Bồi dưỡng” được dùng ở cả hai miền (Miền Nam, xin coi Việt Nam Tự điển Lê Văn Đức, chẳng hạn). Cán bộ CS nói “kỳ hè giáo viên đi bồi dưỡng” nghe kỳ cục, nhưng nếu nói “bồi dưỡng chính trị” thì về phương diện ngữ pháp, không có gì sai cả. Tác giả TVG có lý khi cho

rằng “tắm bổ” là từ tương đương; những chữ còn lại (nghỉ ngơi, săn sóc, chăm nom, ăn uống đầy đủ) là mô tả chi tiết chứ không phải danh từ tương đương với “bồi dưỡng.”

“**Bát ngờ**” và “**ngạc nhiên**” đều được dùng ở cả hai miền. Nhưng hai chữ có ý nghĩa khác nhau hoàn toàn.

“**Bức xúc**” là tiếng đặc thù trong xã hội VN bây giờ. Nhưng ông TVG đưa hai chữ “dồn nén” và “bực tức” làm chữ tương ứng của VNCH, thì không đúng.

“**Cách ly**” và “**Cô lập**” đều được dùng ở cả hai miền ngôn ngữ. Việt Pháp Từ điển Đào Đăng Vỹ: “cách ly, cách biệt: séparé l'un de l'autre.” “Cách ly” và “cô lập” không đồng nghĩa hoàn toàn với nhau, thí dụ trong câu sau, còn nghịch nhau là đằng khác: “Cần cách ly bệnh nhân này, nhưng đừng cô lập họ.”

“**Cảnh báo**” và “**báo động**” được dùng ở cả hai miền. Thí dụ Miền Nam: Việt-Pháp Từ điển Đào Đăng Vỹ viết “Cảnh báo” : signaler, avertir. Tân Đại Tự điển Việt Anh Nguyễn Văn Tạo: “Cảnh báo: alarm.” Chính xác hơn, cảnh báo là báo trước nguy cơ có thể tới để đề phòng; báo động là báo khi nguy cơ bắt đầu xảy ra để tránh thoát.

“**Chất xám**” vẫn được dùng tại Miền Nam (môn vận vật lớp đệ tứ và đệ nhị) với cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng (trí thông minh) Cả hai đều được dùng tại VNCH. Bảo “chất xám” chỉ được VC dùng, là sai.

“**Chế độ**” và “**quy chế**”: cả hai được dùng tại Miền Nam, với ý nghĩa khác nhau. “Chế độ”: thể chế chính trị, ăn theo chế độ, chế độ cũ/mới, chế độ thuế khóa. “Quy chế”: quy chế công chức, quy chế nghiệp đoàn. Không hiểu căn cứ vào đâu mà bảo rằng chữ “chế độ” của VC có nghĩa tương đương với “quy chế” của VNCH.

“**Động thái**” và “**động lực**” hoàn toàn khác nhau, nhất là trong lãnh vực tâm lý, một đằng biểu lộ ra, một đằng tiềm tàng bên trong. “Động thái” hay “tác phong”: (Anh: behavior, Na-uy: atferd): hành vi biểu lộ ra bên ngoài quan sát được; ta có chữ “trường phái tâm lý học động thái/ tác phong” (behaviorism). Động lực: (Anh: motive; Na-uy: motiv) là sức ngầm thúc đẩy hành vi. Td: “Cảnh sát chưa tìm ra động lực của vụ giết người.” Cả hai chữ đều được dùng tại Miền Nam; nếu chúng không được phổ biến, là vì chúng thuộc lãnh vực chuyên môn chẳng.

“**Động não**” cũng là danh từ quen thuộc tại Miền Nam (ít nhất trong môn tâm lý sư phạm). “Vận dụng trí óc” gần đúng với “động não,” nhưng không phải là chữ của Miền Nam thay cho “động não.” Còn “suy luận, suy nghĩ” đều được dùng ở cả hai miền, với nghĩa hơi khác với “động não.”

“**Hoành tráng**” theo Tự điển Lê Văn Đức đồng nghĩa với “hoành lệ” nghĩa là “rộng lớn, đẹp đẽ” (đúng như ông TVG hiểu). Như vậy “hoành tráng” thuộc kho tàng ngữ vựng Việt Nam, không nên hiến cho VC độc quyền. (Tại sao ta có khuynh hướng dị ứng với chữ này và nhiều chữ khác, tôi sẽ có vài dòng giải thích ở phần hai).

“**Huyện**” và “**quận**” là danh từ chỉ đơn vị hành chánh qua bốn thời đại, Pháp, Quốc gia (Bảo Đại), VNCH và VN XHCN. Thời Pháp huyện nhỏ gọi là “huyện” (đứng đầu là tri huyện), huyện lớn gọi là “phủ” (đứng đầu là tri phủ hay đốc phủ sứ). Thời Bảo Đại, tương tự. Thời VNCH tất cả đều gọi là “quận,” không phân biệt lớn hay nhỏ, thành thị hay nông thôn, đứng đầu là “quận trưởng.” Ngày nay dưới chế độ CS, ở thành thị đơn vị hành chánh này gọi là “quận,” ở nông thôn gọi là “huyện.”

“Lý giải” và “giải thích”: Cả hai đều được dùng từ lâu ở cả hai miền. Hai chữ có nghĩa khác nhau. Giải thích là cắt nghĩa. Lý giải là giải nghĩa tường tận cho ra lẽ.

“Nâng cấp” đúng là từ ngữ riêng của VC và phần nào có nghĩa là “nâng/ đưa giá trị lên” như tác giả TVG nói. Nhưng chữ tương đương phía Việt Nam thì tùy trường hợp - nếu VC nói “nâng cấp cái ô tô” ta nói “trùng tu cái xe hơi”; VC nói “nâng cấp đường sá,” ta nói “tu bổ đường sá”; VC nói “nâng cấp khuôn mặt” ta nói “sửa mặt.” Tóm lại linh động là một đặc tính của tiếng Việt; máy móc là một đặc tính của tiếng VC.

“Nhà khách” đối với “khách sạn”: điều này tôi miễn bàn, độc giả tự nhận thấy ngày nay còn bao nhiêu hotel tại VN được gọi là “nhà khách.” Hơn nữa, theo qui ước ngành du lịch, “nhà khách” hay “nhà trọ” có tiêu chuẩn thấp hơn “khách sạn.”

“Nhất quán” không phải là từ ngữ riêng của VC, và “luôn luôn, trước sau như một” không phải chữ tương ứng của VNCH. Ông Lê Văn Đức định nghĩa rất chính xác, gọn mà thâm thúy: “Nhất quán: một lẽ mà suốt cả mọi lẽ. Thí dụ: lý thuyết nhất quán.” Chữ “nhất quán” quý lắm, không thể bán rẻ cho VC được!

“Thị phần” theo các nhà kinh tế trong nước ngày nay là bách phân mà VN chiếm được trên thị trường thế giới, thí dụ họ nói “Cà phê Việt Nam có thị phần rất nhỏ trên thị trường thế giới.” Theo sự hiểu biết nông cạn của tôi, VNCH không có chữ “thị phần.” Còn chữ “thị trường” được phổ biến ở cả hai miền.

“Xác tín” là tin chắc, “chính xác” là đúng y, hai chữ không liên quan gì tới nhau, và được dùng đều huê ở cả hai miền (thậm chí có thể Miền Nam dùng “xác tín” nhiều hơn Miền Bắc).

Miền Nam còn dùng “thâm tín” nữa.

Kết luận: Rất nhiều từ ngữ mà chúng ta cho là của VC, thực ra là của Việt Nam. Vậy tiếng nào là tiếng VC?

2. Đặc trưng ngôn ngữ XHCN

Nhiều vị coi đảo ngữ là một đặc tính của ngôn ngữ XHCN. Tôi không đồng ý, bởi vì cụ Nguyễn Du đã đảo ngữ (“Nay hoàng hôn đã lại mai hôn hoàng”); Tự lực Văn đoàn đảo ngữ nhiều hơn; Sáng Tạo đảo ngữ nhiều và độc đáo. Tác dụng của đảo ngữ là thay đổi nhịp điệu và cả ý tứ nữa. Không hoàn toàn giống nhau giữa “đơn giản” và “giản đơn,” giữa “bảo đảm” và “đảm bảo,” giữa “thành hình” và “hình thành,” giữa “mến yêu” và “yêu mến.” Trong khi đó “Úc Châu” hay “Châu Úc” không khác nhau lắm về tác dụng ngữ học (tôi đoán họ viết Châu Úc vì cho rằng trong tiếng Việt, chủ ngữ đứng trước thuộc ngữ. Còn ta viết ngược lại là theo trật tự Hán Việt). Tôi cũng không thấy người cộng sản nói tắt nhiều hơn chúng ta. Họ nói “căng” thay vì “căng thẳng,” ta cũng nói “gay” thay cho “gay go,” “ganh” thay cho “ganh tị.” Cũng không phải vì thấy một số người trong nước viết “Mỹ” thành “Mĩ” mà ta khẳng định viết i-ngắn là VC! Y-dài i-ngắn còn trong vòng tranh cãi chưa ngã ngũ ở cả hai miền, ta tạm gác qua.

Tóm lại, i-ngắn y-dài, đảo ngữ và nói tắt, không còn là tiêu chuẩn thực sự phân biệt ngôn ngữ hai miền. Vậy cái gì có thể giúp ta nhận ra những dấu hiệu của ngôn ngữ xã hội chủ nghĩa?

Phát xuất từ chủ nghĩa xã hội

Những danh từ sau đây là chính cống cộng sản, nhưng nhiều chữ không bị đóng dấu vì người ta coi là một đương nhiên - khi nói về chủ nghĩa xã hội thì phải dùng từ ngữ kinh điển XHCN:

Đấu tranh giai cấp, bóc lột, giá trị thặng dư, tư bản, tư sản, phong kiến, tích cực, tiêu cực, tồn tại, đề cương, phương án, phương tiện sản xuất, làm chủ tập thể, cải tạo công thương nghiệp, tập trung cải tạo v.v.

Cộng sản chủ nghĩa cũng mượn nhiều ngữ vựng từ Hegel như biện chứng, đề, phản đề, hợp đề, tư duy... và thay đổi đi, thí dụ duy vật biện chứng.

Chữ “quá độ” là đặc biệt nhất của cộng sản. Nó bao hàm cái gì hơn chữ “giao thời” hay “chuyển tiếp” mà ta quen dùng.

Chữ “vong thân” là một đặc ngữ cộng sản. Rất may nó xuất hiện trong danh từ triết học từ trước, nên nó là Việt.

Chữ “giải phóng” là một trong những chữ bị lạm dụng nhiều nhất. Tôi không nói sự lạm dụng chính trị, vì “giải phóng” kiểu Quốc tế Cộng sản, tự nó là một sách lược (trong đó chiêu bài và phỉnh lừa coi như vũ khí tất yếu), như “giải phóng Miền Nam.” Tôi muốn nói họ máy móc dùng “giải phóng” cho cả những thứ lặt vặt. Đĩa cứng trong máy vi tính đầy quá, ta “xóa bớt,” họ gọi là “giải phóng”; ta nói “giải tỏa một khu gia cư để làm đường,” họ nói “giải phóng...”; bớt việc cho một công nhân để họ đi tăng cường cho chỗ khác, họ gọi là “giải phóng lao động cơ hữu...”

* Trên đây là chữ XHCH chính cống, không nhầm lẫn vào đâu được. Có bao nhiêu ngàn chữ loại này, tôi không rõ.

Lai Tàu

Hồ Chí Minh ôn tập Luận cương của Lenin về vấn đề dân tộc và dân tộc thuộc địa, mà khóc tại Paris, được huấn luyện tại Nga, nhưng thực tập áp dụng tại Tàu. Trọn bộ chữ nghĩa như đấu tố, quy thành phần, xét lại, trăm hoa đua nở, cách mạng văn hóa, hộ khẩu, hộ chiếu, biên chế, điểm và diện, tam cùng, cục, phân cục, chủ nhiệm, sự cố, khắc phục v.v. đều là sao chép chữ tiếng Tàu.

Đến một lúc họ nhớ mình là người Việt, bớt chữ Hán. Nhưng họ chỉ Việt hóa những chữ liên quan tới “địch,” như “máy bay lên thẳng,” “lầu năm góc,” “Nhà Trắng.” Ngược lại, trong nội bộ đảng thì ngôn ngữ càng ngày càng lệ thuộc Trung Quốc vĩ đại nhiều hơn.

Sự áp dụng giữa tiếng Tàu và tiếng Việt đưa tới hiện tượng ngôn ngữ lai căn - “cơ cấu lại vốn,” trong đó “cơ cấu” là Hán, “lại” và “vốn” là Nôm.

Cùng ý niệm kinh tế này, miền Nam đã dùng năm âm tiết toàn Hán, nhưng quen thuộc, “tái tổ chức tư bản.” Miền Nam lại theo nguyên tắc tự do, cả trong ngôn ngữ, do đó một ý niệm có thể có nhiều cách phát biểu, như có thể nói “xếp đặt lại vốn liếng,” ai cũng hiểu cả.

* Vậy một đoạn văn tràn ngập chữ Tàu, là dấu hiệu đáng nghi văn Việt cộng.

Lai Tây

Các học sinh Marie Curie hay Jean-Jacques Rousseau, khi gặp nhau, xô tiếng Tây, là chuyện thường. Các ký giả, trí thức gặp nhau bên tách cà phê, nói “toa toa moa moa” cũng là thường. Nhưng tại miền Nam ít khi ta viết tiếng Tây trên sách báo. Trái lại báo chí và cả sách giáo khoa cộng sản VN đầy dẫy đầu Ngô mình Sở:

- Lô-gích (tiếng Pháp logique = luận lý): “Cơ cấu lại nền kinh tế: Lô-gích hành động và cách tiếp cận” (trích báo trong nước). Viết như vậy để lờ thiên hạ chứ không phải để cho người ta hiểu.

- Gu (tiếng Pháp goU't = khiếu): “Thử thách gu thẩm mỹ style mix trùng họa tiết” (trích báo trong nước). Ba đế quốc Tàu, Tây, Mỹ hiện diện trong một câu... thần chú, người thường không hiểu gì cả.

- Mô típ (tiếng Pháp motif = đối tượng): “Mô típ trong nghệ thuật kiến trúc Chăm” (trích báo trong nước)

- Boia (tiếng Pháp pourboire = tiền tặng, tiền thưởng): “Xù tiền boia, khách nhậu bị đâm đứt cổ” (trích báo trong nước)

- Sô vanh nước lớn (Chauvin: tên người lính “yêu nước” của Napoléon)

- Địch của (Pháp: discours, có hai nghĩa 1: lời, 2: bài diễn văn): các nhà ngữ học VN XHCN lấy nghĩa thứ nhất để nói về ý niệm “câu đơn.”

Có vẻ như ở VN, ai không nhét vào bài viết của mình được một vài tiếng Tây bồi, không phải trí thức xã hội chủ nghĩa. Nhưng tôi ngạc nhiên tại sao họ không viết thẳng discours? Kỳ cục hơn nữa, tên riêng họ cũng phiên âm mà không kèm theo chữ gốc, Thấy một bản văn có “Humphây, Xitavit, Xtôntenbe, Cặcto” ta chẳng biết ai vào ai, nhưng ta biết ngay ai là tác giả.

Biến chứng của căn bệnh lai Tây là... dịch!

Diễn hình nhất là chữ “kịch tính” dịch từ “dramatic.”

Nhân mùa bầu cử tổng thống Mỹ, một tờ báo Việt Nam viết: “Cuộc tranh cử đầy kịch tính giữa Clinton và Obama.” Hai chữ “kịch tính” khiến ta hình dung ra hai tay hề lồ bịch trên sân khấu chính trị. Tiếng Việt trong sáng sẽ nói “cuộc tranh cử gay cấn...,” đâu có cần dịch một cách nô lệ chữ dramatic của Tây Mỹ.

Nhân Ngày Giới trẻ Thế giới 2008, Giám Mục Bùi Văn Đọc, trả lời phỏng vấn của Vietcatholic, mô tả ĐGH Benedicto XVI là, “Ngài không xuất hiện trước giới trẻ một cách đẹp đẽ và kịch tính như vị Giáo hoàng trước, nhưng...” Tội nghiệp, ĐGH Gioan Phaolô, tuy hồi còn trẻ thích kịch nghệ, viết kịch và đóng kịch, nhưng không bao giờ ngài mang bộ mặt kịch tính với bất cứ ai. Cái nguy hiểm là một người nói sai, cả nước nói sai theo, cả đài BBC cũng nói sai theo. Một trận đấu bóng đá sôi động quý ông bà Ban Việt ngữ BBC cũng nói “đầy kịch tính”!

* Viết như me tây đầu thế kỷ 20 là một dấu hiệu ngôn ngữ XHCN.

Nói phét

Nói phét - hay hoa ngôn - là bệnh của từng cá nhân cán bộ, chung của đảng, lan sang dân, làm hỏng ngôn ngữ:

“Siêu sao chân dài,” “bánh đa siêu mỏng,” “máy siêu cao kỹ,” “tàu siêu tốc.”

Tiếng Việt có nhiều chữ để diễn tả sinh hoạt lý trí: trí khôn, thông minh, tinh thần, trí tuệ. Trí tuệ là trình độ cao nhất. Phật giáo coi trí tuệ là bước tới tuệ giác. Người cộng sản đại ngôn, cái gì cũng choảng trí tuệ vào.

“Chủ nghĩa Mác Lê-nin đỉnh cao trí tuệ loài người”

“Trò chơi trí tuệ tại Hội chợ Đà Lạt”

“Con chó trí tuệ”

“Game trí tuệ”

- Muốn diễn tả cái gì siêu việt hơn nữa, bắt buộc họ phải leo lên Trời (nơi họ không tin là có)

“Đảng thần thánh”

“Cuộc chiến đấu thần thánh của nhân dân ta”

- Tôi muốn nói hơi dài về chữ “hoành tráng.” Nó đã bị đóng dấu oan. Thực ra nó là Việt Nam rất. Như phần một đã nói, “hoành tráng (như hoành lệ) là rộng lớn đẹp đẽ.” Bình thường hoành tráng thích hợp cho một dãy núi hùng vĩ, một cảnh hoàng hôn rực rỡ, lâu đài Taj Mahal diễm lệ. Nhưng tại sao quý vị và tôi cảm thấy khó chịu khi nghe hai chữ đó? Đơn giản lắm - vì nó được dùng bừa bãi trong nhu cầu khoa trương, thí dụ một câu quảng cáo thương mại “Hoành tráng trong chiếc váy đầm”! Người nói tiếng Việt, cao hứng lắm, cũng chỉ dám nói “lộng lẫy” là cùng.

- Trước khi Đảng Cộng Sản ra đời, nhiều nhà cách mạng đã viết: “Toàn dân tranh thủ độc lập.” Chữ “tranh thủ” không phải do các ông Minh Đồng Giáp chế ra. Nhưng người nói tiếng Việt cảm thấy tức cười khi nhận được một thư xin tiền từ Việt Nam mở đầu, “Cháu tranh thủ viết thư thăm chú thím.”

- “Digital signal processing” mà dịch là “xử lý tín hiệu số,” không phải là dở. Nhưng chữ “xử lý” trở thành lỗ bịch khi người ta bỏ nó vào tô phở. Người chạy bàn trong một tiệm phở tại Hà Nội đã hô cho nhà bếp như sau: “Xử lý hai bát phở tái nước trong! Khẩn trương lên!”

- Chữ “bức xúc” không lai Tàu, không lai Tây, tượng thanh, tượng hình, có thể là một chữ hay. Nhưng nó đã “hư” ngay từ khi người ta nói: “Ai bức xúc thì khẩn trương đi ã.” Đây là một chữ thượng thời đại, loại như “nổi cộm,” “trần trở.”

Nhiều chữ khác mà người Việt hải ngoại chúng ta nghe thấy khó chịu, thật ra đã xuất hiện trước khi mấy anh du kích cộng sản biết nói. Nhưng ta khó chịu vì họ dùng sai chỗ và dùng dao mổ trâu giết ruồi.

* Tóm lại, khắc phục, bồi dưỡng, tranh thủ, động viên, đột xuất, khẩn trương, tự giác v.v. nguyên thủy là tiếng Việt Nam thuần túy và hay ho, bỗng biến thành lỗ bịch, bỗng nhiên làm người Việt bình thường chùng mực ngại dùng. Đây là loại từ ngữ thượng hạng VC.

Nói sảng

- Trong học thuyết cộng sản có hai ý niệm đối nghịch “chất” (quality) và “lượng” (quantity). Ai đi tù cải tạo đều phải học câu mác-xít “Lượng biến thành chất.” Nay người cộng sản ghép “chất” và “lượng” để nói về “phẩm chất” (quality). Một củ khoai lang ngon ta nói “củ khoai ngon,” người trong nước nói “củ khoai chất lượng.”

- “Lợi nhuận” đúng ra là “lợi tức trừ chi phí,” còn gọi là “lợi tức thuần” hay “lợi tức ròng” (Quỳnh Lâm, Từ điển chính trị, hành chính, kinh tế, pháp luật). Nhưng từ ngày cộng sản chiếm trọn nước, người ta dùng “lợi nhuận” để chỉ lợi tức. Họ thường nói, “Chế độ tư bản chỉ biết chạy theo lợi nhuận.” Nhưng tư bản xanh hay đỏ đều chạy theo lợi lộc, chứ có bao giờ vừa chạy vừa làm tính trừ chi phí đâu!

- “Biện lý” có nghĩa là bảo vệ công lý; “Biện lý cuộc” hay “công tố viện” là cơ quan thay mặt xã hội truy tố người vi phạm luật pháp. Hai danh từ luật pháp đầy đủ ý nghĩa như vậy của Chính quyền Quốc Gia (Bảo Đại) và VNCH, đã bị thay thế bằng chữ “viện kiểm sát nhân dân.” Hai chữ “kiểm sát,” trong ngữ cảnh luật pháp, không nói được gì cả.

- “Heo dân tộc”: tránh nói “heo mọi” là một cố gắng đáng khen, nhưng nhắm mắt lấy công thức “người dân tộc” để áp dụng cho con heo núi, là xúc phạm đồng bào thiểu số thượng du.

* Trong khi tật đại ngôn làm mất giá những chữ hay sẵn có, thì sự dốt nát sanh ra những chữ mới vô nghĩa.

Nói vệt

Học thuộc lòng và lập lại như con vệt là chiến lược sống yên trong xã hội cộng sản. Lá bùa “Nhờ ơn Bác và Đảng” ngày nay không còn được dán nhiều trên cửa miệng người dân, nhưng vẫn gián tiếp lấp lóe trên các cơ quan tuyên truyền. Nhưng còn nhiều công thức khác rất vô nghĩa:

- Kinh tế tương đối (có tiền)

- Có trình độ (trình độ học thức cao)

- Nói chung: câu mở mồm của 90% người Việt trung bình trong nước. Câu buồn cười nhất mà tôi được nghe và đã cho vào một truyện ngắn là “Nói chung tôi không có cha mẹ”

- Nhất định (nào đó): “khả năng nhất định”

- Hạn chế (thiếu sót): “năm ấy bộ đội Bác Hồ còn hạn chế”

- Chủ yếu (chính) “Bữa ăn cải thiện chủ yếu là khoai mì”; “Chủ tịch Nước tham quan Châu Âu chủ yếu là Pháp”; “Bà ta lấy chồng ngoại, chủ yếu để đi nước ngoài.”

Nói đều

Dưới một bề mặt bình yên giả tạo, Việt Nam ngày nay thực chất là một xã hội đại loạn - loạn chính, loạn pháp, thương luân bại lý và loạn ngữ. Nói nhẹ nhàng là nói đều.

Hình bên ghi nhận một phong thái ĂN và NÓI dưới chế độ cộng sản. Nói đều, nói xách mé, chửi thề, nói tục tĩu và nói dối... tuy không phải do chỉ đạo công khai từ Trung ương Đảng, nhưng Đảng - “người lãnh đạo độc nhất và thần thánh” - có trách nhiệm hoàn toàn về sự sa đọa ngôn ngữ của đảng viên và toàn dân. Trên thế giới không một dân tộc nào suốt ngày đem mẹ ra mà đụ, địt liên miên, trong công sở, ngoài đường, ngoài chợ, trong trường học, như xã hội Việt Nam ngày nay. Không một nước nào mà con người - từ đứa bé bán vé số tới tổng bí thư đảng và cơ quan truyền thông, báo chí - có thể nói trắng thành đen, nói đen thành trắng, như tại VN.

Chữ đều cang nhất trong ngôn từ cộng sản là chữ “ngụy.” Trong chiến tranh hai bên có thể chửi mắng nhau thậm tệ - Tổng Thống Ngô Đình Diệm gọi Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam là “Mặt trận côn đồ,” ngược lại Hà Nội gọi Việt Nam Cộng Hòa là “ngụy.” Nhưng khi chiến tranh chấm dứt, người cộng sản đã báo thù “nợ máu” bằng tước bỏ quyền công dân, hành quyết, giam cầm, đày ải, tịch thu tài sản, cướp vợ, hiếp con người chiến bại, nhân danh bản án “ngụy”; thế là đều, cái đều của những tên ăn cướp. Nay họ rêu rao chính sách hòa hợp hòa giải, nhưng vẫn coi người của chế độ VNCH là “ngụy”; mỗi ngày 30 tháng 4 họ lại khơi dậy tình thù ghét “ngụy.” Mà “ngụy” là gì? Là theo Mỹ. Bây giờ họ cầu cạnh Mỹ hơn VNCH - thế có phải chữ “ngụy” là đều ngay từ đầu không?

* Dùng ngôn ngữ như khí cụ che đậy chân lý hoặc lừa đảo, là đặc tính tệ hại nhất của văn hóa và ngôn ngữ cộng sản.

3. Thái độ của những người yêu tiếng mẹ

Phục hồi vốn ngữ vựng bị dùng sai

Gia tài của tiền nhân để lại, không lẽ ta để cho CS phá hoại? Vậy trước hết đừng né tránh những chữ người cộng sản dùng sai, mà phải sửa lại và dùng đúng hơn họ.

Người cộng sản (rồi bây giờ cả nước) dùng các chữ khẩn trương, động viên, khắc phục, tranh thủ, yêu cầu... một cách lệch lạc:

- Họ viết sai: “Các yêu cầu của một nền kinh tế bền vững.”

Ta sửa lại: “Các điều kiện của một nền kinh tế bền vững.”

Và ta viết lại chữ “yêu cầu” đúng cách: “Yêu cầu Nhà Nước ngưng bán nước!”

- Họ viết đại ngôn, “Khẩn trương đi cầu xí.”

Ta sửa lại, “Mau mau đi cầu!”

Và ta viết lại chữ “khẩn trương” đúng cách: “Tình hình Trường Sa Hoàng Sa rất khẩn trương!”

Hành diện vì kho ngữ vựng phong phú của dân Việt và VNCH

Chúng ta biết chắc điều này: về phương diện ngôn ngữ và văn hóa, Miền Nam Việt Nam là dòng chính. VNCH giữ sự liên tục từ Chữ Nôm đến chữ Quốc Ngữ, từ Alexandre de Rhodes tới Trương Vĩnh Ký, tới Tự Lực Văn Đoàn, tới Sáng Tạo, Bách Khoa, những viện đại học, những viện nghiên cứu độc lập, những tổ chức văn hóa, ngôn ngữ, hàng chục tờ báo ngày độc lập, hàng trăm tập san... Và trên hết, nền tự do tư tưởng và ngôn luận. Trong khi đó Bắc Việt độc tôn Stalin-Mao, trừ dập trí thức, bách hại Nhân Văn Giai Phẩm, phủ nhận công lao Alexandre de Rhodes, cấm đoán Tự Lực Văn Đoàn, vào Nam đốt sách giam học trò. Ngày nay họ đã cho in lại TLVĐ để kiếm tiền và nhận vợ, mở lại trường Luật, nhưng lỗ hổng văn học lớn còn đó, văn hóa và ngôn ngữ trước sau vẫn chỉ là khí cụ tuyên truyền. Trí thức miền Bắc nhiều người lần đầu tiên đọc Nhân Văn Giai Phẩm là khi vào Nam sau năm 75!

Trên 5000 danh từ chuyên môn luật pháp, chính trị, kinh tế, tài chánh của Miền Nam đã được một nhóm cựu luật sư và thẩm phán chế độ cũ thu thập thành cuốn Từ Điển Pháp Luật (Nhà XB KHXH Hà Nội, 1992).

Sau 25 năm không có hoạt động tư doanh, không có đại học tự trị, không có phân khoa luật, không có nghề luật sư và thẩm phán chuyên nghiệp... Muốn xây dựng một quốc gia (ít nhất bề ngoài) có quy củ, họ phải dùng lại toàn bộ ngữ vựng của VNCH.

Một vài thí dụ trong số trên 5000 danh từ nói trên:

- “Cảnh sát” thay thế “công an”

- “Trương mục” đã được xếp trước “tài khoản” trong tự điển và sử dụng nhiều hơn trong thường nhật. Nhưng dường như họ không phân biệt, “trương mục” là một cái túi vô hình trong ngân hàng để ta bỏ tiền, trong khi “tài khoản” là số tiền nằm trong đó; tài khoản còn là số tiền dành cho một khoản chi/thu trong ngân sách.

- “State” (Mỹ) được dịch là “tiểu bang” trong tự điển tuy báo chí vẫn dùng “bang.”

- Trong cơ cấu tổ chức chính quyền, họ vẫn dùng “Viện Kiểm Sát Nhân Dân,” nhưng ý niệm “công tố” đã được khôi phục trong từ điển nói trên.

- Dần dần trong nước đã dùng “bảo hiểm” thay cho “bảo hành.”

Ngoài các danh từ chuyên môn về luật pháp, kinh tế, hành chính, ngôn ngữ thường nhật cũng đổi giọng:

- “Máy bay trực thăng” đã thay thế “máy bay lên thẳng.”

- “Hàng không mẫu hạm” được dùng song song với “tàu sân bay.”

- “Hoa Kỳ” thay “Mỹ.” Người cộng sản lạ lẫm - thời Thế Chiến II, khi cần nịnh Mỹ thì họ gọi “Hoa Kỳ” (“đền Hoa Kỳ” là dấu tích một mở màn bang giao không thành giữa Mỹ và Việt Minh); khi thù ghét thì họ gọi “Mĩ”; bây giờ một điều “Hoa Kỳ” hai điều “Hoa Kỳ.” Trong chế độ cộng sản, chữ nghĩa thay đổi theo bạn thù, mà bạn thù thay đổi theo quyền lợi Đảng, chứ không phải quyền lợi Tổ Quốc hay nhân dân.

Không phải mọi chữ mới đều là chữ VC

Vào năm, 1975 cả miền Nam chỉ có dăm ba máy vi tính (một tại Phủ Thủ Tướng, một tại Bộ Tổng Tham Mưu, một của USAID, một của hãng IBM. Có thể nhiều nơi khác có, tôi không biết). Giới hữu trách chuyên môn có soạn ra một cuốn ngữ vựng Anh-Việt, nhưng chỉ giải thích ý niệm, không tạo từ nhiều. Các chuyên viên và nhân viên làm việc trao đổi với nhau bằng tiếng Anh, tiện hơn.

Ngày nay, vì nhu cầu giáo dục, người ta cố gắng tạo từ. “Người ta” đây có thể là các chuyên gia trong nước, có thể là các chuyên gia người Việt ở hải ngoại, đã và đang chế ra các danh từ chuyên môn. Dù lúc đầu bỡ ngỡ, ta nên công minh xét, chữ nào hay và đúng, ta dùng, chữ nào sai ta điều chỉnh. Tôi thấy không có gì sai hay lỗi bịch, thí dụ, trong các chữ dao điện, hiển thị, kích hoạt, phần cứng, phần mềm... Liên quan tới danh từ kỹ thuật, tôi lấy thí dụ “thông số” hay “biến số” (variables) là hai chữ có từ trước, nhưng “biến số” được dùng nhiều trong sách giáo khoa Miền Nam nên trở thành quen thuộc hơn. Ngày nay trong nước dùng “thông số”; nếu bảo là “từ VC” thì oan cho nó.

Trong trào lưu toàn cầu hóa, danh từ chuyên môn hay là chữ nào có nội dung chính xác (lột ý), nhưng hình thức của nó giúp ta đoán ngay được tiếng tương đương trong Anh, tiếng Pháp, tiếng Na-uy.

“Cứng/mềm” hay “cương/nhu,” chữ nào giúp ta liên tưởng tới “hard/soft” nhanh hơn? Tùy người. Nhưng chữ Việt và chữ Hán cũng là một yếu tố cần cân nhắc. Danh từ chuyên môn dài lòng thòng cũng không tiện.

Có người cho “nguyên tử” là chữ Việt, “hạch tâm” là chữ VC. Tôi cho rằng cả hai là chữ Việt, “nguyên tử” để dịch “atomic,” “hạch tâm”: “nuclear.” Có đủ danh từ Việt tương đương với từng danh từ quốc tế, là một điều cần thiết cho việc giao dịch, trao đổi, giảng dạy và dịch thuật.

Chữ “căn hộ” Trường Sinh ngữ Sài Gòn trước 75 đã dùng rồi, nhưng không phổ biến rộng, vì ta không có nhu cầu (hình thức gia cư này chỉ hạn chế ở vài nơi như Cư xá Thanh Đa, Chung cư Nguyễn Văn Thoại, Chung cư Nguyễn Thiện Thuật). Nay chúng ta nghe “căn hộ” thì cho là “từ VC,” nhưng có lẽ chúng ta chưa có chữ nào hay hơn để dịch “apartment.” “Căn chung cư” không ổn vì có nhiều apartment không nằm trong chung cư. “Căn nhà” càng không ổn, vì đã được dùng để chỉ “house” tiếng Anh, “hus” tiếng Na-uy.

Chữ “thông tin” không mới mẻ gì và được dùng ở cả hai miền. Nhưng ở hải ngoại nhiều người dị ứng với chữ thông tin trong câu sau: “Muốn biết thêm thông tin xin liên lạc với Sở Di Trú.” Bề ngoài ta lý luận rằng “thông tin” là động từ, không được dùng như danh từ. Nhưng nguyên do thực là ta không thích dùng cái gì Việt cộng mó tay vào. Thông dịch viên đành sửa lại. “Muốn biết thêm chi tiết...” hoặc “Muốn biết thêm tin tức...” Nhưng trong bụng anh thông dịch viên nghĩ rằng chữ nào phải ra chữ đó - details: chi tiết, news: tin tức và information: thông tin. Anh ta cũng dự biết rằng chữ thông tin có thể vừa dùng làm danh từ vừa làm động từ.

Trước khi bác bỏ một chữ dở, nên đề nghị một chữ hay hơn

Cloning là một lãnh vực khoa học mới mẻ. Trong nước dịch cloning: nhân bản vô tính. Thật khó hiểu, phải ngồi phân tích một hồi mới vỡ lẽ ra là: làm ra nhiều bản sao, không qua đường truyền giống. Nhưng có lẽ các nhà chuyên môn trong nước sao chép chữ Tàu, nên bốn chữ thành tối om, chưa kể nhiều người giật mình khi nghe nhóm chữ “nhân bản vô tính người.” Vì chữ “nhân” trong tiếng Việt có ít nhất hai nghĩa: người và làm ra nhiều, người hán không rộng phải bỏ ngõ mấy phút tự hỏi - lấy con người làm gốc mà lại không có tính người, là thể nào? Một chữ gây bối rối không cần thiết là một chữ không đạt.

Khi cảm thấy một chữ dịch không hay, tôi thường thử tự dịch lại trước khi phê bình. Trường hợp cloning, tôi dịch thử là “sao sinh vật.” Từ đó ra “human cloning: sao người,” Dolly là một con “cừu sao - cloned sheep.” Hiện trên thế giới chưa có “người sao” vì chưa được phép “sao người.”

“Processing” (Na-uy: behandling) là một chữ tôi chịu thua không dịch được nếu không dùng chữ “xử lý.” Text processing: trong nước dịch “xử lý văn bản,” chưa có chữ nào hợp hơn. Có người đề nghị “soạn thảo văn bản,” nhưng soạn thảo là viết ý ra lời, còn đưa lời lên chữ và trình bày trên máy vi tính, là việc khác. Vấn đề phức tạp hơn nữa khi ta cần diễn tả bằng một danh từ chung cho cả một tiến trình – lấy thí dụ nghề mộc – bào, đánh bóng, quang dầu một tấm ván mà tiếng Na-uy gọi là behandle và tiếng Anh treat, thì có lẽ không tránh được chữ “xử lý.” Một số tự điển dịch là “chế biến,” tôi thấy có lúc hợp, có lúc không. Không hợp trong trường hợp “Inmate Processing Center” không thể dịch là “Trung tâm chế biến tù nhân” được.

Cá nhân tôi đã dùng chữ “xử liệu” thay cho các trường hợp phải dùng “xử lý” (như khoa học, cơ khí, hành chánh). Còn thường ngày, chữ “liệu” là tuyệt nhất, thí dụ vợ nói với chồng, “Anh cứ lo đưa con đi học đi, cơm để em liệu.”

Một chữ khác, “kế toán sự nghiệp” trong nước dùng để chỉ kế toán của các tổ chức bất vụ lợi. Tôi thấy khó hiểu nhưng không hiểu ý chữ “sự nghiệp” muốn nói gì, nên không dám phê bình.

Thái độ với tiếng lóng

Cũng cần vài hàng cho tiếng lóng. Mỗi thời, mỗi môi trường xã hội có cách ra dấu riêng với nhau, vì thế có tiếng lóng. Vài tiếng lóng điển hình của thời đại kinh tế tư bản theo định hướng xã hội chủ nghĩa là: đại gia, đồ khủng, hàng độc, đồ đều, chân dài (lấy cái cẳng để đo toàn diện nhan sắc - một điều vô lý, nhưng tiếng lóng không có lý luận, nó được quăng vào một môi trường, thích hợp thì tồn tại), máu (mê), phét (ra phét), bèo (rẻ như bèo). Với tiếng lóng, ta không cần khen chê, bởi vì không có tiêu chuẩn khách quan.

“Bảo tồn tiếng Việt - không dùng chữ VC”

Tôi hoàn toàn tán đồng về thứ nhất - bảo tồn tiếng Việt là một sứ mạng cao cả của những người may mắn được hưởng tự do tư tưởng và phát biểu. Chính ta phải tránh những cái sai của người cộng sản, viết và nói một thứ tiếng Việt chuẩn và đẹp. Quảng bá sách vở và tư

tưởng truyền thống Việt Nam và thể giới nhân bản. Cho con em học tiếng Việt nơi trường lớp Việt Nam. Tránh xa những sinh hoạt do cơ quan lãnh sự Việt cộng chủ trương (ta không lường được tác hại của một lớp tiếng Việt, một khóa học làm đèn trung thu hay một trại hè do Đại Sứ Quán Việt cộng tổ chức).

Nhưng tôi muốn cẩn thận với về thứ hai: hầu hết những chữ ta tưởng là chữ XHCH đều là tiếng Việt thuần túy. Ta không nên tránh né những tiếng họ đã dùng sai, mà cần “chiêu hồi” những ngôn từ ấy.

Đó là một hành vi yêu nước trong tầm tay của chúng ta.

Oslo, mùa Đông 2011

Nén hương nhớ mẹ

Mẹ tôi mất vào ngày 17 tháng 7 Âm lịch, sau vía Vu Lan hai ngày, trong một đêm mưa gió ở một nơi rất xa mà tôi không được nhìn mặt mẹ lần cuối cùng, cho nên mỗi lần đến mùa Báo hiếu tôi không khỏi nhớ mẹ đến tê tái người, những hoài niệm về người mẹ hiền yêu dấu lại trở về trong tâm thức và càng làm tôi ray rứt ân hận.

Cuộc đời của mẹ tôi không lấy gì làm hạnh phúc từ thuở thiếu thời cho đến lúc nhắm mắt ra đi. Khi mẹ còn tại thế tôi chưa làm được một điều gì gọi là đền đáp công ơn sinh thành dưỡng dục, thế nhưng nước mắt bao giờ cũng chảy xuống, mẹ đã cho chị em chúng tôi tất cả những gì mẹ có thể và nhận lấy những điều cay đắng cho riêng mình.

Mẹ tôi sinh trưởng ở một vùng quê nghèo trong một gia đình trung nông. Ông ngoại tôi làm hương trưởng lo việc làng. Khi mẹ lên tám thì bà ngoại tôi mất, đó là bất hạnh đầu tiên mà mẹ tôi phải hứng chịu, bởi tuy được mẹ kế thương yêu nhưng mất tình mẫu tử là mất một thứ tình thiêng liêng quý giá nhất trên đời khó có gì bù đắp được, hơn nữa lại ở tuổi ấu thơ. Là chị cả của một đàn em trai, gia đình không lấy gì làm khá giả, mẹ phải phụ giúp mẹ kế lo toan mọi công việc nhà từ sáng tinh mơ đến lúc chiều tối, nào là thái rau băm bèo nấu cám cho lợn, nào là dọn dẹp nhà cửa, giặt giũ, chăm sóc các em...khi mẹ kể ra đồng cày cấy. Mẹ chịu thiệt thòi nhiều để các cậu của tôi được học hành tử tế.

Năm mười sáu tuổi mẹ trở thành dâu trưởng của ông bà nội tôi, một cuộc hôn nhân mẹ không hề được quyền lựa chọn. Gia đình nội tôi rất giàu có, giàu nhất vùng vì bà nội tôi rất giỏi buôn bán. Bà đã từng vào Nam ra Bắc, buôn bán đủ mặt hàng mà chợ Sãi lúc bấy giờ lại nằm ở ngã ba sông đã trở thành cảnh trên bến dưới thuyền sầm uất nhộn nhịp nên nhà nội tôi của ăn của để không thiếu, vàng chất từng lu. Mẹ được nội tôi chọn làm dâu trưởng bởi đức tính hiền lành và đảm đang, khi về nhà chồng đã quán xuyến việc nội trợ. Cha tôi lúc bấy giờ đang học tại Huế, cưới vợ xong cha lại vào Huế tiếp tục việc học và sau đó ở lại Huế làm việc. Việc hôn nhân đối với cha tôi chỉ như một bổn phận, cha không yêu mẹ vì cha theo tây học mà mẹ tôi chỉ là một cô gái quê mộc mạc chân chất, Huế lúc đó là nơi phồn hoa đô hội, có biết bao nhiêu bóng hồng để cha đeo đuổi, thêm một bất hạnh nữa đến với mẹ khi vừa tròn trăng.

Nhà nội tôi là một loại nhà phố cổ với hai dãy lầu trước và sau được nối với nhau bằng một cái lam dài (dùng đựng lúa khi thu hoạch mùa màng) và một khu vườn trồng nhiều loại hoa kiểng có hòn non bộ rất đẹp do chính tay ông nội tôi tạo nên. Tầng trệt của lầu trước dùng làm nơi buôn bán, trên lầu thờ tự, lầu sau là nơi sinh hoạt, nghỉ ngơi....Ở trong ngôi nhà rộng lớn đó công việc của một nàng dâu trưởng mới mười sáu tuổi thật quá nặng nề cho dù có kẻ ăn người ở phụ giúp. Từ sáng sớm mẹ phải dậy để lo bữa ăn sáng cho cả đại gia đình, dọn hàng cho bà nội bán rồi tất tả chợ búa, cơm nước...Nhưng ngày mùa mẹ phải về tận các miền quê xa xôi để

trông coi việc gặt hái, thu hoạch lúa rồi thuê xe chở về nhà, đây là chưa kể những ngày giỗ chạp tết nhất... Mẹ làm việc quần quật suốt ngày để đổi lấy một tình yêu hồ hững của cha tôi, mãi đến mười năm sau mới có được đứa con đầu lòng. Nhưng mẹ hưởng niềm hạnh phúc làm mẹ chỉ được mấy tháng thì chị cả qua đời vì bệnh, bất hạnh lại đến trong cuộc đời của mẹ mà phải đến ba năm sau khi chị thứ hai của tôi chào đời mẹ mới nguôi ngoai. Cha tôi lúc bấy giờ đã chán ngán cuộc sống thị thành đầy lọc lừa dối trá, đã trở về quê đi dạy học ở trường huyện. Cảm thấy có lỗi với vợ, cha hết lòng thương yêu chăm sóc mẹ để bù đắp lại những năm tháng mà mẹ tôi phải sống lạnh lùng. Chị thứ ba và hai anh tôi lần lượt ra đời, tôi là con út, một chút hạnh phúc le lói đến với mẹ trong khoảng thời gian đó. Nhưng khi mẹ sinh tôi cũng là lúc chiến tranh khốc liệt, ông bà nội tôi lần lượt qua đời, gia đình tôi tản cư khắp nơi, đến khi trở về thì gia tài đã mất mát nhiều.

Mẹ kế nghiệp bà nội tôi tiếp tục buôn bán, lúc này dân làng đã phiêu tán nhiều, cuộc chiến tranh Việt-Pháp lại bùng nổ, chợ Sài không còn tấp nập như xưa, việc sinh nhai của gia đình tôi không còn được như trước. Thế nhưng tôi vẫn còn nhớ như in những ngày tháng êm đềm sống ở quê nhà, vẫn nhớ mãi tiếng mẹ ru ngọt ngào đắm thắm mỗi lần dỗ tôi vào giấc ngủ. Sáng sáng khi bừng mắt dậy tôi lại chạy ra cửa hàng nơi mẹ ngồi bán để vùi vính một đĩa bánh ướt tôm chấy tuyệt ngon hay chén đậu hủ thơm phức còn nóng hổi. Tôi vẫn nhớ những chuyến theo mẹ lên chợ tỉnh mua hàng, đến bãi cát bên bờ Thạch Hãn đôi chân nhỏ bé của tôi không tài nào nhấc nổi khi gió lên cuốn bay những đám cát tạt vào người, thế là tôi đòi mẹ một cuộc xe kéo để được ngồi vào cỗ xe êm ái mà bác phu phải còng lưng khó nhọc mới kéo nổi qua quãng đường đầy cát gió này. Tôi nhớ mãi những chuyến đò dọc theo mẹ vào Huế lúc chỉ mới lên ba. Tiếng nước róc rách bên mạn thuyền, tiếng sóng vỗ êm ái và làn gió thổi mơn man đã đưa tôi vào giấc ngủ thản nhiên, đến khi tôi choàng mở mắt thì mặt trời đã lên cao, thuyền đến Bao Vinh tự lúc nào tôi không biết. Mẹ tôi đã lên bờ mua sắm các vật dụng chài lưới cho dân biển, mấy thùng nước mắm, mấy thùng ruốc..., khi trở về mẹ mua cho tôi đủ thứ đồ ăn, cả mấy miếng chả lụa trắng hồng thơm ngon. Rồi mẹ lại cho tôi ngồi xe kéo lên phố mua các loại hàng tạp hoá khác, nào kim chỉ vải vóc, gương lược, phấn nọ phấn hồng... nhiều vô kể. Cho đến trưa hàng đã chất đầy, thuyền chúng tôi lại xuôi về Cửa Thuận An ra biển để làm chuyến trở về trên sông nước. Chao ôi, những ngày tháng ấy tôi mới hạnh phúc làm sao nhưng lại càng không hiểu được sự vất vả khó nhọc nhường nào của mẹ khi vừa phải chăm sóc gia đình con cái vừa phải bôn ba khắp chốn để mưu cầu miếng ăn tấm áo cho chúng tôi.

Cuộc sống của gia đình tôi cứ lặng lẽ trôi cho đến ngày tai ương đổ ập xuống. Một đêm tối chúng tôi thức giấc bởi những tiếng sấm, tiếng đại bác gầm trời, một quả mìn rơi vào vườn làm sập mái lầu sau. Cả nhà tôi hoảng loạn run rẩy khi có toán người xông vào nhà, chạy lên lầu bắn xối xả vào phủ Triệu Phong rồi dùng cửa sau nhà để tẩu thoát ra cánh đồng. Sáng hôm sau nhà tôi bị lục soát, bao nhiêu tiền của vàng bạc đều bị lấy sạch, cha tôi bị bắt vì bị tình nghi dính líu đến vụ tấn công đêm hôm đó. Mấy chị em chúng tôi bơ phờ ngơ ngác, mẹ xanh xao tiêu tụy chạy đôn chạy đáo để tìm cách cứu cha. Khi cha trở về nhà thì không còn được đi dạy nữa, cha quyết định đưa gia đình chúng tôi vào Huế. Chị hai tôi được gả chồng vội vàng khi mới mười sáu tuổi.

Chúng tôi bắt đầu những ngày tháng bấp bênh bởi công việc của cha không ổn định, khi có khi không. Còn mẹ tôi không quen với hoàn cảnh mới, vốn liếng không còn, lại chất phác thật thà nên đành xoay xở sang nghề làm tương cà mắm muối để bỏ mối cho các quán chợ. Mẹ đã thâm quầng vì thức khuya dậy sớm, tóc mẹ đã lốm đốm bạc dù chỉ mới trên bốn mươi, ít khi nào tôi thấy mẹ cười dù rằng tôi rất thích mẹ cười để được ngắm hàm răng đều đặn đen nhánh.

Những ngày mùa đông ở Huế thật lạnh lùng ướt át, khi tôi còn ngủ vùi trong tấm mền bông thì mẹ và chị ba tôi đã dậy từ rất sớm để lo bữa ăn sáng cho cả nhà. Bữa ăn thường là xôi đậu đen thật dẻo mềm ăn với muối mè thơm phức hoặc là cháo đậu huyết nóng ăn với cá bống kho

khô ngon tuyệt vời. Mấy anh em tôi vừa thổi vừa xì xụp ăn bên bếp lửa hồng ấm áp, mẹ âu yếm nhìn chúng tôi, mắt hoen đỏ, rồi lại giục giã chúng tôi nhanh chóng chuẩn bị đi học. Những ngày hè, bạn bè rủ tôi đi picnic, khi thì lên lăng Tự Đức khi thì xuống cửa Thuận An, những đòn cơm bới được mẹ tôi nhồi rất dẻo rất khéo khi cơm vừa mới chín còn nóng hổi và những con tôm kho rim thơm lừng được các bạn tôi thưởng thức một cách khoái khẩu làm tôi rất tự hào về tài nấu nướng của mẹ. Những đêm thức khuya học bài thi, mẹ nấu cho tôi một tô cháo cá thu hoặc cá chép bổ tiêu hành ngò thơm ngào ngọt. Tôi bệnh sốt mê man, hình ảnh đầu tiên khi tôi mở bừng mắt cũng vẫn là nét mặt đầy lo lắng của mẹ.

Tôi cố gắng học giỏi để làm vui lòng cha mẹ, tháng nào cũng có bảng danh dự mang về, không những thế còn được học bổng của trường, cứ ba tháng một lần tôi lên văn phòng nhận tiền đem về cho mẹ và tôi lại được nhìn thấy nụ cười tươi của mẹ. Nhưng mẹ vẫn thường buồn nhiều hơn vui, nhất là khi cha tôi bị mất việc. Những món đồ cổ quý giá mà cha mẹ tôi đem từ quê vào cứ vơi dần khi người đàn ông buôn đồ cổ xuất hiện. Hồi đó tôi còn quá bé để hiểu những điều khổ tâm của mẹ nên vẫn hồn nhiên vô tư sống trong sự cương chịu của cả nhà, nhất là của mẹ.

Ngày tháng cứ trôi đi, chị ba tôi đi lấy chồng, mẹ như bị hụt hẫng dù chưa bao giờ tôi thấy mẹ khóc. Hình như mẹ luôn đau nỗi đau trong lòng không muốn cho chúng tôi biết. Rồi đến lượt anh tư tôi bị bắt đi lính trong cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn sau nhiều lần trốn tránh không thoát. Tôi nhớ anh đã trốn lên trần nhà khi người ta vào khám xét, cha tôi tỏ ra bình thản nhưng mẹ thì mặt tái ngắt, tay chân run rẩy, cuối cùng cả nhà đành ngậm ngùi tiễn anh lên đường. Hai năm sau đến lượt anh năm của tôi phải đi quân dịch, nhà vắng vẻ chỉ còn mình tôi ở với cha mẹ, tôi cứ nghe mẹ thở dài mỗi khi chiều xuống, mẹ nhớ và lo cho các anh của tôi. Chiến tranh có bao giờ hứa hẹn ngày trở về của những người thân !!! Đến khi chị ba sinh con, mẹ lại phải lặn lội vào tận Quảng Ngãi nuôi cháu ngoại mấy tháng trời, giao cho tôi việc chăm sóc cha, những lúc đó tôi mong ngóng mẹ về như những ngày còn bé biết bao!

Tôi ra trường và lấy chồng, buổi chiều ở nhà chồng nghe tiếng chuông chùa ngân nga tôi đã oà khóc như mưa vì nhớ nhà, cha mẹ tôi lúc này cô quạnh quá! Cuối đông năm ấy anh tư tôi mất tích trong một cuộc giao tranh ở miền núi biên giới, nghe tin tôi vội chạy về nhà và thấy cha mẹ tôi ngồi bất động, nét mặt vô cảm, tôi không thấy một giọt nước mắt nào của mẹ nhưng tôi biết lòng mẹ đau xót vô cùng. Hết ngày này sang ngày khác, hết năm này sang năm khác mẹ cứ chờ đợi và hy vọng một ngày nào đó anh tôi sẽ trở về, cho đến năm 1973 khi Hiệp định Paris được ký kết bóng hình anh tôi vẫn mịt mù. Mòn mỏi trong đợi chờ, tinh thần mẹ đã suy sụp, tóc mẹ bạc trắng, thân xác hao gầy. Thế nhưng tôi chỉ nghe tiếng thở dài của mẹ mà không hề thấy mẹ khóc, có lẽ mẹ chỉ khóc thầm khi ở một mình. Anh tôi đã hy sinh mà không biết nắm xương tàn đã vùi nơi đâu, không một tấm mộ bia, không một dòng Tổ quốc ghi công, không kịp nhìn mặt đứa con đầu lòng của mình. Niềm đau của mẹ biết nói mấy cho vừa!!!

Những lần tôi sinh con, tuy ở xa nhưng thương con gái út, mẹ lại khăn gói vào chăm sóc. Mẹ dỗ tôi từng miếng ăn, giấc ngủ, nâng niu đứa cháu ngoại mới sinh để tôi được yên ổn nghỉ ngơi. Những câu hò ru em ngày xưa mẹ ru tôi ngủ bây giờ mẹ lại ru con tôi, tôi ngập chìm trong tình thương bao la của mẹ mà không hề nghĩ đến nỗi nhọc nhằn đắng cay của mẹ, tôi thật là một đứa con bất hiếu!

Chiến tranh đến hồi kết thúc, cuộc phong trào dẫu bề lại bắt đầu, cha mẹ tôi mất đi đứa cháu nội - con của anh năm tôi - khi vượt biển vào Nam, tấm thân bé bỏng của cháu tôi chìm vào đại dương mệnh mông. Không phải cháu tôi chết đuối mà là chết khát, trên tàu đã hết nguồn nước ngọt dự trữ khi bị cắt rời khỏi tàu lớn mà cháu tôi lại không đủ sức chịu đựng. Cha mẹ tôi thương cháu không nỡ rời nhưng sinh mạng của hàng trăm con người đang thoi thóp trên tàu còn quý hơn xác chết của một đứa bé lên hai...và thế là cha tôi đành gạt lệ thả cháu xuống biển khơi. Cảnh trên tàu lúc đó chỉ còn là địa ngục trần gian, người ta giành giật nhau từng hơi thở, từng miếng cơm, từng ngụm nước để sống còn, có người không chịu nổi nhảy xuống biển tự

tử, lấy đâu ra điều nhân nghĩa? Sau cái chết bi đát của cháu tôi, mẹ trở nên lặng thinh, trí nhớ lẫn lộn.

Thương vợ chồng anh năm, cha mẹ tôi lại dặt dứu nhau trở về Huế, bán nốt hai chiếc ché ngọc và cái tủ chè cần xà cừ, những món đồ cổ quý giá cuối cùng may mà không bị người ta hôi của, để đổi lấy hai lượng tám vàng định bụng đem vào cho anh chị làm vốn làm ăn. Trên chuyến tàu bão táp vào Nam năm đó, hai lượng vàng đã bị một kẻ móc túi vô lương tâm không nghĩ tình hai ông bà già khốn khổ lấy mất. Cha mẹ tôi tay trắng lại hoàn trắng tay, anh chị tôi đành về một vùng quê hẻo lánh Nam bộ bán dạo kiếm sống. Còn căn nhà mà gia đình chúng tôi đã từng có những ngày đầm ấm bên nhau cũng đành bán nốt để, hời ôi, chỉ được hai lượng vàng! Cha tôi vào Đồng Nai mua một mảnh vườn nhỏ làm kế sinh nhai rồi giao cho anh rể tôi cai quản cùng với vợ chồng đứa con đầu (chị hai và những đứa con khác vẫn còn ở Huế), số tiền còn lại cha mẹ tôi chia cho mỗi đứa con một ít mà không nghĩ đến bản thân mình.

Vợ chồng tôi lúc bấy giờ dạy học, đồng lương công nhân viên nhà nước không đủ nuôi bốn đứa con nheo nhóc, nghĩ đến cảnh tình cha mẹ mà ứa nước mắt. Tôi chạy vạy khắp nơi xin cho cha mẹ tôi nhập hộ khẩu để được hưởng tiêu chuẩn lương thực của gia đình công nhân viên. Hộ khẩu thì người ta cho nhập nhưng cha mẹ tôi không được hưởng tiêu chuẩn lương thực với lý do tôi là con gái chứ không phải con trai (???). Cha đành để mẹ ở lại với chúng tôi còn cha về Đồng Nai, cha muốn giảm bớt gánh nặng kinh tế cho gia đình tôi. Tôi thấy lòng không yên ổn nhưng biết làm sao trong hoàn cảnh mới khi mà mỗi một công nhân viên nhà nước chỉ có mấy lạng thịt, mấy lạng đường mỗi tháng, mua gạo thì phải chầu chực ở cửa hàng lương thực từ một hai giờ sáng... Lại còn chồng tôi nữa, liệu anh ấy có suy nghĩ gì khi phải nuôi dưỡng cả cha vợ lẫn mẹ vợ (?)

Mẹ tôi lúc này đã già yếu lắm rồi, những bất hạnh tiếp nối dồn dập khiến mẹ quẫn trí. Mẹ cứ nghĩ ngợi về những ngày xa xưa, không hiểu ý của cha nên hờn trách cha vô tình để mẹ ở một mình. Những lúc nghe mẹ trách móc cha, tôi rất đau xót vì biết rằng mẹ tôi không còn minh mẫn, lẫn lộn hiện tại với quá khứ, những nỗi đau chồng chất ấy đã giết dần giết mòn tinh thần của mẹ, ngày xưa có bao giờ mẹ trách móc cha, dù chỉ nửa lời. Tôi lại càng xót xa hiểu rằng mẹ rất yêu cha, những ngày cuối đời mẹ muốn được ở bên cạnh cha. Không nỡ để mẹ đau khổ, tôi đành đưa mẹ về với cha mặc dù tôi biết cuộc sống của gia đình anh rể tôi còn quá nhiều khó khăn, bữa đói bữa no vì chỉ mới bắt đầu việc canh tác.

...Như linh tính mách bảo, sau khi chấm dứt việc chấm thi tôi vội vàng thu xếp việc nhà để về thăm cha mẹ, không ngờ đó là lần gặp mặt mẹ cuối cùng. Mẹ tôi bệnh nặng mà cha giấu không cho tôi biết, khi tôi về đến nơi thì mẹ đã quá hao gầy, hai mắt nhắm ghiền, miệng luôn mê sảng. Chỉ mới một năm mà mẹ đến nông nỗi này ư? Tôi nắm tay mẹ nghẹn ngào:

- Mẹ ơi, con về thăm mẹ đây!

- Ai đó? Có phải cháu Thủy đó không? Mẹ tôi thều thào hỏi, mắt vẫn nhắm ghiền, mẹ tưởng tôi là đứa cháu ngoại vẫn thường qua lại thăm viếng.

- Không, con là út đây, út của mẹ đây!

Mẹ tôi vẫn không nhận ra tiếng nói của tôi, hình như lúc bấy giờ các giác quan đã gần như tê liệt, thế nhưng tôi vẫn ảo giác mẹ tôi chỉ vì ăn uống kham khổ mà lâm bệnh thôi, nếu được điều trị và bồi bổ sẽ hồi phục.

Tôi ở lại chăm sóc mẹ được hơn một tuần, thấy mẹ có vẻ khá hơn, tôi trở về nhà bởi lúc này các con tôi còn nhỏ dại, mấy con lợn lại đang chờ tôi, việc học chính trị-chuyên môn cũng sắp sửa. Thời buổi cũng lạ kỳ, người có thể nhịn đói được nhưng lợn thì không, mà tôi vẫn cứ đinh ninh mẹ sẽ qua khỏi.

Tôi nhận được bức điện báo tin mẹ tôi qua đời chỉ sau hai tháng khi đang ở trên lớp, lúc tôi về đến nơi thì mẹ tôi đã ra đi trước đó một tuần. Anh rể tôi đã đánh điện cho tôi quá trễ hay do bưu điện chuyển đến trễ tôi không rõ, chỉ ân hận là tôi không được nhìn mặt mẹ lần cuối, không được tiễn đưa mẹ đến nơi an nghỉ nghìn thu. Thời cuộc hay số phận đã biến tôi thành đứa con bất hiếu? Tôi rất đau lòng, giá tôi biết trước nông nỗi này thì cho dù mấy con heo ở nhà có bị bỏ

đói thì tôi vẫn quyết ở lại với mẹ cho đến ngày mẹ ra đi. Mẹ được chôn cất trong một lô rừng cao su, thật cô đơn!

Hơn mười năm sau chị em chúng tôi mới có điều kiện đưa hài cốt mẹ về Huế để an táng bên cạnh cha. Cha tôi mất sau mẹ bốn năm, những năm tháng cuối đời cha đã làm nhiều bài thơ tiếc thương mẹ.

Tôi thường đứng hàng giờ lặng ngắm tấm ảnh thờ của mẹ. Đó là tấm ảnh chụp cách mười tám năm trước ngày mẹ mất được phóng to, mẹ không có tấm ảnh nào mới hơn. Tấm ảnh này do chính tay tôi chụp vào ngày anh tư tôi cưới vợ bằng chiếc máy ảnh mà anh tặng tôi nhân kỳ nghỉ phép đầu tiên. Trong ảnh mẹ cười rất tươi, tràn đầy hạnh phúc, gương mặt dịu dàng, phúc hậu. Tôi tự hỏi: vì sao mẹ tôi hiền hậu, đảm đang, luôn dạy chị em tôi những điều nhân nghĩa kính trên nhường dưới, thương yêu mọi người kể cả loài vật; luôn chịu thiệt thòi để đem hạnh phúc cho người khác lại phải chịu nhiều nghiệp chướng quá nặng nề? Tôi không nghĩ mẹ tôi trả nghiệp cho kiếp trước, kiếp trước chắc chắn mẹ tôi cũng là một người phụ nữ nhân hậu hết lòng vì chồng con. Tôi lại nghĩ đến các vị bồ tát đã xả thân cứu độ chúng sinh, phải chăng mẹ tôi là một vị bồ tát, chỉ ít đối với chị em chúng tôi, khi chúng tôi cần mẹ, mẹ đều có mặt (?). Thế mà tôi chưa đền đáp được công ơn vô vàn to lớn đó, giờ đây tiếc nuối ân hận thì mẹ đã quá xa vời...

Những lần về Huế tôi thích lên mộ cha mẹ một mình vào buổi chiều tà khi mặt trời vừa khuất sau chân trời. Hai ngôi mộ nằm song song ở phía trên cao của khu vực nghĩa địa Ngự Bình dưới bóng rừng thông rất thoáng mát. Cả một vùng trời đất như giao hoà với nhau trong một không gian thật tĩnh lặng bình an, một thế giới rất riêng của những linh hồn hiền hoà nhân ái. Tôi có cảm giác rất gần gũi thân thương, rất thanh thản, hình như cha mẹ tôi đang bên cạnh tôi, vỗ về tôi, tha thứ những lỗi lầm của tôi trong quá khứ. Tôi chợt hiểu ra lẽ vô thường hữu hạn của đời người và sự vĩnh cửu bất biến của vũ trụ, của thế giới tâm linh. Tôi hiểu mẹ tôi vẫn sống mãi trong tâm thức của tôi, trong hình hài của tôi và luôn bên cạnh tôi những lúc tôi hạnh phúc cũng như khi tôi quy ngã để nâng đỡ bước đi của tôi trong cuộc đời.

Gỗ thức trên rừng

1.

Đêm mưa rừng. Hấn bò lê tại căn chòi, dùng tàn lực húc càn vào cửa. Sóng chét phó mặc trời đất. Không ngờ 'cửa' chỉ là cái phen chắn gió, bị đẩy quá đà bung ra ngay; toàn thân hấn lăn kèngh như xác con mồi bị thợ săn quật xuống đất. Ngọn đèn duy nhất trong nhà phụt tắt. Hấn cũng lịm đi.

Khi tỉnh dậy hấn thấy chân trái đau buốt, và toàn thân mất hết sức lực. Hấn không biết rõ mình đang ở đâu, và không nhớ từ đâu tới. Tiếng mõ thúc giục và lời kinh trầm trầm "*Nam mô A di đà Phật*" làm cho hấn đoán mình đã lọt vào... cửa Phật. Hấn yên tâm buông mình trở lại vào giấc ngủ, thiếp đi thì đúng hơn.

Khi tỉnh dậy lần nữa, không biết bao lâu sau, hấn cảm thấy chân trái vẫn đau đớn vô cùng, ngó xuống thấy chân được bó bằng bẹ chuối, hấn nhớ mang máng có sự: hấn đã giết vợ, rồi chạy trốn, lạc trong rừng nhiều ngày, và bị té gãy chân, may sao lê được tới đây. Có lẽ đây là một cái am. Nhà sư chủ am, hấn chưa thấy mặt.

Hôm đó và nhiều ngày sau, nhà sư có vẻ như cố ý ần mặt. Lúc ông băng bó cho hấn, hấn chỉ nhìn thấy cái lưng vạm vỡ, to như cánh phàn của ông. Mỗi ngày hai tô cháo hoặc cơm với mấy

cọng rau dền và hai miếng cháo, luôn luôn được đưa tới lúc hấn ngủ. Những lúc không ra ngoài làm việc, có lẽ đốn củi, làm vườn, ông vào 'chánh điện', ngồi quay mặt vào vách tụng kinh, hoặc ngồi... thừ ra bất động, chẳng biết nghĩ gì. Ông không có vẻ một người thầy thuốc, chỉ lấy lá bậy bọ bừa cho hấn; thối lên, lại thay lá khác. Vết thương đau đớn ầm ề lên, chứ không thuyên giảm, và toàn thân nóng ran. Nhưng trong lòng hấn có một cơn sốt ghê gớm hơn - hận thù. Con dâm phụ, hấn đã giết rồi, hấn cần phải sống để giết thẳng gian phụ, rồi đi nạp mình tự thú cũng cam.

Không biết bao nhiêu ngày sau, khi cơn đau nhức đã giảm dần, hấn bắt đầu chú ý tới lời kinh và tiếng mõ lốc cốc. Tiếc rằng có nghe mấy hấn cũng không hiểu chữ nào. Giọng nhà sư đều đều buồn ngủ, thỉnh thoảng ề a như trẻ con không thuộc mặt chữ. Tiếng mõ vang trong rừng cây thâm u. Lâu ngày hấn thuộc một câu nghe ngồ ngộ:

"Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế."

Nhiều ngày tháng nằm một chỗ với một vết thương ở chân, với một nỗi hận trong lòng, một câu kinh vô nghĩa bên tai, một điệu nhạc mõ và tiếng giun ế, chim muông trong rừng... hấn tưởng có lúc mình sắp mục rữa với cỏ cây.

Và lần đầu tiên hấn cảm thấy sự trống không hoàn toàn. Không buồn, không vui. Thử hoài tưởng đến những đêm lạc thú, hấn chỉ còn thấy đêm đen. Tám lưng trần con đàn bà mà lưỡi dao hấn bổ xuống cũng không có máu. Cái nhún nhảy đó, không phải sự cử động của sự sống. Và giòng khoai cầm đó, mà có lúc hấn đã chia sẻ, nó đi đâu, khi con dao chém đứt? Nó chảy thành một giòng đau đớn, thành sự chết? Hay thiên đàng? Bây giờ con đàn bà đó ở cõi nào? Nguyên nhân nào đã làm cho cuộc đời hấn mục rữa như thế này?

"Cú... cú... cú..."

Tiếng cú vang rờn rợn bên ngoài, như tiếng oan hồn của vợ hấn.

"Oan ức gì?"

Hấn chép miệng, nghe lưỡi đắng ngắt.

Hấn thấy cơn nước đã để sẵn, nhiều hơn bình thường.

Trời chạng vạng tối mà nhà sư đi đâu chưa về. Hấn ăn uống xong, ngủ.

Trong mơ hấn thấy mình mặc áo cà-sa, đi giữa con đường làng, làm như tụng kinh. Lũ trẻ theo sau chế diễu:

"Ông trọc ông trọc, cho mượn cái đầu, tui gõ cái cóc."

Đứa khác nói:

"Ông không phải ông sư. Ông giết người!"

Hấn run sợ vì lời tố cáo, nên phải chứng tỏ mình là sư thiệt bằng cách đọc to:

"Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế."

Đám trẻ hô to hơn:

"Thằng giết người!"

"Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế."

"Thằng giết người!"

"Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế. "

"Thằng giết người!"

Hấn mệt quá, thét to:

"Không!"

Rồi co giò chạy.

Hấn càng chạy, đám trẻ càng đuổi gắt. Bỗng trong tiếng la ó của trẻ con, có tiếng vợ hấn:

"Nó giết tao đấy, tui bay đuổi giết nó đi!"
Hắn choàng tỉnh dậy.

2.

Nhà sư đi đâu vẫn chưa về. Hèn gì ông ta để sẵn nhiều cơm hơn. Hắn bị nỗi sợ hãi xâm chiếm tâm thần. Thật là ghê gớm, hắn đã thành một kẻ giết người, điều mà từ bé tới lớn không bao giờ hắn ngờ được có ngày xảy ra...

Giết người! Hắn không định giết người. Chỉ là cơn cuồng nộ chụp lên người hắn, và chính cơn cuồng nộ chụp lấy con dao. Cơn cuồng nộ bỏ dao xuống. Hắn hoàn toàn bị sai khiến. Hắn bị sai khiến... Như con đàn bà kia bị sai khiến... Bởi một ma lực hôn ám nào đó.

Mặt dầu mới vắn một ngày, hắn thấy nhớ tiếng mõ, và tiếng tụng kinh của nhà sư. Cũng may, gần sáng nhà sư mới về. Hắn hỏi liền:

"Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế nghĩa là gì vậy, ông sư?"

"Mô Phật! Hạnh duyên! Thật là hạnh duyên! Thí chủ đã thuộc kinh Kim Cang. Câu đó là căn bản trong kinh, ý nói là *Vượt đi, vượt đi, vượt sang bên kia, đậu tại bên kia.*"

Thấm thoát mười hai tuần trăng đã qua. Chắc là nhờ thời gian hơn là nhờ thuốc lá của nhà sư, hắn đi lại được bình thường.

Giữa một đêm mưa dội buồn thảm xuống khắp núi rừng, hắn quyết định ra đi. Hắn cho đây là lúc thuận tiện nhất, bởi vì xuống núi vào lúc này, hắn có thời giờ tới bờ sông lúc trời chưa tỏ mặt để bắt chuyến đò đầu tiên, để lẩn tránh sự dòm ngó của thiên hạ.

Lúc cáo biệt, hắn nói:

"Trước khi ra đi, tôi xin được nhìn mặt ân nhân."

"Mặt ân nhân và mặt kẻ thù có khác gì nhau?"

"Sao lại không khác? Như thiên thần với ngạ quỷ."

"Nam mô A di đà Phật! Ngạ quỷ cũng do thiên thần mà ra."

Trong một năm trời hắn nghe kinh không hiểu gì, nhưng đã nhập tâm một thứ mằm mống - sự tò mò:

"Thế thì xin nhà sư cho tôi nghe một câu về Đạo của Phật đi."

"Trong 49 năm trên trần thế, Phật chưa hề thuyết giáo. Tôi đâu dám biếm Phật."

"Nếu không nói thì xin ông trả cho tôi cái Đạo đó."

Nhà sư "Vâng!" rồi đứng dậy, quay mặt ra, bước bảy bước tới trước mặt hắn, quì sụp xuống lạy:

"A di đà Phật! Bàn tăng chính là kẻ tội lỗi đã làm nhục phụ nhân. Thí chủ nhận ra không?"

Hắn sửng sờ kinh ngạc, không tìm được liên hệ nào giữa nhà sư với tên trộm tình. Miệng ú ớ:

"Không... Sao lại như vậy được?"

Nhà sư bèn nằm ngửa trên nền đất, hai chân gấp gọn vó, một chân làm bộ đá vào tay hắn. Đúng lúc đó, lại một tia chớp lòe sáng, rọi vào khuôn mặt khiếp sợ của nhà sư. Có vẻ nhà sư chỉ định diễn lại một tấn kịch có sự khiếp sợ, nhưng hắn thì lại khiếp sợ thực sự; khiếp sợ một thực tại mà hắn đang đi tìm bất ngờ phơi bày trước mặt hắn trong cái dáng co chân như gọng vó của tên đàn ông hôm nào trên giường ngủ của hắn - cái hình tượng của một tên trộm tình, cũng là hình tượng một tên đàn ông bị phản bội. Cái hình tượng đó lại nằm lẩn quay ra đất trong bộ áo cà-sa, thì thật là khó có thể tưởng tượng được. Nhưng quả là nó đang nằm đó. Cả nhà sư, tên trộm tình và chính hắn đang nằm đó trong một hình hài duy nhất, trở trêu đến buồn

cười. Tấn hài kịch của ba kiếp nhân sinh đặng đặng thu gọn vào một điệu bộ ngó ngẩn cụt ngùn, xụi lơ, khiến hắn không nhìn được cười, nhưng chỉ có thể nhếch mép một chút, rồi lại méo miệng thờ dài:

"Nhận ra rồi..."

"Mô Phật! Nhận ra chân tướng mình là bước đầu của Đạo," nhà sư hoan hỉ nói.

"Chân tướng ông... Chớ đâu có phải chân tướng tôi?" hắn cãi.

Nhà sư không đáp lại câu hoạnh của hắn, mà chống tay quì gối:

"Xin thí chủ mở lòng từ bi hỉ xả tha thứ tội nghiệt cho tôi."

Hắn cực kỳ hoang mang, nhưng lại nói bằng một giọng như ra lệnh, cái lệnh phát ra từ một chỗ khác:

"Ông đứng lên đi!"

Sau đó là lời của chính hắn:

"Sao ông không giết tôi để trừ hậu họa?"

Nhà sư đứng dậy, phủ áo cà-sa, thờ dài:

"Mô Phật! Bàn tăng chỉ là một lãng tử một lần quá bước mê lầm, chớ chưa đến nỗi có tâm sát nhân."

Đoạn ông kể lại cuộc đời đời trụ trước khi vào cửa Phật. Lần cuối cùng ông bị bắt quả tang, suýt bị chém, nhanh chân chạy thoát, nhưng ông vẫn sợ bị tầm thù, tính dùng đường tắt trốn sang Đoài, chạy loanh quanh thế nào mà lại lạc lên cái am này.

Hắn lắng nghe và nhận ra ông kể sót nhiều chi tiết, khiến câu chuyện đứt quãng; hắn không tự giải thích được những câu hỏi như hai người tăng tị từ bao giờ, trường hợp nào, và nhà sư thiết dựng ra cái am này bây giờ ở đâu.

3.

Giọng chân thành của người đàn ông đứng trước mặt khiến hắn không còn nghị lực để giận dữ. Hắn hỏi tiếp, như câu chuyện này không có liên quan gì tới mình:

"Ông lên đây là để trốn tội, sao lại trốn đời luôn?"

"Mô Phật! Tội không trốn được. Đời không trốn được. Cả đời chẳng bao giờ tôi thích làm thầy chùa."

Nhà sư phát áo ngồi xuống đất. Hắn ngồi theo.

Ông nói tiếp:

"Cái áo lụng thụng này không hợp với bảm tính trắng hoa trước đây của tôi. Nhưng chính thí chủ đã cho tôi cái cơ duyên lớn nhất: cái đêm thí chủ đột ngột ngã trên nền nhà, tôi bị thôi thúc phải cứu thí chủ trước đã. Mô Phật! Đó là cái mầm mống nhỏ bé còn lại trong tôi. Rồi như là thiện duyên đưa đẩy, vết thương thí chủ lâu lành, mà thuốc men bàn tăng không biết một chữ, khiến cho thí chủ phải lưu lại đây thời gian một năm trời. Và trong một năm trời, tôi miễn cưỡng đóng vai nhà sư, cũng tụng kinh, cũng chữa thương. Ai dè cái vai mình đóng tạm lại có thể vận vào mình riết đến thế."

"Cái đó người ta kêu bằng nhập vai, phải không?"

Nhà sư trả lời:

Vâng, gọi là nhập vai cũng được mà trở về cũng được, trở về vai nguyên thủy của mình, bằng cách đóng nó."

"Ai mà biết vai nguyên thủy của mình là gì mà đóng."

"Rồi thì chủ sẽ tìm ra. Chỉ biết rằng không phải cái vai chúng ta đóng hằng ngày là nơi chúng ta trở về đâu. Vai dâm tặc, bần tăng đã đóng xong rồi. Coi như tuồng vẫn rồi.

Nhà sư với tay lấy bình trà rót đầy hai tách. Tách thứ ba để trống.
Hai người uống trà trong yên lặng.

Bỗng hấn đứng dậy:

"Thôi, tôi xuống núi."

Nhà sư cũng đứng lên nói:

"Để tôi tiễn chân ông... lên."

Hai chữ lên-xuống tự nhiên làm cho đầu óc hấn nhốn nháo. Hấn phải xoay người hai ba vòng mới ra khỏi cái không gian bé nhỏ của mái am. Nhà sư đi theo.

Mưa tạnh, trăng ló ra, dội ánh sáng xanh xuống rừng. Qua khỏi vườn rau, hấn nương cho nhà sư đi trước dẫn đường. Hai người vừa đi vừa nói về Đạo bằng hai ngôn từ khác nhau.

Tới một con suối, họ ngồi nghỉ; hấn nghĩ tới con vợ đại dột, không biết lúc chết có kịp sám hối, hay đang trầm luân trong địa ngục, bị xẻo thịt chỗ... nọ, chỗ... kia, bèn hỏi:

"Kẻ sát nhân tụng kinh rồi sạch tội lỗi như giặt áo trong nước sao?"

"Tội hay nghiệp không bao giờ rửa được. Giặt giũ, bụi đất thoát ra khỏi tơ sợi thì lại nhiễm vào nước. Không có gì thì không gì bám vào được."

"Thế thì kinh sách để làm chi?"

"Dùi gõ vào gỗ, nhưng cái trống rỗng phát ra âm thanh. Tụng kinh là cái có. Tâm hư là giác ngộ."

"Hàng triệu người trên mặt đất đang tụng kinh mỗi ngày, bao ngàn năm nay, chẳng ích lợi gì. Loài người vẫn khổ đau, vẫn hờn hờ tàn sát nhau và hãnh diện tàn sát sinh vật. Ông còn tụng kinh làm gì?"

Chân trời đã ửng hồng. Một con sơn ca lên tiếng, rồi cả bầy sơn ca lên tiếng dồn dập.

Nhà sư đưa ngón tay trở lên môi, yêu cầu người đối thoại im lặng, mặc dù hấn đã ngừng lời từ lâu.

"Thí chủ có nghe gì không?"

Hấn nghe tiếng 'cốc cốc' văng vẳng trên hàng cây cao, không định vị được cây nào, trả lời:

"Chim gõ kiến."

"Đích thị. Con chim đó gõ như vậy hàng triệu năm rồi. Còn nhân sinh còn mê lạc, còn phải gõ mõ để đánh thức. "

Nhà sư im lặng để lắng nghe, bỗng hỏi nhẹ như tiếng gió lượn qua khe lá:

"Thí chủ có nghe gì khác nữa không? Có nghe cả cánh rừng này đang vang vang tiếng mõ?"

Hấn vênh tai lắng nghe. Lâu lắm. Không biết do dư âm tiếng mõ hấn nghe một năm trời trên am còn vọng trong tai, hay tiếng con chim gõ kiến, mà hấn nghe tiếng mõ khua động khắp rừng. Hấn nói:

"Tôi nghe cốc cốc khắp rừng."

Nhà sư mỉm cười hài lòng:

"Đó là tiếng gõ. Gõ đánh thức gỗ. Gõ thức rồi. Thôi, ta đi đi!"

Hai người trỗi dậy, men theo con suối nở dần ra. Tới một nơi đã thành sông con, nhà sư dừng bước nói:

"Ta tạm biệt nơi đây. Còn hạnh duyên thì còn gặp. Thí chủ leo qua ngọn đồi kia là tới bến đò."

4.

Hắn lên đỉnh đồi, thấy bên kia đầy sương mù. Tiếng sóng lao xao trên giòng sông du hắn vào thế giới cũ.

Sóng xưa dồn về bến cũ, nơi của con nước lên, con nước xuống, đi và về, đón và đưa, hò hẹn và đợi chờ, hợp và tan, sớm và trễ, táo tợn và hưởng thụ...

Tiếng mõ im bật. Gõ lại ngủ.

Hắn chăm chú nhìn người đàn bà chèo đò. Dáng uốn éo nhịp nhàng theo nhịp chèo khơi dậy một thèm khát đột ngột trong người đàn ông lâu ngày ở một mình. Cơ thể thèm khát xác thịt phồng lên như cánh buồm trước gió lộng. Bến đò vắng với người nữ cô độc khiến hắn nảy tà ý. Hắn thoáng nghĩ tới tấn kịch mà thằng trộm tình làm với vợ hắn hôm nào. Hắn cũng có thể làm như thế. Hắn đứng ở mé sên khấu chờ nhảy vào sắm vai kẻ dâm tặc.

Nhưng khi con thuyền tiến lại gần thì hắn nhận ra người chèo đò chính là vợ hắn.

Điều bộ chèo đò của y thị lúc này phơi bày, không phải trong ký ức mà rành rành trước mắt hắn, cả thân thể trần truồng nhún nhảy mê loạn của mẹ trên giường ngủ với tình nhân.

Hắn còn nhớ như in buổi chạng vạng hôm đó nắng quái loang lổ vờn cau.

Hắn lờ tàu lên tỉnh, quay về nhà bất ngờ, nghe tiếng rúc rích khả nghi trong phòng ngủ. Không cần lắng nghe lâu, hắn nhận ra tiếng vợ hắn với một người đàn ông lạ. Vậy là những lời đồn đãi của thiên hạ không phải là bịa đặt. Hắn muốn coi mặt thằng đàn ông là ai, mà phòng lò mờ, nắng quái rọi qua các khe gỗ chỉ đủ thấy dạng người. Từ sáng đột ngột vào tối, hắn đang hoa mắt, càng hoa thêm khi nhìn những cử động man rợ của thằng đàn ông và tai nghe những tiếng rên rỉ dâm dăng của con đàn bà. Khi mắt vừa quen với bóng mờ, hắn liền thấy con đàn bà vùng dậy ngồi trên và nhún nhảy, kịch liệt, hối hả như con thuyền cập bến -phải cập bến- vì bến ở dưới cuối con thác sâu.

Cơ giận lên cực điểm, hắn chụp con dao rựa, đập tung cửa phòng và đưa dao phập xuống. Con đàn bà rú lên gục xuống trong khi thằng đàn ông, sẵn đang nằm ngửa, chân gấp gọng vó, vung ra đá văng dao của hắn đi và chạy thoát...

Ký ức nóng hổi tuôn về ùa trên mặt sông mù sương. Khi nhìn thấy kẻ phụ tình còn sống phây phây, và nhất là mình chưa phải là kẻ giết người, vẫn là kẻ vô tội, hơn nữa, kẻ thiệt thòi, oan ức. Hắn trở lại con người cũ trước khi ngã vào cửa am. Hắn gằm gừ trong họng:

"Con dâm phụ! Không ngờ mày còn sống. Hãy chờ tao trở lại thanh toán thằng gian phu, xong sẽ tính tội mày."

Hắn quay lên núi, cười gằn:

"Hừ, lên hay xuống đây, mày?"

Mây mù kéo tới đột ngột và mưa đổ sập xuống. Sấm sét nổ ầm ầm trên trời.

Hắn cắm cổ bước nhanh lên dốc núi, đi loanh quanh, đến tối mới tình cờ tìm lại được cái am.

Hắn đi ra sân cũi tìm cây búa rìu, xăm xăm đi lại cửa nhà. Đến trước tấm phen che, nơi hắn ngã xuống năm ngoái, bỗng hắn khựng lại. Dòm vào khe vách, thấy nhà sư đang quay mặt vào tường tụng kinh. Tiếng mõ đều đều. Trong tiếng gầm thét của mưa lũ, tiếng mõ rơi xuống như

những giọt khô ráo, tròn trịa, thánh thót. Nhẹ nhàng mà đầy uy dũng. Tiếng mõ đó có sức mạnh huyền bí làm hấn phải chùn tay.

Nhưng tiếng mõ chỉ đủ sức mạnh làm chùn tay búa bổ thẳng vào thịt xương người. Hấn tiến lại một cây to, ước lượng hướng ngã của cây lên mái am, và bắt đầu bổ lưỡi rìu xuống.

Hấn chỉ nhắm chừng mà bổ trong tia chớp. Lúc đầu hấn chặt bừa bãi, sau hấn chặt theo nhịp mõ từ trong am xuyên màn nước mưa vọng ra.

"Nam mô A di đà Phật!"

Hấn nhái theo nhịp sáu "cốc cốc cốc cốc cốc cốc" rồi kết "phập" một búa xuống thân cây.

Cứ thế. Lúc đầu hấn bổ hăm hở cuồng điên, sau bắt đầu mỗi tay. Một vài nhát búa kẹt trong gỗ, khi hấn rút ra, gỗ rít lên.

Hấn tiếc đã chọn cây quá to này. Khi miệng gỗ mở được một chút thì hấn gằn như kiệt sức, mỗi nhát búa hấn chỉ hô gọn:

"Phật!"

Sét ngưng, chỉ còn bóng đêm dày và ướt. Hấn phải đưa tay sờ xem miệng gỗ đã há đủ chưa để chặt phía đối diện cho cây ngã vào am.

Hô "Phật" đã chán mồm, hấn chỉ im lặng mà bổ. Và lạ lùng thay, chính gỗ bật ra tiếng "Phật" khi bị chặt.

Đúng lúc đó một tia sét đánh xuống: tâm hấn bừng sáng. Hấn đổi ý, không muốn giết tên dâm tặc nữa. Hấn vội vàng bổ lệch đi để cây ngã sang hướng khác, cho khỏi sập xuống mái am. Nhưng trễ rồi, cái cây đồ sộ lừng lững đổ xuống, đè ngay trên người hấn. Hấn vội vàng tránh ra để thoát thân. Nhưng cũng không kịp...

Hấn tỉnh dậy, không đau đớn như lần trước, đang nằm trên tấm nệm cỏ, biết rằng mình vừa được cứu một lần nữa. Nhưng cái am sập nát. Nhà sư, hấn là người vừa cứu hấn, đang ngồi trên một tảng đá, quay mặt vào rừng. Trời xanh trong vắt. Không nghe tiếng tụng kinh và tiếng mõ lóc cóc. Chỉ nghe tiếng chim hót líu lo và tiếng rừng xào xạc. Hấn bàng hoàng đứng dậy. Dặm bỏ đi.

"Thí chủ định đi đâu?"

Tiếng nhà sư trầm mà rõ. Hấn dừng chân nhưng không quay lại. Lòng rối bời, mâu thuẫn. Hấn vừa oán tên dâm tặc phá nát gia cang hấn, vừa biết ơn nhà sư hai lần cứu. Hấn không biết nên đối xử thế nào với hai con người trong cùng một hình hài đó. Đầu óc hấn xoay vòng vòng như cái cối ly tâm. Cuối cùng hấn bước qua một cành cây đổ, đi ra, bỗng đã thấy nhà sư đứng sững trước mặt hấn, như có phép biến. Hấn quay mặt nhìn về phía tảng đá, lại vẫn thấy một nhà sư ngồi quay lưng lại. Rõ ràng là có hai nhà sư, một ngồi, một đứng. Hấn trả lời:

"Tôi về nhà."

"Nhà nào?" nhà sư đứng hỏi.

Hấn bỗng khựng lại - quả thực hấn không thể về cái nhà cũ nơi người vợ ngoại tình đang ở. Và nếu thế thì không đâu là nhà hấn nữa

5.

Trong một năm trời chữa thương và nghe kinh trên núi, hấn đã phần nào hiểu được lẽ đời. Thoát chết lần thứ hai, hấn đã mơ hồ thấy lẽ Đạo. Nhưng nỗi hận tan cửa nát nhà, và cái ý chí muốn phân biệt phải trái, vẫn còn cao. Như đa số người đời -những người đời quảng đại khoan dung- trước khi tha thứ phải làm cho ra lẽ, phải biết ai phải ai trái, chính nghĩa về tay ai, hấn

muốn ít nhất một lần tính tội rồi mới tha tội. Hai nhà sư, phải có một thiện, một ác. Đây là dịp tốt để phân biệt trắng đen:

"Các ông hãy nói đi: Ai làm chuyện tôi bại với vợ tôi?"

Cả hai nhà sư đáp cùng một lúc:

"Chính là bản tăng!"

Hắn ngạc nhiên đến ngẩn ngơ.

Bỗng ký ức bật lên một tia sáng: Cái buổi chiều bất gian, quả thật hắn không kịp nhìn mặt tên gian phu. Hắn chỉ nhớ hình dạng tên đàn ông nằm ngửa, chân gấp gọng vó, vung ra đá văng con dao của hắn, rồi chuồn đi. Và khi nhà sư điễn lại trò nằm ngửa đá dao thì hắn đương nhiên coi ông ta là thủ phạm. Bây giờ thì mọi sự trở thành u u minh minh. Hắn chỉ thấy hình tượng người nằm ngửa, có thấy chân ngã của người đó đâu.

"Thế người hai lần cứu tôi là ai?" hắn lại hỏi.

Cả hai nhà sư cùng đáp:

"Chính là bản tăng!"

Hắn lui một bước và xoay người để nhìn được một lúc cả hai đối phương, rồi buông giọng nửa chán nửa van nài:

"Các ông ơi! Tôi muốn ân oán phân minh, xin các ông làm ơn đừng hồ đồ."

"Phân minh cũng thế. Mô Phật!" nhà sư ngồi nói.

"Hồ đồ cũng vậy. Mô Phật!" nhà sư đứng nói.

Hắn bỗng thấy mình bất lực. Buông thõng hai tay, xuôi vai, ngồi bệt xuống...

Trong thế bán già.

Lòng bỗng thành hư không, không lẽ phải, không lẽ trái; không hơn, không thiệt; không nhà sư tả, không nhà sư hữu, không nhà sư nào cả; không kẻ dâm tặc, không kẻ phản bội, không kẻ bị bội phản. Thân hắn cũng không.

Lại nghe nhà sư ngồi nói:

"Trời sáng rồi, chúng ta ra xẻ cái cây vừa ngã, cắt lại am."

Một tuần lễ sau. Am cắt lại xong. Lá thu vàng rục. Ba người bàn về việc chọn pháp danh cho người nhập môn sau cùng.

Hai người kia vo quả mồng toi viết vào bàn tay rồi cùng chia cho nhau xem, cùng cười ha hả:

"Mộc Tâm!"

Hai ông đã hiệp ý với nhau, nhưng còn hỏi, cốt để dò ý người sắp nhận pháp danh:

"Chỉ tội cái tên nghe có vẻ đàn bà?"

Người sắp nhận pháp danh tủm tỉm cười nói:

"Tôi tới đây vì chuyện nam nữ. Tôi ở lại đây vì không phân biệt nam nữ nữa. Không phân biệt gì nữa."

Cả ba lại cười sáng khoái vang động cả khu rừng.

"Thế huynh không chấp chuyện phu nhân bị hai tên ô trọc này làm nhục?"

Một trong hai nhà sư nói, tay trái trở vào mình, đồng thời tay phải trở vào nhà sư kia.

Hắn nghĩ chính hắn cũng đã có lần hiếp vợ người trong tư tưởng. Đó là lúc hắn đứng trên sườn đồi nhìn người đàn bà chèo đò uốn éo một mình trên sông vắng, chưa nhận ra vợ mình, và lòng dào dạt tà ý. Ôi! Tội phúc, duyên nghiệp, tất cả ở trong tư thân. Hắn mỉm cười, tự chỉ vào ngực mình:

"... ba tên tội phạm, chứ không phải hai."

Cả ba vừa định phá ra cười thì nghe nhịp sáu quen thuộc "cốc cốc cốc cốc cốc cốc". Họ cùng lắng tai nghe con chim gõ mõ.

Mộc Tâm nhớ lại lời nhà sư nói con chim đã gõ như thế cả triệu năm. Và ông hiểu ông phải chia sẻ định mệnh với cả một rừng nhân loại mệnh mông. Ông nhìn thấy chân tướng chúng sinh lấp lánh trong chân tướng mình.

Mộc Tâm cầm dùi gõ xuống chiếc mõ đặt trước mặt.

6.

Mộc Tâm, sau bảy năm gõ mõ trên rừng, vẫn không hay biết, và không bao giờ để tâm tìm biết, trong hai nhà sư kia ai là người trước khi phát tâm đã là tên dâm đạo. Mộc Tâm chỉ biết, do chấp nói những mẩu tin tình cờ, là:

Cái đêm nhà sư thứ nhất thấy người khách lạ vào am, đã biết là một tay đạo tặc cùng đường; và trong đường cùng, hắn miễn cưỡng tiếp nhân kinh mõ. Hắn ngồi chồm hổm tụng kinh, trong khi nhà sư thứ nhất xuống làng chữa thương cho người đàn bà. Xong việc nhà sư đi nhàn du hoặc khát thực. Thỉnh thoảng ông trở lên núi điểm hóa cho tên dâm tặc sám hối. Hắn đổi thế ngồi chồm hổm sang ngồi kiết già mà tụng kinh Phật.

Người đàn bà, qua thời gian, nhan sắc có chút phai tàn, nhưng vẫn còn xinh đẹp và dáng điệu chèo đò yểu điệu, đôi khi say đắm như hồi son trẻ, vẫn làm cho nhiều khách nam nhi xốn xang sóng lòng. Mỗi năm vài lần nhà sư Mộc Tâm gánh măng khô và đồ đan tre nửa xuống núi đổi muối, tương và dầu đèn. Ông phải đi đò ngang. Người đàn bà nhìn mà không nhận ra chồng cũ. Ông thường ngó ra sông nước mà ngâm bài kệ tự làm:

*"Gõ không nổi không chìm
Thuyền nổi vì khoang rộng
Thuyền chìm bởi đặc tim
Mộc tánh Bồ đề tánh."*

Một ngày tiết xuân, hoa mai nở trắng sườn đồi và én liệng la đà mặt sông, ông vỗ vào ván thuyền mà ngâm:

"Vượt đi, vượt đi, vượt sang bên kia, đậu tại bên kia".

Người đàn bà chèo đò chờ khách cập bến, cất tiếng:

"Tới bến rồi!"

Khách lên bờ, bà vẫn cấm sào chờ chuyến khác, nhìn xa xa lẩm bẩm:

"Vượt đi, vượt đi, vượt sang bên kia, đậu tại bên kia".

*Gõ Thức Trên Rừng, tập truyện ngắn
(Văn Mới 2002)*

Câu chuyện hay nhất thế giới

1.

Trong vòng hơn nửa thế kỷ nay, chưa bao giờ tuyết rơi nhiều như năm nay, đài nói như thế. Tuyết ngập hết đường đi. Cái xe Jeep đậu dưới bãi bị tuyết phủ trông như cái mả vôi. Khi Bảo ý thức được hiểm nguy thì không lấy xe được nữa, không chạy kịp nữa. Lúc đầu thằng con trai,

Titu, còn khoái chí vì cảm giác phiêu lưu, sau hoảng hốt vì sợ bị bỏ rơi trên núi, bị vùi dưới tuyết không ai tìm thấy. Tuy vậy đầu óc thằng bé tò mò vẫn còn nghĩ được tới ... khoa học, hỏi mẹ:

“Nếu mình bị chết ở đây xác được ướp đá, tới ngày 17 tháng 5* chưa thúi, phải không má?”

“Con đừng nói đại. Chết làm sao được! Ba sẽ lên cứu mình. Không thì cũng có Đội Cứu Nạn.”

“Má gọi cho ba nữa đi.”

“Má gọi cả trăm lần rồi. Điện thoại *mobil* của ba tắt rồi.”

“Má đưa cho con gọi!”

Titu cũng không hơn gì má. Mấy ngày đầu, kể cả khi chớm bão tuyết, Bảo vẫn còn liên lạc được với chồng. Từ tối hôm qua, chỉ nghe giọng nữ của công-ty Telenor nhắc không mệt mỏi: “*Điện thoại tắt hoặc nằm ngoài tầm phủ sóng.*”

Bảo nổi giận ngang:

“Gọi ba con làm gì nữa. Ông ấy mắc lo cho người khác...”

“Người khác là ai vậy má?”

“Mấy cô ca sĩ từ Mỹ qua.”

Bảo tức khi nghĩ Vinh cho vợ con lên núi trước vì anh bận đi đón hai cô ca sĩ sinh đôi Vân Hà, Vân Hương từ Mỹ sang. Đúng là đem con bỏ chợ!

“Qua thăm nhà mình?”

“Ai thèm tiếp mà thăm. Qua hát thí cho chùa ấy mà.”

“Thí là gì, má?” “Là hát không lấy tiền. Mấy ca sĩ hát dở thì đi hát thí.”

“Sao má không đi hát... thí?”

Bảo phì cười, cú đầu con, đứng lên hát một câu “*Trông kìa con voi nó đứng rung rinh...*” rồi hỏi:

“Vầy mà dở à?”

“Dở!”

Bảo mở tủ lạnh coi, thấy có đủ thực phẩm cho vài tuần. Chị nhìn nửa nải chuối nghĩ nó mọc ở mãi Châu Phi, bây giờ bị kẹt trong bão tuyết, và vật một trái dưa cho Titu.

“Con chê má thì... đi theo mấy cô đó đi!... Bỏ nào con đó.”

“*He he... má ghen!*”

Câu nói quá bất ngờ từ mồm miệng con trẻ khiến Bảo bối rối. Thằng bé đâu có ngờ nó bắn trúng boong một tâm điểm trong bóng tối của mẹ. Nhưng bên ngoài Bảo không thừa nhận điểm tối đó, cả với con lẫn với chính mình. “*Con nói bậy! Ba thương má nhất, việc gì má phải ghen? Má chỉ không thích ba bỏ má con mình trên núi đi đón người dưng, vậy thôi.*”

Thằng bé làm thình, có vẻ như nó đã bị mẹ thuyết phục. Nhưng Bảo lại không bị thuyết phục bởi chính mình, trong thâm tâm chị cho rằng chồng không coi mình là ‘nhất trên đời’, giới răn số một, nhân quyền tối thượng. Anh có thể bỏ mạng sa trường vì nhiều người đàn bà khác, kể cả một ca sĩ hát thí. Nhưng không bao giờ thèm làm việc gì chiều ý vợ.

Cái tivi cũng chết, có lẽ bão tuyết làm hư cái chảo tiếp vận hoặc cột *ăngten* nhà hư. Bảo biết là tình trạng tồi tệ thêm. Mẹ con chị vây khốn, trong một hoàn cảnh không ai nhận sự đầu hàng. Nghĩ tới lúc Vinh tìm được xác mẹ con chết rữa trên chòi, Bảo sượng quá. Tuy nhiên, chị vẫn sợ chết. Củi trong lò sưởi tàn, chị không chêm thêm nữa, để phòng trường hợp đứt điện. Chị

bảo con nướng cái kẹo đường xốp cuối cùng trước khi than tàn, nhưng nó ngồi yên ngược mắt nhìn vào góc cái cửa sổ chưa bị phủ tuyết, nó muốn để dành cục kẹo cuối cùng, hay nó không còn tha thiết gì nữa, người mẹ không đoán được. Chỉ đau lòng.

Bảo điện thoại về cho một người quen trong ban tổ chức văn nghệ để hỏi xem Vinh ở đâu, nhưng không ai trả lời.

“Titu, làm cách nào để tìm số điện thoại trong máy cầm tay?”

Titu cầm máy bấm, trả lời:

“Trống trơn.”

“Tại hồi đó ba tính ghi cho má mà má nói không cần, bây giờ cần thì không có.”

Bảo tiếc những việc nhỏ nhỏ của chồng mà chị cho là bày đặt. Cả số điện thoại cấp cứu Bảo cũng không buồn nhớ. Để cho Vinh lo, trong thâm tâm Bảo nghĩ như thế.

“Số 113, má!”

“*Giống bố cái tính này đôi khi cũng được việc,*” Bảo nghĩ thầm. Nhưng nói: “Rồi làm sao nói cho họ biết được mình ở đâu?”

“Ba có cái máy GPS.”

“Là cái gì?”

“Cái máy cho biết mình ở đâu, ba mới mua. Mấy lần ba với con đi rừng có mang theo.”

Hai mẹ con không ai bảo ai, chia nhau đi lục hộc tủ, ngăn kéo, kệ sách để tìm cái máy định tọa độ. Cái máy không nằm trong tủ hay kệ mà nằm ngay trong *vali* hành lý. Vinh nhét vào lúc nào Bảo không hay.

2.

Đội Cấp Cứu bảo họ bị tràn ngập công tác. Tình trạng của hai người chưa nguy kịch, họ ưu tiên cứu những người nguy kịch hơn, rồi sẽ cứu hai mẹ con sau. Nghe vậy Bảo cũng yên tâm. May mà vừa nói xong thì điện thoại hết pin. Chị đi dọn dẹp những đồ đạc mà hồi nãy đã vung vãi ra trong lúc lục cái máy GPS. Chị mân mê những tấm ảnh gia đình mà chồng chụp mỗi lần đi chơi, từ lúc chưa có Titu tới tuần nghỉ Lễ Phục Sinh mới đây với tấm hình Titu câu được con cá hồi 950 gr. Và chị giấu vội tấm hình khỏa thân Vinh chụp mình trong rừng ó trong một lúc hoang thú. “*Cái gã dâm tặc này cũng biết nghệ thuật!*” Bảo nói thầm, và người chị nóng ran lên như buổi trưa hè hôm đó. Chị giật mình nghe con gọi:

“Má! Cuốn sách này đẹp lắm, má coi đi!”

Bảo lại bên con kê đầu đọc. Đó là một cuốn sách tranh thiếu nhi. Trang bên trái là hình vẽ kiểu như bích họa trong hang động, cực kỳ tinh xảo, linh động. Trang bên phải là chữ viết tay rất đẹp. Yên tâm sẽ được cứu, không sớm thì muộn, Bảo đốt lại lò sưởi và cùng con đọc lại từ đầu:

Con Linh Dương

Ngày xưa tại Nambia, Nam Phi Châu

Nơi có nhiều núi cao rừng sâu

Và hoang thú thành thoi

Bên suối đồng xa chân trời

Mùa thu lều cạm lương

Đoàn người lên rừng săn linh dương

Mũi tên dài lao trúng

Con linh dương khờ khạo nhất, vào bụng

Con vật khốn khổ không chết
Triền núi nhấp nhô vừa chạy vừa lết
Chân nọ đá chân kia
Xiêu vẹo như người say

Những người đi săn bỗng thấy hay hay
Như coi màn kịch múa may
Họ vừa cười vừa bắt chước
Chân nọ đá chân kia

Chân kia đá chân nọ
Miệng cười, chân đá vô tội vạ
Đến khi mình đầy vết thương
Như con linh dương

Từ đó những người đi săn bảo nhau
Con linh dương nó biết đau.
Cuối sách có lời chú thích:

*“Phỏng theo bích họa tìm thấy trong một hang động tại Nam Phi. Và được người thế kỷ sau
chấm là truyện cười hay nhất thế giới.”*

Thấy con trai nghi ngờ, Bảo hỏi:
“Con thấy hay không?”

Thằng bé lật cuốn sách khổ lớn, dừng lại ở một trang, đọc lại, miệng tùm tùm cười, trả lời mẹ:
*“Con thấy con linh dương chạy cà tung, chân nọ đá chân kia thì tội nghiệp chứ không có gì
đáng buồn cười.”* Nhưng tới đoạn mấy ông đi săn tự đá vào chân mình bị thương thì thằng bé
phì cười nói, *“Tức cười quá!”*

Bảo đồng ý với con. Nhưng còn một điều thắc mắc mà chị không muốn, đúng ra là không
dám, đặt ra cho con, sợ nó không trả lời được, hỏi lại thì chị cũng bí. Chị sẽ hỏi chồng điều này,
và sẽ hỏi anh mua cuốn sách này hỏi nào mà không đưa cho Titu coi.

3.

Chiều hôm sau Đội Cứu Nạn bốn người tới bới tuyết và đưa mẹ con Bảo ra khỏi chòi nghỉ
mát. Họ chở mẹ con bằng xe scooter trượt tuyết ra đường cái, rồi đưa lên xe cứu thương chớ
không chở ra bến xe cho về Oslo. Khi thấy xe đi vào con đường tới bệnh viện Trysil, Bảo ngạc
nhiên, vịn vai cô y tá ngồi bên.

“Cám ơn quý ông bà,” Bảo nói. “Nhưng chúng tôi khỏe mạnh cả, không cần vô bệnh viện
đâu.”

“Có một người đang ở trong bệnh viện, chắc bà muốn thăm,” cô y tá trả lời.

Bảo giật mình:

“Ai vậy?”

“Chồng bà.”

“Trời ơi! Anh ấy ở trong bệnh viện? Có sao không?”

“Qua khỏi rồi.”

“Anh ấy bị sao vậy?”

“Bị tệt hơn bà và cháu đây nhiều. Ông ấy bị tuyết vùi trên đường tới với bà, chỉ cách mấy trăm
mét thôi.”

“Nhưng sao các vị biết được mà cứu?”

“Nhờ bà cho tọa độ hơi sai.”

“Con tôi đọc theo máy.”

“Máy GPS cho tọa độ sai từ 10 tới 50 mét là thường. Chúng tôi lại tính sai một chút. Nhờ thế mà tìm ra ông. Đó là một tình cờ may mắn lớn.” Cô vuốt ve con chó Bernard, tiếp: “Và chú này.” Vinh đã tỉnh táo. Anh nằm ôm vợ con vào lòng nghe họ khóc hạnh phúc.

Kết quả khám nghiệm xác nhận Vinh hoàn toàn lành mạnh và bình phục. Dù là sáu giờ chiều tối mịt, Vinh xin xuất viện và bác sĩ chấp thuận để anh về với vợ con.

Trên chuyến xe buýt cuối cùng về Oslo, Bảo cầm tay chồng hỏi:

“Anh còn nhớ cuốn sách về câu truyện săn linh dương ở Nam Phi không?”

“Nhớ. Sao?”

“Anh thấy truyện đó thế nào?”

“Em đọc rồi à?”

“Titu chỉ cho em đọc, lúc bị kẹt trên chòi.”

“Tốt. Đó là truyện cho Titu, truyện thiếu nhi. Nhưng cũng là truyện người lớn. Truyện được coi là truyện cười hay nhất thế giới.”

“Đó chính là điều em muốn hỏi anh. Truyện tuy ý vị thiết, nhưng không thể coi là hay nhất thế giới được.”

Titu nghênh đầu lên chờ câu trả lời của ba.

Vinh cúi xuống con:

“Nó hay ở cái chỗ vừa cười vừa khóc. Tất cả các truyện hay là những truyện vừa cười vừa khóc. Ông giảng ông giảng ông giảng búi tóc ông khóc ông cười. Trong vài hình ảnh câu truyện này vừa làm người ta cười vừa có thể khóc. Con hiểu không?” Rồi quay sang vợ anh nói: “*Hài kịch nằm trong bi kịch. Và ngược lại. Thế là hết ý!*”

“Triết như vậy,” Bảo bẻ giọng èo và kéo dài chữ ‘triết’ “mà tại sao lại đưa vào thành truyện thiếu nhi, anh?”

“Bởi vì cuộc đi săn đó tóm lược con đường mòn chông gai nhưng kỳ thú nhất để trẻ con thành người lớn.”

“Như thế nào, anh?”

“Biết đặt mình vào địa vị người khác.”

Còn câu hỏi mua sách hồi nào mà không đưa cho con coi mà lại giấu trên chòi, Bảo quên hỏi. Cũng chẳng quan trọng, đằng nào chị và con cũng được đọc rồi.

Bàn tay

Câu chuyện hi hữu sau đây xảy ra vào cuối năm 1975, lúc các trường tư thục (trong đó nhiều trường của các giáo hội), vì lý do này hay lý do nọ, chưa kịp làm thủ tục hiến cho nhà nước. Tại Trường thánh Giuse, linh mục hiệu trưởng vừa thấy cộng sản vô, thất kinh giao hết chìa khóa cho bác gác gian, rồi trốn biệt lên vùng kinh tế mới. Trường không có người nằm vùng, nên các giáo viên bình bầu một nữ tu dạy Anh văn - Đoàn Nhã - làm hiệu trưởng lâm

thời. Ủy ban Quân quản đang cần theo dõi tài sản và nhân sự nhà trường nên chấp thuận lối giải quyết dân chủ của giáo viên.

Một kỳ lương, Đoàn Nhã theo giờ hẹn đạp xe đến phòng giáo dục, cửa văn phòng đã đóng. Nàng bấm chuông đến lần thứ ba, mới thấy Ba Thơm lững thững đi xuống. Đôi chân hơi ngắn của hắn bước đều đều trên những bậc thang đá mài trơn bóng, nhưng tay hắn lại không vịn lan can, mà đưa lên vuốt mớ tóc thưa thưa mới gội, như thẻ diêm tựa nằm ở trên đầu. Được cái bộ kaki Nam Định lụng thụng xông mùi xà bông Viso được nắng khiến hắn có cảm giác tự tin hơn. Khuôn mặt vuông, nhẵn nhụi, phải gọi là bánh bao, làm bộ sáng lên vì ngạc nhiên. Hắn đi một đường cải lương... Tây:

"Ồ kia! Con gió nào đưa đồng chí hiệu trưởng nhà ta tới đây giờ này thế?"

"Chào anh Ba. Tôi tới lãnh lương. Hồi trưa tôi đã tới, mà anh Phụng nói quỹ hết tiền, hẹn sáu giờ trở lại."

"À, tôi nhớ ra rồi. Đồng chí Phụng có dặn: nếu gặp đồng chí hiệu trưởng thì bảo lên tầng hai nói chuyện và lấy tiền."

Người nữ tu mặt mũi và tâm hồn không vương một hạt bụi trần, theo Ba Thơm lên lầu hai, nhà ở của cán bộ giáo dục. Tới phòng khách nàng thấy Tám Phụng và Tư Quá đang ngồi thườn trên ghế sa-lông, phun khói thuốc mù mịt. Không ai thèm chào khách. Ba Thơm tự chọn một chiếc ghế bành, gieo người xuống, và chỉ vào cái ghế trống cuối cùng cho Đoàn Nhã, nói cộc lốc:

"Ngồi đi!"

Nhưng Đoàn Nhã bị ngộp khói, chỉ đứng mấp mé ngoài cửa nói vào:

"Chào các anh. Xin anh Phụng làm ơn phát lương để tôi còn về, có mấy anh chị em giờ này còn ở trong trường chờ lương."

Tám Phụng, tướng gà tồ, mặt no đủ, luôn luôn muốn chứng tỏ mình nhỏ tuổi đời và tuổi đảng nhưng không non kém, dụi điều thuốc bằng một điệu bộ rất sành sỏi, nói trong hơi khói:

"Vội vàng thế, người đẹp?"

Đôi mắt to của người nữ tu, chỉ thấy toàn tròn đen, với một khoảng trắng trong nhỏ xung quanh, giận dữ cũng khó làm ai sợ, ráng tròng lên, rồi dụi lại ngay. Nàng đẹp như bông mai trắng, nhưng từ ngày đi tu chưa bao giờ nàng bị ai kêu là 'người đẹp' một cách sượng như lúc này. Có lẽ cũng nhờ cái áo dòng. Bây giờ nữ tu đi dạy học không được phép mặc áo dòng, mà thời buổi này mặc có ích gì? Nàng làm như không nghe câu nói của Tám Phụng, nghiêm nghị nhắc lại:

"Xin lỗi các anh, tôi đã phải trở lại lần thứ hai để lấy tiền lương. Các anh chị em giáo viên trong trường rất trông lương."

Tư Quá, cái mặt dài quá khổ và chằng chịt nếp nhăn, có lẽ do những đêm chiêu kinh niên của một bí thư chi bộ, lúc này vẫn mơ màng nhìn làn khói thuốc lá thơm, làm như trong đó có nhiều đại sự hơn sự hiện diện của Đoàn Nhã. Hắn tiếp tục im lặng, trong khi Tám Phụng đã tìm được lời đối đáp tự cho là rất có duyên:

"Còn chúng tôi cũng dài cổ trông đồng chí đây mờ."

Ba tên đàn ông phá ra cười hô hố. Ba Thơm nín cười trước, làm mặt nghiêm, can thiệp:

"Thôi, các đồng chí đừng trêu đồng chí Đoàn Nhã nữa. Đồng chí Phụng đưa tiền cho đồng chí ấy đi."

Phụng hát hàm về phía cái bàn giấy kê cuối phòng:

"Thì đây, tiền để trong ngăn kéo bàn kia kìa, còn sổ cũng ở đó. Đồng chí đếm tiền, ký nhận đi."

Muốn lấy tiền, người nữ tu khốn khổ phải đi lên giữa hai tên đàn ông Tám Phụng và Tư Quá, và ít nhất phải bước qua cái căng đều cáng của Tám Phụng. Đoàn Nhã thấy từ nãy đến giờ chỉ có Ba Thơm phát ra một câu nghe được, hắn lại là trưởng phòng, bèn đưa mắt cầu cứu hắn. Ba Thơm chỉ chờ có thế, đứng đĩnh:

"Hai đồng chí xuống văn phòng giải quyết nốt hộ mấy việc dở dang. Để tôi chiêu đãi đồng chí Đoàn Nhã cho."

Tư Quá và Tám Phượng khệnh khạng đứng dậy. Bước ra rồi, hai cái mặt còn thò vào, một trên một dưới, giữa khuôn cửa khép hờ, nháy Ba Thơm, một tên nháy mắt trái, một tên nháy mắt phải, như hai tên hề diễn một trò nhuần nhuyễn. Ba Thơm mặc dầu quyền hành dưới bí thư chi bộ đảng Tư Quá, nhưng vì "trình độ" khá nhất đám, và nhất là thành tích đầy mình trong thời hoạt động đặc công Sài Gòn Chợ Lớn, hẳn được nể vì. Trong những vụ "bắt mòng" nữ giáo viên nguy, hẳn tương đối ít năng nổ hơn các đồng chí khác. Vì thế khi hẳn vừa tỏ vẻ si mê Đoàn Nhã là Tư Quá và Tám Phượng lên kế hoạch giàn cảnh cho hẳn liền.

Chờ hai bạn đi rồi, Ba Thơm vội đóng cửa lại, lắc đầu thờ dài phân bua với khách:

"Các đồng chí ấy nhìn đầu rồi mà cứ đùa nghịch như trẻ con vậy thầy, đồng chí hiệu trưởng đừng chấp nhá."

Rồi hẳn lại bàn giấy, kéo hộc ra lấy tiền và cuốn sổ lương, đưa đặt trên bàn sa-lông:

"Đồng chí đếm tiền ngay, hay là mình uống chén nước trà xấp giọng trước?"

Đoan Nhã linh cảm thấy có điều bất thường, trả lời xẵng:

"Tôi đếm tiền bằng tay, chứ có phải nói gì nhiều đâu mà cần xấp giọng!"

Và nàng lật đật đếm tiền cho nhanh để về. Chiều xuống mau, hẳn bật đèn và ngồi lại chỗ cũ, tay chống cằm chăm chú theo dõi. Từ ngày cách mạng tiếp thu thành phố, các nữ tu không mặc áo dòng khi ra ngoài. Đoàn Nhã mặc cái áo bà ba nâu, quần lãnh đen, tóc chải ngược gọn gàng như một thiếu nữ ngoài đời. Hai bàn tay, móng cắt ngắn, ngón dài trắng muốt như ngọc, thoăn thoắt lật qua những tờ giấy bạc cẩu bản. Gương mặt thanh thoát hơi cúi xuống. Ba Thơm đã nghe đồn về người nữ tu xinh đẹp này, và đã vài lần gặp mặt trong các cuộc họp hiệu trưởng toàn quận. Nhưng chưa bao giờ hẳn được một mình ung dung ngắm nàng trong khoảng cách gần, dưới ánh đèn néon, như chiều nay. Dưới ánh đèn, mặt nàng như tỏa hào quang huyền ảo. Hẳn nuốt nước miếng cái ực, bắt ngờ:

"Đồng chí đẹp như tiên sa thế kia, sao nỡ đi tu cho phí của?"

Mười ngón tay nàng bắt đầu lúng túng. Đôi môi hồng mấp má, không biết đang đếm, đang đọc kinh, hay run. Ba Thơm hết nuốt nước miếng, lại háng giặng, mấy lần mới nói tiếp được:

"Đồng chí có trình độ, nếu gia nhập Đảng sẽ có tương lai tốt lắm đấy. Gì chứ cái chức hiệu trưởng này đồng chí có thể ngồi vĩnh viễn được. Nếu đồng chí bằng lòng, tôi sẵn sàng đề bạt. Mà tôi đã đề bạt là xong ngay. Coi! Cái 'có kia, vận bộ đại cán vào nền ra phết đấy nhá."

Nàng vẫn im lặng, hồi hận vì hồi nãy đã không rủ một cô giáo đi theo như mọi khi, và thảm trách lối làm việc kỳ cục của "cách mạng," hiệu trưởng phải gánh bao nhiêu việc bá vợ, kể cả việc đi đếm tiền, phát lương. Nàng đếm bừa, chẳng biết thiếu đủ ra sao, xong, ký nhận, gói tiền vào tờ Sài Gòn Giải Phóng và nhét vào bị. Nàng đứng lên toan về, thì Ba Thơm cũng đứng lên, giọng đục:

"Đồng chí Đoàn Nhã, đi đâu mà vội mà vàng thế? Đồng chí có nghe tôi nói từ nãy đến giờ không nào? Cái co này... chà, chà, phải vận bộ đại cán vào mới oai... Ấy, tôi đã dành sẵn một bộ kia, để tôi lấy cho đồng chí mặc thử."

Hắn mở tủ lấy bộ đồ, nói tiếp:

"Nhưng trước hết để tôi giúp đồng chí lột quách bộ quần áo tầm thường này ra đã."

Đoan Nhã bước về phía cửa ra vào, nhưng Ba Thơm đã nhanh chân chặn cửa. Giọng hẳn lạc và khàn:

"Để anh... giải... phóng em nhé."

Hắn miệng nói tay làm, giật bung hàng nút bấm trên ngực người nữ tu.

"Giêsu! Maria!"

Người con gái kêu thất thanh. Và không biết sức mạnh từ đâu, nàng bỗng trở dậy như một con ngỗng bị cắt tiết, một tay ghi vạt áo, tay kia gạt phăng tên đàn ông sang một bên. Bạch tiền rơi xuống sàn. Nàng chiếm vị trí chặn cửa, tay gài nút áo, tay lần ra đằng sau xoay quả đấm, nhưng cửa đã bị khóa trái từ bao giờ. Nàng chỉ còn biết quay mặt lại ôm ngực đề phòng.

Đoan Nhã nhìn bàn tay Ba Thơm quờ quạo một cách vô vọng trong không khí, bèn đập vào một cái, nói bằng giọng uy quyền:

"Cái bàn tay dơ bẩn này!"

Cái đập tay đó khiến cả hai người sực nhớ lại một chuyện xưa...

*

Năm hai đứa trẻ bắt đầu lên lớp ba trường Ninh Bình, Bắc Việt. Ngày đầu tiên đứng trước cửa lớp, thầy khám tay, đứa nào có bàn tay dơ thầy không khẻ thước như cô giáo cũ, mà bắt đứng ra hàng riêng. Tới Nụ thầy khựng lại, nhìn chăm chăm, nó sợ hết hồn. Nụ lật qua lật lại hai bàn tay xem có hạt bụi hoặc vết mực nào chẳng? Không. Thầy đi qua, Nụ thở phào. Thầy không đánh mấy đứa tay dơ, Nụ tưởng giờ phán xét kết thúc và thầy ban ân xá nhân ngày khai giảng, nào ngờ thầy trở tay vào Nụ hỏi đột ngột:

"Tên gì?"

"Thưa thầy, con tên là Nụ".

Nó run rẩy trả lời, với một câu đủ cả chủ từ túc từ, để may ra có tội lỗi gì còn được giảm khinh.

Nhưng thầy hướng về cả lớp nói:

"Các em nhìn bàn tay em Nụ sạch sẽ như thế này... Giơ tay lên... Đáng làm gương cho cả lớp".

Nụ hú hồn, giơ tay như đầu hàng, không chịu buông xuống. Run lên vì hãnh diện. Thầy nói tiếp:

"Bây giờ thầy để em Nụ thay thầy phạt các em tay dơ."

Thầy đưa cho Nụ cái thước vuông đen bóng, bảo đi khẻ các bàn tay dơ. Nụ không dám đánh mạnh. Một thằng con trai trong bọn tay dơ thấy vậy cười khẩy. Thầy quay phắt lại:

"Thằng này! Mà cười gì?"

"Đánh như đuổi ruồi".

Cả lớp nín thở chờ cơn lôi đình của thầy. Thầy chưa giận ngay, chờ tới phiên nó, thầy lại gằn:

"Hượm đã. Nhớ: đánh trâu đánh bò, chớ không phải đuổi ruồi."

Nụ hiểu ý thầy, nhưng không dám đánh đau hơn mức độ mà nó nghĩ chính nó có thể chịu đựng được. Mà nó thì nhất đòn lắm. Thầy cười gằn:

"Hừ! Thế là gãi ruồi, chớ cũng chưa phải là đuổi. Đánh lại!"

Nụ nhú mày đánh lần thứ nhì, hơi mạnh tay hơn lần trước một chút, và cảm thấy da thịt mình bỏng rát. Thế mà mặt thằng con trai vẫn trăn trăn, khiến thầy càng giận. Thầy giận lây sang Nụ:

"Cái con này, tay sạch mà bị rút gân rồi. Để tao đánh mày cho mày biết thế nào là đánh trâu đánh bò, nhá?"

Nụ vừa sợ thầy, vừa giận thằng con trai không biết sợ cái "chính nghĩa" mà Nụ đang nắm trong tay, vừa lo chính mình bị đòn. Nụ dồn tất cả cái sợ, cái giận và cái lo vào cái thước kẻ, và quất thật mạnh xuống bàn tay thằng bé, rồi trả thước cho thầy, òa khóc chạy về chỗ trong hàng. Hai bàn tay chắp trên ngực xoắn lại với nhau như đang đau đớn.

Ba Thơm nhìn bàn tay đang vịn vẹo trước ngực của Đoàn Nhã. Bàn tay cực đẹp. Và đôi mắt to sợ hãi. Óc hần lòa sáng. Từng mảng thời gian tróc rơi xuống, hình ảnh con bạn học lớp ba hiện ra, Ba Thơm thốt lên:

"Cái... cái Nụ đây, phải không?"

Lần đó, cái Nụ, sau khi đánh thước lim vào tay bạn, tới giờ ra chơi, Nụ ra đầu hiên, ngồi đếm những cái lỗ nước mưa khô xếp hàng dọc trên mặt đất, không dám ra sân chơi, sợ chạm mặt thằng Lì. Nhưng khi sắp tới giờ vào lớp, Nụ đi hái rau má, tìm nó ở bể nước. Nụ thấy bàn tay nó hần lươn. Nụ xin nó để cho mình đắp rau má đền. Nó không cho, Nụ khóc, nó ngạc nhiên, chùi tay vào quần, rồi cầm bàn tay Nụ, thoa thoa, nắn nắn, nói "Trắng ghê. Mềm ghê. Xinh ghê." Mân mê chán, nó lật qua lật lại coi, nói "Hai mặt trắng bóc như nhau".

Rồi cuộc chia đôi đất nước năm 1954, kẻ ở người đi.

Giọt nước mắt sợ hãi gần khô, bỗng lớn lên, mọng những tủi hổ của quá khứ lẫn hiện tại. Nàng nói:

"Nụ đây. Đi tu, nhà dòng đặt cho tên mới là Đoàn Nhã. Còn anh là thằng... Lì đây?"

"Chứ còn ai nữa. Vào Đàng, Đàng cho cái tên Ba Thơm."

Cái tên "Ba Thơm" kéo hẳn trở về hiện tại, cúi xuống lượm túi tiền đưa cho Đoàn Nhã, bẽn lẽn nói:

"Xin lỗi Nụ nhé".

Đoàn Nhã phỉ lại áo sống, lắc đầu như không muốn nhận lời xin lỗi, cố nói giọng Bắc đặc nhưng vẫn lai Nam:

"Thôi huề. Xí xóa cho tôi cái khẻ tay ngày xưa?"

Người nữ tu, vốn không quen oán hận, bây giờ càng không có gì để oán hận Ba Thơm. Nàng chỉ hơi bàng hoàng về sự tái ngộ trở trêu. Nhớ lại bao năm nay nàng vẫn hồ thẹn về cái cảm giác hãnh diện và sung sướng được thay thầy phật các bạn. Dù nàng đã lấy rau má đắp cho cu Lì và mặc dầu sau đó hai đứa thành bạn thân, nàng vẫn nghĩ nàng đã quá tay. Nàng càng lớn lên "con lươn" trên mu bàn tay thẳng Lì càng hằn sâu trong lương tâm quá trong sạch của nàng. Nàng đau đớn nghĩ rằng nếu bị cám dỗ hoặc ép buộc, nàng rất dễ thành người ác. Đó là lý do con Nụ trở thành Đoàn Nhã, với hy vọng bức tường tu viện ngăn cản tính ác trong mình. Hôm nay, sau khi suýt bị xúc phạm và sau khi đã tha thứ, vết thương trong lòng nàng mới lành lại. Nàng cảm tạ Thượng Đế vì cuộc gặp gỡ éo le. Nàng cảm tạ Thượng Đế đã quan phòng cho nàng sống trong một hoàn cảnh hiền hòa của tu viện, ít nhất là tới bây giờ. Nếu không, trong một môi trường khác, biết đâu đứa con gái lớp ba, có lúc dám đánh bạn bằng cái thước nặng chịch bóng láng đã chẳng trở thành kẻ tra tấn người bằng cực hình hay nữ đặc công đặt mìn xe đồ, rạp hát. Bàn tay mình chẳng phải mình giữ mà sạch được?

Phụ đính II:

Mai sau kiếp khác (*)

Tôi đeo găng tay, nhón từng cái quần, cái áo của Khâm, bỏ vào máy giặt. Mặc dù rất ghê tởm quần áo của chồng, tôi không dám đeo khẩu trang khi làm công việc này. Dù sao, tôi cũng còn sợ làm chồng đau lòng. Nhưng tôi nín thở để dồn cho nhanh mẻ giặt, vận nhiệt độ 90, và bấm nút cho máy chạy. Tôi gỡ găng tay bỏ vào thùng rác, rửa tay bằng xà-bông và cồn khử trùng trước khi làm gói ăn trưa cho các con. Hai đứa con gái đang uể oải xúc cốm trộn sữa nhưng mắt vẫn theo dõi cử động của mẹ.

"Tại sao má phải đeo găng?" Phịu, con em năm tuổi hỏi.

"Má sợ vi trùng của ba," con chị bảy tuổi rươi, trả lời thay.

"Đừng nói bậy, Phụng!" tôi nói nhỏ. Đúng lúc đó, có tiếng ho của ba chúng trong phòng. Tôi nói to "Tụi con uống dầu cá chưa, Phụng Phịu?"

"Dạ rồi!" chị em Phụng, Phịu mau mắn trả lời.

Thấy hai tô sữa cốm đã vơi hơn phân nửa, tôi cho là hai con đã ăn sáng tạm đủ, tôi tuồn hết phần còn lại vào bụng mình, rồi giơ hai cái tô nhẵn lên.

"Để ẹc mà tụi con nhơi nữa giờ chưa xong!" tôi nói.

"Má giỏi!" con Phịu nói.

"Má chưa uống dầu cá!" con Phụng nhắc.

Tôi viết trên miếng giấy con màu vàng 'Anh phơi quần áo trong tủ sấy.' Tôi uống thìa dầu cá, hóp một ngụm nước cam trước con mắt thanh tra của hai đứa trẻ. Xong, tôi mở sẵn cửa nhà, nói:

"Chúng ta đi!"

"Thưa ba con đi vườn trẻ," Phịu nói.

"Thưa ba con đi học," Phụng nói.

Khâm không đáp lại, nhưng chắc có nghe. Tôi khép cửa nhà, đẩy hai con vào thang máy. Con Phịu nhấn nút xuống ga-ra. Tôi bỗng nuối tiếc buổi sáng hôm ấy cả nhà ồn ào một mình một cõi thang máy, con Phụng kiểm soát xem ba nó có kéo phéc-ma-tuya quần không, con Phịu nao nức với trận tuyết đầu mùa, vợ chồng ‘mi lén’ nhau trên đầu hai đứa trẻ... vô tội. Chín giờ mặt trời mới mọc, nhưng tôi cảm thấy lòng chan hòa ánh sáng. Còn nhớ cảm giác hôm đó về một gia đình bền vững, con tôi sẽ lớn khôn, xinh đẹp, chồng tôi sẽ tiếp tục mi tôi trong thang máy. Trận tuyết đầu mùa năm nay, trong thang máy chỉ có ba người. May mà tôi lo xa, tuần trước mới thấy sương đóng trắng cảnh sỏi, đã mang xe ra cây xăng cho người ta thay bánh dính. Việc này mọi năm Khâm làm lấy cả. Cũng còn nhớ lời anh thường khoe “Hai mươi hai phút, đúng.” Và tôi thường ‘tưởng thưởng’ anh một tách cà-phê nóng. Bây giờ anh lúi nhủi như con nhím, chờ vợ con đi, mới ra khỏi phòng, đi kiểm đồ ăn. Anh sẽ lau mặt bằng cái khăn riêng — nếu anh biết điều giữ gìn cho vợ con.

“Má!” Phịu gọi.

“Gì con?”

“Tại sao má mang găng lúc giặt đồ cho ba?”

“Để... để xà-bông không ăn tay.”

“Tại sao má rửa tay bằng... bằng cái gì...”

“Còn sát trùng,” Phụng nhắc em.

“Tại sao má rửa tay bằng... vi trùng trước khi làm matpakke(1) cho con?”

“Sát trùng...” Phụng sửa. Tôi chờ cho con chị giảng giải thêm để tôi khỏi phải trả lời con em. Nhưng Phụng không nói gì thêm nữa. Nhìn vào gương chiếu hậu, tôi thấy nó, ngược lại, nó cũng đang chờ đợi câu trả lời của tôi. Tuyết bông to bay loạn trong ánh đèn.

“Để những con vi trùng trong tay má không dính vào góí ăn của tụi con,” tôi đáp.

“Vi trùng của ba, hả má?” con Phịu không chịu tha.

“Ở đâu cũng có thể có vi trùng...Thôi, xuống đi, con!” tôi dừng xe trước cổng vườn trẻ, tháo dây an toàn cho Phịu, dắt nó xuống. Một cô giáo đang xúc tuyết trên lối vào, dừng tay, đón con Phịu:

“Hi Vivi!” Vivi là tên thật của con Phịu.

“Hi Nina!” con Phịu chào cô giáo, rồi quay lại vãn tay, “*Ha det mamma! Ha det chị Phụng!*” (2)

Phịu quay đi, tôi vẫn đứng tần ngần nhìn những hoa tuyết rơi trên người con bé bước đi đủng đỉnh. Tôi có cảm giác sợ nó tan theo những cọng tuyết. Gần bước lên tam cấp, nó quay lại, thấy tôi còn đứng ở cổng, nó chạy ra, giang tay cho tôi ôm hôn. Cử chỉ bịn rịn khác thường của con khiến tôi bồn chồn trong lòng.

Tôi lúi xe, xuýt quệt phải mẹ con một bà vừa xuống xe.

“Má!” Phụng gọi.

“Gì con?”

“Má cho con ngồi ghế trước, đi má!”

“Con nít phải ngồi ghế sau.”

“Con 151 cm rồi! Được phép ngồi ghế trước, má.”

“Con học luật lệ đó ở đâu vậy?”

“Dạ, trong trường,” nó trả lời. Tôi thấy ở xã hội này ‘ăn hiếp’ con nít không phải chuyện dễ. Tôi trả lời:

“Con coi tuyết như thế kia, chui ra chui vô mắt công lắm. Khi khác má cho con ngồi ghế trước. Mà con 151 cm thật à? Con coi đằng sau có người không!”

“Không, má, nhưng có cái xe đang lúi ra.”

“À, con đo hồi nào?”

“Ngày nào con cũng đo.”

“Chi vậy?”

“Con muốn lớn mau để flytte ut.” (3)

Tôi điếng người. Không biết nói gì với con. Ngay trẻ con Na-uy cũng phải mười bốn mười lăm mới nghĩ tới chuyện ‘ra riêng’ và chờ tròn 18 mới dọn ra thật. Đàng này con tôi mới bảy tuổi

rười... Dù nó nói theo trào lưu hay nó là... thần đồng, tôi cũng vẫn rất đau lòng. Gần tới trường học của con, tôi mới lên tiếng được:

“À, con vừa nói con thích mau ra ở riêng. Con không thích ở với ba má sao?”

“Con thích ở với má. Nhưng ba không thích con...” Phụng nói.

“Tại sao con nói vậy?”

“Ba về Việt Nam kiếm con trai.”

Thì ra cũng là chuyện này. Tôi ngừng xe trước cổng trường, ghì con vào lòng, hôn túi bụi trên mặt nó.

“Con là tất cả của má. Má không cần kiếm cái gì khác,” tôi nói.

“Con thương má,” nó nói.

Nó đi lẫn vào đám trẻ trong sân trường rồi, tôi mới quay xe ra, miệng lầm bầm:

“Khâm ơi! Anh đáng tội hơn nữa vì đã xúc phạm tới các con.”

Tôi muốn bầm vằm anh ra cho hả giận. Đi tìm vui thú riêng mà lấy cớ nổi dỗi tông đường! Chính cái cớ đó đã lạc hậu, mà một người đàn ông ở thế kỷ 21, sinh trưởng ở Na-uy, lại có thể đưa ra làm chiêu bài được. Thật là hôn mê ám chướng. Giá anh cứ tiếp tục con đường mê muội đó thì tôi có thể coi anh là một lãng tử vô lương tâm; đằng này anh vác cái thân bệnh hoạn về nhà, tôi chỉ có thể gọi anh là vô liêm sỉ.

Tới một khúc quanh cái xe, như con ngựa bắt kham, xăm xăm lao thẳng xuống hố, bất kể tôi bẻ lái tay phải hay tay trái. Tôi hoảng hốt đạp thắng, tôi thấy trời đất xoay vòng vòng. Tôi chờ chết. Tôi hình dung hai đứa con ôm xác tôi khóc thảm thiết dưới trời tuyết. Sau đó, ai sẽ nuôi chúng? Nhất định người cha vô tích sự không có khả năng, không có tư cách gìn giữ hai kho tàng vô giá của tôi. Tôi chờ đợi một đụng chạm kinh hồn, tách linh hồn tôi ra khỏi xác... Tại sao tôi ra nông nỗi này! Phụng ơi! Phụng ơi! Các con cứu má! Chúa ơi! Xin hãy ra tay cứu con!

Tôi tỉnh dậy trong bệnh viện, ngỡ ngác. Tôi lấy tay phải sờ tay trái, rồi sờ hai chân — còn nguyên. Tôi hít vào thật sâu — tim phổi chưa vắng ra ngoài. Tôi sờ đầu — không băng bó chi cả. Tôi còn lạnh lặn.

Người đầu tiên tới thăm tôi là mẹ chồng, người sau cùng tôi chờ đợi. Người đã phản đối cuộc hôn nhân của chúng tôi, viện cớ tôi không chịu theo Đạo (hiểu là Công giáo). Người đã ngầm tán đồng việc đưa con trai Công giáo của bà về Việt Nam lấy vợ bé. Dù vậy, tôi đang mừng vì thoát chết, nên không ngoảnh mặt đi. Tôi nói, giọng thân thiện:

“Sao má biết con nằm đây?”

“Thằng Khâm báo,” bà nói, trao cho tôi bó hoa. “Giê-su, Chúa đã cứu con đấy!”

“Cám ơn má, má cứ để đó giùm con.”

“Để má đi tìm cái bình,” bà nói và ra ngoài. Tôi nghe tiếng Na-uy nhất gừng của bà oang oang ngoài hành lang, chắc bà nói với các cô ý tá, rồi thấy bà mang vào một cái bình hoa bằng thiếc, xun xoe cắm hoa. Cô ý tá mở cửa nhìn tôi, mỉm cười, nháy mắt một cái rồi khép cửa lại. Nhìn những ngón tay móng tím rìm của bà mẹ chồng và những bông hoa cắm chướng đổ, loài hoa tôi ít có thiện cảm nhất, tôi tự hỏi không hiểu bà đang ‘mưa đờ’ gì.

“Má đi đón các cháu giùm con, được không?” tôi nói khi bà cắm hoa xong.

“Được chớ. Nhưng bây giờ còn sớm, chưa tan học.”

Tôi nhìn đồng hồ — một giờ hơn. Tai nạn xảy ra cách đây gần bốn tiếng. Không đầy bốn tiếng đồng hồ, xuyết nữa tôi đã thành người thiên cổ.

“Con nói trước như vậy, để má dễ thu xếp.”

“Con cứ yên tâm tĩnh dưỡng. Má sẽ lo cho xấp nhỏ,” bà nói rất ngọt, khiến tôi phát lo hơn là yên tâm.

Bà biết việc tốt nhất bà có thể làm cho tôi bây giờ là gì không? Đó là bà rước người con trai yêu quý của bà về nhà, hai mẹ con hú hí với nhau, để tôi một mình. Tôi đang rất cần ở một mình yên tĩnh, cần ghê gớm, như một người bị chụp thuốc mê buồn ngủ. Tôi thảm nghĩ, và nhắm mắt lại, thở dài. Bà biết tôi cần nghỉ ngơi, lặng lẽ bỏ ra. Tôi nghe tiếng oang oang của bà ngoài hành lang. Khi tiếng bà nhỏ dần, tôi mở mắt ra, như tuồng thuốc mê hết tác dụng. Tuyết vẫn lặng lẽ rơi ngoài cửa sổ, từ đêm qua tới giờ không ngừng. Lặng lẽ và dai dẳng. Tuyết dịu dàng

phủ kín mặt đất và nhà cửa. Có khi nào đang bắt đầu một cơn hồng thủy trắng nhận chìm thế gian một cách êm ái chẳng? Giả như có một cơn hồng thủy mới, tôi là người đầu tiên bình thản đón nhận. Cái cảm giác hốt hoảng khi xe tôi sắp lao xuống hố, rất ngắn ngủi; sau đó và bây giờ là tâm trạng phó mặc. Tôi thả hồn tôi rơi trong chân không giải thoát. Giải thoát khỏi cuộc đời vô vị này. Vâng, giải thoát khỏi cuộc đời không mặn không nhạt, không chua không ngọt này, không gì cả, trừ một chút vô tình... Giải thoát khỏi thế giới không màu sắc ấy, phải là một cơn hồng thủy trắng. Tôi nhắm mắt lại.

“Cô có thể về nhà rồi,” cô ý tá nói khi tôi thức giấc. “Cô muốn gọi người nhà đón, hay tôi kêu taxi?”

“Cô làm ơn kêu taxi giúp tôi, cảm ơn.”

Thấy hai đứa bé đứng ở trạm xe buýt, tôi nói ông tài xế chạy vào trạm. Quả là con Phụng con Phịu. Hai đứa nhảy lên xe, ngồi hai bên. Tôi phủi những bông tuyết trên người hai đứa.

“Tụi con tính đi thăm má,” con Phịu nói.

Tôi hôn hai con, lắc vai con Phịu, nói:

“Tụi con thật là liều, dám đi một mình!”

“Đâu có một mình, má! Con đi với chị Phụng, má,” Phịu nói.

“Thì má nói là hai đứa con còn quá nhỏ để đi trên đường lạ!” tôi nói. “Lần sau phải có người lớn dẫn, nghe không?”

“Dạ... Má có đau không, má?” Phụng hỏi.

“Má không sao cả, nên bác sĩ mới cho về ngay.”

“Con không thích má về ngay,” Phụng nói.

“Ừa, sao lạ vậy?”

“Con muốn vào bệnh viện thăm má.”

“Con cũng vậy,” Phịu nói.

“Rồi đưa má về,” Phụng tiếp, “vậy mới sang.”

“Vậy để lần sau,” tôi cười nói “má đau nữa, nhé?”

Đã tới nhà.

“Sao má không trả tiền taxi?” Phụng hỏi khi thấy tôi chỉ đưa cho ông tài xế một tờ giấy.

“Bệnh viện cho giấy trưng dụng,” tôi đáp.

“Giấy trưng dụng là gì?”

“Là rekvisisjon, là tờ giấy bệnh viện nhờ taxi chở má về nhà, ông taxi chở xong thì nạp tờ giấy cho nhà nước lấy tiền.”

“Cảm ơn ông,” tôi nói với ông tài xế, và xuống xe. Phụng vẫn còn thắc mắc về vụ trưng dụng, hỏi ông tài xế:

“Ông ơi! Nếu ba chở má, ba có được tiền không?”

Ông tài xế cười, giọng ngoại quốc:

“Hm, má cháu trả ba cháu bằng cái khác, hề hề...”

Mới có tám tiếng đồng hồ mà quang cảnh khu chung cư xa lạ như đi xa rất lâu về nhà. Tuyết trên lối vào đã được ủi thành hai bức tường ngang hông người; một lớp mới trắng bong đã trải lên. Những cái băng chúng tôi ngồi phơi nắng mùa hè trở thành những con gấu tuyết nằm phủ phục bất động.

Vẫn người tôi ít chờ đợi nhất trên thế gian đang lù lù hiện diện trong nhà tôi. Lúc tôi mở cửa vào, bà đang ngồi trong phòng khách, tay còn cầm cái bấm tivi. Nhà tôi không có đài Việt Nam, nên bà miễn cưỡng coi phim Hàn. Chắc anh con trai trốn vào phòng khi nghe tiếng mở cửa.

“Má tưởng con còn ở trong nhà thương lâu, má về coi mấy đứa nhỏ,” bà nói.

“Cảm ơn má... May bây giờ con đã về rồi. Con tự coi chúng nó được mà.”

Bà không hiểu, hay làm bộ không hiểu rằng mình không được hoan nghênh, vui vẻ nói:

“Coi sao xuê! Con mới xuất viện, người coi vậy chớ không khỏe đâu, chưa khỏe hẳn.”

Tôi cúi xuống hỏi các con, vẫn đang nắm chặt tay tôi:

“Tụi con ăn uống gì chưa?”

“Dạ chưa,” hai đứa cùng nói.

“Hồi nãy bà nội bảo ăn cái gì rồi hăng đi, cứ nằng nặc đòi đi ngay,” bà nói. “Để tao đi nấu cơm.”
“Không cần đâu, má,” tôi nói. “Tụi con đi làm bài đi. Làm bài xong thì có cơm ăn.”

Con Phụng dạ một tiếng, đi vào phòng. Con Phịu nói:

“Con tiếp má làm bếp.”

Khâm ra hỏi:

“Em không sao chứ?”

“Không sao,” tôi đáp, không nhìn lên.

Anh ta rút vào phòng.

Bà mẹ nói:

“Má làm gì tiếp con được?”

“Má cứ lên con phìm, bao giờ cơm xong, cháu lên mời,” tôi trả lời.

“Phìm Hàn chán chết...” bà thở dài. “Con còn giận má à?”

“Con có giận ai hồi nào đâu?”

“Má xin lỗi con.”

“Chết! Việc gì má phải xin lỗi con vậy?”

Tôi đổ rổ rau vào chảo nóng. Xèo!

“Chuyện gì, con biết đấy,” bà nói.

“Dạ không, con không biết.”

“Con biết.”

“Không, con không biết. Má cứ nói thẳng ra đi!” tôi nói. Tôi nghĩ nếu bà biết tự nói ra một lời, may ra tôi có thể tha thứ cho. Nhưng bà lại nói:

“Má sẽ trả lại công đạo cho con.”

Tôi xuýt bật cười thành tiếng. Tôi đổ chảo rau xào vào cái đĩa to, trong đầu nghĩ nên ăn trong bếp hay ngoài phòng ăn. Không biết hôm nay anh ta có ra ăn cơm với mẹ anh ta không?

Bà nói tiếp:

“Má muốn về đây ở.”

“Thêm một cửa nợ?!” Tôi nghĩ và buông đĩa rau xào xuống sàn.

Đêm. Nhìn đèn đường tôi biết tuyết đã ngừng rơi. Cơn hồng thủy trắng dâng nửa vời rồi ngưng lại, vừa ngập cái vạch đỏ trên những cây cọc mà mùa đông thị xã cho cắm dọc đường. Chắc Thượng Đế còn nghĩ lại, dung tình cho loài người. Loài người chưa đáng chết. Hay không đáng vùi trong tuyết trắng. Nhưng tôi uất ức. Mẹ con họ tưởng tôi là cái gì? — Một con giun để dày xéo? Một con khủng đễ lừa gạt? Tôi muốn nổi cơn thịnh nộ, tổng cổ người đàn bà ra khỏi nhà tôi, nếu cần dùng lực thì tôi còn trẻ và khỏe hơn bà, nếu cần dùng lý thì tôi là chủ căn nhà này, nếu dùng tình thì chính bà từ đầu đã khước từ tình cảm của tôi, chính bà đã tìm mọi cách ngăn cản không cho con trai bà cưới tôi, đến khi tôi có hai mặt con rồi, bà vẫn gieo rắc bao nhiêu lời độc địa... Tôi có thể nhắc điện thoại kêu cảnh sát... Khâm sẽ can thiệp? Bằng cách nào? Anh sẽ đem cái mạng cùi ra đọ với tôi? Điều này cũng đáng sợ thật, nhưng tôi có thể dùng cây lau nhà, à! có cả cái bình chữa lửa nữa, xịt một cái là anh co rúm người lại, như cái kén trong nồi nước sôi. Tôi sẽ dồn anh vào con đường cùng phải lựa chọn — một là vào bệnh viện nằm để nhà cửa được sạch sẽ, hai là ra khỏi nhà này như con chó ghẻ... Tóm lại tôi là kẻ chiến thắng, mọi mặt. Tâm trí tôi bay phóng tưng trong một bầu trời đen, trẻ con, nhỏ mọn. Tôi biết đó là nhỏ mọn, nhưng để bù lại gần mười năm trời nhẩn nhục, tưởng không có gì là quá đáng. Họ luôn luôn là hai kẻ đáng khinh hơn đáng thương.

Có lúc tôi cảm thấy bị vây hãm bởi sự lì lợm của mẹ con họ. Khâm bỏ vợ con theo gái, tới thân tàn ma dại mà dám vác mặt về; bà mẹ nhân danh một thứ tôn giáo công bằng bác ái phủ nhận tôi, con trai làm điều vô luân, không nửa lời ngăn cản, bây giờ lại đòi về ở chung. Thật là không biết ngượng.

Từ trong bóng đêm, một khuôn mặt thân quen hiện đến bên giường. Nụ cười ba phần trách móc bảy phần thương hại. Quang! Quang, ngồi xuống bên giường vuốt tóc tôi. Anh nói:

“Em ơi, mình bắt đầu lại vẫn chưa muộn...”

Mẹ chồng, thức dậy từ sớm, chiêm trướng gà, pha cà-phê thơm lừng trong bếp, thấy tôi từ nhà tắm đi ra, đon đả:

“Con ăn sáng để chuẩn bị đi làm. Để cho chúng nó ngủ thêm mười phút nữa hẵng đánh thức...”
Giấc mơ trong đêm khiến tôi có mặc cảm tội lỗi. Tôi bứt căng thẳng với mẹ chồng. Với Khâm, tôi sanh chút thương hại.

“Má không cần mắt công như vậy,” tôi nói và ngồi xuống, uống một hớp nước cam tươi.

“Con!”

“Dạ, má nói chi?”

“Con... xử lý vụ việc của má hôm qua thế nào?”

Từ ngày chạy được hồ sơ hưu tàn phế, bà không làm việc gì khác ngoài coi VTV4. Đã nhập tâm.

Tôi hỏi lại:

“Về việc má về ở đây, phải không ạ?”

“Đúng vậy. Con thấy sao?”

Thật ra, nhà vẫn còn một phòng trống, chỗ ở không thành vấn đề, nhưng tôi cảm thấy bất an khi sống chung với một người đàn bà như bà có đạo mà thiếu đức. Tôi nói:

“Má đang ở trên đó thành thoi một mình một nhà. Má không thấy xuống đây chặt chội sao?”

“Thì tạm thời trong tuần lễ con không có ô-tô, chủ yếu là má đưa đón hai đứa đi học...”

Tôi quên không nghĩ tới điều này. Tôi gật đầu:

“Dạ, cũng được, trong tuần này...” Ý tôi là chỉ chấp thuận cho bà ‘tạm trú’ một tuần thôi; có gia hạn hay không thì hậu xét. Ít nhất tôi được một tuần lễ không phải hầu hạ cơm nước và đụng chạm tới quần áo dơ của Khâm.

Sissel, trưởng dự án và bạn thân nhất của tôi trong sở, khuyên tôi nên đi bác sĩ tâm thần. Trong cuộc họp nhóm, nó không giao công tác mới cho tôi, bảo coi lại việc cũ. Aí cũng thông cảm tôi đang gặp chuyện buồn trong gia đình, đụng xe chỉ là một hậu quả trông thấy. Họp xong, Sissel vào văn phòng tôi, nói tiếp:

“Bị áp lực như vậy sẽ thành bệnh,” nó nói.

“Tao chịu đựng được,” tôi nhìn nó biết ơn, nhưng nói cứng. Thực ra, trong lòng, tôi không biết tôi chịu đựng được bao lâu. Nhìn mặt Sissel và mấy đứa con gái làm chung, tôi biết chúng đang chê tôi khờ dại, phải như chúng nó, chúng nó đã đá đít thẳng chồng mắc toi ra ngoài cửa. Còn tôi chỉ biết... chịu đựng.

“Chịu đựng!,” nó cười khẩy, “Có phải đó là truyền thống của người đàn bà Việt Nam không?”

“Tao mấy phần là Việt Nam, mấy phần Na-uy, mày biết. Tao chịu đựng, không phải vì tao là đàn bà Việt Nam, nhiều đàn bà Việt Nam đốt chồng, cắt cu, chớ không phải giỡn, nhưng tao chưa biết nên làm thế nào để không phải hối hận, để không ảnh hưởng tới các con tao.”

“Nếu vậy, mày có thể đi gặp cố vấn gia đình. Họ có những lời khuyên chuyên môn, thế nào là tốt nhất cho các con, cái gì làm mà không phải hối hận...”

“Để tao coi.”

“Nói chuyện với mày như nước đổ đầu vịt. Thôi, tao về phòng tao đây. Tuần này mày muốn đến giờ nào thì đến, về giờ nào thì về. Nhưng mỗi ngày phải tới sở trình diện tao. Không được... tự tử.”

Sissel nói đùa. Nhưng biết đâu tự tử chẳng là một giải pháp hay...

Hình như châm ngôn Trung Hoa có câu đại khái nói một vạn bước phải có một bước đầu. Cái bước đầu đơn giản nhất để tôi mở cửa cho Khâm là anh đi khám bệnh và chữa bệnh. Nhưng anh cứ trốn chui trốn nhủi trong phòng như con gián. Không biết anh bệnh gì, nguy hiểm tới đâu? Thái độ của anh có nghĩa là gì? Đầu hàng bệnh tật và cuộc đời? Hở thẹn với vợ con và xã hội? Ân hận? Tuyệt vọng? Ăn vạ? Muốn cho tôi có thể ứng xử thỏa đáng, ít ra anh phải mở đường cho tôi. Đằng này, anh không hề nói trong trường hợp nào bị bệnh, đã khám bệnh ở Việt Nam chưa, bác sĩ hay ông lang, thầy pháp ở bên đó nói gì. Anh chưa mở miệng long trọng xin lỗi. Anh chưa minh nhiên nói xin được trở về. Anh là người đọc Kinh Thánh, ít nhất anh phải

biết ‘Người con hoang đàng’ nói gì khi quay về — ‘Thưa Cha, con đã phạm tội đối với Cha và đối với Thượng Đế. Con không xứng đáng làm con của Cha nữa.’ Mẹ anh coi vậy mà khá hơn, có lẽ kinh nghiệm đời giúp bà một thái độ, khi cần, có thể khiến người ta dễ tha thứ cho hơn.

Tôi đi làm về, trễ hai tiếng, thấy con cái đã ăn uống đàng hoàng, con Phụng đã làm xong bài, đang ngồi bên con Phị chờ chương trình tivi trẻ em. Tôi về trễ vì ngồi trên xe điện hầm Sognsvann, đi qua nhà Quang, tới trạm chót, nơi chúng tôi năm xưa thường xuống để vào rừng chơi. Hôm nay tôi đi một mình bằng đôi chân buồn bã, vô hồn, không tà ý. Đầu óc tôi trống rỗng, tai chỉ nghe tiếng sắt lăn rền, thỉnh thoảng rít lên ở một khúc quanh, đau đớn. Có lúc tôi chảy nước mắt mà cứ tưởng tuyết từ khe cửa sổ tạt vào.

“Đi xe buýt vất vả thế đó. Bao giờ cái xe xong, con?” mẹ chồng ngồi ghé bên bàn ăn hỏi.

“Dạ, họ nói một tuần... Má lấy gạo ở cái bao nào vậy — bao nhiều hay bao ít?”

“Không nhiều, không ít. Má mua gạo mới, gạo mới năm nay. Con thấy ăn được không?”

“Con thấy không ngon nên mới hỏi.”

“Vậy mai má sẽ đem đổi.”

“Không cần, má, để ăn cũng được.”

Tôi không biết bà bê bao gạo 45 pounds từ phố về bằng cách nào, tôi thương hại, nhưng không hỏi. Tự cảm thấy mình hơi ác. Tôi đánh rớt một chiếc đĩa, bà lấy chiếc khác cho tôi. Trước đây khi thấy tôi làm như thế, bà đã chê bai là tôi sạch rơm, bắt chước Tây.

Bà bắt lại câu chuyện xe cộ:

“Con bảo hành mấy chiếc?”

“Dạ hai chiếc.”

“Vậy lẽ ra họ phải cho con mượn ô-tô miễn phí.”

“Con biết, nhưng con muốn đi xe buýt cho thành thói.”

“Một người như con, cái gì cũng xoay sở được trên đời,” bà ôm bằng hai tay bàn tay tôi đang đặt trên đùi. “Nhưng thằng Khâm, nếu con không thương tình, nó không sống được. Còn má, nếu nó chết, má cũng không thiết sống nữa.”

“Con thương anh ấy cũng vô ích, nếu chính anh không biết thương mình. Má khuyên anh ấy phải đi khám bệnh. Đó là điều tiên quyết để giải quyết việc này.”

“Nhưng sau đó, con không bỏ nó chứ?”

Tôi im lặng đứng lên, xếp chén đĩa vào máy. Chính tôi không biết nếu Khâm khỏi bệnh, tôi sẽ phải làm gì tiếp theo.

Các bậc khôn ngoan dạy tôi phải sống giây phút hiện tại. Nhưng phen này tôi bị kẹt cứng, tôi không thể cắt ngày hôm qua ra khỏi hôm nay, hôm nay ra khỏi ngày mai. Quá khứ, hiện tại, tương lai là một chuỗi liên tục không tách lìa nhau. Cái hôm qua đơn độc sẽ chỉ có một Khâm nồng nàn đến bỏng cháy. Cái hôm kia riêng rẽ sẽ chỉ có một Quang thơ mộng đến dại khờ. Không có Khâm, đâu có cái hiện tại quặn quại này! Không có Quang làm đối trọng, tôi đâu có cân nhắc và nghiêng cán cân về Khâm! Kết quả là hai đứa con, mà nếu không có ngày mai của chúng, ngay bây giờ tôi có thể tống vào mòm trọn chai thuốc ngủ với một ly nước lạnh. Không gì đơn giản hơn một hiện tại riêng rẽ.

Tôi trần trọc mãi tới khi một người đàn ông có mùi nhựa thông của rừng Sognsvann hiện đến nhìn tôi bằng đôi mắt đẹp ba phần trách móc, bảy phần xót thương. Khuôn mặt như mây ngàn năm hạ đỉnh non.

“Em phải sống. Mình sẽ chấp nối lại tình xưa,” Quang nói trong mơ.

Ba rưỡi chiều, trời đã tối. Tôi cầm mobil trên tay lâu lắm, phân vân có nên gọi cho Quang không, tất nhiên chỉ để nói chuyện cho khuây khỏa thôi. Cái máy rung, tôi giật mình như kẻ trộm bị người bảo vệ đứng sau vổ vai.

“Thằng Khâm chết rồi!” tiếng mẹ chồng, và tiếng nấc.

Khâm đã chờ lúc mẹ xuống phố đổi gạo, vào phòng tôi lấy chai thuốc ngủ.

Vì cái chết bất bình thường, bệnh viện phải giải nghiệm. Họ xác nhận Khâm tự vẫn bằng thuốc ngủ. Tờ trình, ngoài ra, cũng cho biết anh bị bệnh 'psoriasis', hình như tiếng Việt gọi là bệnh vẩy nến, một bệnh có thể di truyền, nhưng không lây nhiễm. Bệnh đó xuất hiện ở Bắc Âu và Mỹ nhiều hơn Việt Nam, có nghĩa là chưa chắc anh lây bệnh từ cô gái kia. Nhưng chắc chắn 'mối tình chat' đã hủy hoại tinh thần lẫn thể xác anh tới cùng cực. Cuộc đi hoang đã để lại trong tâm hồn anh những vết thương chết chóc, đâm rẽ vào thể xác sẵn hao mòn. Anh chui rúc trong bóng tối vì hổ thẹn với tôi và các con. Anh còn biết đau đớn, tủi nhục, chung qui cũng vì anh còn lương tâm. Nghĩ đến điều này tôi bật khóc. Tôi ân hận vì những ý nghĩ ác độc trong đầu mình. May mà chưa bao giờ tôi thoát ra. Nhưng sự lạnh nhạt, tránh sao anh không thấy. Mẹ chồng lấy khăn cho tôi chặm nước mắt, những giọt nước mắt mà tôi biết đang làm bà nhẹ lòng và biết ơn.

Khâm tính toán rất khéo, gửi một điện thư vào hộp thư của tôi vào 11 giờ đêm thứ sáu, trước ngày mai táng.

Thư viết:

"Em yêu,

Đã đến lúc chính anh không còn chịu đựng được mình nữa... Cuộc lần tránh đã tới đường cùng. Anh không còn mặt mũi nhìn em, nhìn các con.

Cám ơn Em về mười năm yêu thương, mà khi anh biết trân quý cũng là lúc vĩnh viễn mất đi. Cám ơn Em vì đã chứa chấp anh, chịu đựng trong hơn một tháng trời qua. Nợ tình còn đó, kiếp sau anh xin đền trả. Nếu không có kiếp sau, mà chỉ có địa ngục đang chờ anh, anh vẫn yêu Em trong địa ngục. Anh biết cái chết anh tự chọn chỉ chấm dứt được cảm giác đau đớn và lòng ân hận, không mong rửa sạch tội lỗi. Anh van xin Em và các con lòng tha thứ, như một ân huệ cuối cùng. Anh biết Em bản tính nhân hậu sẽ tha thứ cho anh. Nhưng cũng chính vì biết Em nhân hậu mà anh càng khó tự tha thứ cho mình. Anh viết những giòng này mà mười ngón tay run rẩy vì sợ hãi.

Xin Má tha thứ cho đứa con bất hiếu.

Tất cả chỉ vì một phút lỡ lầm.

Nhấn với những bạn bè quen biết: đừng bao giờ tìm bắt ảo ảnh!

Vĩnh biệt mọi người.

Khâm"

Tôi cố giữ vẻ u sầu kín đáo trước mặt mọi người. Nhưng khi mọi người ra về, tôi ở lại đứng bên huyệt mộ, đất nâu trộn với tuyết trắng.

"Em đã sẵn sàng tha thứ cho anh từ lâu rồi. Sao anh ngỡ lời trễ như vậy?"

Nói được hai câu ấy xong tôi bật khóc. Tôi càng khóc càng đau đớn. Nỗi thương xót anh thì chắc anh đang chứng giám, hai con đứng đằng sau với bà nội đang nhìn vai tôi rung, nhưng chất cay đắng trong nước mắt chỉ mình tôi nếm được — cay đắng của oán hận. Anh đã phá hoại tình yêu của chúng ta, lại không đủ khiêm tốn trở dậy, không đủ can đảm xây dựng lại. Anh là vậy, tình yêu thừa đam mê mà thiếu sâu xa, anh chưa hiểu lòng một người đàn bà như tôi. Một giòng thương xót với một giòng đắng cay cứ thi nhau tuôn ra, một thân tôi khôn cảm.

—

Chú thích

1. matpakke: gói ăn trưa
2. ha det bra: tạm biệt
3. flytte ut: ra ở riêng

Thiên nga giữa cõi người

SỐ ĐẶC BIỆT VỀ NHÀ VĂN TÂM THANH: Ngày mai, Chủ nhật 24 tháng Năm, 2015 Diễn Đàn Thế Kỷ sẽ làm một số đặc biệt về nhà văn Tâm Thanh Ngô Thanh Tâm nhân kỷ niệm 49 ngày mất của ông. Số kỷ niệm sẽ gồm bài vở bạn bè và gia đình viết về ông.

Để tạo một dẫn nhập cho số ngày mai, hôm nay ĐĐTK mời bạn đọc xem một số sáng tác của ông, gồm hai truyện ngắn và một bài viết về ngôn ngữ.



Cặp thiên nga nổi bật bành như hai cụm mây trắng muốt vừa rớt từ nền trời xanh xuống mặt hồ Eidselva. Giống thiên nga này được xếp vào giống thiên nga đẹp nhất trên vùng sông hồ Telemark. Có lẽ vì bộ lông trắng như tuyết, căng phồng lên như một nụ hoa sắp nở, con vật diễm lệ này được gọi là “thiên nga nụ”; cũng có người nói gọi như thế vì mỏ nó có một cái khoen đen duyên dáng. Nhưng tiếng kêu của nó lại bệ rạc hơn bất cứ loài vịt, loài ngỗng nào. Mùa hè khi chúng mon men lại gần bờ để chờ đợi những mẩu bánh mì của khách đi tắm, khi nghe từ cặp mỏ vàng óng ả phát ra những tiếng khò khè khàn đục, tôi có cảm tưởng ngỡ ngàng thất vọng y như thấy một mệnh phụ xinh đẹp mở miệng thốt ra lời thô lậu. Đúng là một loài chim để nhìn ngắm xa xa.

Từ nhiều năm nay -ít nhất là từ ngày tôi về định cư tại xã Nome– cặp thiên nga nụ đã trở thành những vật trang diễm duyên dáng cho bãi tắm vào mùa hè, đồng thời là những người bạn già đạo mạo của trẻ con. Không biết do ai bắt đầu mà người ta gọi con trống là Romeo và con mái là Juliet. Cho đến hôm xảy ra một tai nạn xôn xao cả vùng.

Hôm đó tình cờ tôi cũng có mặt. Tôi đang nằm hóng mát trên bãi cỏ thì nghe tiếng náo động, hô hoán âm ỹ ngoài mé sông. Tôi vùng dậy nhìn ra chỗ đám đông đang xúm lại coi thì thấy trên mặt nước một trong hai con thiên nga, không biết con Romeo hay con Juliet, đang nhào lộn đánh nhau với một con vật gì dưới nước, hình như một con cá khổng lồ. Khi “con cá” lặn xuống sâu thì con thiên nga, có người tinh mắt đã nhận ra con Romeo, bay vụt lên không chừng mươi thước, lượn một vòng quan sát. Lúc vật dưới nước trồi đầu lên, tôi đã nhận ra – không phải cá khổng lồ – mà là một người, một đứa bé. Vừa nhìn thấy đứa bé, con Romeo đã nhào xuống như một tia chớp trắng. Đôi cánh của nó giang ra như cánh buồm, dài có hai thước dư. Lần đầu tiên tôi nhìn thấy đôi chân của nó, đen thui. Cũng may, đứa bé bơi lặn thật giỏi. Và không biết nó mấy tuổi mà khôn thế, nó lặn xuống để bơi vào bờ, tránh đòn của con chim. Con chim cũng không vừa, nó đề phòng, không bơi trên mặt nước như bình thường, mà lao vun vút như con thoi trên trời, chờ địch thủ ngóc đầu lên lấy hơi, là nhào xuống mổ. Đôi cánh mà trước đây mỗi lần giang ra, trắng muốt như bạch ngọc tấm nắng, tôi thường thầm ví như đôi cánh thiên thần, bây giờ trông như cánh bạch quỉ. Đã có nhiều người nhào xuống nước bơi ra cứu đứa bé. Những người đứng trên bờ thì khua chân, múa tay dọa nạt con chim để trợ uy. Cuối cùng bốn người lớn, trong đó có một cô gái, bơi ra xua đuổi con chim và diu đứa bé vào bờ. Đứa bé trai tám tuổi không hề hấn gì, trừ vài vết trầy rớm máu đầu. Rưng rưng khóc trong vòng tay bà mẹ, thằng bé hoảng hốt nhưng có vẻ hãnh diện vì được đám đông tán thưởng đã can đảm chống cự được với con ác quỷ.

Hôm sau đọc tờ báo địa phương Varden tôi thấy có đăng tin thiên nga tấn công trẻ em như một tin lạ, với hình con Romeo đang hoảng. Người ta nói đôi chim tạm cư ở đây được khoảng bốn mùa hè (tôi cứ tưởng lâu hơn, từ khi chúng tôi dọn tới đây), quê quán chúng mãi trên vùng Moere, và mỗi con cân nặng khoảng 20 kg. Không ai biết lý do tại sao con vật tự dưng nổi điên như thế. Vợ chồng tôi đã hết hai tuần nghỉ thường niên, nên đi làm về chỉ kịp quanh quẩn ngoài vườn với mấy luống rau thơm, luống hoa là đã hết ngày, chúng tôi không hay ra bãi nữa, tôi không biết con thiên nga có nổi điên làm bậy nữa không. Và lúc này tôi mới thắc mắc không biết, lúc chồng nó nổi điên, con Juliet ở đâu. Tưởng sự việc được quên lãng như trăm ngàn việc vặt khác, không ngờ tới mùa đông tờ báo Varden lại đăng tin con thiên nga có thể bị tử hình. Tờ báo gọi nó là một con thiên nga “ky người”.

Người ta kể rằng “phiên tòa” trên tòa hành chính xã diễn ra gay go giữa Ủy ban Bảo vệ Thiên nhiên, Hội Phúc lợi xã Nome và Sở Công viên và Thể thao ở tỉnh về. Những người kết tội con Romeo đưa ra nhiều lý do: Thứ nhất nó đã đe dọa tính mạng một đứa trẻ. Họ nói từ lâu họ đã để ý hai con thiên nga nụ tử ra kênh kiệu, tàng tàng, không hiền lành như chim bồ câu, hay ít ra từ tốn như các con thiên nga khác; chúng thuộc loại “ky người”. Thứ hai từ ngày cặp thiên nga này về định cư mùa hè ở hồ Eidselva, mấy con thiên nga khác không dám về nữa. Chúng độc chiếm giang sơn. Hồ rộng như thế chỉ có hai con chim làm cảnh, mất vẻ sinh động. Chúng đã thù người lại còn “độc tài, độc trị” đối với đồng loại, thì nên giết đi để bảo toàn cho khách lai vãng bãi tắm, nhất là trẻ em, và để hồ tắm thiên nhiên có nhiều thiên nga về. Thứ ba, “sự thay đổi tác phong không tiên đoán được” (nguyên văn trong bản báo cáo tâm lý) là một trong các triệu chứng điên, có thể trở thành nguy hiểm cho con người. Phe bên vực con Romeo chả có căn bản vững chắc nào để bác lại ngàn ấy lý lẽ. Họ chỉ có thể viện cớ vu vơ, cảm tính nhiều hơn là lý tính, như: đầu sao đôi chim cũng thuần từ nhiều năm nay. Việc tự nhiên một con tấn công người là một điều bất thường, chắc phải do một động lực bí mật, mọi người nên tìm hiểu thêm trước khi quyết định. Đồng thời họ mời một nhà điều học tới phiên họp, ông này cho biết rằng ông chưa bao giờ thấy một con thiên nga có “tác phong” như thế, trừ trường hợp nó bị phá ổ, mà trường hợp này không đúng ở đây, vì cặp thiên nga này là loại thiên di, chỉ mùa hè chúng mới về. Họ đề nghị bắt nốt con chim lại để nghiên cứu xem nó có điên không rồi hăng giết. Nếu nó không điên thì “phóng thích”, chỉ cần “quản chế” cũng đủ rồi. Những người gác bãi tắm sẽ có nhiệm vụ canh chừng nó. Hễ nó giờ chứng nữa thì bắn hạ tại chỗ cũng chưa muộn. Nhưng khi lấy biểu quyết thì đa số đồng ý giết hai con chim. Phe bên lúc đó mới có dịp vót vát: tội ai nấy chịu, con Romeo hành hung đứa trẻ thì chỉ giết nó thôi, tha cho con Juliet. Ông điều học lúc đó cho biết thêm thiên nga là loài một vợ một chồng, con trống con mái sống trọn đời trọn kiếp, giết con Romeo, con Juliet khó sống lắm. Người Na-uy quý trẻ em như vàng, nhưng cũng yêu thiên nhiên và loài vật, dù đã “lên án tử” con Romeo, họ cũng không biết xử với con Juliet ra sao. Đẳng nào thì cũng phải chờ tới mùa hè, chờ cặp chim vô tình dẫn xác về rồi tính.

Gấp tờ báo lại, đầu óc tôi nghĩ miên man về những điều mâu thuẫn. Một đàng tôi bồi hồi nhớ lại truyện L'Amour (Tình yêu) của Guy de Maupassant về cặp ngỗng trời, con mái bị thợ săn bắn hạ nằm sổng dưới đất, và con trống bay lượn trên trời kêu khóc thảm thiết, rồi nhào xuống lãnh đạn, chết theo người yêu. Hồi nhỏ khi đọc truyện tôi khóc, nhưng bởi vì tình yêu giữa đôi chim cao cả quá sức, tôi nghĩ là tác giả chỉ nhân cách hóa, bây giờ đọc lời phát biểu của nhà chuyên môn về chim muông, tôi mới biết rằng nhà văn Pháp tả chuyện thật. Cũng thế, khi đọc nhà văn Việt Nam Võ Phiến tả con chim cu chung thủy bị rịn bên người yêu không cất cánh được, tôi cũng nghĩ là ông thi vị hóa. Không ngờ các vị đó nói thật cả, cái tình trong trời đất là thật, là bao la thảm thiết. Đẳng khác tôi không hiểu được tại sao con vật kiêu diễm, thân người đó bỗng chốc trở thành hung hãn, nhào xuống tấn công đứa trẻ vô tội. Điều gì làm cho nó thành như vậy? Cái động lực bí ẩn thúc đẩy một kẻ thân thành ky, thật là bi đát hơn chính bản án tử của nó.

Tôi đã để tâm theo dõi số phận cặp thiên nga có cái tên định mệnh Romeo-Juliet, nên khi thấy những dấu hiệu đầu tiên của mùa hè – búp lá dương cuộn tròn như tổ kén nở bung ra lung linh

cắm thạch trong ánh dương rực rỡ— tôi đạp xe ra bãi tắm mỗi buổi chiều sau khi đi làm về. Tôi thấy cặp thiên nga quen thuộc đã trở về. Và hoàn toàn do tình cờ tôi đã chứng kiến cảnh con Romeo bị giết. Tôi nói tình cờ vì lẽ ra ngày thường tôi chỉ có thể ra bãi tắm vào buổi chiều sau khi tan sở, hoặc vào các ngày thứ bảy, chủ nhật. Nhưng tôi biết, để tránh xúc động nhân tâm, xã sẽ không hành quyết con Romeo vào cuối tuần lúc có đông người ngoài bãi. Tình cờ, thứ hai đó tôi được nghỉ bù cho ngày công tác thứ bảy, nên từ sáng sớm tôi đã cuộn tấm nệm và một cuốn sách, đạp xe ra bãi. Bãi không một bóng người. Mặt hồ phẳng lặng in bóng trời xanh, mây sữa pha ráng mặt ong nửa lãng đãng trên trời nửa nhều xuống nước. Thỉnh thoảng một làn gió nhẹ làm lao xao mặt hồ và hất những tia nắng lung linh vào mặt tôi.

Tôi trải nệm trên cỏ, nằm ngửa, thả hồn trôi theo mây nước, tận hưởng chút hạnh phúc như cụ Nguyễn Công Trứ – “kho trời chung mà vô tận của mình riêng”. Phút giây này tôi biết sẽ phù du, sẽ tan biến khi lát nữa đây bãi tràn ngập người ta. Vẫn là trời này, vẫn là đất này, và tôi vẫn ở vị trí này, trên vuông nệm này, chắc chắn sẽ không ai xua đuổi tôi, có người còn chào hỏi tôi, nhưng hồn tôi sẽ co lại như con sên giữa chốn đông người bản xứ. Toàn là những người bản xứ tử tế, lịch thiệp, nhiều người không thiếu ân cần. Họ biết tôi từ lâu năm, và tôi biết họ, tôi biết ơn, thân mật, chung đụng với họ, nhưng chưa bao giờ tôi cảm thấy hoàn toàn hòa nhập với họ như hòa nhập với trời đất. Tôi có thể “tu luyện” để hưởng được hơi ấm của một giọt nắng trong vườn tuổi thơ ngay lúc còng người đi trong cơn bão tuyết. Nhưng lạ quá, tôi chưa bao giờ tránh được cơn gió bắc vô hình giữa con người. Tôi biết hoàn toàn là lỗi tôi, buồn lòng lắm, nhưng không làm gì được.

Bỗng tôi nghe tiếng xe ngừng ngoài lộ, rồi tiếng người nói và tiếng bước chân đi lại. Tôi ngồi dậy, thấy ba người đàn ông đi ra bãi tắm. Một trong ba người cầm khẩu súng săn. Tôi biết việc gì sắp xảy ra. Và thảm thương thay, cặp thiên nga lại không biết gì cả. Hai cái chấm trắng từ từ tách ra khỏi làn sương trắng mờ từ bên kia bờ, bơi sang ... đất người. Tôi khấn thầm “Đừng! Ở bên đó đi! Đừng sang đây!” Nhưng cặp tình nhân vẫn nhờn nhờn bơi bên nhau như đi vào nơi non bồng nước nhược, cổ cát cao dài các, bơi tới đâu để lại sau hai vệt nước như tà áo choàng lụa mềm mại, gắn ngàn vạn hạt kim cương lấp lánh. Khi đôi thiên nga tới gần, tôi đã nhận ra chính là cặp Romeo-Juliet. Chúng bắt đầu khò khè xin đồ ăn. “Rất tiếc, ta quên mang bánh mì, làm người không được ăn bữa tiệc cuối cùng”, tôi nói nhỏ với cặp thiên nga, và thấy xót xa trong lòng. Tôi nói bằng tiếng Việt để người ta đừng nghe “Bay đi! Trốn mau đi!” và lượm một viên sỏi liệng gần để đuổi chúng đi. Nhưng cặp vợ chồng chim lại tưởng tôi liệng đồ ăn, nghiêng mắt nhìn theo vành sóng tròn trên mặt nước, rồi tẽn tò, giương cánh vỗ nắng. Cặp chim trông như một cặp vũ ballet, cùng nghiêng cổ, cùng nghiêng đầu, cùng xoay mình, cùng đứng im. Tôi nghe tiếng của một trong ba người.

– Con bên trái, phải không?

– Đúng nó đó, con có mào.

Một người không cầm súng nói với tôi:

– Ông không sợ tiếng nổ chứ?

Tôi lắc đầu. Và ông kia đưa súng lên nhắm. Nhưng ông ta không nổ súng được, vì đôi chim cứ quẩn quít bên nhau. Tôi khấn thầm “Bơi sát lại nhau nhé, đừng rời nhau”. Nhưng thật là định mệnh, đôi chim không rời xa nhau, nhưng lại tiến lại gần người hơn nữa, ngay tầm súng.

Đoàng! Quác! Quác. Đôi chim kêu thất thanh. Con Juliet bay bổng lên trời. Nhưng con Romeo chỉ nẩy lên, rồi sa xuống, đôi cánh trắng vung vẩy tuyệt vọng trên mặt nước, xoải ra, đầu gục xuống. Nó co giật vài cơn, rồi bất động. Con Juliet quát quát mấy tiếng thất thanh, lượn một vòng, rồi sà xuống, gục gặc bên cạnh con Romeo. Máu loang như ráng đỏ quện lấy bóng cặp thiên nga in dưới nước như hai đám mây trắng. Con Juliet chúi đầu vào cánh chồng, lấy mỏ nâng cổ người yêu lên khỏi mặt nước. Nhưng cái cổ dài của con Romeo cứ trĩu xuống. Một người trong nhóm lấy một cây sào khều con chim chết vào bờ, trong khi con chim mái lẻo đẻo bơi theo, nửa giận dữ, nửa hãi sợ. Khi người ta nhét xác con Romeo vào một cái bịch rác đen lớn, con Juliet nhảy lên bờ đứng ngơ ngác. Xe pickup chở xác con Romeo đi rồi, con Juliet vẫn

đứng trên bờ nhìn theo, lâu lâu nghển cổ kêu khò khè, như một người đàn bà khóc chồng tới khản tiếng.

Hôm sau, và suốt tuần lễ đi làm tôi không có dịp ra bãi nữa, nhưng lúc nào cũng bị ám ảnh về cái chết của con thiên nga trống và về số phận của con thiên nga mái. Vì thế sáng thứ bảy tôi đạp xe ra bãi từ sớm. Tôi phập phồng chờ đợi con thiên nga mái, mà không thấy nó xuất hiện. Tôi đoán hoặc người ta đã giết nó luôn, hoặc nó đã tự vẫn như lời đồn về những con chim chung tình tuyệt vọng. Quá trưa, tôi buồn bã trở về nhà. Suốt mùa hè tôi không ra bãi nữa.

Một đêm trăng mùa thu vợ chồng tôi rủ vợ chồng người bạn chèo ghe sang bờ hồ bên kia cầu tôm tích. Mùa tôm tích năm nay bắt đầu từ ngày 6 đến 20 tháng 8, và vợ tôi đã mua sẵn bốn cái thẻ người lớn để được phép câu, mỗi cái bảy lăm kroner. Sở Bảo vệ thiên nhiên ra chỉ thị năm nay chỉ được bắt những con từ 9,5 cm trở lên. Chúng tôi câu bằng hai kiểu, vừa bỏ đó, vừa thả thuyền gần bờ, một người soi đèn pin, người kia thấy tôm quáng đèn ngoi lên là dùng vợt hót. Mùa hè năm nay ấm nên trúng mùa tôm, không đầy hai tiếng đồng hồ bốn người chúng tôi câu được gần một xô đầy. Anh Linh nổi hứng đề nghị xuôi ghe xuống hòn đảo hoang để nướng tôm nhậu. Khi đi lang thang trên hoang đảo dưới ánh trăng bỗng tôi nhìn thấy một đồng lông trắng. Tôi giật mình nghĩ ngay tới con Juliet. Tôi lại gần thì quả là xác con thiên nga đã mục rữa. Bên cạnh là những mảnh vỏ trứng. Lúc đó tôi mới nhớ một việc vào cuối mùa xuân năm ngoái trước khi xảy ra vụ thiên nga đánh trẻ em. Tôi gọi vợ và hai bạn lại, chỉ đám lông trắng, nói:

– Anh chị Linh và em coi nè! Con Juliet chết ở đây. Đúng ngay tại ổ của nó.

Vợ tôi hỏi:

– Sao anh biết là ổ thiên nga?

Tôi kể:

– Em còn nhớ cái bữa trời thật đẹp trước lễ Phục sinh năm ngoái không? Anh rủ em đi câu cá, nhưng em bận gì đó không đi được, anh chèo ghe một mình sang đảo. Anh nhìn thấy hai quả trứng to dị thường nằm trắng phau trong ổ cỏ lau. Anh đoán là trứng thiên nga.

Anh Linh nhận xét:

– Người ta nói thiên nga làm ổ ở nơi khác, tới mùa hè mới thiên di về đây. Sao cặp này lại làm ổ ở nơi dễ bị quấy nhiễu như thế này?

Tôi trả lời:

– Tôi không biết chắc. Tôi chỉ đoán cặp thiên nga này đã quen nước quen hồ đến nỗi chúng coi đây là nhà và định cư tại đây.

Chị Linh:

– Coi như là chúng thuần rồi.

Anh Linh vặn vợ:

– Thuần sao lại tấn công người ta?

Tôi rủ ba người trở lại đồng lúa cho ấm trong lúc “câu giờ” suy nghĩ về câu hỏi của bạn. Cuối cùng tôi nói ra giả thuyết của mình:

– Anh chị Linh và em nghe tôi giải thích thế này có hợp lý không nhé. Hồi mà trên xã bàn về cặp thiên nga, tôi theo dõi báo chí, và nhớ cái ông chuyên viên điều học có nói thiên nga chỉ tấn công bất thần như vậy khi nó bị phá ổ. Nhưng ông đã loại bỏ giả thiết đó vì ông không nghĩ cặp chim thiên di có thể làm ổ ở nơi đông người thế này.

Cả bốn người cùng im lặng suy nghĩ. Anh Linh tiếp:

– Bây giờ chúng ta đã gặp ổ thiên nga ở đây, tức là cặp thiên nga này đã chọn nơi đây làm nhà.

Tôi gật đầu:

– Và bây giờ tôi mới nhớ ra thêm một chi tiết quan trọng. Hôm đó, lúc thằng bé bơi ra giữa hồ, tôi thấy cái đầu nó ngoi lên ngập xuống nước giống hệt con rái cá.

Vợ tôi dè dặt:

– Có phải anh cho rằng lúc đó con thiên nga mái đang ấp trứng, và con thiên nga trống tưởng thằng bé là rái cá tới làm hại vợ con nó?

Tôi im lặng để khỏi phải xác nhận hay phủ nhận. Cả bốn cùng nhìn ra mặt hồ loang loáng ánh trắng bạc.
Bỗng có tiếng kêu quác quác trên không.



Nhà văn Tâm Thanh (1942-2015)

Được tin nhà văn Tâm Thanh (*Ngô Thanh Tâm*) qua đời hôm thứ năm 9/4/2015 tại Na-Uy. Lễ an táng sẽ cử hành vào lúc 10 giờ ngày 18/4/2015 tại nhà thờ Lillestrøm.

"Học Xá" xin chân thành phân ưu cùng tang quyến. Nguyện cầu Linh hồn nhà văn Tâm Thanh sớm được hưởng Nhan Thánh Chúa.

Truyện ngắn nhà văn Tâm Thanh nhẹ nhàng, trong sáng, đầy tình người và hướng về chân thiện mỹ. Đọc truyện của ông, người đọc thấy tâm hồn thanh thản và yêu cuộc sống hơn.

Xin đăng truyện ngắn dưới đây, như đốt một nén nhang tưởng niệm tác giả.

Học Xá

Thiên Hương về trời

Lời mở:

Anges du Ciel,
Anges de Dieu,
Anges de Paix et de Gaïté,
Apportez-moi une couronne.
Je veux me baigner
dans l'Océan de Lumière et d'Amour divin

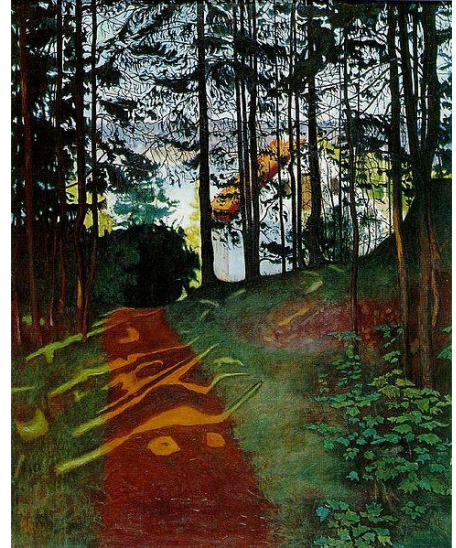
Hỡi Thiên thần của Trời
Hỡi Thiên thần của Thượng Đế
Hỡi Thiên thần của Hòa bình và Niềm Vui
Xin đem đến cho tôi một vòng hoa
Tôi muốn tắm trong Đại dương Ánh sáng
và Tình yêu thần thánh

(Bài thơ cuối cùng của Hàn Mạc Tử, viết trước khi chết, để tặng các Bà Phước Dòng Phan-xi-cô đã chăm sóc ông).

1.

Cô tên Yvonne. Đến với tôi đầu tiên bằng hương thơm. Không phải mùi thơm của nước hoa mà mùi thơm tự nhiên của những cô gái đẹp được tạo hóa ưu đãi mọi bề, từ sợi tóc tơ tằm cho đến móng chân ngọc trai.

Công bằng mà nói, Trời cũng không đến nỗi bạc đãi tôi, nếu không, đời thuở nào để cho tôi bị xe cán không chết. Tôi đi trên đường Pilestredet, ở cái khúc khá đặc biệt của thủ đô Oslo. Chỗ khách lạ lái xe rất dễ bị lúng túng lạc đường, đâm vào xe điện. Chỗ có đầy dẫy luật sư, quan tòa từ Tòa án Oslo bên này sang quán bên kia mua báo, thuốc lá. Chỗ các ký giả ngồi cà-phê đầu lảo với các nghị sĩ và quan chức nhà nước, đồng thời săn tin giật gân. Chỗ tôi, như thằng ăn mày, xó rợ đang đi trên lề đường. Tôi đang mơ màng, vẫn trên lề, thì chạm phải một mệnh phụ đất chó. Chủ thì to như con voi, vật thì nhỏ bằng con chuột cống, nếu tôi tránh sang bên phải thì đụng voi mà tránh bên trái thì giẫm phải chuột cống, tôi đành nhảy xuống lòng đường, và bị xe cán, đưa vào nhà thương Rikshospitalet gần đó.



Tôi bị gãy cánh tay trái. Nhưng một cánh tay ăn nhằm gì. Tôi có một mụn lở ở lưng và một cái ở gáy, thâm như thịt trâu, bạn bè đùa bảo là lác, đùa bảo ung thư, đùa bảo cùi, đùa bảo xà mâu, đùa cãi xà mâu với cùi là một – cùi khô. Nhưng tất cả đồng ý với nhau một điểm – xa lánh tôi. Tôi cũng không thích gần gũi ai. Ngay bác sĩ tôi cũng không dám đi. Sợ thành tõe loe ra. Thẻ nào thiên hạ chẳng biết và đồn ngậu lên là cùi đã sang thời kỳ thứ ba hết thuốc chữa.

Bây giờ tôi đường đường vào nhà thương vì bị đùa bắt nhân cán gãy tay thì có ‘*danh chính ngôn thuận*’ để hỏi về vết thương lòng. Thế nhưng tôi vẫn ngại, ông bác sĩ có râu trẻ trẻ thì nghiêm quá, ông già già không râu thì cứ nện sa-bô lốc cốc y như đi cứu bệnh nhân gần chết, bà y tá trưởng thì nói giọng Stavanger tôi không hiểu. Cuối cùng gặp cô y tá trên ngực có bảng tên Yvonne giọng Oslo mềm mại dễ hiểu. Cô vừa làm thuốc vừa chu môi ra như dỗ dành.

“Cô có biết khám bệnh không?” tôi nín cánh tay cô, đột ngột hỏi.

“Anh nói gì?”

“*Tôi bị bệnh Hansen.*”

Hansen là tên ông bác học Na-uy phát minh thuốc trị cùi, nhưng chỉ có người Việt Nam mình tế nhị gọi bệnh cùi là bệnh Hansen, điều này quý vị biết từ lâu rồi. Nhưng chắc có vị chưa biết là đồng bào của ông Hansen chả biết ‘*bệnh Hansen*’ là bệnh gì cả. Cho nên, tôi phải nói thẳng (tiếng Na-uy là *kalle en spade for en spade* - gọi cái xẻng là cái xẻng):

“*Có thể nào tôi bị cùi không?*”

“*Không thể nào bị xe cán mà thành cùi được đâu,*” Yvonne mỉm cười tinh nghịch. Ôi! Sao thế gian có nụ cười như vậy! Rồi lại nghiêm chỉnh, “*Muốn chẩn bệnh gì anh phải nói với bác sĩ, nhá!*”

“Vâng, tôi cũng nghĩ thế. Vả lại, tôi tắm mỗi tuần một lần, đánh răng súc miệng mỗi ngày, tại sao tôi lại bị cùi?”

“Anh có triệu chứng gì để nghĩ rằng anh bị cùi?”

Tôi không trả lời ngay. Chờ cô làm thuốc xong, tôi mới vạch gáy ra.

“*Đây, cô khám đi!*”

Cô nghiêng người. Hương thơm từ thân thể cô xông vào mũi tôi, dễ chịu vô cùng. Cô lấy ngón tay thoa trên vết lở. Bác sĩ là đã đeo găng, còn cô tay trần. Cô hỏi:

“Có cảm giác gì không?”

“Không!” tôi hấp tấp. Rõ ràng tôi có cảm giác, một cảm giác ấm áp, êm dịu như hồi còn bé mẹ thổi trên vết thương.

“Hừ! Thiệt không? Vậy chỗ này, có cảm thấy gì không?”

Tôi biết là ngón tay cô di chuyển sang một vùng da bên ngoài vết ‘cùi’, và tôi muốn ngón tay đó, nếu cần, cả bàn tay cứ tự tiện lần xuống cổ, xuống vai tôi. Vì thế tay cô sờ đâu tôi cũng nói:

“*Không cảm thấy gì hết!*”

“Hừ! Thiệt không, cái anh Biện này?”

2.

Yvonne nói sao đó mà hôm sau bác sĩ chịu khám cùi cho tôi, ngay tại chỗ, thay vì gửi đi bệnh viện khác. Tự nhiên tôi không ưa ông bác sĩ đẹp trai này – khi khuyên ông khám bệnh riêng cho tôi, cô có chu môi không? Ông cũng làm như Yvonne, nhún nhún và hỏi cảm giác ra sao; khác với cảm giác đê mê khi ngón tay Yvonne chạm vào, ngón tay ông bác sĩ khiến tôi nhón nhột, nhưng không lẽ tôi cười khằng khặc kêu nhột! Vì thế ông sờ tới đâu tôi cũng mím môi nói “Không” tuốt luốt. Bác sĩ cắt một miếng da thử nghiệm, vừa thử cùi vừa thử ung thư.

Trong thời gian chờ kết quả, Yvonne chăm sóc tôi tận tình và cứ an ủi “*Không sao, chưa chắc anh bị cùi. Mà nếu bị, đã có thuốc chữa.*”

Phần tôi, kết quả thử nghiệm dường như không quan trọng bằng chính thời gian đợi chờ này. Tôi còn ngại khi kết quả tới tôi bị chuyển viện. Tôi lợi dụng những giờ phút mong manh để đùa vui với Yvonne, hiện thân của sự lành mạnh nhất trên thế gian này, từ thể xác tới tâm hồn.

“Ừa! Sao anh không ăn bữa chiều, Biện?”

“Tay bị băng thế này, làm sao cầm nĩa được?” tôi nhăn nhó.

“Để tôi đút cho anh.”

Yvonne đang bón khoai tây nghiền với xúc xích cho tôi, bỗng nhớ ra điều gì, ngưng tay, hỏi:

“Ừa! Nhưng sao hôm qua anh ăn được?”

“À, à, ráng cũng được, nhưng đau lắm.”

“Vậy mà còn ráng! Tội nghiệp chưa!”

Bón cho tôi ăn xong, Yvonne đứng lên, dí ngón tay vào trán tôi:

“Ma mãnh lắm! Nhõng nhẽo phải không?”

Tôi cười xòa.

Cả ngày hôm sau không gặp Yvonne, tôi nhớ quá, nhớ lắm. Mãi chiều hôm sau nữa nàng mới vào.

“Đi đâu lâu dữ vậy,” tôi hỏi, cứ như người yêu hỏi người yêu.

Yvonne trả lời nàng trực chỗ khác. Nàng đặt tay lên cánh tay gãy của tôi. Cách một lớp thạch cao dày mà tôi như thấy hơi ấm.

“Bao lâu rồi anh chưa tắm?” nàng hỏi.

“Bộ tôi hôi lắm hả?”

“Không, nhưng anh nói một tuần một lần.”

“A, cô nhớ kỹ quá há!” tôi reo.

“Anh đi tắm đi! Tôi mà một ngày không tắm chịu không thấu. Anh đi tắm, tôi giúp pha nước.”

“Trời! Không được đâu! Mắc cỡ chết.”

Mặc kệ, cô y tá tận tâm lôi tôi vào phòng tắm, nhấn vào bồn nước ấm, kỳ cọ cho tôi. Bỗng tôi nhớ hôm nay là Ba mươi Tết. Giờ này bên Việt Nam đã giao thừa. Xuân đến rồi. Trong phút chốc tôi quên cái mạng cùi của mình. Tại sao mọi sự diễn ra như trong mơ – một tên tứ cố vô thân, chiều Ba mươi Tết, được Phật Bà dùng nước Cam Lộ tưới cho tinh tấn để đón Giao Thừa.

“Ngày mai cô có trực không?”

“Chiều tôi mới bắt đầu. Anh cần chi?”

“Ngày mai là ngày Tết Việt Nam. Tôi muốn có cô ở bên cạnh.”

Cô cười hóm hỉnh má lúm đồng tiền:

“Tại sao vậy?”

“À thì Tết Việt Nam, cũng giống như Giáng Sinh của Na-uy, ngày của gia đình. Mà tôi tứ cố vô thân ở đây.”

Cô rướm rướm nước mắt:

“Tôi sẽ xin đổi phiên để ở bên anh. Anh ăn Tết làm sao?”

“Thì ăn ngon, rồi chúc tụng nhau nọ kia...”

3.

Chiều hôm sau Yvonne đích thân mang bữa ăn tối cho tôi, trên khay có thịt quay, cơm trắng. Có cả một ly rượu vang đỏ và một bông hồng. Nàng nói thơm tho:

“Chúc mừng năm mới, Biện!”

“Cám ơn Yvonne.”

Như tất cả đàn ông và đàn bà trên thế gian, được voi đòi tiên, tôi đã bày kế trong đầu, nói tiếp:

“*Nhưng hôm nay tôi tuyệt thực.*”

“Ủa! Ramadan giữa ngày đầu năm sao?”

Khi không có người đồng hương nào có mặt thì văn hóa Việt Nam nằm trong tay tôi. Tôi bịa:

“Ngày Tết chúng tôi không ai ăn thịt quay cả.”

“Chà! Xin lỗi tôi quên là anh kiêng thịt heo. Để tôi sang khu bên cạnh, họ có thịt cừu.”

“Tôi không phải Hồi giáo. Tôi ăn thịt heo như điên. Cả thịt chó nữa. Nhưng ngày Tết phải ăn bánh chưng bánh tét nó mới ra Tết.”

“Thôi mà, ở đây không có cái bánh gì đó, chịu khó ăn thịt đi. Thịt quay là món ăn Giáng Sinh đó!”

Tôi kín đáo nuốt nước miếng, rồi khật khùng:

“Thì nể cô tôi ăn đỡ.”

“Nào, ăn miếng thịt này, ngoan!”
“Không, cô phải nếm thử xem có độc không đã.”

Yvonne kè môi hồng vào miếng thịt rồi đút cho tôi. Nàng vui vẻ hỏi:
“Ngày đầu năm anh làm gì nào?”

“Thì như tôi nói rồi, cúng tổ tiên, đốt pháo xua đuổi ma quỷ, chúc mừng ông bà cha mẹ, ông bà cha mẹ lì xì cho con cháu, ăn nhậu, và ra ngoài chúc tuổi nhau.”

“Chúc ra sao?”
“Hạnh phúc – Tài lộc – Sống lâu.”

Yvonne nâng miếng thịt quay lên chúc:
“Hạnh phúc – Tài lộc – Sống lâu!”

Tôi vô sáu câu:
“Nhưng bây giờ sắp chết rồi, thọ chẳng có mà tài lộc cũng không, chỉ cầu hạnh phúc thôi. Mà hạnh phúc thì lại quá mong manh, đã ra ngoài tầm tay với của một kẻ... lạc loài...”

Tiếng Na-uy của tôi đâu đã tới trình độ dịch cái ý trên, nên Yvonne nghe mà chẳng tỏ vẻ cảm động nhiều. Chỉ là lòng thương xót tự nhiên khiến nàng nói:
“Chúc Biện hạnh phúc nhé! Và chóng bình phục!”

“Cám ơn,” tôi thều thào, “Chúc Yvonne hạnh phúc!”
“Cám ơn anh.” Yvonne cũng thờ dài, hơi thờ ấm thơm như hơi xuân. Nàng quay ra cửa như chờ đón cái gì, một người mang tin vui. Một tin xuân?

4.

Hôm sau, đúng Mừng Một Tết, Yvonne đưa bác sĩ vào. Ông nói:

“Kết quả thử nghiệm cho biết anh không bị ung thư cũng không có mycobacterium leprae.”

“Nghĩa là sao, bác sĩ?” tôi nghe tên con vi trùng, hiểu là tôi không bị cùi. Nhưng cứ hỏi lại để có dịp nghe xác nhận tin vui lần nữa.

“Nghĩa là anh không bị ung thư hay cùi. Tôi cho anh về ngay bây giờ, nếu anh muốn. Còn cái vùng mất cảm giác của anh, chúng tôi chưa giải thích được. Có khi liên quan tới tình trạng thần kinh của anh lúc vừa bị tai nạn xe. Ba tháng nữa anh trở lại tái khám.”

Bác sĩ dặn dò Yvonne mấy câu rồi bảo cô theo để làm giấy xuất viện. Khi cô trở lại tôi nói thật:

“Yvonne, có điều này tôi phải xin lỗi cô...”
“Điều gì?”
“Tôi xạo với cô. Cái chỗ lác đó, tôi vẫn có cảm giác...”

Yvonne cười trong như nước suối trên đỉnh núi:
“Tôi biết rồi!”

“Cô biết? Cái gì cũng biết. Vậy cô có biết Tết này tôi ước gì không?”

“Lại ước Phúc Lộc Thọ như mọi năm, như mọi người?”

“Tôi xin đổi hết ba điều ước đó lấy một điều.”
“Điều gì?” Yvonne đỏ mặt.

Cô đỏ mặt tức là cô biết rồi, tôi nói:
“Cô biết rồi mà.”

“Ước mơ thầm kín phải nói ra mới thành tựu được...”
“Tôi ước một nụ hôn.
Yvonne chu môi. Mùa xuân đến.

Nụ hôn để lại dư vị nhiều phút, nhiều giờ, nhiều ngày, trên môi, trong hơi thở và trong tâm hồn tôi. Nó đã không phai nhạt đi mà càng ngày càng hừng lên khiến tôi mất ăn mất ngủ. Tôi muốn trở lại bệnh viện ngay hôm sau, nhưng sợ. Tôi sợ sự thật – một là Yvonne đã biến mất như một nàng tiên, hai là nàng còn đó nhưng làm mặt lạ, nàng trở về làm người y tá xinh đẹp hiền hậu với mọi bệnh nhân.

5.

Đầu tháng ba. Mùa xuân Bắc Âu đã về trên những trang lịch (*còn cây cỏ vạn vật thì vẫn ngủ vùi dưới tuyết*), tôi đi lang bang trên đường Akersgata, mong bị xe cán gãy vài cái cẳng để được đưa vào bệnh viện nằm trong vòng tay săn sóc của Yvonne. Nhưng chẳng thằng ấu tã nào thêm cán tôi. Tôi đi vòng qua Karl Johan, đại lộ của những người trẻ yêu nhau, của những nụ hôn ở dưới hiên nhà, trên lề đường, dưới chân những cột đèn cổ, đại lộ của nhiều cuộc hẹn hò nhất thành phố. Không hẹn mà bỗng thấy Yvonne hiện ra *‘giữa đám đông xa lạ’* đang tiến lại gần tôi, trong nhịp slow motion, nàng cao yếu điệu, áo choàng xòe ra như con phượng hoàng, như trong mơ. Cũng như trong mơ, nàng đi qua mà không nhận ra tôi, tôi không kèm lòng được:

“Yvonne!” tôi khẽ gọi, chỉ sợ tỉnh cơn mơ, sợ nàng nghe.

Nhưng kìa, nàng nghe, nàng dừng bước, ngạc nhiên, và khi nhận ra tôi, nàng vui vẻ:
“Hei! Biện đó hả? Khỏe không?”
“Khỏe. Còn cô?”
“Cám ơn, khỏe.”

Yvonne lộng lẫy quá, hơi khác lạ so với cô y tá dịu dàng trong bệnh viện. Cô thơm nước hoa, rất nồng nàn. Nhưng Yvonne vẫn là Yvonne, với nụ cười tươi, giọng nói trêu mếu và đôi mắt trong. Vẻ đẹp dưới ánh đèn đường Karl Johan có cao xa hơn một chút, nhưng vẫn còn đáng xưa. Chúng tôi nói chuyện về cái tay gãy của tôi, về quán Sushi mới mở, ông chủ tôi quen, nếu nàng thực sự thích thì ngay bây giờ tôi mời đi ăn. Bỗng tôi để ý một anh chàng tò mò đứng hóng chuyện từ nãy tới giờ. Ở đâu ra một thằng cha mặt mũi quần áo coi được mà lại bất lịch sự như thế này? Bộ không biết là người ta bận nói chuyện với người đẹp sao? Tôi quay lại tính đuổi hẳn đi chỗ khác chơi thì Yvonne giới thiệu:

“Paul, vị hôn phu của tôi!”
“Biện, một người bạn.”

Paul bắt tay chào và cũng là từ biệt, rồi nắm tay Yvonne đi nhanh cho kịp xuất matinée ca nhạc kịch Edith Piaff. Bóng Yvonne khuất ở góc phố, chỉ còn lại hình ảnh cô y tá trong lòng tôi.

Hương thơm trên người và hơi thở Yvonne, trước đây tôi thậm gọi là thiên hương, vừa bay về trời.

Lời khép:

Thiên hương về trời – người yêu đã khuất, chỉ còn hình ảnh cô y tá nhân từ.

Trên đây là câu chuyện do bạn tôi kể về những ngày tốt đẹp nhất đời mình, và kết thúc ở thời điểm nghi ngờ cao nhất, đau xót nhất. Vì tự ái anh đã nói mình không bị cùi. Và vì nghĩ mình phận hèn anh cho rằng Yvonne chỉ làm nhiệm vụ người y tá lương tâm giàu lòng thương.

Viết xong năm 1999, tôi đưa Biện kiểm duyệt, anh muốn sửa lại và tự hư cấu đoạn kết, tôi miễn cưỡng sửa theo ý anh, nhưng cất bản thảo không đăng báo. Nay anh đã qua đời, tôi mạn phép đưa chuyện (*đã thành truyện*) vào sưu tập này.

Sự thật là Yvonne, sau khi biết Biện bị cùi, và chuyển lên Hakadal, vẫn tiếp tục đi lại như thân nhân độc nhất của anh. Anh đã được y khoa Na-uy chữa lành thân thể, và một *'thiên thần của Trời và thiên thần của Người'* chữa lành tâm hồn. Anh qua đời vì nguyên nhân khác. Tôi có thấy Yvonne trong đám tang, đeo kính đen.

Trên đời đây là trường hợp thực đẹp hơn mộng duy nhất mà tôi được biết. Tiếc rằng bạn tôi đã bám theo ảo mộng không bị cùi, để phủ nhận thực tại tình yêu. Anh còn sống tôi đã trách anh về lựa chọn này. Bây giờ biết đâu, trong thế giới khác, nhân quan và khôn ngoan khác, anh lại chẳng cười tôi.

Bạn văn bên trời Nguyễn Xuân Thiệp

Nguyễn có khá nhiều bạn. Bạn ở đây là bạn văn, gồm nhà thơ nhà văn (lẽ tất nhiên), còn gồm các nhạc sĩ, họa sĩ, điêu khắc gia, nhà báo, ca sĩ, kể cả những người không hề viết không hề vẽ nhưng yêu văn nghệ và thích tụ lại ăn uống, chuyện trò ca hát múa may (chỉ đôi khi thôi).

Vâng. Bạn của Nguyễn khá nhiều. Họ ở nhiều nơi. Bên trời Đông trời Tây đều có. Bên California, Boston MA, Virginia... Ở Austin, Houston, Oklahoma, Alabama, Atlanta, North Carolina, South Carolina cũng có... Và cả bên xứ Cà Na Điền nữa. Ngày trước, và cả bây giờ, hễ có tiếng chim gọi đàn là tìm tới nhau. Cho nên một lần nọ Nguyễn đã viết lời chào bạn bè ở Boston nhân dịp anh em ra mắt sách ở đây và có lời kêu gọi của Phan Xuân Sinh:

*từ giấc mơ của cơn giông
xứ sấm sét
tôi tới đây. chào boston
chào bạn bè anh em. thành phố cổ*

*vâng. tôi từ xứ bò. miền đồng cỏ
hái bông vô ưu. ngày nắng phai
chào boston. thế giới dường như rất nhỏ
xương ca. ồn. quên lệ rơi*

Nói đúng ra tới cái tuổi cổ lai hy này rồi thì bạn bè có dịp tới thăm nhau là quý rồi. Kẻo mai kia một nọ. Biết đâu... Cho nên mấy năm sau này Nguyễn và Đinh Cường có dịp lại thăm nhau hay rủ nhau đi thăm bạn: Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Đình Toàn, Nguyễn Xuân Hoàng... Mới đây Nguyễn đi DC là mục đích để thăm Nguyễn Minh Diễm. Gặp lại nhau, ôi vui mừng cảm động biết bao. Vậy mà... Có những bạn Nguyễn rất mến tính mến tài nhưng suốt đời chưa một lần được gặp mặt để hàn huyên ấm lạnh, uống với nhau chung trà ly rượu... Một trong những người bạn đó là anh Võ Đình. Ôi, Võ Đình... Sắp đến 31 tháng 5 rồi. Mới đó mà anh đi đã được năm năm. Nhớ ngày nào trên bãi biển Destin, Nguyễn viết: "Trở lại Destin lần này, đặc biệt Nguyễn tôi có mang theo hai cuốn sách của Võ Đình. *Lầu Xếp* với lời ký tặng của tác giả và *Huyết Tuyệt*. Ôi, Võ Đình vừa mới ra đi! Nguyễn với anh vốn là đồng hương. Có quen biết nhau nhưng chưa bao giờ gặp mặt. Chị Trần Thị Lai Hồng -vợ của Võ Đình- cùng học ở Quốc Học ngày xưa, trên Nguyễn hai, ba lớp. Nhớ hồi năm 1999 đến Orlando, Florida để giới thiệu tập thơ *Tôi Cùng Gió Mùa* vừa ấn hành, có hẹn với Võ Đình sẽ đến thăm anh chị, và Triều Hoa Đại đã hứa chờ đi. Võ Đình nói sẽ cho ăn những món đặc biệt "cây nhà lá vườn". Nhưng rồi Triều Hoa Đại ngại đường xa không đưa tới, làm anh Võ Đình giận cảnh hồng. Không tới thăm Võ Đình được, Nguyễn tôi lấy làm tiếc lắm. Bây giờ anh không còn nữa, nhìn mây biển lớp lớp xây thành, lòng không khỏi chạnh buồn.

Thôi thì, không được gặp nhau trong đời thật, thì cũng đã được gặp nhau trong giấc mộng văn chương. Nguyễn cũng muốn dùng câu nói đó để tự an ủi mình khi nói về Tâm Thanh. Nguyễn biết được Tâm Thanh qua tạp chí Văn Học thời Nguyễn Mộng Giác và qua tập truyện *ngắn Thiên Nga Giữa Cõi Người*, rồi sau đó, *Gỗ Thúc Trên Rừng*. Đọc truyện của Tâm Thanh trước rồi tới thơ Khánh Hà, vợ anh. Truyện và thơ của anh chị có nhiều điểm làm mình yêu thích. Tâm Thanh viết truyện nhẹ nhàng nhưng sâu sắc. Thật ra cái vẻ đẹp nhẹ nhàng đó chỉ là bề ngoài. Đi sâu vào ta thường gặp những bi kịch của đời sống. Đúng như Nguyễn Mộng Giác nhận định, những bi kịch của đời sống trong truyện Tâm Thanh "diễn ra ngay trong những hoàn cảnh lý tưởng" như câu chuyện hai con thiên nga trên hồ Telemark thơ mộng. Dấu vết bi kịch thấp thoáng đằng sau thiên nhiên thơ mộng hay nếp sống yên ả thanh bình, để đến những dòng cuối, toàn thể bi kịch hiện ra thật bất ngờ. Có thể nói bối cảnh truyện của Tâm Thanh đều đẹp. Nhân vật truyện đều hiền. Mạch truyện xuôi dòng êm ả. Ngôn ngữ truyện trong sáng, nhiều khi thi vị như ngôn ngữ thơ. Người đọc bước vào truyện như lạc vào một cõi mơ, và ra khỏi truyện thì ngỡ ngàng bàng hoàng vì bản khoán không hiểu nổi những vấn nạn muôn thuở của nhân sinh. Có thể xem truyện ngắn của Tâm Thanh như những bài thơ triết lý. Cuối cùng, ta thấy Tâm Thanh viết văn như một cách tiếp nối nghề nghiệp anh đã từng làm ở quê nhà trước ngày tan đàn rã gánh: nghề một giáo sư triết học. Chỉ khác là lần này anh "triết lý" bằng "thi ca".

Nguyễn đặc biệt yêu yêu thích Tâm Thanh ở chất triết lý này. Nó làm cho những trang viết của anh có chiều sâu quyến rũ. Anh sống cũng vậy. Giản dị, vui vẻ và đầy suy tưởng. Còn nhớ hồi làm báo Phố Vãn, Nguyễn đã có cuộc phỏng vấn hai anh chị Tâm Thanh và Khánh Hà. Như đã nói, Nguyễn yêu con người triết học ở Tâm Thanh. Còn chị Khánh Hà là gái Mỹ Tho, nơi Nguyễn từng dạy học thời trẻ và có nhiều kỷ niệm ở đó. Thơ Khánh Hà trong sáng nhẹ nhàng và sâu sắc. Hồi đó Nguyễn đưa ra nhận xét: Anh chị có cuộc sống thật là đẹp và hạnh phúc: anh là nhà văn, chị là nhà thơ. Bên anh viết sách, bên nàng làm thơ thì còn gì lý tưởng bằng. Anh trả lời Nguyễn: Lý tưởng nhất là bên anh đếm bạc, bên nàng vô bao. Anh chị không giàu nhưng có một căn nhà xinh xắn ở Oslo cùng hai con. Hồi hiền nội còn sống, Nguyễn đề nghị với anh chị xin qua chơi và ở lại vài bữa để biết đêm trắng vùng Bắc Âu. Ôi, ước mơ đó không thực hiện được nữa rồi: anh Tâm Thanh bị ung thư nặng và đang chờ ngày ra đi. Trong thư gửi đồng hương ở Oslo mới đây nhân việc bà con bên đó tổ chức vinh danh tác phẩm của nhà văn Tâm Thanh, anh cho biết hiện đang tập làm trẻ thơ để chờ gặp Thượng Đế. Được biết tác phẩm mới nhất của Tâm Thanh là cuốn *Lệnh Triệu Ban Rồi*, trong đó anh bày tỏ thái độ mình

triết lạc quan trước đời sống và cái chết. Đây là lúc anh nhìn lại mình, vợ con, bạn bè và cảm nhận được hạnh phúc đích thật của đời mình. Anh thấy “No đầy tình thương của vợ con, bạn bè, đồng hương, chòm xóm, của đất nước Na Uy, đã sống thêm 7 năm hơn tuổi thọ trung bình của người Việt: được ngắm, được ngửi 7 mùa hoa nở, được “Con gái đã hôn ba mấy ngàn lần, đã lau mấy tí hạt bụi trong nhà, đã mua cho ba mấy chục bộ quần áo. Đã mấy ngàn lần con trai hí hửng vì được kéo thẻ cho ba hoặc mua được món lạ ba ăn được... Em đã cầm tay anh thêm 7 năm, đắp chung mền Sở Tị Nạn 2555 đêm, đã cùng nhau đi gần cùng khắp trái đất. Đã cùng nhau ngắm sao đêm trên sa mạc, trên đại dương... chúng ta còn tham lam gì nữa?”, và với dự án quan trọng nhất bây giờ là quay về với sơ tâm nhẹ nhàng, hay nói cách khác ý thức mình đã trở thành “con trẻ”, theo lời dạy của Chúa Giêsu, với “mộc mạc, chân phác” của Lão tử, với “sơ tâm” của Thiền (Nhật Bản?), đã biết và cảm phục sự ra đi không luyến tiếc của GS triết học Lê Tôn Nghiêm, rồi tâm đắc lập luận của Huệ Tử rằng cái chết của vợ ông ta là lẽ tự nhiên, Tâm Thanh sẵn sàng theo Lời Triệu Ban Rồi lên đường đi vào Cõi Khác.” (theo Nguyễn Văn Thục)

Ôi, Võ Đình, Tâm Thanh... những bạn văn tôi chưa một lần được gặp mặt trong đời. Chiều nay lại nhìn mây trắng lớp lớp xây thành và những cánh chim bay qua trời. tôi thấy hồn mình như tan vào cõi không màu của mùi hương thiên cổ. Cảm ơn bạn bè và cuộc đời.